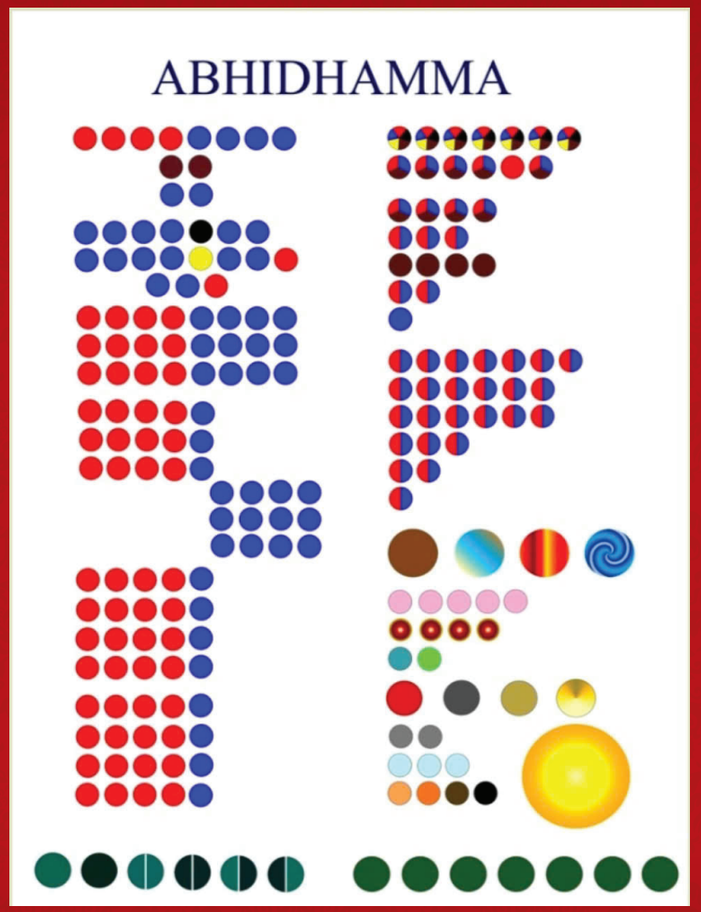

ISBN:978-604-321-106-1

Sách ấn tống

Dịch giả:
Thượng tọa Khải Minh

BỘ VỊ TRÍ

PHẦN II

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

GIẢI THÍCH

BỘ VỊ TRÍ

PHẦN II

Tác giả: Ngài Saddhamma Jotika
Dịch giả: Thượng tọa Khải Minh

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

GIẢI THÍCH
BỘ VỊ TRÍ

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

TẠNG THẮNG PHÁP

GIẢI THÍCH
BỘ VỊ TRÍ

(PAṬṬHĀNAPAKARAṆA)

Phần II

Tác giả: Ngài Saddhamma Jotika
Dịch giả: Thượng tọa Khải Minh

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ Vị Trí rất là nổi tiếng nhưng khởi đầu để học về Bộ Vị Trí thì không có nói đến lời giới thiệu, mở đầu. Tuy nhiên ý nghĩa của lời giới thiệu cũng là một cách để học. Lời giới thiệu về Bộ Vị Trí nơi đây là các tiêu đề để trình bày về Bộ Vị Trí. Các tiêu đề này như sau:

1. Ai (là người) thuyết về Bộ Vị Trí?
2. Thuyết tại nơi nào?
3. Thuyết vào thời gian nào?
4. Thuyết bao nhiêu lâu?
5. Thuyết cho ai?
6. Tại sao không thuyết ở cõi nhân loại?
7. Hội chúng thính pháp là ai?
8. Có bao nhiêu?
9. Tạng Thắng Pháp có bao nhiêu bộ?
10. Quán xét về 7 bộ như thế nào?
11. Ý nghĩa của từng bộ như thế nào?

12. Tên gọi gốc của Bộ Vị Trí là gì?
13. Bộ Vị Trí (Paṭṭhāna) rộng lớn như thế nào?
14. Vì sao hào quang của Đức Phật túa ra khi quán xét về Bộ Vị Trí?
15. Hào quang này cho đến ngày nay có thể có được chăng?
16. Bộ Vị Trí có quả báo như thế nào?
17. Thời kỳ này một số người đang trì tụng, giảng dạy, học tập về Bộ Vị Trí như thế nào?

Đây là sự tóm lược các tiêu đề này.

Bộ Vị Trí được thuyết tại cõi Đạo Lợi Thiên, trên tảng đá Paṇḍukambala của thiên vương Đế Thích dưới gốc cây San Hô. Đức Phật ngự đến vào hạ thứ 7 sau khi thị hiện song thông (nước, lửa) nơi cội cây xoài tại thành Saṅkassa. Khi ấy không có một người nào từ trong hội chúng nhân loại mà có thể biết được Đức Phật ngự đến cõi Đạo Lợi ngoại trừ trưởng lão Moggallāna đệ nhất về thần thông có thể biết được. Đây là phần tóm lược, nếu muốn biết rộng thì xin xem bộ Buddhavaṃsa.

Hội chúng thính pháp từ Bộ Vị Trí là Chư Thiên, Phạm Thiên đến từ 10 ngàn luân vi thế giới. Chư Thiên, Phạm Thiên trong 10 ngàn luân vi thế giới không thể ước lượng được bao nhiêu đến từ một luân vi thế giới. Khi Chư Thiên, Phạm Thiên có đại oai lực đi đến, thì kế tiếp sau là Chư

Thiên, Phạm Thiên không có oai lực là những vị đến thu nhỏ lại thành hàng đống. Trong khi Đức Phật thuyết pháp thì Chư Thiên, Phạm Thiên không an vị được ở phía trước nếu như không có đại oai lực trong các pháp hội. Tại sao nơi đi đến phải chuyển dời? Bởi vì tương xứng với địa vị của những người đã kiến tạo thiện pháp trong quá khứ. Chư Thiên nào, Phạm Thiên nào trong kiếp quá khứ là những người đã kiến tạo thiện pháp đặc thù thì mới có thể an vị được.

Phật mẫu là vị ưu tiên.

Trong pháp hội thuyết về Bộ Vị Trí vị nào được thuyết trước tiên nhất? Trong tiêu đề của Tạng Thắng Pháp thì người được thuyết pháp đầu tiên trước hết là ai?

"Mātaraṃ pamukhaṃ katvā" Pháp hội thuyết cho các Chư Thiên, Phạm Thiên đi đến từ 10 ngàn luân vi thế giới thì Phật mẫu là vị tiên khởi trước hết. Phật mẫu là thiên nam hay thiên nữ? Phật mẫu sau khi đản sanh Bồ Tát được 7 ngày thì mệnh chung. Đây là pháp thường nhiên của các Phật mẫu. Phật mẫu sau khi đản sanh Bồ Tát cho đến khi mệnh chung thì di mẫu Gotamī là em gái của mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Một số người nói rằng Phật mẫu là thiên nữ khi tái sanh về cõi Đâu Suất. Nhưng pháp thường nhiên các Phật mẫu sau khi đản sanh Bồ Tát rồi thì trở thành thiên nam nơi cõi Chư Thiên.

Thuyết Tạng Thắng Pháp tại cõi Chư Thiên là nguyên

nhân muốn nói đến ân đức vô lượng của Phật mẫu. Khi pháp hội thuyết về Tạng Thắng Pháp thì chỉ có hội chúng Chư Thiên, Phạm Thiên có thể nghe từ đầu đến cuối. Các nhân này làm cho hiểu biết rộng rãi để trình bày sáng tỏ về Bộ Vị Trí. Thời gian dài cho đến chấm dứt 3 tháng an cư mùa mưa, Đức Phật thuyết về Tạng Thắng Pháp chủ yếu cho thiên tử (Phật mẫu) trước tiên. Thuyết liên tục trong 3 tháng như thể thác nước đang chảy liên tục. Đức Phật thuyết liên tục 7 bộ trong Tạng Thắng Pháp, tuy vậy nhưng ai là người thuyết trong thời gian Đức Phật thọ thực, vệ sinh, nghỉ ngơi? Đức Phật hóa hiện ra 1 vị Phật hóa thân để thuyết về 7 bộ của Tạng Thắng Pháp.

Hiện nay 7 bộ trong Tạng Thắng Pháp ở cõi nhân loại không thể suy tính ước lượng được có vô số hàng triệu cách nếu ghi vào trong Tạng Thắng Pháp mà Đức Phật thuyết.

Khi thuyết Tạng Thắng Pháp Ngài thuyết suốt 3 tháng an cư mùa mưa khởi đầu là bộ Pháp Tụ (Dhammasaṇganī). Nếu như thuyết về Tạng Thắng Pháp thì không thể ghi hết các pháp vào trong một bộ được, nên Ngài thuyết liên tục cả 7 bộ như: bộ Pháp Tụ (Dhammasaṇganī), bộ Phân Tích (Vibhaṇga), bộ Nguyên Chất Ngữ (Dhātukathā), bộ Nhân Chế Định (Puggalapaññatt), bộ Ngữ Tông (Kathāvatthu), bộ Song Đối (Yamaka), bộ Vị Trí (Mahāpaṭhāna) là cuối cùng của Tạng Thắng Pháp.

1- Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṇganī)

Ngày nay khi bước vào lớp học về Bộ Vị Trí thì tự chúng ta sẽ hiểu được về các nguyên nhân. Khi đạt đến như thật tri kiến (yathābhūtañāṇa), duyên đạt tuệ (paccayapariggahañāṇa) là trí hiểu được nhân quả của danh sắc tức nhận thức được sự thật. Chứng đắc được Đạo, Quả, Níp Bàn cũng từ các tuệ này.

Khi thuyết về Tạng Thắng Pháp để tác chứng được Đạo, Quả, Níp Bàn thì Bộ Pháp Tụ Ngài chưa thuyết về nhân quả của danh sắc. Khi phân tích gom lại từ "Dhammasaṇganī" thì có 2 từ: Dhamma = Pháp + Saṇganī = Gom lại. Tức trình bày sự gom pháp lại.

Mẫu đề tam (mātika) thứ nhất có 3 loại pháp chơn đế: pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Ba loại pháp này gọi là tam đề (ṭika), 3 loại pháp như vậy có 22 tam đề. Khi thuyết về 2 loại pháp của bốn pháp chơn đế: tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn thì gọi là nhị đề (duka). Ví như: pháp hữu nhân (hetudhammā), pháp phi nhân (nahetudhammā), 2 loại pháp này gọi là nhị đề, có 100 câu nhị đề. Do đó, trong bộ Pháp Tụ có 22 tam đề, 100 nhị đề, các pháp thiện thuộc loại này, các pháp bất thiện thuộc loại này, các pháp vô ký thuộc loại này. Gọi là Bộ Pháp Tụ là vì là bộ trình bày gom lại các pháp danh sắc.

2- Bộ Phân Tích (Vibhaṇga)

Khi gom lại các pháp như: thiện… rồi, Ngài thuyết về

bộ Phân Tích mở rộng thêm về các pháp thiện… về số lượng chính yếu của tam đề là 22 câu, nhị đề là 100 câu. Khi thuyết về Bộ Phân Tích thì 22 câu tam đề, 100 câu nhị đề Ngài thuyết theo uẩn phân tích (khandhavibhaṇga), xứ phân tích (āyatanavibhaṇga), giới phân tích (dhātuvibhaṇga), đế phân tích (saccavibhaṇga), quyền phân tích (indriyavibhaṇga), duyên khởi phân tích (paṭiccasamuppāda)… Thuyết khai triển rộng thêm lần nữa bằng phương thức theo số lượng 18 cách. Bộ Phân Tích Ngài thuyết cho phần nhiều người ở cõi nhân loại để có thể hiểu được bằng cách phân theo Kinh Tạng (suttantabhājanīya). Tương tự như Tạng Kinh Ngài thuyết theo Tạng Thắng Pháp bằng phương cách đặc thù hơn. Phương thức phân theo Tạng Thắng Pháp (abhidhammabhājanīya) thì thuyết bằng nhị đề, tam đề theo như Tạng Thắng Pháp. Đối với Bộ Pháp Tụ khi thuyết theo phương thức vấn đáp như vầy, thì Bộ Phân Tích Ngài thuyết khai triển rộng thêm một lần nữa bằng cách vấn đáp chủ yếu về tam đề có 22 tam đề, nhị đề có 100 nhị đề. Chỉ có Bộ Vị Trí thì không thể có sự ước lượng được tận cùng, còn đối với Bộ Pháp Tụ, Bộ Phân Tích nếu ghi vào Kinh sách thì có thể ước lượng tận cùng.

3- Bộ Nguyên Chất Ngữ (Dhātukathā)

Sau khi thuyết về Bộ Phân Tích rồi, Ngài thuyết đến Bộ Nguyên Chất Ngữ khai triển thêm bằng 14 tiêu đề mới như: yếu hiệp (saṇgaho), bất yếu hiệp (asaṇgaho)… Ngài thuyết khai triển thêm lần nữa về uẩn, xứ, giới như đã thuyết trong

Bộ Phân Tích gom lại bằng 14 cách. Thật sự Bộ Nguyên Chất Ngữ không thể có khởi đầu và kết thúc (có đầu và cuối). Nói tóm lại về pháp thiện, nếu lấy theo pháp thiện thì có bao nhiêu uẩn, bao nhiêu xứ, bao nhiêu giới. Ngài thuyết theo mở rộng gom lại theo 14 cách.

4- Bộ Nhân Chế Định (puggalapaññatti)

Khi thuyết về 3 bộ như: Bộ Pháp Tụ, Bộ Phân Tích, Bộ Nguyên Chất Ngữ thì một số Chư Thiên, Phạm Thiên có thể trở nên hoài nghi. Ba bộ trong Tạng Thắng Pháp này không có một loại từ ngữ nào gọi là nhân loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, chúng sanh… cũng không có cõi nhân loại, cõi Chư Thiên, cõi Phạm Thiên, có đại oai lực hay không có đại oai lực. Pháp mà Đức Phật đang thuyết chỉ là uẩn, xứ, giới, đế lẫn pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Thế gian này duy nhất chỉ là pháp chơn đế phải chăng? Không có pháp tục đế nhân loại, Chư Thiên, Phạm Thiên phải chăng? Đức Phật khi biết Chư Thiên, Phạm Thiên có thể trở nên ngờ vực, thì Ngài thuyết tiếp trở lại Bộ Nhân Chế Định là bộ thứ 4 để Chư Thiên, Phạm Thiên không thể khởi lên sự tranh luận.

Chư Thiên, Phạm Thiên đang thính pháp nếu kết thúc pháp hội bằng 3 bộ: Bộ Pháp Tụ, Bộ Phân Tích, Bộ Nguyên Chất Ngữ tại nơi đây sẽ trở nên khiếm khuyết ở một phương diện khi suy luận tùy tiện, mông lung ngoài ra khỏi pháp tục đế mà chỉ toàn là pháp chơn đế ở thế gian. Vì vậy để không đưa đến phương diện khiếm khuyết này, Ngài

thuyết về tục đế như Bộ Nhân Chế Định…, bởi vì pháp tục đế rất quan trọng. Ví dụ: Thay vì tuyên thuyết trình bày về pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, uẩn, xứ, giới, đế… thì Ngài chế định đặt tên cho các pháp này. Chơn đế chỉ là các pháp thực tánh, nếu không có tục đế thì thuyết như thế nào? Tiếp xúc xưng hô như thế nào? Cho nên Ngài thuyết về danh chơn chế định (vijjāmānapaññatti) ám chỉ đến danh từ có thật của pháp thực tánh có sự hiển lộ bởi chơn đế. Về phi danh chơn chế định (avijjāmānapaññatti) bởi vì pháp chơn đế không hiển lộ bằng pháp tục đế. Nên gọi tên là nhân loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, chúng sanh, nam, nữ, nó, ta… là chế định theo người. Uẩn, xứ, giới… là chế định theo chơn đế. Chư Thiên, Phạm Thiên khi được thuyết về chế định đa dạng, sai biệt như vậy thì trở nên được soi tỏ tầm quan trọng của pháp tục đế ở thế gian. "Vì thế pháp tục đế có quan trọng hay chăng? Nếu không có pháp tục đế thì có thể làm được việc gì hay chăng?" Pháp thuyết của Đức Phật có thể hiểu được chăng? Có thính pháp được chăng?

Nếu chấp nhận duy nhất pháp chơn đế thì trở nên khiếm khuyết ở một phương diện, còn nếu chú trọng về pháp tục đế thì đưa đến phiếm diện ở một khía cạnh. Con đường Trung Đạo vượt lên khỏi 2 thái cực là Chánh Pháp của Đức Phật.

Ví dụ: Rải tâm từ thì rải đến người… chế định về chúng sanh. Xin cho người, chúng sanh được an lạc, được hạnh phúc bằng Từ, Bi, Hỷ theo lãnh vực chế định. Nói về người

bố thí thì người thuộc về chế định. Người có giới, người phá giới, người có đức, người thất đức thì khác biệt nhau về người, khác nhau về chế định. Vì vậy chế định về vai trò bố thí, trì giới, tu thiền rất là quan trọng, nên tại pháp hội Thắng Pháp Đức Phật đã làm cho sáng tỏ thêm vào bằng Bộ Nhân Chế Định để không thể loại bỏ pháp chế định.

5- Bộ Ngữ Tông (Kathāvatthu)

Đức Phật thuyết theo chơn đế, tục đế về 4 bộ: Bộ Pháp Tụ, Bộ Phân Tích, Bộ Nguyên Chất Ngữ, Bộ Nhân Chế Định này rồi thì không chờ đợi các câu hỏi ngờ vực của Chư Thiên, Phạm Thiên suy luận như thế nào về 2 đế, Ngài nhanh chóng thuyết tiếp theo Bộ Ngữ Tông mà nước Miến Điện cho rằng học rất khó. Tuy rằng Bộ Ngữ Tông khó hiểu nhưng nếu gặp được minh sư thì không khó. Bộ Ngữ Tông Đức Phật thuyết lấy từ Tạng Kinh (suttanta) so sánh trở lại đối chiếu với Tạng Thắng Pháp để có được niềm tin không sai lệch về chơn đế lẫn tục đế. Phật ngôn rất kiên cố, không bao giờ sai lệch, Ngài thuyết như thế nào để nhận thấy rõ về pháp hư ngụy để có được chánh kiến, không bao giờ có thể sai lệch. Để xác định được phương hướng không thể sai lệch thì phải xem đến Bộ Ngữ Tông.

Bộ Ngữ Tông làm sáng tỏ cho những ai nói rằng chỉ có pháp chơn đế là quan trọng trong Tạng Thắng Pháp, Bộ Ngữ Tông cũng soi tỏ cho những người cho rằng khi đã thông thạo về tục đế thì pháp chế định quan trọng hơn.

Tóm lại điểm trọng yếu của Bộ Ngữ Tông phân giải để không rơi vào tiêu cực bởi các hình thức sai biệt đưa đến tranh cãi theo phương thức của Tạng Thắng Pháp rằng: Vào thời điểm nào Đức Phật thuyết về chơn đế, vào giai đoạn nào Đức Phật thuyết về tục đế.

Ví dụ: Vào thời Đức Phật Dīpaṇkara xuất hiện trên thế gian thì Bồ Tát Sumedha là đạo sĩ. Từ kiếp sống là đạo sĩ Sumedha đã kiến tạo ba la mật ước nguyện tác chứng thành Phật Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Đây là thuyết theo Tạng Kinh bằng phương thức nhân chế định. Nhưng đối với những người thuần thục đạt đến trình độ minh quán (vipassanā) thì cho rằng đạo sĩ Sumedha ước nguyện tác thành Phật như vậy thì không phải là thường kiến (sassatadiṭṭhi) phải chăng? Các pháp còn không có nói cho đến các kiếp sống của chúng sanh vì thật sự chỉ có danh sắc mà thôi.

Bộ Ngữ Tông đã trình bày làm sáng tỏ cho hiểu được một cách thỏa đáng về hai pháp chơn đế lẫn tục đế để không làm khiếm khuyết ở một phương diện nào hết.

6- Bộ Song Đối (Yamaka)

Khi đã thuyết để làm sáng tỏ thêm bằng Bộ Ngữ Tông. Sau đó, Ngài soi tỏ về chúng sanh thế gian (Sattaloka) nói về người… chúng sanh. Pháp hành thế gian (saṇkhāraloka) nói về danh, sắc, uẩn, xứ, giới. Hư không thế gian (okāsaloka) nói về các cõi. Mặc dù Chư Thiên, Phạm Thiên nhìn thấy

được chúng sanh trong 31 cõi, nhưng pháp hành thế gian lẫn hư không thế gian cùng chúng sanh thế gian (nhân loại, Chư Thiên, Phạm Thiên) như thế nào? Chư Thiên, Phạm Thiên có độc tôn chăng? Trong các cõi không có các pháp phải chăng? Thì Đức Phật thuyết tiếp tục trở lại bộ thứ 6 để làm tịnh chỉ các hoài nghi này.

Bộ Song Đối làm sáng tỏ mối tương quan về người nào, cõi nào, có bao nhiêu uẩn, có bao nhiêu xứ, có bao nhiêu giới. Người và cõi có bao nhiêu uẩn, xứ, giới. Trí tuệ cực kỳ bén nhạy của Chư Thiên, Phạm Thiên được soi tỏ hoàn toàn về sự hình thành của 3 thế gian là chúng sanh thế gian, pháp hành thế gian và hư không thế gian. Có thể nói là đạt đến tuệ đạt tri (ñātapariññā).

7- Bộ Vị Trí (Paṭṭhāna)

Mặc dù Ngài đã nhanh chóng thuyết giảng nhưng vẫn còn rất nhiều câu hỏi còn lại như danh sắc, các uẩn vì sao sanh lên? Sanh lên bởi vị sáng tạo chủ phải chăng? Sanh lên do nghiệp thiện, nghiệp bất thiện phải chăng? Hay tự động sanh lên phải chăng? Đối với các câu hỏi này Đức Phật thuyết cho đến 24 loại pháp bao gồm các nguyên nhân trong Bộ Vị Trí thứ 7 cuối cùng về nguyên nhân sanh lên của danh sắc.

Thuyết pháp là nói đến pháp của người thuyết, pháp được diễn giảng bởi người. Như thuyết trình tự từ 1 rồi đến 2, từ 2 rồi đến 3. Bảy bộ trong Tạng Thắng Pháp cũng như

vậy, Ngài thuyết sau cùng là Bộ Vị Trí diễn giảng mở rộng từ từ bằng: 1.Đây là pháp thiện, 2.Pháp thiện được khai triển rộng bằng uẩn, xứ, giới, 3.Khai triển rộng uẩn, xứ, giới theo phương thức yếu hiệp và bất yếu hiệp…

Anantanaya samantapaṭṭhāna (Bộ Vị Trí biến hành vô cùng tận)

Ý nghĩa của từ Paṭṭhāna: Pa = Đa dạng, sai biệt + Ṭhāna= Nguyên nhân, tức nhân đa dạng, sai biệt. Nghĩa là bộ diễn giảng về nhân đa dạng, sai biệt khởi hiện lên danh sắc. Gọi tóm gọn là Paṭṭhāna nhưng tên gốc của bộ Paṭṭhāna được gọi là bộ Anantanayasamantapaṭṭhāna (Bộ Vị Trí biến hành vô cùng tận). Naya: các phương thức, thêm vào Ananta: vô cùng tận = Các phương thức vô cùng tận (Anantanaya). Bộ Vị Trí như là hư không vô cùng tận, luân vi sơn vô cùng tận, tức các phương thức vô cùng tận không có khởi đầu và tận cùng. Gọi là Anantanayasamanta, Samanta: cùng khắp mọi nơi. Nơi đây Samanta có nghĩa là loại thực tánh pháp viên mãn trọn vẹn không thêm không bớt được. Bộ Vị Trí đầy đủ, trọn vẹn, không cần bất cứ pháp nào hỗ trợ cả, sự cùng khắp ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối của Bộ Vị Trí bất cứ nơi nào cũng nhìn thấy được trọn vẹn.

Gọi là Samantapāsādika tức nhìn thấy trọn vẹn được một người đang đứng hay đang ngồi hoặc đang đi. Cùng thế ấy khi tịnh tín các bậc trưởng lão thì nhìn thấy như thế nào để tôn kính? Tôn kính bằng cách nhìn thấy ân đức viên mãn của các Ngài mà mọi người đều sùng bái. Bộ Vị Trí cũng

vậy, khi nhìn thì nhìn ở đoạn đầu chăng? Nhìn ở đoạn giữa chăng? Nhìn ở đoạn cuối chăng? Tất cả mọi nơi cũng nhìn thấy được trọn vẹn nên gọi là Bộ Vị Trí biến hành vô tận.

Bộ Vị Trí

Bộ Vị Trí biến hành vô cùng tận có 24 vị trí, mà một số người suy xét 24 vị trí bằng 24 duyên.

1- Mẫu đề tam nói đến 22 tam đề, gọi là tikapaṭṭhāna.

2- Mẫu đề nhị nói đến 100 nhị đề, gọi là dukapaṭṭhāna.

3- Nói đến 100 nhị đề làm gốc, 22 tam đề làm ngọn, gọi là dukatikapaṭṭhāna.

4- Nói đến 22 tam đề làm gốc, 100 nhị đề làm ngọn, gọi là tikadukapaṭṭhāna.

5- Nói đến 22 tam đề làm gốc, 22 tam đề làm ngọn gọi là tikatikapaṭṭhāna.

6- Nói đến 100 nhị đề làm gốc, 100 nhị đề làm ngọn, gọi là dukadukapaṭṭhāna.

Chiều thuận (Anuloma) có 6 cách: Tam đề vị trí, nhị đề vị trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

Chiều nghịch (Paccanika) có 6 cách: Tam đề vị trí, nhị đề vị trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

Chiều thuận nghịch (Anulomapaccanika) có 6 cách:

Tam đề vị trí, nhị đề vị trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

Chiều nghịch thuận (Paccanikaanuloma) có 6 cách: Tam đề vị trí, nhị đề vị trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí. Hai mươi bốn duyên theo mỗi cách.

Đây là trình bày số lượng ít của Bộ Vị Trí thâm sâu, vĩ đại, các phần giải thích về Bộ Vị Trí sẽ giới thiệu tầm quan trọng tiếp tục sau khi dừng lại bấy nhiêu bao gồm số lượng các tiêu đề.

Đức Phật suy xét về 7 bộ của Tạng Thắng Pháp, khi suy xét đến Bộ Vị Trí thì hào quang từ kim thân của Ngài túa ra. Trong lúc suy xét về Bộ Vị Trí như vậy thì hào quang túa ra, lan tỏa vô cùng tận luân vi sơn mà trong bộ Paṇṇasaaṭṭhakathā đã trình bày hào quang túa ra vô cùng tận luân vi sơn thế giới chưa thể chấm dứt cho đến ngày nay. Lời nói của sớ giải là lời nói có thể chấp nhận tùy theo mỗi cách nhìn thấy được của bậc trí như thế nào?

Quả báo của sự trì tụng Bộ Vị Trí

Những người tin tưởng trì tụng Bộ Vị Trí muốn khai mở oai lực thiện pháp ba la mật mà tự mình đã kiến tạo ba la mật trong mỗi kiếp sống, nếu như muốn có đại oai lực như Đức Phật khi suy xét về Bộ Vị Trí thì oai lực hào quang từ kim thân của Ngài túa ra. Có những người đã thực nghiệm được oai lực bởi sự trì tụng, tuy nhiên sự trì tụng Bộ Vị Trí không phải vào thời kỳ này.

Tại chân núi ở Mandale có những cái lều được dựng lên để trì tụng Bộ Vị Trí được tách rời ra giữa đức vua và dân chúng để thỉnh pháp về Bộ Vị Trí. Không những đối với người tin tưởng về đại oai lực khi trì tụng Bộ Vị Trí vào thời kỳ này thôi, mà vào thời kỳ trước dân chúng đã tin tưởng bởi tránh được những điều rủi ro, tai họa khi trì tụng Bộ Vị Trí. Các vị giáo thọ sư tuổi trẻ khi nghỉ qua đêm tại nhà cha mẹ đã trì tụng ngăn ngừa bằng 24 duyên của Bộ Vị Trí để tránh khỏi tai họa. Sự trì tụng để ngăn ngừa tai họa không có oai lực phải chăng? Có oai lực. Chỉ có người nào có tư duy bất thiện mới không thoát khỏi điều tai họa.

Có một bà lão giàu có tài sản sinh sống tại Mandale, bà hằng lần chuỗi niệm tưởng đến Ân Đức Phật. Có bọn côn đồ âm mưu bàn tính giết bà lão để cướp đoạt tài sản. Mặc dù chúng âm mưu đến giết bà lão 4-5-6 lần nhưng khi chúng đến nhà thì bà lão đã rời khỏi không có nhà. Việc âm mưu sắp đặt để giết bà lão đã không thành.

Các thầy bùa lấy Ân Đức Phật luyện theo chú thuật của họ, thầy thuốc cũng lấy Ân Đức Phật luyện theo cách của họ. Không có oai lực phải chăng? Có oai lực. Nhưng đối với Đức Phật thì thuyết bằng oai lực cực thâm sâu vĩ đại của Bộ Vị Trí.

Sùng bái đối với pháp thuyết về Bộ Vị Trí

Sự sùng bái đối với Bộ Vị Trí rằng trong tất cả thế gian không một chúng sanh nào, nam, nữ, nhân loại, Chư Thiên,

Phạm Thiên mà không khởi sanh lên từ danh sắc, chỉ sanh lên bởi đa dạng nhân sai biệt chứ không tự động sanh lên được. Sự chấp ngã rằng chúng sanh, người, nam, nữ là chấp thủ rất khó mà diệt được cho đến sự chấp thủ của Phạm Thiên. Thật ra sự ngã chấp của chúng sanh ảnh hưởng sâu đậm từ khi tái sanh nên pháp thuyết cho hội chúng Chư Thiên, Phạm Thiên có đại trí sâu sắc phải thuyết bằng các phương thức sai biệt về 24 duyên để tẩy trừ tự ngã. Ở cõi nhân loại, các bậc đại trí sâu sắc sùng bái đối với Bộ Vị Trí như là bậc tối thượng trí nếu đã thấu triệt được Bộ Vị Trí, vì sùng bái Bộ Vị Trí tức sùng bái nương theo trí tuệ. Bậc có 1/4 trí tuệ có thể sùng bái theo 1/4 trí tuệ, Bậc có phân nửa trí tuệ thì sùng bái theo phân nửa trí tuệ, bậc có 3/4 cho đến bậc viên mãn để sùng bái (Bộ Vị Trí) thì khó mà có được vì pháp rất là thâm sâu.

Trong sớ giải ghi rằng: Có một vị trưởng lão học tập về Bộ Vị Trí khi đi trên tàu ra giữa đại dương, nhìn thấy đại dương không có bờ bến, không có đường hướng, nhìn thấy nơi nào cũng vô cùng tận. Khi nhớ đến Bộ Vị Trí, sau đó mới suy xét, so sánh đại dương với Bộ Vị Trí thì mới thấy được rằng đại dương bên đây cũng có bờ, bên kia cũng có bờ. Trí tuệ của Ngài khi suy xét về Bộ Vị Trí thì thấy rằng không thể ước lượng được sự tận cùng thì sung mãn hỷ sanh lên bởi sùng bái đối với Bộ Vị Trí. Khi suy xét về Bộ Vị Trí như vậy thì Ngài đã chứng đắc A La Hán.

Bộ Vị Trí rất thâm sâu, rộng lớn nên hào quang của

Đức Phật túa ra từ sự thấu đạt được Bộ Vị Trí , 6 bộ còn lại như: Bộ Pháp Tụ, Bộ Phân Tích, Bộ Nguyên Chất Ngữ, Bộ Nhân Chế Định, Bộ Ngữ Tông, Bộ Song Đối chỉ rộng lớn mà thôi. Cho dù rộng lớn như thế nào đi nữa Tuệ Toàn Giác cũng thấu đạt được, là tuệ mà không có một tuệ nào có thể suy xét rồi biểu hiện như là tuệ đó về sự vô cùng tận của Bộ Vị Trí. Tuệ Toàn Giác là tuệ tủa ra rực rỡ vô cùng tận làm cho Bộ Vị Trí trở nên bao la, vĩ đại, là tuệ cực thanh tịnh làm cho máu của Đức Phật trong suốt, đối với đời sống nhân loại khi một người có máu trong suốt thì trở nên rất xinh đẹp. Máu của Đức Phật được trong suốt làm cho sắc tâm được chói sáng hào quang túa ra rực rỡ.

Bộ Vị Trí hoại trước tiên

Có đa dạng, đủ loại những người học, trì tụng, giảng dạy về Bộ Vị Trí. Một số người thì trì tụng, một số người thì học, một số người thì giảng dạy về Bộ Vị Trí. Trong 3 pháp là: pháp học, pháp hành, pháp thành thì pháp học về Tam Tạng bộ nào khởi đầu hoại trước tiên? Bộ Vị Trí hoại trước tiên.

Một số người biết được nhân này để không làm cho Bộ Vị Trí hoại đi mới học lẫn giảng dạy về Bộ Vị Trí.

Đối với 24 duyên trong Bộ Vị Trí thì hiện nay tại nước Miến Điện đang giảng dạy về tam đề vị trí (tikapaṭhāna). Tam đề vị trí có 22 tam đề, trong 22 tam đề vị trí này được giảng dạy phần nhiều về tam đề thiện (Kusalatika), tuy

vậy cũng khó có người học được hoàn tất về tam đề thiện. Các bậc trưởng lão giảng dạy suốt cả cuộc đời chỉ được một số tam đề như các tam đề kế tiếp sau cũng chỉ được 4 cho đến 5 tam đề. Hiện nay Bộ Vị Trí có 5 bộ được hướng dẫn để làm hoàn chỉnh không bỏ sót bằng cách viết để trình bày về 22 tam đề như thế nào, nhị đề như thế nào, nhị đề tam đề như thế nào… chỉ dẫn đến các cách thức để có thể giảng dạy.

Tại Mandale có vị đạo sĩ Khantī trong lúc sanh tiền tâm của vị này có đức tin muốn truyền bá Phật Pháp đã thỉnh cầu các bậc đại trưởng lão in ấn, xuất bản hoàn chỉnh không bỏ sót tất cả Phật ngôn như Đức Phật thuyết trong Tam Tạng. Bằng cách nào để hoàn thành?

Khi đó Sayadaw Mờ Sô Dên mỉm cười bởi vì Ngài thường xuyên giảng dạy về 7 bộ của Tạng Thắng Pháp, nói rằng:

- "Này đạo sĩ, giấy để in Kinh sách làm cho hoàn chỉnh để không bỏ sót Tam Tạng, lấy từ đâu để có được?"

- "Thưa Ngài, con lãnh trách nhiệm về tất cả việc đó, con sẽ mang giấy từ ngoại quốc để in Kinh sách như ý muốn các Ngài".

- "Các bộ này đã có sẵn sàng, nhưng ngoại quốc có đủ giấy để in Bộ Vị Trí chăng?"

Bộ Vị Trí chiều thuận có 6 cách: Tam đề vị trí, nhị đề vị

trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

Chiều nghịch có 6 cách giống như vậy, chiều thuận nghịch có 6 cách giống như vậy, chiều nghịch thuận có 6 cách giống như vậy thì không thể có giấy nào có thể in được hết cả.

Lời giới thiệu kính cẩn tóm lược về các tiêu đề liên quan đến Bộ Vị Trí được kết thúc chỉ bấy nhiêu.

Với mong ước mang những dịch phẩm mà Cố Thượng Tọa Khải Minh đã dày công phiên dịch từ khá lâu trước khi từ bỏ xác thân, nay hội đủ duyên lành chúng con vô cùng hoan hỷ được giới thiệu đến Chư Tôn Đức cùng quý thiện tín dịch phẩm Giải thích Bộ Vị Trí phần 2. Mong rằng dịch phẩm này là những kiến thức bổ ích giúp cho những người đang tầm cầu, nghiên cứu Pháp học sớm thành tựu thoát ly sanh tử luân hồi và chắc chắn sẽ không sao tránh khỏi những thiếu sót dù chúng con đã cố gắng như có thể nên kính mong các bậc minh triết từ bi dung thứ và chỉ bảo.

Chúng con xin thành kính tri ân Thượng Tọa Chánh Minh và Thượng Tọa Pháp Nhiên đã hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện. Cùng tri ân quý Phật tử đã chung hùn phước với tất cả tấm lòng.

Cuối cùng, chúng con kính xin dâng phần phước báu này đến hương linh Cố Thượng Tọa Khải Minh, mong rằng Thượng Tọa có thể tiếp tục tiến bước trên hành trình giác

ngộ giải thoát, sở nguyện dở dang mau chóng viên thành và cũng xin hồi hướng phần phước này đến các bậc thầy tổ cùng thân bằng quyến thuộc của chúng con đã quá vãng, cầu xin cho tất cả đều thọ lãnh phước này để hằng được sự tiến hóa, an vui lâu dài.

Nguyện cầu cho tất cả chúng sanh thảy đều an vui!

Kính bút

BỘ VỊ TRÍ

PHẦN 2

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammsambuddhassa

6 PHẦN TRONG TAM ĐỀ THIỆN

Đức Thế Tôn thuyết về 24 duyên như nhân duyên... theo 6 nhóm vị trí như tam đề vị trí, nhị đề vị trí, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí. Xong Ngài mới thuyết 6 nhóm vị trí theo chi tiết bằng 7 phần lớn (mahāvāra) là phần liên quan (paṭiccavāra), phần câu sanh (sahajātavāra), phần duyên (paccayavāra), phần y chỉ (nissayavāra), phần hòa hợp (saṃsaṭṭhavāra), phần tương ưng (sampayuttavāra) và phần yếu tri (pañhāvāra).

Trong 6 phần lớn này nên hiểu theo tên gọi của mỗi phần (paññattivāra) như sau:

1- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Paṭicca"** (nương nhờ) rồi thuyết rằng:

"Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo":

"Pháp thiện nương sanh pháp thiện"... gọi là phần liên quan (paṭiccavāra).

2- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Sahajāta"** (câu sanh) rồi thuyết rằng:

" Kusalaṃ dhammaṃ sahajāto kusalo dhammo":

"Pháp thiện câu sanh với pháp thiện"... gọi là phần câu sanh (sahajātavāra).

Nhưng ý nghĩa phần câu sanh không khác nhau với

phần liên quan. Vì trình bày pháp năng duyên và sở duyên bằng mãnh lực sắc pháp và vô sắc pháp riêng biệt theo câu sanh với nhau.

3- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Paccaya"** (nương vào) rồi thuyết rằng:

" Kusalaṃ dhammaṃ paccaya kusalo dhammo":

"Pháp thiện nương vào pháp thiện"... gọi là phần duyên (paccayavāra).

Phần này Đức Thế Tôn thuyết về sắc pháp và vô sắc pháp nương vào nhau bằng mãnh lực của câu sanh (sahajāta) và tiền sanh (purejāta).

4- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Nissaya"** (nương vào) rồi thuyết rằng:

" Kusalaṃ dhammaṃ nissaya kusalo dhammo":

" Pháp thiện nương vào pháp thiện"... gọi là phần y chỉ (nissayavāra).

Phân duyên và phần y chỉ có ý nghĩa giống nhau chỉ khác nhau từ ngữ.

5- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Saṃsaṭṭha"** (hòa hợp) rồi thuyết rằng:

" Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo":

"Pháp thiện hòa hợp pháp thiện"... gọi là phần hòa hợp (saṃsaṭṭhavāra).

6- Phần mà Đức Thế Tôn nương vào từ **"Sampayutta"** (tương ưng) rồi thuyết rằng:

" Kusalaṃ dhammaṃ sampayutto kusalo dhammo":

"Pháp thiện tương ưng pháp thiện"... gọi là phần tương ưng (sampayuttavāra).

Trong 2 phần hòa hợp và phần tương ưng này cũng có ý nghĩa như nhau. Và nên biết rằng pháp năng duyên và sở duyên của 2 phần này là vô sắc pháp.

Sự kiện mà Đức Thế Tôn thuyết về 6 phần trên có ý nghĩa như nhau thành từng cặp chỉ khác nhau từ ngữ để làm nổi bật sự thù diệu của pháp thuyết. Bởi vì Ngài có tâm đại bi đối với chúng sanh hữu duyên đã nghe và học hỏi từ ngữ đó trong quá khứ. Nghĩa là khi chúng sanh hữu duyên được cơ hội nghe và học hỏi từ ngữ ấy trong kiếp hiện tại thì có thể thấu hiểu được nhanh chóng. Và cũng có thể thấu đáo từ ngữ đó được dễ dàng do mãnh lực đã từng tích lũy trau dồi trong kiếp quá khứ bằng mãnh lực của cận y duyên.

7- Còn phần thứ 7 gọi là phần yếu tri (pañhāvāra) vì Đức Thế Tôn nêu nhóm câu hỏi lên (49 điều trong phần câu hỏi) theo cách như sau:

" Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetu paccayena paccayo"

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng mãnh lực nhân

duyên”... (theo phương thức pāli). Rồi Ngài phân tích nhóm câu hỏi đó để sáng tỏ không lẫn lộn nhau để nương theo phương thức pli đã nêu lên theo cách như sau:

“Kusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ”

“Các nhân thiện trợ cho các uẩn tương ưng”... (câu phụ).

Phần yếu tri này nên biết rằng Đức Thế Tôn thuyết về pháp năng duyên và sở duyên bằng mãnh lực của sắc pháp và vô sắc pháp. Trong pāli (Tam Tạng Thái Lan) Đức Thế Tôn thuyết cả 7 phần theo tuần tự khởi đầu là phần liên quan trước theo 4 cách.

Như cách thuận tùng, cách đối lập, cách thuận tùng đối lập và cách đối lập thuận tùng. Nhưng trong bộ Vị Trí phần 1 (tổng hợp) chỉ trình bày phần yếu tri là phần thứ 7 trước, mà chưa trình bày 6 phần đầu. Bởi vì trong phần yếu tri nhắm vào thực tánh của duyên trọng yếu làm nhân làm duyên cho phát sanh quả. Tức pháp sở duyên (trình bày nhân tìm ra quả), gồm cả trình bày pháp ngoài ra pháp sở duyên là pháp địch duyên.

Riêng về 6 phần đầu nhắm vào trình bày pháp quả như nêu lên về thực tánh của pháp sở của mỗi duyên, như nhân duyên.… trình bày theo uẩn sanh khởi được như thế nào (như quả tìm ra nhân)? Nếu như học viên không hiểu được thực tánh của pháp năng duyên trước, thì khó mà tìm được thực tánh của pháp sở duyên. Như ta muốn tìm hiểu pháp sở duyên của nhân duyên, mà ta không hiểu được thực tánh của

pháp năng duyên trong nhân duyên, thì ta cũng không thể tìm được thực tánh của pháp sở duyên. Do đó, mới nêu phần yếu tri lên trình bày trước để làm cho hiểu được thực tánh của pháp năng duyên và pháp sở duyên trong mỗi duyên.

Trước khi học 6 phần đầu thì nên hiểu ý nghĩa và phương pháp trình bày trong mỗi phần đó.

Trong 6 phần này được phân ra thành 2 phần

1- Phần xiển thuật.

2- Phần xiển minh

* Gọi là phần xiển thuật (uddesavāra) vì là phần mà Đức Thế Tôn nương vào pháp thiện... rồi phán hỏi đến sự sanh khởi của pháp thiện... bằng mãnh lực của nhân duyên... Như hỏi rằng:

"Siyā kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā ?"

"Thế nào là pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên?"... gọi là phần vấn hỏi (pucchāvāra), ngay cả phần chế định việc đặt tên (paññattivāra). Gọi là phần xiển thuật.

* Trong phần xiển minh (niddesavāra) Đức Thế Tôn đáp về các câu hỏi đó bằng câu như sau:

"Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā"

"Pháp thiện sanh khởi do liên quan pháp thiện bằng mãnh lực nhân duyên"… Rồi Ngài mới giải rộng tiếp theo nữa rằng: "Pháp thiện liên quan pháp thiện bằng mãnh lực nhân duyên" bởi nương vào uẩn câu sanh với nhau (như thế nào).

Nên việc trình bày phần liên quan (paṭiccavāra)... mới nêu pháp sở của mỗi duyên trong 24 duyên lên trình bày theo uẩn nương sanh nhau.

Ngay cả 5 phần còn lại như phần câu sanh... Ngài cũng thuyết theo lý như phần liên quan. Tức Ngài nêu pháp sở duyên lên thuyết.

Sau đây sẽ trình bày 6 phần như phần liên quan... theo tuần tự cho đến cuối cùng là phần tương ưng.

I

PHẦN LIÊN QUAN

(Paṭiccavra)

Trong phần liên quan Đức Thế Tôn thuyết theo 2 cách là cách xiển thuật và xiển minh.

Phần định đặt (paññattivāra) và phần vấn hỏi (pucchāvāra) thuộc về cách xiển thuật.

Gọi là phần vấn hỏi vì Ngài nương vào pháp thiện... để phán hỏi đến việc sanh khởi của pháp thiện... bằng mãnh lực nhân duyên...

Phần vấn hỏi Ngài thuyết bằng câu hỏi rằng:

"Siyā kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā"

"Thế nào pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên?"

Từ "Paṭicca" do từ Paṭi + icca.

Paṭi: Nghĩa là giống nhau, bằng nhau như "paṭipuggalo" người giống nhau.

Icca: Trình bày đến tìm cầu trong sự đi.

Khi gom 2 từ lại thành "Paṭicca" diễn tiến bằng nhau. Tức đồng sanh với nhau.

Thích giải: Đồng sanh với duyên nghĩa là trong câu hỏi đầu Đức Thế Tôn phán hỏi về pháp thiện rằng:

"Nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên bởi thực tánh đồng sanh bằng mãnh lực câu sanh"

Một lý khác nữa, từ "Paṭicca" có nghĩa là làm cho hình thành duyên. Việc làm cho hình thành duyên được do câu sanh (sahajāta) cũng có, do tiền sanh (purejāta) cũng có. Nhưng trong phần liên quan này Đức Thế Tôn muốn ám chỉ duyên thuộc câu sanh. Do đó, việc đáp 49 câu hỏi mà Đức Thế Tôn nêu ra trong phần vấn đáp, mới đáp chỉ riêng biệt một số câu hỏi lẫn không đáp một số câu hỏi. Tức trong nhân duyên chỉ đáp 9 câu mà không đáp 40 câu. Trong cảnh duyên chỉ đáp 3 câu...

Riêng về phần xiển minh thì bao gồm việc trình bày phần trả lời trong mỗi duyên. Như có pháp thực tánh gì thuộc pháp năng duyên và sở duyên trong từng phần đó bằng câu như:

"Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati: Hetupaccayā"

"Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên"

... rồi Ngài giải rộng ra thêm nữa rằng:

"Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng mãnh lực nhân duyên đó nương nhau bằng uẩn đồng sanh.

Thiện pháp (kusalaṃ dhammaṃ) là chủ từ. Tức pháp làm nơi nương cho pháp khác sanh lên. Trong nơi đây là pháp năng duyên gồm có một pháp phân ra theo uẩn như thọ uẩn... Trong các pháp thiện diễn tiến theo 4 lãnh vực như lãnh vực dục giới, lãnh vực sắc giới, lãnh vực vô sắc giới và lãnh vực siêu thế (21 tâm thiện + 38 tâm sở).

Kusalo dhammo là từ chánh yếu tức là pháp nương vào (nương vào **kusalaṃ dhammaṃ**). Trong nơi đây là pháp sở duyên gồm có một pháp phân ra theo uẩn như tưởng uẩn... (thọ uẩn là năng duyên, uẩn còn lại như tưởng uẩn... là sở duyên) trong các pháp thiện diễn tiến theo 4 lãnh vực giống như vậy.

Hetupaccayā ám chỉ đến nhân thiện (3 nhân thiện) làm cho thành tựu bằng nhân duyên.

Tiếp theo sẽ trình bày pháp nương sanh (pháp sở duyên) bởi mãnh lực của uẩn... như :

"Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā"

"Ba uẩn nương 1 uẩn thiện"...

Từ: **Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ:** Một uẩn thiện là 1

uẩn nào trong 4 uẩn thiện, như thọ uẩn... (làm nơi nương của uẩn còn lại).

Từ: **Tayo khandhā:** Ba uẩn là 3 uẩn còn lại (trừ thọ uẩn) nương vào thọ uẩn. Ngay cả việc trình bày uẩn còn lại cũng giống như vậy.

Đây là câu khởi đầu trong phần liên quan.

Bây giờ, để trình bày phần giải thích của mỗi duyên trong phần liên quan lẫn cách xiển minh. Tôi sẽ nêu lên pāli trình bày số lượng câu lọc tính được trong mỗi duyên thuần về căn (suddhamūla) được trình bày trong phần đầu như sau:

[1*][16] **Hetuyā nava ārammaṇe tīṇi adhipatiyā nava anantare tīṇi samanantare tīṇi sahajāte nava aññamaññe tīṇi nissaye nava upanissaye tīṇi purejāte tīṇi** (trừ hậu sanh duyên vì pháp sở duyên hoàn toàn là sắc pháp riêng biệt trong sát na trụ) **āsevane tīṇi kamme nava vipāke ekaṃ āhāre nava indriye nava jhāne nava magge nava sampayutte tīṇi vippayutte nava atthiyā nava natthiyā tīṇi vigate tīṇi avigate nava.**

Tiếp theo sẽ trình bày số lượng câu lọc tính được trong mỗi duyên theo tuần tự. Khởi đầu là nhân duyên cho đến bất ly duyên theo 4 cách. Trước tiên là cách thuận tùng.

[1] Số lượng "số" trong dấu ngoặc đơn trong mỗi nơi là số lượng câu trong Tam Tạng pāli cuốn 40 (pāli bộ Vị Trí phần 1).

1- CÁCH THUẬN TÙNG

(Anulomanaya)

1- NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Hetuyā nava) pāli điều thứ 56

[1]Chi pháp nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 (trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si), 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

[1] Ám chỉ đến chi pháp của sở duyên trong phần yếu tri đã nêu lên trình bày trong 6 phần đầu.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện (tức 1 uẩn ngoài ra 3 uẩn).

1 -------- 3 --------

2 -------- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38

(21 tâm thiện + 38 nương sanh nhau thành uẩn bằng nhân duyên là 3 nhân thiện. Trong nơi đây không trình bày 3 nhân thiện nhưng trình bày pháp quả của 3 nhân thiện là 21 tâm thiện + 38 nương sanh nhau bằng cách câu sanh (sahajāta).

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

Bốn danh uẩn thiện là 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

(Trong nơi đây trình bày sắc tâm thiện sanh lên từ 21

tâm thiện + 38 cả mỗi 21 tâm thiện + 38 và sắc tâm thiện sanh lên bằng nhân duyên là 3 nhân thiện).

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

(Uppajjanti trong nơi đây dùng là số nhiều vì có 2 từ chánh là thiện, vô ký).

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn thiện và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 -------- & ---------- 3 ---------

2 -------- & ---------- 2 ---------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

(Câu lọc này trình bày 1 phần thiện và pháp vô ký là sắc pháp câu sanh với pháp thiện còn lại sanh lên bằng nhân duyên là 3 nhân thiện).

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ----------

2 -------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 $^{-2}$ ($^{-2}$: trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si. Vì tâm sở si hợp trong 2 tâm si không sanh lên bằng nhân duyên được).

Trong câu lọc này trình bày bất thiện nương sanh từ 3 nhân bất thiện là 12 tâm bất thiện + 27 nương sanh lẫn nhau. Trong nơi đây năng duyên là 12 tâm bất thiện + 27 không trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si như trừ trong sở duyên. Vì Ngài nhắm vào năng duyên là 12 tâm bất thiện + 27 phải nương sanh từ nhân duyên mà cũng có thể sanh lên từ duyên nào cũng được như câu sanh duyên. Nhưng ở đây Ngài nhắm vào pháp sở duyên phải nương sanh từ nhân duyên. Vì vậy nên pháp sở duyên phải trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Trong nơi đây 17 sắc tâm bất thiện là pháp sanh lên từ nhân duyên do 3 nhân bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất thiện + 27 [-2], 17 sắc tâm bất thiện.

Trong nơi đây pháp sở duyên là tâm bất thiện + 27 [-2] và 17 sắc tâm bất thiện sanh lên bằng nhân duyên, tức 3 nhân bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 uẩn và sắc tâm nương 3 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

2 -- & ---------- 2 ---------- --------

[1] 17 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===>

[1] Lưu ý: Trong câu phụ vô ký – vô ký của nhân duyên phần liên quan này, Ngài không thuyết riêng về danh sanh lên nương vào danh, chỉ thuyết danh sắc nương vào danh sanh lên. Cho nên mới hiểu được rõ ràng nói theo câu sanh duyên là danh sanh lên do nương vào danh đồng sanh với nhau. Vì vậy, Ngài mới không nêu danh lên thuần túy để thuyết mà chỉ nêu lên riêng về danh sắc nương vào

17 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả

1 ---- & ---------- 3 ----------

2 ---- & ---------- 2 ----------

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35.

---

danh câu sanh với nhau. Do đó, 4 tâm quả vô sắc, 30 tâm sở thuộc về danh do nương vào danh thuần túy, không liên quan đến sắc nên mới bỏ ra. Nhưng xin hiểu rằng: Dù Ngài không nêu lên thuyết trong câu lọc vô ký – vô ký thì 4 tâm quả vô sắc, 30 tâm sở cũng vẫn hiện hữu. Bởi Ngài đã thuyết gom chung trong chi pháp của pháp sở duyên phần yếu tri mà nêu lên thành chi pháp cả 6 câu lọc trong phần đầu như phần liên quan… Dù cho duyên khác ngoài ra duyên này có chi pháp là 4 tâm quả vô sắc + 30 mà Ngài không nêu lên trình bày thì cũng nên hiểu theo nguyên nhân như đã đề cập.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong tất cả 49 câu hỏi của phần vấn hỏi (pucchāvāra) thì có thể luận giải được 9 câu:

Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký và thiện, vô ký - vô ký và bất thiện, vô ký - vô ký. Không luận giải được 40 câu.

Trong 9 câu lọc này xếp thành 5 câu[1*]:

- Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký. Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

[1] Câu đầu: Năng duyên, câu sau cùng: Sở duyên).

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Câu lọc thứ 1: Có 13 duyên tấu hợp: Nhân duyên, trưởng duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, nghiệp duyên, vật thực duyên, quyền duyên, thiền duyên, đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên.

(Trong nơi đây tính luôn nhân duyên vì pháp thực tánh nêu lên trình bày trong phần liên quan (paṭiccavāra) này trình bày sanh lên từ nhân duyên mà không trình bày nhân duyên. Trong pháp mà sanh lên từ nhân duyên cũng vẫn có nhân duyên gom chung. Như trong 21 tâm thiện + 38 thì có 3 nhân thiện gom vào chung).

Câu lọc thứ 2: Có 12 duyên tấu hợp tức 13 duyên trong câu lọc thứ 1 trừ hỗ tương duyên và tương ưng duyên, thêm bất tương ưng duyên vào.

Câu lọc thứ 3: Có 11 duyên tấu hợp là 12 duyên trong câu lọc thứ 2 trừ bất tương ưng duyên.

Câu lọc thứ 4: có 13 duyên tấu hợp như câu lọc thứ 1.

Câu lọc thứ 5: Có 12 duyên tấu hợp như câu lọc thứ 2.

Câu lọc thứ 6: Có 11 duyên tấu hợp như câu lọc thứ 3.

Câu lọc thứ 7: Có 15 duyên tấu hợp là 13 duyên trong câu lọc thứ 1 cộng chung với quả duyên và bất tương ưng duyên.

Câu lọc thứ 8: Có 4 duyên tấu hợp là câu sanh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên và bất ly duyên.

Câu lọc thứ 9: Có 4 duyên tấu hợp như câu lọc thứ 8.

Tổng cộng có 15 duyên sanh lên bằng nhân duyên của phần liên quan bao gồm tất cả duyên trong giống câu sanh.

Dù cho duyên khác như cảnh duyên... cũng phải tấu hợp tính duyên trong từng câu lọc đó theo cách giống như nhân duyên.

2- CẢNH DUYÊN

CẢNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Ārammaṇe tīṇi) pālī điều thứ 57

Chi pháp cảnh sở duyên: 89 tâm, 52 tâm sở.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 --------- 3 --------

2 --------- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 --------- 3 -----------

2 --------- 2 -----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --------- 3 ---------- -------

2 --------- 2 ---------- -------

36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 tâm sở ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố, 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

19 tâm tái tục + 35 ==> 19 tâm tái tục + 35.

3- Vaṭṭhuṃ paṭicca khandhā.

Các uẩn nương sắc ý vật.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

(Trong nơi đây 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 là thành

quả của cảnh duyên sanh lên bằng cảnh duyên. Nhưng trong cùng sát na thì nương sắc ý vật tái tục đồng sanh bằng câu sanh duyên. Còn sắc ý vật tái tục dù nương vào 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 sanh lên bằng câu sanh duyên, nhưng không được Đức Phật nêu lên thuyết trong nơi đây. Bởi vì sắc ý vật tái tục không là thành quả tức không sanh lên được bằng cảnh duyên).

Tóm lược: Trong 49 câu hỏi trong phần đầu vấn hỏi (pucchāvāra) thì có thể luận giải được chỉ 3 câu:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký. Không luận giải được 46 câu.

Trong 3 câu lọc được xếp thành 3 câu: Câu thiện, Câu bất thiện, câu vô ký.

Mỗi câu chỉ có 1 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký theo thứ tự.

3- TRƯỞNG DUYÊN

TRƯỞNG DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Adhipatiyā nava) pāli điều thứ 58

Câu sanh trưởng sở duyên: 52 tâm đồng lực hữu trưởng + 51 (trừ tâm sở hoài nghi), 17 sắc tâm hữu trưởng.

Cảnh trưởng sở duyên: 28 tâm là 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố tương ưng trí, 8 tâm siêu thế + 45 tâm sở (trừ tâm sở sân, tật, lận, hối, hoài nghi, 2 vô lượng phần).

Pháp sanh lên bằng câu sanh trưởng duyên có 9 câu lọc giống như nhân duyên.

Pháp sanh lên bằng cảnh trưởng duyên có 3 câu lọc:

Thiện – thiện, bất thiện – bất thiện, vô ký – vô ký.

Pháp sanh lên bằng câu sanh trưởng duyên và cảnh trưởng duyên tính theo riêng biệt không trùng với nhau chỉ có 9 câu lọc. Do đó, Đức Phật mới thuyết rằng:

"Adhipatiyā nava". "Trưởng duyên có 9 câu lọc".

Trong nơi đây trình bày câu lọc của 2 trưởng duyên gom chung lại với nhau.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 --------

2 ------- 2 --------

Câu sanh trưởng: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38 .

Cảnh trưởng: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 + 38.

4 tâm Đạo + 36 ===> 4 tâm Đạo + 36.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

Câu sanh trưởng: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 --------

2 --- & ---------- 2 --------

Câu sanh trưởng: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

Câu sanh trưởng: 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi) ===> 10 (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi).

Cảnh trưởng: 8 tâm tham + 22 ===> 8 tâm tham + 22.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

Câu sanh trưởng: 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi) ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Câu sanh trưởng:10 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở hoài nghi) ===> 10 + 26, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu sanh trưởng:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , --------

2 --- & ---------- 2 ---------- , --------

4 tâm quả siêu thế, 17 tâm tố hữu nhân: 21 tâm vô ký + 38 ===> 21 tâm vô ký + 38, 17 sắc tâm.

2- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhutaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

3- Mahabhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc tâm y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 13 sắc y sinh tâm.

Cảnh trưởng cho dù không được trình bày riêng biệt trong câu phụ của vô ký – vô ký thì cũng nên hiểu rằng:

4 tâm quả siêu thế + 36 ===> 4 tâm quả siêu thế + 36.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

Câu sanh trưởng: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

Câu sanh trưởng: 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong tất cả 49 câu hỏi trong phần vấn hỏi thì có thể đem ra luận giải theo mãnh lực trưởng duyên được chỉ 9 câu, không luận giải được 40 câu.

Chín câu: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Trong 9 câu lọc xếp thành 5 câu:

- Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện - vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

4- VÔ GIÁN DUYÊN

VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC
(Anantare tīṇi) pāli điều thứ 59

5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC
(Samanantare tīṇi) pālī điều thứ 59

Chi pháp của vô gián duyên & đẳng vô gián duyên: 89 tâm + 52 giống như chi pháp của cảnh sở duyên. Việc trình bày pāli, câu phụ cho đến chi pháp cũng như cảnh duyên đã trình bày rồi chỉ thay đổi mãnh lực duyên. Hãy xem lại trong cảnh duyên 3 câu lọc là: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

6- CÂU SANH DUYÊN

CÂU SANH DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Sahajāte nava) pāli điều thứ 60

Chi pháp câu sanh sở duyên: 89 tâm + 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 --------- 3 --------

2 --------- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā citasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 -------

2 --- & ---------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 --------- 3 ----------

2 --------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti sahajātapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā citasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

12 tâm tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā citasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho citasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā citasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , ------

2 --- & ---------- 2 ---------- , ------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ,

tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu.

Sắc ý vật nương các uẩn.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục .

4- Vatthuṃ paṭicca khandhā.

Các uẩn nương sắc ý vật.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

5- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ---------

2 ---------- 2 ---------

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

6- Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattā rūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

7- Bāhiraṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển ngoại.

3 ---------- 1 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

8- Āhārasamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển vật thực.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển vật thực.

2 ---------- 2 ----------

Sắc y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

9- Utusamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve māhābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển quí tiết.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

10- Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ---------- ----------

2 ---------- 2 ---------- ----------

Sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng câu sanh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng câu sanh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm.

Tóm lược: Trong tất cả 49 câu hỏi trong phần vấn hỏi có thể nêu lên luận giải bằng mãnh lực câu sanh duyên được chỉ 9 câu: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký. Không luận giải được 40 câu.

Trong 9 câu lọc thì có 5 câu: Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

7- HỖ TƯƠNG DUYÊN

HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC
(Aññamañña tīṇi) pāli điều thứ 61

Chi pháp hỗ tương sở duyên: 89 tâm + 52 tâm sở, 4 sắc đại hiển, sắc ý vật tái tục.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati aññamaññapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng hỗ tương duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 -------

2 -------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati aññamaññapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng hỗ tương duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ----------

2 -------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng hỗ tương duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā, tayo khandhe paṭicca eko khandho, dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 -------- 3 ---------- , -------

2 -------- 2 ---------- , -------

56 tâm vô ký + 38 ===> 56 tâm vô ký + 38 (56 tâm vô ký = 36 tâm quả + 20 tâm tố).

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā vatthu ca, tayo

khandhe paṭicca eko khandho vatthu ca, dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthu ca.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc ý vật nương 1 uẩn.

1 --- & ---------- 3 ---

2 --- & ---------- 2 ---

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, sắc ý vật tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Bāhiraṃ...āhārasamuṭṭhānaṃ...utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā, tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ, dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại...

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển vật thực...

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển quí tiết...

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ---------- ----------

2 ---------- 2 ---------- ----------

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong 49 câu hỏi của phần vấn hỏi thì có thể nêu lên luận giải bằng mãnh lực của hỗ tương duyên được chỉ 3 câu: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký. Không luận giải được 46 câu.

Trong 3 câu lọc được xếp thành 3 câu: Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

8- Y CHỈ DUYÊN

Y CHỈ DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC
(Nissaye nava) pāli điều thứ 62

Chi pháp câu sanh y sở duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp.

Chi pháp vật tiền sanh y sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52.

Chi pháp vật cảnh tiền sanh y sở duyên: 43 tâm + 44 tâm sở.

* Câu sanh y duyên trình bày được 9 câu lọc giống như câu sanh duyên.

* Vật tiền sanh y duyên trình bày được 3 câu lọc : Thiện – thiện, bất thiện – bất thiện, vô ký – vô ký.

* Vật cảnh tiền sanh y duyên trình bày được 3 câu lọc: Thiện – thiện, bất thiện – bất thiện, vô ký – vô ký.

Khi tính số lượng riêng về câu lọc trong cả 3 y chỉ duyên không cho trùng nhau sẽ được 9 câu lọc. Nên Đức Phật Ngài mới thuyết rằng : "**Nissaye nava**" Y chỉ duyên có 9 câu lọc giống như câu sanh duyên chỉ khác nhau mãnh lực của duyên nên không nêu lên lập lại nữa.

9- CẬN Y DUYÊN

CẬN Y DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Upanissaye tīṇi) pālī điều thứ 63

Chi pháp cảnh cận y sở duyên: 28 tâm + 45 tâm sở.

Chi pháp vô gián cận y sở duyên: 85 tâm + 52 tâm sở.

Chi pháp thường cận y sở duyên: 89 tâm + 52 tâm sở.

Gom số lượng chi pháp của nhiều khía cạnh của duyên nên được 89 tâm + 52 bằng với chi pháp của cảnh duyên như đã trình bày. Nên Đức Phật mới thuyết về việc trình bày của cận y duyên giống như cảnh duyên.

Trình bày được 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

10- TIỀN SANH DUYÊN

TIỀN SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Purejāte tīṇi) pāli điều thứ 64

Chi pháp vật tiền sanh sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52.

Trong tiền sanh duyên này chỉ trình bày riêng về

vật tiền sanh duyên không trình bày đến cảnh tiền sanh duyên vì cảnh là tiền sanh duyên bất định.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā, tayo khandhe paṭicca eko khandho dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 -------

2 uẩn nương 2 uẩn thiện. Khởi hiện do nương vật làm năng duyên sanh lên trước.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā, tayo khandhe paṭicca eko khandho, dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ---------

2 -------- 2 --------- .Khởi hiện do nương vật làm năng duyên sanh lên trước.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā tayo khandhe paṭicca eko khandho, dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 -------- 3 ---------- , -------

2 -------- 2 ---------- , -------

Khởi hiện do nương vật làm năng duyên sanh lên trước.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc).

20 tâm tố + 38 tâm sở ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

Ghi chú: Trong câu lọc thứ 3 là vô ký – vô ký theo sớ giải giải rằng: "từ" **Vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ** Ngài ám chỉ các tâm thức giới mà không lấy tâm nhãn thức giới... nên mới trừ ra 10 tâm ngũ song thức như tâm nhãn thức giới... Còn 4 tâm quả vô sắc thì không nương sanh vật được.

Tóm lược: Pháp sanh lên do tiền sanh duyên mà trình bày theo uẩn có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký. Có 3 câu đầu: Thiện, bất thiện, vô ký và 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký theo thứ tự.

11- HẬU SANH DUYÊN

(Không trình bày được)

Trong phần liên quan (paṭiccavāra) không trình bày pháp sanh lên từ hậu sanh duyên, tức sát na trụ của 4 loại sắc sở sanh. Cả trong sớ giải giải rằng: Pháp sanh lên về sau không hình thành sắp đặt cho cả 4 loại sắc sở sanh sanh lên được chỉ là ủng hộ (upathambhaka) mà thôi, nên mới không có pháp sanh lên từ hậu sanh duyên (chỉ có pháp nhận được sự ủng hộ từ hậu sanh duyên). Vì vậy, Đức phật mới không thuyết về hậu sanh duyên trong phần này.

Lại nữa, phần này trình bày theo uẩn đồng sanh với nhau trong 3 sát na tính từ sát na sanh cho đến sát na diệt. Nhưng pháp sanh lên từ hậu sanh duyên chỉ lấy riêng biệt sát na trụ, nên không nêu lên trình bày theo câu sanh được (người ghi chép).

12- TẬP HÀNH DUYÊN

TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Āsavane tīṇi) pāli điều thứ 65

Chi pháp tập hành sở duyên: 51 tâm đổng lực (trừ 4 tâm quả siêu thế), 52 tâm sở.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati āsevanapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng tập hành duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 -------

2 -------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati āsevanapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng tập hành duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ---------

2 -------- 2 ---------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati āsevanapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng tập hành duyên.

Câu phụ:

Kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký tố.

1 -------- 3 ----------

2 -------- 2 ----------

18 tâm đồng lực tố + 35 ===> 18 tâm đồng lực tố + 35.

Tóm lược: Pháp sanh lên bằng tập hành duyên luận giải được 3 câu: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký -vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký và 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký theo tuần tự.

13- NGHIỆP DUYÊN

NGHIỆP DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Kamme nava) pāli điều thứ 66

Chi pháp câu sanh nghiệp sở duyên: 89 tâm + 51 (trừ tâm sơ tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Chi pháp dị thời nghiệp sở duyên: 36 tâm quả + 38, 20 sắc nghiệp tái tục, 20 sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā...

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

...

Câu sanh nghiệp duyên: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư).

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn thiện.

Câu sanh nghiệp duyên: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti kammapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ...

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện

...

Câu sanh nghiệp duyên: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā...

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ----------

2 -------- 2 ----------

Câu sanh nghiệp duyên: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư).

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện.

Câu sanh nghiệp duyên: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti kammapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ...

3 uẩn và sắc tâm nương sanh 1 uẩn bất thiện

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Câu sanh nghiệp duyên: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nghiệp duyên.

Câu phụ:

Câu sanh nghiệp duyên:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ...

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- & -------

2 --- & ---------- 2 ---------- & -------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc).

20 tâm tố + 38 tâm sở ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố, 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ...

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Câu sanh nghiệp duyên: 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 34 (trừ tâm sở tư), 20 sắc nghiệp tái tục.

Dị thời nghiệp duyên: 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā...

Mahabhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ---------

2 ---------- 2 ---------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm (câu sanh nghiệp duyên).

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp (câu sanh nghiệp duyên và dị thời nghiệp duyên).

4- Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā...

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ---------- ----------

2 ---------- 2 ---------- ----------

Sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

Dị thời nghiệp duyên:

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm thiện (câu sanh nghiệp duyên).

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm bất thiện (câu sanh nghiệp duyên).

Tóm lược: Pháp sanh lên bằng câu sanh nghiệp duyên luận giải được 9 câu lọc.

Pháp sanh lên bằng dị thời nghiệp duyên luận giải được 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Trong 9 câu lọc có 5 câu: Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện vàvô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng: Thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng: Bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng làvô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

14- QUẢ DUYÊN

QUẢ DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Vipāke ekaṃ) pāli điều thứ 67

Chi pháp quả sở duyên: 36 tâm quả + 38 tâm quả, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng quả duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương sanh 1 uẩn vô ký giải.

1 uẩn và sắc tâm nương sanh 3 uẩn vô ký giải.

2 uẩn và sắc tâm nương sanh 2 uẩn vô ký giải.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 38 tâm sở ===> 22 tâm quả + 38, 15 sắc tâm (trừ 2 sắc biểu tri).

2- Paṭisandhikkhanṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ. Tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn & sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục 1 uẩn & sắc nghiệp nương 3 uẩn vô ký quả.

2 --- & ---------- 2 ---------

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật mương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển.

3 ---------- 1 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 11 sắc y sinh tâm (trừ 2 sắc biểu tri).

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Tóm lược: Pháp sanh lên bằng quả duyên luận giải được 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có câu đầu là vô ký và câu sau cùng là vô ký.

15- VẬT THỰC DUYÊN

VẬT THỰC DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Āhāre nava) pāli điều thứ 68

Chi pháp danh vật thực sở duyên: 89 tâm + 52, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Chi pháp sắc vật thực sở duyên: Sắc vật thực hoặc 2 bọn sắc vật thực.

(Sắc vật thực trong nơi đây chỉ trình bày riêng về thành quả sanh lên từ đoàn thực theo trực tiếp).

Do 6 câu lọc đầu chi pháp giống như 6 câu lọc đầu của câu sanh duyên, nên xin tóm tắt 6 câu lọc như sau: (Cả 6 câu lọc thuộc danh vật thực duyên).

1- Thiện – thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện – vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện – thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện – bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện – bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati āhārapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng vật thực duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , -------

2 --- & ---------- 2 ---------- , -------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhanṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ...

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn.

1 uẩn và sắc nghiệp nương 3 uẩn.

2 --- & ---------- 2 ---

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā...

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ---------

2 ---------- 2 ---------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

(Câu 1 - 2 - 3 thuộc danh vật thực duyên, câu 4 thuộc sắc vật thực duyên).

4- Āhārasamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā...

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển vật thực.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

8- Thiện và vô ký – vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

9- Bất thiện và vô ký – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Danh vật thực duyên luận giải được 9 câu lọc.

Sắc vật thực duyên luận giải được 1 câu lọc.

Tính riêng về câu lọc không giống nhau nên vật thực duyên được 9 câu lọc (āhāre nava). Có 5 câu đầu và 9 câu sau cùng:

- Câu thiện có 3 câu sau cùng: Thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng: Bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

16- QUYỀN DUYÊN

QUYỀN DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Indriye nava) pāli điều thứ 69

Chi pháp danh quyền sở duyên: 89 tâm + 52 tâm sở, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Chi pháp sắc mạng quyền sở duyên: 8 hoặc 9 sắc nghiệp trong cùng bọn (trừ sắc mạng quyền).

Do câu lọc thứ 1 đến thứ 6 và câu lọc thứ 8 đến 9 trình bày như đã trình bày trong câu sanh duyên nên xin trình bày tóm tắt, chỉ trình bày chi tiết riêng về câu lọc thứ 7 là vô ký – vô ký.

1- Thiện – thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện – vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện – thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện – bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện – bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati indriyapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng quyền duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ...

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , -------

2 --- & ---------- 2 ---------- , -------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố, 38 tâm sở ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ...

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattā rūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp: Danh quyền duyên.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 15 sắc y sinh nghiệp (trừ sắc mạng quyền): Sắc mạng quyền duyên.

(Câu 1 - 4 thuộc danh quyền duyên, câu 5 thuộc sắc mạng quyền duyên).

4- Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ---------- ----------

2 ---------- 2 ---------- ----------

Sắc y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng (trừ sắc mạng quyền).

8- Thiện và vô ký – vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

9- Bất thiện và vô ký – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Pháp sanh lên từ quyền duyên có 9 câu lọc:

Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Trong 9 câu lọc, có 5 câu đầu và 9 câu sau cùng giống như câu sanh duyên.

Ghi chú: Pli trình bày về quyền duyên giống như trình bày về nghiệp duyên.

17- THIỀN DUYÊN

THIỀN DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Jhāne nava) pāli điều thứ 70

Chi pháp thiền sở duyên: 79 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 52 tâm sở, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Xin trình bày tóm lược riêng về chi pháp trong mỗi câu lọc như sau:

1- Thiện – thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện – vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện – thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện – bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện – bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký – vô ký:

①- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố, 38 tâm sở ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

②- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

③- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

④- Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

⑤- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

⑥- 4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

⑦- 4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

8- Thiện và vô ký – vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

9- Bất thiện và vô ký – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Pháp sanh lên từ thiền duyên có 9 câu lọc, có 5 câu đầu và 9 câu sau cùng giống như quyền duyên.

Ghi chú: Pli bày về thiền duyên và đạo duyên giống như nhân duyên.

18- ĐẠO DUYÊN

ĐẠO DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Magge nava) pāli điều thứ 70

Chi pháp đạo sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Chi pháp trong câu lọc thứ 1 … 6 và 8 … 9 giống như thiền duyên, chỉ khác nhau câu lọc thứ 7. Nên xin trình bày chi pháp riêng về câu lọc thứ 7.

7- Vô ký – vô ký:

①- 17 tâm quả hữu nhân (trừ 15 tâm quả vô nhân, 4 tâm quả vô sắc), 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===> 17 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38, 17 sắc tâm.

②- 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

③- 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

④- Sắc ý vật tái tục ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35.

⑤- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

⑥- 4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

⑦- 4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Tóm lược: Pháp sanh lên từ đạo duyên có 9 câu lọc, có 5 câu đầu và 9 câu sau cùng giống như quyền duyên.

19- TƯƠNG ƯNG DUYÊN

TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Sampayutte tīṇi) pāli điều thứ 71

Chi pháp tương ưng sở duyên: 89 tâm + 52 trình bày giống như cảnh duyên.

Trong nơi đây xin trình bày tóm lược như sau:

1- Thiện – thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện – bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký – vô ký:

①- 36 tâm quả + 20 tâm tố + 38 ===> 36 tâmquả, 20 tâm tố + 38.

②- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

③- Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

Tóm lược: Pháp sanh lên bằng tương ưng duyên luận

giải được 3 câu lọc. Có 3 câu đầu là thiện, bất thiện, vô ký và 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký theo thứ tự.

20- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Vippayutte nava) pāli điều thứ 72

Chi pháp câu sanh bất tương ưng sở duyên: 75 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 52 tâm sở, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Chi pháp vật tiền sanh bất tương ưng sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc), 52 tâm sở.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------ 3 -------

2 ------ 2 -------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương các uẩn thiện, sắc pháp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 ------

2 --- & ---------- 2 ------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------ 3 ----------

2 ------ 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện, sắc pháp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===>12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho

cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , ------

2 --- & ---------- 2 ---------- , ------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 tâm sở ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ, khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā kaṭattā rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc nghiệp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā, khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā vatthu khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ---------

2 ---------- 2 ---------

5- Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

Sắc tâm và sắc nghiệp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ, khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển, sắc pháp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ, khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển, sắc pháp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Pháp sanh lên bằng bất tương ưng duyên luận giải được 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

9 câu lọc có 5 câu đầu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

Có 9 câu sau cùng:

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Ghi chú: Trong bất tương ưng duyên có tiêu đề mà Đức Phật nêu lên dùng đặc biệt hơn các duyên khác như sau:

1- **Vatthuṃ vippayuttapaccayā** tức các pháp nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên. Các pháp trong nơi đây ám chỉ đến danh uẩn nương sanh 6 vật.

2- **Khandhe vippayuttapaccayā** tức các pháp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên. Các pháp trong nơi đây ám chỉ đến sắc tâm và sắc nghiệp nương sanh các danh uẩn.

Cả 2 tiêu đề đặc biệt này không liên quan đến việc trình bày chi pháp nào cả, chỉ dùng để nhấn mạnh cho thấy tầm quan trọng của bất tương ưng duyên.

21- HIỆN HỮU DUYÊN

HIỆN HỮU DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Atthiyā nava) pāli điều thứ 73

Trình bày giống như câu sanh duyên (atthipaccayaṃ sahajātapaccayasadisaṃ).

22- VÔ HỮU DUYÊN
&
23- LY KHỨ DUYÊN

VÔ HỮU DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC,
LY KHỨ DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Natthiyā tīṇi vigate tīṇi) pāli điều thứ 74

Hai duyên này trình bày giống như cảnh duyên (aramṃanapaccayasadisaṃ)

24- BẤT LY DUYÊN

BẤT LY DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Avigate nava) pāli điều thứ 75

Trình bày giống như câu sanh duyên (avigatapaccayaṃ sahajātapaccayasadisaṃ).

Tóm lược

Trong phần liên quan trình bày 24 duyên theo cách thuận tùng được 23 duyên trừ hậu sanh duyên, là trình bày duyên có 1 căn tức trình bày mỗi lần 1 duyên. Tiếp theo sau Đức Phật thuyết duyên có 2 căn có nhân duyên làm chánh yếu, tức trình bày mỗi lần 2 duyên (dumūla hoặc dvimūla). Như **Hetupaccayā ārammaṇe tīṇi**... cho đến duyên có 23 căn. Khi thêm duyên nhiều lên bao nhiêu thì chi pháp sẽ giảm xuống theo tuần tự.

Khi chấm dứt việc trình bày duyên có nhân duyên làm gốc rồi, thì trình bày duyên có cảnh duyên... làm gốc tiếp tục theo tuần tự cho đến bất ly duyên. Nếu như nêu lên trình bày hết trong nơi đây thì sẽ là gánh nặng cho người trình bày. Nên ở đây chỉ trình bày riêng về nhất căn (ekamūla) và nhị căn (dumūla) như nhân duyên làm gốc thành 1 đôi là

"**Hetupaccaya ārammaṇapaccaya**" để làm phương thức cho người quan tâm tự mình học tập nghiên cứu tiếp tục.

NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN

NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetupaccayā ārammaṇe tīṇi) pāli điều thứ 33

Nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp hữu nhân.

Cảnh sở duyên: 89 + 52.

Pháp vừa làm nhân sở duyên và cảnh sở duyên được: 71 tâm hữu nhân, 52 tâm sở (trừ tâm sở si trong tâm si).

Nhóm thực tánh pháp này khi đem ra phân tích thì được 3 câu lọc. Tính theo chi tiết mà trình bày cả 3 câu lọc thì mỗi phần thực tánh cũng trong phạm vi đó.

Trong pāli không trình bày trực tiếp, nhưng học viên cũng có thể tự trình bày phân tích được do nương theo chi pháp. Và trong câu phụ của tất cả duyên đã trình bày trong phần thuần túy (suddhavāra) (phần trình bày mỗi duyên không lẫn lộn) như hetuyā nava ārammaṇe tīṇi...

Tính theo chi tiết trình bày cả 3 câu lọc như sau:

Pāli: Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 ------

2 ------- 2 ------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 uẩn nương 3 uẩn bất thiện.

2 uẩn nương 2 uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất tiện + 27 $^{-2}$.

Pāli: Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn quả vô ký, tố vô ký.

1 ------- 3 ---------- , ------

2 ------- 2 ---------- , ------

21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākabyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

17 tâm tái tục hữu nhân + 35 ===> 17 tâm tái tục hữu nhân + 35.

3- Vatthuṃ paṭicca khandhā.

Các uẩn nương vào sắc ý vật.

Sắc ý vật tái tục ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35.

Tóm lược: Trong nhân duyên cảnh duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Bởi có 3 câu thiện, bất thiện, vô ký và có thiện, bất thiện và vô ký là câu sau cùng theo tuần tự.

PHẦN LIÊN QUAN

(Paṭiccavāra)

2- CÁCH THUẬN TÙNG

(Paccaniyanaya)

Đức Thế Tôn khi thuyết về cách thuận tùng xong, Ngài thuyết về cách đối lập tiếp theo bằng pāli rằng:

(điều thứ 105)

Na hetuyā dve na ārammaṇe pañca na adhipatiyā nava na anantare pañca na samanantare pañca na aññamaññe pañca na upanissaye pañca na purejāte satta na pacchājāte nava na āsevane nava na kamme tīṇi na vipāke nava na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte pañca na vippayutte tīṇi no natthiyā pañca no vigate pañca.

1- PHI NHÂN DUYÊN

(Na hetupaccaya)

PHI NHÂN DUYÊN CÓ 2 CÂU LỌC

(Na hetuyā dve) pāli điều thứ 87

Pháp nhân địch duyên: Tâm sở si hợp trong 2 tâm si, 18 tâm vô nhân + 12 (trừ tâm sở dục), sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 1- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe paṭicca vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si câu sanh với tâm hoài nghi, câu sanh với tâm phóng dật nương vào các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si) ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 2- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên.

Câu phụ:

1- Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

1 --- & ----- ---- 3 ---------- , ----------

2 --- & ---------- 2 ---------- , ----------

10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở ===> 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở, sắc tâm vô nhân.

2- Ahetukapatisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā katattā ca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục vô nhân 3 uẩn và sắc nghiệp (kaṭattārūpa) nương 1 uẩn vô ký quả.

1 uẩn và sắc nghiệp nương 3 uẩn vô ký quả.

2 uẩn và sắc nghiệp nương 2 uẩn vô ký quả.

2 tâm quả tái tục vô nhân + 10 ===> 2 tâm quả tái tục vô nhân + 10, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

2 tâm quả tái tục vô nhân + 10 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 2 tâm quả tái tục vô nhân + 10.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển (riêng biệt trong sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục vô nhân).

4 sắc đại hiển tâm vô nhân ===> 13 sắc y sinh tâm vô nhân.

4 sắc đại hiển nghiệp vô nhân ===> 16 sắc y sinh nghiệp vô nhân.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, vật thực, quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển ngoại, vật thực, quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển ngoại, vật thực, quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

Sắc nghiệp y sinh (kaṭattārūpa) nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Ghi chú: Pháp được nêu lên trình bày trong phần sở duyên này là pháp địch duyên của mỗi duyên trong phần yếu tri.

Trong nhân duyên thì pháp địch duyên là 2 tâm sở si hợp trong 2 tâm si, 18 tâm vô nhân + 12 tâm sở tợ tha (trừ dục), sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

Lưu ý: Pháp được nêu lên trình bày trong 6 phần như phần liên quan (paṭiccavāra). Về cách thuận tùng thì nêu sở duyên của mỗi duyên lên trình bày. Còn cách đối lập thì nêu địch duyên là pháp ngoài ra sở duyên, đối nghịch lại sở duyên lên trình bày.

Lại nữa, pháp sở duyên và địch duyên mà nêu lên trình bày cả 6 phần trong phần đầu này là pháp sở duyên và địch duyên chẳng phải như trong phần yếu tri đã trình bày trong bộ Vị Trí phần 1.

Tóm lược: Trong phi nhân duyên có 2 câu lọc: Bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Bởi có 2 câu đầu: Bất thiện, vô ký, và 2 câu sau cùng là bất thiện, vô ký:

Câu bất thiện có câu sau cùng là bất thiện.

Câu vô ký có câu sau cùng là vô ký.

2- PHI CẢNH DUYÊN

PHI CẢNH DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na ārammaṇe pañca) pāli điều thứ 88

Pháp cảnh địch duyên: 28 sắc pháp.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn vô ký quả, vô ký tố.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38 tâm sở, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākabyākate khandhe paṭicca kaṭattārūpaṃ.

Trong sát na tái tục thì sắc nghiệp nương sanh các uẩn vô ký quả.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu.

Sắc ý vật nương sanh các uẩn.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūte.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā, tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ, dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, sắc vật thực,sắc quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

Sắc nghiệp y sinh (kaṭattārūpa) nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 4- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na ārammanapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn thiện và sắc đại hiển .

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 5- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na ārammanapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi cảnh duyên có 5 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có câu sau cùng là vô ký.
- Câu bất thiện có câu sau cùng là vô ký.
- Câu vô ký có câu sau cùng là vô ký.
- Câu thiện và vô ký có câu sau cùng là vô ký.
- Câu bất thiện và vô ký có câu sau cùng là vô ký.

3- PHI TRƯỞNG DUYÊN

PHI TRƯỞNG DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Na adhipatiyā nava) pāli điều thứ 89

Pháp trưởng địch duyên: 63 tâm phi trưởng (trừ 26 tâm đồng lực kiên cố), 52 tâm sở, 28 sắc pháp là sắc tâm phi trưởng và sắc nghiệp, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 -------

2 ------- 2 -------

8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

8 tâm đại thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện (chỉ riêng biệt sanh lên với 8 tâm đại thiện)

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti na adhipatipaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương vào các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti na adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 -------

2 --- & ---------- 2 -------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , -------

2 --- & ---------- 2 ---------- , -------

18 tâm quả hiệp thế (trừ 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả siêu thế, 4 tâm quả vô sắc).

11 tâm tố dục giới + 35 tâm sở ===> 18 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 35 tâm sở, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp (kaṭattārūpa) nương 1 uẩn vô ký quả.

1 uẩn và sắc nghiệp nương 3 uẩn vô ký quả.

2 -- & ---------- 2 ---

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upadārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết và sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển ngoại…

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển ngoại…

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjanti na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc tứ đại.

8 tâm đại thiện + 38 , 4 sắc đại hiển thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjanti na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27 , 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi trưởng duyên có 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

4- PHI VÔ GIÁN DUYÊN

PHI VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na anantare pañca) pāli điều thứ 90

✸

5- PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na samanantare pañca) pāli điều thứ 90

Phi vô gián duyên và phi đẳng vô gián duyên trình bày giống như phi cảnh duyên (na anantarapaccayampi nasamanantarapaccayampi na ārammaṇapaccayasadisaṃ).

Pháp vô gián địch duyên: 28 sắc pháp.

Pháp đẳng vô gián địch duyên: 28 sắc pháp.

Cả 2 duyên này trình bày về câu lọc và chi pháp giống như phi cảnh duyên.

Ghi chú: Duyên thứ 6 là phi câu sanh duyên không trình bày theo các đối lập được, vì không có pháp địch duyên.

6- PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN

PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na aññamaññe pañca) pāli điều thứ 91

Pháp hỗ tương địch duyên: Sắc tâm, sắc nghiệp tái tục (trừ sắc ý vật tái tục) và sắc y sinh trong 7 nhóm sắc.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi hỗ tương duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi hỗ tương duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi hỗ tương duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn vô ký quả, vô ký tố.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākabyākate khandhe paṭicca kaṭattārūpaṃ.

Trong sát na tái tục sắc nghiệp nương các uẩn vô ký quả.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 19 sắc nghiệp tái tục (trừ sắc ý vật tái tục).

3- Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

4- Bāhire mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

Sắc y sinh nương sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

5- Āhārasamuṭṭhāne mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

Sắc y sinh nương sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

6- Utusamuṭṭhāne mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

Sắc y sinh nương sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

7- Asaññasattānaṃ mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc y sinh nghiệp nương sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 4- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākāto dhammo uppajjanti na aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi hỗ tương duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 5- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākāto dhammo uppajjanti na aññamaññapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi hỗ tương duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi hỗ tương duyên có 5 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Duyên thứ 8 này là y Chỉ Duyên không trình bày được vì không có pháp địch duyên.

7- PHI CẬN Y DUYÊN

PHI CẬN Y DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na upanissaye pañca) pāli điều thứ 92

Pháp cận y địch duyên: 28 sắc pháp.

Duyên này trình bày giống như phi cảnh duyên (na ārammaṇapaccayasadisaṃ).

9- PHI TIỀN SANH DUYÊN

PHI TIỀN SANH DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Na purejāte satta) pāli điều thứ 93

Pháp tiền sanh địch duyên: 46 tâm là 8 tâm tham, 2 tâm si, 1 tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 4 tâm thiện vô sắc, 4 tâm quả vô sắc, 4 tâm tố vô sắc, 7 tâm siêu thế (trừ tâm Sơ Đạo), 46 tâm sở (trừ 4 sân phần, 2 vô lượng phần) sanh lên trong cõi vô sắc, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 và 7 nhóm sắc như sắc tâm...

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Arūpe kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện trong cõi vô sắc.

1 ------- 3 ------- ----------

2 ------- 2 ------- ----------

15 tâm thiện (là 8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc, 3 tâm Đạo thấp) + 36 tâm sở (trừ vô lượng phần) ===> 15 tâm thiện + 36.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện (trong cõi ngũ uẩn).

Pāli: 3- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Arūpe akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện trong cõi vô sắc.

1 ------- 3 --------- ----------

2 ------- 2 --------- ----------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân) + 23 tâm sở (trừ 4 tâm sở sân phần) ===> 10 tâm bất thiện + 23.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện (trong cõi ngũ uẩn).

Pāli: 5- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

1- Arūpe vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố trong cõi vô sắc.

1 ------- 3 ---------- , ------ ----------

2 ------- 2 ---------- , ------ ----------

8 tâm quả (4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế), 13 tâm tố (1 tâm khai ngũ môn, 8 tâm đại tố, 4 tâm tố vô sắc) + 36 tâm sở ===> 8 tâm quả, 13 tâm tố + 36.

2- Vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn vô ký quả, vô ký tố.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 tâm sở ===> 17 sắc tâm (trong cõi ngũ uẩn).

3- Paṭisandhikkhane vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

4- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

5- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- 3 ---------

2 ---------- 2 ---------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

6- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại,... sắc vật thực,... sắc quí tiết,... sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 sắc đại hiển nương 3 sắc đại hiển ngoại,... sắc vật thực,... sắc quí tiết,... sắc nghiệp Vô Tưởng.

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển ngoại,... sắc vật thực,... sắc quí tiết,... sắc nghiệp Vô Tưởng.

Sắc y sinh nghiệp nương các sắc tứ đại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 6- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjanti na purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc đại hiển và sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển ===> 17 sắc tâm thiện (trong cõi ngũ uẩn).

Pāli: 7- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc đại hiển và sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển ===> 17 sắc tâm bất thiện (trong cõi ngũ uẩn).

Tóm lược: Trong phi tiền sanh duyên có 7 câu lọc : Thiện - thiện, thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, vô ký -vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

- Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 2 câu sau cùng là thiện, vô ký.

- Câu bất thiện có 2 câu sau cùng là bất thiện, vô ký.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.
- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

10- PHI HẬU SANH DUYÊN

PHI HẬU SANH DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Na pacchjte nava) pli điều thứ 94

Pháp hậu sanh địch duyên: 89 tâm + 52 và 7 nhóm sắc.

Trình bày giống như phi trưởng duyên chỉ khác nhau chi pháp. Vì vậy, đức Phật mới thuyết rằng: **"Na pacchjtapaccayampi na adhipatipaccayasadisaṃ".**

10- PHI TẬP HÀNH DUYÊN

PHI TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Na āsevane nava) pāli điều thứ 95

Pháp tập hành địch duyên: Đổng lực đầu tiên của 29

đồng lực dục giới, 2 tâm khai ý môn, 36 tâm quả + 52 tâm sở và 7 nhóm sắc.

Trình bày giống như phi trưởng duyên chỉ khác nhau chi pháp. Vì vậy, Đức Phật mới thuyết rằng: "**Na āsevanapaccayampi na adhipattipaccayasadisaṃ**".

Trong nơi đây trình bày tóm tắt như sau:

1- Thiện - thiện: 8 tâm đại thiện + 38 tâm sở ===> 8 + 38.

2- Thiện - vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 tâm sở ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 tâm sở ===> 8 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 sở hữu ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký- vô ký:

❶36 tâm quả, 11 tâm tố dục giới + 38 sở hữu ===> 36 tâm quả, 11 tâm tố dục giới + 38, 17 sắc tâm.

❷15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

❸15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

❹ Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn.

❺ 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

8- Thiện và vô ký – vô ký: 8 tâm đại thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

9- Bất thiện và vô ký – vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi tập hành duyên có 9 câu lọc như đã trình bày trên. Bởi có 5 câu và 9 câu sau cùng giống như phi trưởng duyên.

11- PHI NGHIỆP DUYÊN

PHI NGHIỆP DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na kamme tīṇi) pāli điều thứ 96

Pháp nghiệp địch duyên: 33 tư thiện, bất thiện, 20 tư tố, sắc ngoại, sắc vật thực và sắc quí tiết.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca kusalā cetanā.

Tư thiện nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 37 tâm sở (trừ tâm sở tư) ===> 21 tư thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca akusalā cetanā.

Tư bất thiện nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 26 tâm sở (trừ tâm sở tư) ===> 12 tư bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

1- Kiriyābyākate khandhe paṭicca kiriyābyākatā cetanā.

20 tâm tố + 34 (trừ tâm sở tư) ===> 20 tư tố.

2- Bāhiraṃ... ahārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết.

1 ---------- --- 3 ---------- , ------ , ----

2 ---------- --- 2 ---------- , ------ , ----

Sắc y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

Tóm lược: Trong phi nghiệp duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện .

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

12- PHI QUẢ DUYÊN

PHI QUẢ DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Na vipāke nava) pāli điều thứ 97

Pháp quả địch duyên: 53 tâm (trừ 36 tâm quả), 52 tâm sở, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 -------

2 ------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti na vipākapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 -----

2 --- & ---------- 2 -----

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------- 3 ---------

2 ------- 2 ---------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti navipākapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng phi quả duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ---------

2 --- & ---------- 2 ---------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi quả duyên.

Câu phụ:

1- Kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

20 tâm tố + 35 ===> 20 + 35, 17 sắc tâm tố.

2- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ----------

2 --------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

3- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭtthānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, …sắc vật thực, …sắc quí tiết, …sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- ---- 3 ----------

2 ---------- ---- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Pāli: 8- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi quả duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 9- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi quả duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi quả duyên có 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 5 câu: Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

13- PHI VẬT THỰC DUYÊN

PHI VẬT THỰC DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na āhāre ekaṃ) pāli điều thứ 98

Pháp vật thực địch duyên: Sắc ngoại, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na āhārapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi vật thực duyên.

Câu phụ:

Bāhiraṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādāpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, …sắc quí tiết, …sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi vật thực duyên có 1 câu lọc: Vô ký - vô ký.

Có 1 câu là vô ký và câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

14- PHI QUYỀN DUYÊN

PHI QUYỀN DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na indriye ekaṃ) pāli điều thứ 99

Pháp quyền địch duyên: Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật và sắc mạng quyền.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na indriyapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi quyền duyên.

Câu phụ:

1- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca upādārūpaṃ.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

2- Asaññasattānaṃ mahābhūte paṭicca rūpajīvitindriyaṃ.

Sắc mạng quyền nương các sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> sắc mạng quyền.

Tóm lược: Trong phi mạng quyền duyên có 1 câu lọc: Vô ký - vô ký.

Có 1 câu là vô ký và câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

15- PHI THIỀN DUYÊN

PHI THIỀN DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na jhāne ekaṃ) pāli điều thứ 100

Pháp thiền địch duyên: 10 tâm ngũ song thức + 7 tâm sở và sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na jhānapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi thiền duyên.

Câu phụ:

1- Pañcaviññāṇasahagataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn đồng sanh với tâm ngũ song thức.

1 uẩn nương 3 uẩn đồng sanh với tâm ngũ song thức.

2 --------- 2 ---------- --- ----------

10 tâm ngũ song thức + 7 ===> 10 + 7

2-Bāhiraṃāhārasamuṭṭhānaṃ...utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển ngoại, …sắc vật thực, …sắc quí tiết, …sắc nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- 3 ----------

2---------- 2 ----------

Sắc y sinh nghiệp nương các sắc tứ đại.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 đại hiển sắc vật thực, 4 sắc đại

quí tiết ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi thiền duyên có 1 câu lọc: Vô ký - vô ký.

Bởi có 1 câu là vô ký và câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

16- PHI ĐẠO DUYÊN

PHI ĐẠO DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na magge ekaṃ) pāli điều thứ 101

Pháp đạo địch duyên: 18 tâm vô nhân + 12 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở dục), sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na maggapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi đạo duyên.

Câu phụ:

1- Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố vô nhân.

1 --- & ---------- 3 ---------- & ----------

2 --- & ---------- 2 ---------- & ----------

10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở ===> 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân + 12, sắc tâm vô nhân.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ, tayo khandhe paṭicca eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ, dve khandhe paṭicca dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục vô nhân 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 1 uẩn và sắc nghiệp nương 3 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 2 uẩn và sắc nghiệp nương 2 uẩn vô ký quả.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 tâm sở ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu, vatthuṃ paṭicca khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y

sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết, 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi đạo duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu vô ký và câu vô ký sau cùng là vô ký.

17- PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN

PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na sampayutte pañca) pāli điều thứ 102

Pháp tương ưng địch duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày giống như phi cảnh duyên.

18- PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na vippayutte tīṇi) pāli điều thứ 103

Pháp bất tương ưng địch duyên: 46 tâm + 46 tâm sở sanh lên trong cõi vô sắc giới, 5 nhóm sắc là sắc ngoại,

sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Arūpe kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện trong cõi vô sắc.

1 -------- 3 ------- ----------

2 -------- 2 ------- ----------

15 tâm thiện + 36 ===> 15 + 36 (15 tâm thiện: 8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc giới, 3 tâm Đạo cao).

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Arūpe akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện trong cõi vô sắc.

1 uẩn nương 3 uẩn bất thiện trong cõi vô sắc.

2 -------- 2 ---------- ----------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân) + 23 (trừ tâm sở sân phần) ===> 10 + 23.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

1- Arūpe vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca eko khandho.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố trong cõi vô sắc.

1 -------- 3 ---------- , ------ ----------

2 -------- 2 ---------- , ------ ----------

8 tâm quả, 13 tâm tố + 36 tâm sở ===> 8 tâm quả, 13 tâm tố + 36.

* 8 tâm quả: 4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế.

* 13 tâm tố: 8 tâm đại tố, 4 tâm tố vô sắc, 1 tâm khai ý môn.

2- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết, 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi bất tương ưng duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký.

Duyên thứ 21 phi hiện hữu duyên & duyên thứ 24 phi bất ly duyên (tính theo thứ tự 24 duyên). Cả 2 duyên này không có pháp địch duyên nên không trình bày được.

19- PHI HIỆN HỮU DUYÊN

(No natthiyā pañca) pāli điều thứ 104

20- PHI BẤT LY DUYÊN

(No vigate pañca) pāli điều thứ 104

Cả 2 duyên này có thực tánh giống như vô gián duyên. Tức có 28 sắc pháp là địch duyên, trình bày giống như phi cảnh duyên.

Việc trình bày 24 duyên trong phần liên quan (paṭiccavāra) cách đối lập này chỉ trình bày được 20 duyên trừ 4 duyên lớn trong giống câu sanh là *câu sanh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên và bất ly duyên.*

Khi Đức Thế Tôn thuyết về 24 duyên thì Ngài chỉ

thuyết 20 duyên theo cách đối lập (paccanūyanaya) xong rồi, Ngài thuyết tiếp theo căn phi nhân duyên bằng pli rằng:

"Na hetupaccayā na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiya dve..." cho đến căn phi bất ly duyên sau cùng chấm dứt phần đối lập.

Trong nơi đây chỉ nêu lên 1 duyên có căn phi nhân (nahetumūla) để học viên nương theo đó mà tự trình bày tiếp theo các duyên có căn khác nhau nữa.

PHI NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN

PHI NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na hetupaccayā na ārammaṇe ekaṃ) pāli điều thứ 106

1- Phi nhân duyên[1]: Tâm sở si hợp trong 2 tâm si, 18 tâm vô nhân + 12, 17 sắc tâm vô nhân, 20 sắc nghiệp tái tục vô nhân, và 5 nhóm sắc còn lại (sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật).

2- Phi cảnh duyên*: 7 nhóm sắc là sắc tâm, sắc nghiệp, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

[5] Pháp làm phi nhân duyên và phi cảnh duyên là pháp nhân địch duyên và pháp cảnh địch duyên trong phần yếu tri.

Pháp làm được cả 2 phi nhân duyên và phi cảnh duyên: 17 sắc tâm vô nhân, 20 sắc nghiệp tái tục vô nhân và sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Các pháp thực tánh này phân ra được 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Trong pāli không trình bày theo chi tiết như được 1 câu lọc, câu lọc nào, có được pháp thực tánh nào. Nhưng học viên cũng có thể hiểu rằng 1 câu lọc (vāra) do Đức Thế Tôn Ngài thuyết rằng: **"Na hetupaccayā na ārammaṇe ekaṃ"** là vô ký - vô ký vì gom lại cả 2 chi pháp trong phi nhân duyên và phi cảnh duyên.

Khi đã hiểu chi pháp rồi thì không khó khăn để hiểu được số lượng câu lọc cho dù không có trình bày câu phụ. Học viên cũng có thể tự trình bày được do nương vào dẫn chứng pāli và câu phụ đã trình bày trong duyên trước.

Trong nơi đây nương vào pāli và câu phụ của phi nhân duyên theo các đối lập làm căn bản như sau:

Pāli: Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati na hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Ahetuke vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân, 12 tâm sở ===> 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm tố vô nhân, 12 tâm sở.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe vipākābyākate khandhe paṭicca kaṭattārūpaṃ.

Trong sát na tái tục vô nhân sắc nghiệp nương các uẩn vô ký quả.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 tâm sở ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu.

Sắc ý vật nương các uẩn.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 tâm sở ===> sắc ý vật tái tục.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm vô nhân ===> 13 sắc y sinh tâm vô nhân.

4 sắc đại hiển nghiệp vô nhân ===> 16 sắc y sinh nghiệp vô nhân.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc

đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết, 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Ghi chú: Dù cho duyên khác bất cứ là 1 duyên hoặc nhiều duyên như căn phi nhân duyên suốt cho đến căn phi cảnh duyên cũng cùng một các trình bày như nhau.

Kết thúc cách đối lập của phần liên quan

PHẦN LIÊN QUAN

(Paṭiccavra)

3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

Khi Đức Thế Tôn thuyết về cách đối lập của phần liên quan xong rồi, Ngài mới thuyết tiếp theo cách thuận tùng đối lập bằng pāli rằng:

(Điều thứ 133)

Hetupaccayā na ārammaṇe pañca... na adhipatiyā nava... na anantare pañca... na samanantare pañca na aññamaññe pañca na upanissaye pañca na purejāte satta na pacchajāte nava na āsevane nava na kamme tīṇi na vipāke nava na sampayutte pañca na vippayutte tīṇi no natthiyā pañca no vigate pañca.

1- NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN

NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na ārammaṇe pañca) pāli điều thứ 133

Duyên thuận tùng: Nhân duyên.

Duyên đối lập: Phi cảnh duyên.

Pháp nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Pháp cảnh địch duyên: 28 sắc pháp.

Pháp làm dược cả 2 nhân duyên phi cảnh duyên: 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Các pháp thực tánh này khi đem phân tích thì được 5 câu lọc: **Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.**

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 tâm sở ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 tâm sở ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn vô ký quả, vô ký tố.

21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 tâm sở ===> 17 sắc tâm hữu nhân.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākate khandhe paṭicca kaṭattārūpaṃ.

Trong sát na tái tục sắc nghiệp nương các uẩn vô ký quả.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paṭicca vatthu.

Sắc ý vật nương các uẩn.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn ===> sắc ý vật tái tục.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paṭicca ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paṭicca dve mahābhūtā.

Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ---------

2 ---------- --- 2 ---------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Pāli: 4- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38 tâm sở, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 5- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27 tâm sở, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi cảnh duyên có 5 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Bởi có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

Cả 5 câu đều có 1 câu sau cùng là vô ký.

2- NHÂN DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN

NHÂN DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na adhipatiyā nava) pāli điều thứ 133

Duyên thuận tùng: Nhân duyên.

Duyên đối lập: Phi trưởng duyên.

Pháp nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Pháp trưởng địch duyên: 63 tâm phi hữu trưởng là 12 tâm bất thiện, 3 tâm tố vô nhân, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 32 tâm quả hiệp thế (trừ 26 tâm đổng lực kiên cố), 52 tâm sở, sắc tâm phi trưởng và sắc nghiệp, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pháp làm được cả 2 nhân duyên phi trưởng duyên: 48 tâm là 12 tâm bất thiện, 3 tâm tố vô nhân, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 17 tâm quả hiệp thế hữu nhân, 52 $^{-2}$, sắc tâm và sắc nghiệp câu sanh với 48 tâm (theo tương ứng).

Nhóm pháp thực tánh này phân ra được 9 câu lọc:

Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Cách trình bày cả 9 câu lọc giống như phi trưởng duyên, chỉ khác nhau chi pháp. Học viên có thể tự trình bày được, nên không trình bày trong nơi đây.

Lại nữa, các duyên khác trong cách thuận tùng đối lập mà không đem ra trình bày cũng có cách để tìm ra pháp thực tánh theo phương pháp như cách đã trình bày. Học viên vẫn tự trình bày được, dù trong pli không đề cập theo chi tiết nhưng cũng tính được số lượng câu lọc, nên xin chấm dứt việc trình bày cách thuận tùng đối lập.

Kết thúc cách thuận tùng đối lập của phần liên quan

PHẦN LIÊN QUAN

(Paṭiccavra)

4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

Khi Đức Thế Tôn khi thuyết về phần liên quan theo cách thuận tùng đối lập xong rồi. Bấy giờ, Ngài mới thuyết về cách đối lập thuận tùng khởi đầu bằng pli rằng:

(Điều thứ 192)

"Na hetuyā ārammaṇe dve... anantare dve samanantare dve sahajāte dve aññamaññe dve nissaye dve upanissaye dve purejāte dve āsevane dve kamme dve vipāke ekaṃ āhāre dve indriye dve jhāne dve magge ekaṃ sampayutte dve vippayutte dve atthiyā dve natthiyā dve vigate dve avigate dve..."

Về cách đối lập thuận tùng duyên gốc hoặc duyên chánh thuộc đối lập, duyên ngọn thuộc thuận tùng. Khi Đức Thế Tôn chỉ thuyết về duyên có 1 gốc bằng cách nêu phi nhân duyên làm chánh yếu rồi, Ngài mới thuyết duyên có 2 gốc - 3 gốc,... thêm vào theo tuần tự. Bởi duyên ngọn

chỉ có 1 duyên cho đến khi hoàn chỉnh. Sau đó Ngài mới khởi đầu thuyết phi cảnh duyên... làm gốc cho đến duyên như phi bất ly duyên làm gốc mới chấm dứt thuyết về cách đối lập thuận tùng của phần liên quan.

Trong nơi đây sẽ trình bày cách đối lập thuận tùng bằng cách vừa đủ cho học viên tự mình có thể trình bày tiếp theo. Vì trong pāli không có trình bày câu pāli và câu phụ.

PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN

PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN CÓ 2 CÂU LỌC

(Na hetupaccayā ārammaṇe dve) pāli điều thứ 192

Duyên đối lập: Phi nhân duyên.

Duyên thuận tùng: Cảnh duyên.

Pháp nhân địch duyên: 18 tâm vô nhân + 12, tâm sở si hợp trong 2 tâm si, 17 sắc tâm vô nhân, 20 sắc nghiệp tái tục vô nhân và sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật là phi nhân duyên.

Pháp cảnh sở duyên: 89 tâm + 52 tâm sở là cảnh duyên.

Pháp làm được cả 2 phi nhân duyên cảnh duyên: 18 tâm vô nhân + 12, tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pháp làm được cả 2 duyên khi phân ra được 2 câu lọc:

Bất thiện - bất thiện và vô ký - vô ký.

Pāli: 1- Akusalaṃ dhammaṃ paṭicca akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe paṭicca vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si câu sanh với tâm si hoài nghi, tâm si phóng dật nương các uẩn đồng sanh với tâm si hoài nghi, tâm si phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si) ===> 2 tâm sở si.

Pāli: 2- Abyākataṃ dhammaṃ paṭicca abyākato dhammo uppajjati nahetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ.

Ekaṃ khandhaṃ paṭicca tayo khandhā.

Tayo khandhe paṭicca ekaṃ khandhaṃ.

Dve khandhe paṭicca dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

1 --------- 3 ---------- , ----------

2 --------- 2 ---------- , ----------

15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở ===> 15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở.

Tóm lược: Trong phi nhân duyên cảnh duyên có 2 câu lọc:

Bất thiện - bất thiện và vô ký - vô ký.

Bởi có câu bất thiện và câu vô ký và có bất thiện và vô ký là câu sau cùng.

Kết thúc cách đối lập thuận tùng của phần liên quan

Kết thúc phần liên quan

II-

PHẦN CÂU SANH
(Sahajtavra)

Khi Đức Thế Tôn thuyết về phần liên quan theo 4 cách như cách thuận tùng... xong rồi, Ngài mới thuyết tiếp về phần câu sanh theo 4 cách như cách thuận tùng...

Theo cách chi tiết của phần câu sanh này giống như phần liên quan. Vì Ngài nêu pháp sở duyên lên thuyết bằng uẩn câu sanh với nhau, chỉ đổi từ liên quan (paṭicca) thành từ câu sanh (sahajāto). Như sẽ nêu lên dẫn chứng trình bày sau đây:

(Điều thứ 236)

Kusalaṃ dhammaṃ sahajāto kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện (kusalo dhammo) câu sanh với (sahajāto) pháp thiện (kusalaṃ dhammaṃ) khởi hiện (uppajjati) bằng nhân duyên (hetupaccayā).

Và: **Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ sahajātā tayo khandhā.**

Tayo khandhe sahajāto eko khandho.

Dve khandhe sahajātā dve khandhā.

3 uẩn câu sanh với 1 uẩn thiện.

1 ---------- --- 3 -------

2 ---------- --- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

Kết thúc phần câu sanh

III-

PHẦN DUYÊN

(Paccayavāra)

Đức Thế Tôn thuyết về phần câu sanh theo 4 cách như cách thuận tùng... xong rồi, Ngài mới thuyết tiếp về phần duyên theo 4 cách như cách thuận tùng. Trong cách này Ngài nêu pháp sở duyên lên thuyết theo câu sanh (sahajāta) và tiền sanh (purejāta) bằng pāli rằng:

"Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā"...

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

Từ "Duyên" (paccayā) trong nơi đây cho dù dịch là "nương sanh" giống như từ liên quan (paṭicca), nhưng ý nghĩa thì khác nhau. Vì từ "Duyên" ám chỉ đến:

1- Nương sanh bằng cách câu sanh với nhau.

2- Nương sanh bằng cách sanh trước.

3- Nương sanh bằng cách câu sanh và sanh trước.

Còn từ "liên quan" thì ám chỉ thuần nhất bằng cách câu sanh. Do đó, tính số lượng câu lọc trong phần duyên mới có nhiều hơn trong phần liên quan.

Như nhân duyên của phần duyên (paccayavāra) có đến 17 câu lọc, còn trong phần liên quan (paṭiccavāra) chỉ có 9 câu lọc.

Đức Thế Tôn Ngài thuyết về số lượng của mỗi duyên trong phần duyên như sau:

(Pāli điều thứ 272)

Hetuyā sattarasa ārammaṇe satta adhipatiyā sattarasa anantare satta samanantare satta sahajāte sattarasa aññamaññe satta nissaye sattarasa upanissaye satta purejāta satta āsevane satta kamme sattarasa vipāke ekaṃ āhāre sattarasa indriye sattarasa jhāne sattarasa magge sattarasa samupayutte satta vippayutte sattarasa atthiyā sattarasa natthiyā satta vigate satta avigate sattarasa.

Trình bày 24 duyên trong phần duyên thì được 23 duyên trừ *hậu sanh duyên*, lý do đã trình bày trong phần liên quan rồi.

Bây giờ sẽ trình bày số lượng câu đáp bắt đầu kể từ Hetuyā sattarasa theo tuần tự.

Lại nữa, khi nhấn mạnh cho thấy được sự khác biệt nhau giữa phần liên quan với phần duyên, nên mới dịch từ " Duyên" (paccaya) là nương sanh.

1- CÁCH THUẬN TÙNG

(Anulomanaya)

1- NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Hetuyā sattarasa) pāli điều thứ 246 - 250

Pháp nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 -------

2 -------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp thiện và pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 -------

2 --- & ---------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 -------- 3 ----------

2 -------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 $^{-2}$.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp bất thiện và pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 $^{-2}$, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , ------

2 --- & ---------- 2 ---------- , ------

17 tâm quả hữu nhân (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 17 tâm quả hữu nhân, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> 13 + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattarūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ---------

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển.

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Vatthuṃ paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 17 tâm quả hữu nhân (trừ 4 tâm quả vô sắc) 17 tâm tố hữu nhân + 38.

Pāli: 8- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 9- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27 [-2].

Pāli: 10- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển.

Sắc ý vật (sanh trước), 4 sắc đại hiển tâm thiện (đồng sanh) ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

Trong câu này pháp quả là 21 tâm thiện + 38 và 17 sắc tâm thiện đồng sanh có nơi nương khác nhau.

Như 21 tâm thiện + 38 nương sắc ý vật sanh trước, còn 17 sắc tâm thiện nương 4 sắc đại hiển đồng sanh với nhau.

Pāli: 11- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển.

Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 12- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 -------- 3 ------- & -------

2 -------- 2 ------- & -------

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38 (câu sanh + sanh trước).

Pāli: 13- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 14- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp thiện và pháp vô ký nương sanh pháp thiện và pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ------ & ------

2 ------- 2 ------ & ------

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

A- 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38 (câu sanh + sanh trước).

B- 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện (câu sanh).

Trong nơi đây pháp quả là 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện có nơi nương khác nhau.

Như 21 tâm thiện + 38 nương 21 tâm thiện + 38 và sắc ý vật sanh trước. Còn 17 sắc tâm thiện nương 21 tâm thiện + 38 và 4 sắc đại hiển tâm thiện đồng sanh.

Pāli: 15- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 -------- 3 ---------- & -------

2 -------- 2 ---------- & -------

12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27 $^{-2}$.

Pāli: 16- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 17- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti hetupaccayā.

Pháp bất thiện và pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ---------- & ------

2 ------- 2 ---------- & ------

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

A- 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27 $^{-2}$ (câu sanh + sanh trước).

B- 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện (câu sanh).

(***A***+ ***B***): 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật , 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Nhân duyên trong phần duyên (paccayavāra) có 17 câu lọc:

Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, vô

ký - thiện và vô ký, vô ký - bất thiện và vô ký, thiện và vô ký - thiện, thiện và vô ký - vô ký, thiện và vô ký - thiện và vô ký, bất thiện và vô ký - bất thiện, bất thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký.

Có 5 câu : Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 5 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

2- CẢNH DUYÊN

CẢNH DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Ārammaṇe satta) pāli điều thứ 251- 255

Pháp cảnh sở duyên: 89 tâm, 52 tâm sở.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------ 3 ------

2 ------ 2 ------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------ 3 ---------

2 ------ 2 ---------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 ------ 3 ---------- , -------

2 ------ 2 ---------- , -------

36 tâm quả, 20 tâm tố + 38 ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục 1 uẩn nương 3 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục 2 uẩn nương 2 uẩn vô ký quả.

19 tâm tái tục + 35 ===> 19 tâm tái tục + 35.

3- Vatthuṃ paccayā khandhā.

Các uẩn nương sắc ý vật.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục + 35.

4- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ.

Nhãn thức nương nhãn thanh triệt.

Nhãn thanh triệt ===> 2 tâm nhãn thức + 7.

5- Sotāyatanaṃ paccayā sotaviññāṇaṃ.

Nhĩ thức nương nhĩ thanh triệt.

Nhĩ thanh triệt ===> 2 tâm nhĩ thức + 7.

6- Ghānāyatanaṃ paccayā ghānaviññāṇaṃ.

Tỷ thức nương tỷ thanh triệt.

Tỷ thanh triệt ===> 2 tâm tỷ thức + 7.

7- Jivhāyatanaṃ paccayā jivhāviññāṇaṃ.

Thiệt thức nương thiệt thanh triệt.

Thiệt thanh triệt ===> 2 tâm thiệt thức + 7.

8- Kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Thân thức nương thân thanh triệt.

Thân thanh triệt ===> 2 tâm thân thức + 7.

9- Vatthuṃ paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố, 38 tâm sở.

Pāli: 4- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 5- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Pāli: 6- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------ 3 ------- & -------

2 ------ 2 ------- & -------

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 7-Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati ārammañapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 uẩn nương 3 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

2 ------ 2 ---------- & -------

12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Tóm lược: Trong cảnh duyên có 7 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.
- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là bất thiện.

3- TRƯỞNG DUYÊN

TRƯỞNG DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Adhipatiyā sattarasa) pāli điều thứ 256

Pháp trưởng sở duyên: 52 tâm đổng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm si, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 51 tâm sở (trừ tâm sở hoài nghi), 17 sắc tâm hữu trưởng.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 --------

2 ------- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 --------

2 --- & ---------- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi) ===> 10 (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi).

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

10 tâm bất thiện + 26 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

10 tâm bất thiện + 26 ===> 10 + 26, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ----- --- 3 ---------- , ------

2 --- & ----- --- 2 ---------- , ------

4 tâm quả siêu thế, 17 đồng lực tố (trừ Ưng Cúng Vi Tiếu) + 38 ===> 4 tâm quả siêu thế, 17 đồng lực tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ----------

2 sắc đại hiển nương 2 sắc đại hiển.

Sắc tâm y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

3- Vatthuṃ paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 4 tâm quả siêu thế, 17 đồng lực tố (trừ Ưng Cúng Vi Tiếu) + 38.

Pāli: 8- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 9- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi).

Pāli: 10- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Uẩn thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển.

Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 11- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Uẩn bất thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển.

Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 10 tâm bất thiện + 26, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 12- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------ 3 ------ & -------

2 ------ 2 ------ & -------

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

Pāli: 13- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 14- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā, tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho, dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā , kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------ 3 ------ & -------

2 ------ 2 ------ & -------

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 15- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------ 3 ---------- & -------

2 uẩn nương 2 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi), sắc ý vật ===> 10 + 26.

Pāli: 16- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

10 tâm bất thiện + 26, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 17- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------ 3 ---------- & -------

2 ------ 2 ---------- & -------

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

10 tâm bất thiện + 26, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 10 + 26, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong trưởng duyên có 17 câu lọc:

Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, vô ký - thiện và vô ký, vô ký - bất thiện và vô ký, thiện và vô ký - thiện, thiện và vô ký - vô ký, thiện và vô ký - thiện và vô ký, bất thiện và vô ký - bất thiện, bất thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký.

Có 5 câu : Câu thiện, câu bất thiện, câu vô ký, câu thiện và vô ký, câu bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 5 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

4- VÔ GIÁN DUYÊN

VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Anantare satta) pāli điều thứ 257

5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Samanantare satta) pāli điều thứ 257

Pháp vô gián sở duyên: 89 tâm

Pháp đẳng vô gián sở duyên: + 52 tâm sở.

Chi pháp của vô gián duyên và đẳng vô gián duyên giống như cảnh duyên, nên trình bày phân tích 7 câu cũng giống như cảnh duyên.

6- CÂU SANH DUYÊN

CÂU SANH DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Sahajāte sattarasa) pāli điều thứ 258

Pháp câu sanh sở duyên: 89 + 52, 28 sắc pháp.

Nương từ pli và câu phụ trong 17 câu lọc thì trình bày giống như trong nhân duyên, chỉ có một số khác nhau về chi pháp. Vì vậy, nên chỉ trình bày tóm tắt riêng biệt đầy đủ về tên câu lọc và chi pháp để được đầy đủ chi tiết hơn. Như vô ký - vô ký mà thôi.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati sahajātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, dve khandhe paccayā khandhā cittasamuṭṭnañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ------ ---- 3 ---------- , -------

2 --- & ------ ---- 2 ---------- , -------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn.

---------- ---- 1 --- & ---------- 3 ---

---------- ---- 2 --- & ---------- 2 ---

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ---------

2 --------- --- 2 ---------

Sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết, 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

6- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññaṇaṃ... kāyayatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

7- Cakkhuṃ paccayā vipākabyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 32 tâm quả (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký- bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký- vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký- bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 **+ 27, 17 sắc tâm bất thiện.**

Tóm lược: Trong câu sanh duyên có giải 17 câu lọc như đã trình bày.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như nhân duyên.

7- HỖ TƯƠNG DUYÊN

HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Aññamaññe satta) pāli điều thứ 259

Pháp hỗ tương sở duyên: 89 + 52, 4 sắc đại hiển, sắc ý vật tái tục.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 1- **Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā...**

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 -------- 3 ---------- , --------

2 -------- 2 ---------- , --------

36 tâm quả, 20 tâm tố, 38 tâm sở ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā vatthu ca...

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc ý vật nương 1 uẩn vô ký quả.

--------- ---- 1 --- & ------- --- 3 ----------

--------- ---- 2 --- & ------- --- 2 ----------

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, sắc ý vật tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā...

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ---------

2 ---------- --- 2 ---------

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

5- Bhiraṃ... hrasamuṭṭhnaṃ... utusamuṭṭhnaṃ... asađđasattnaṃ ekaṃ mahbhtaṃ paccay tayo mahbht...

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ---------

2 ---------- --- 2 ---------

Sắc đại hiển nghiệp nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết, 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

6- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Nhãn thức nương nhãn xứ... thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7 tâm sở tợ tha biến hành.

7- Cakkhu paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 32 tâm quả (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 tâm sở.

4- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

5- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

6- Thiện và vô ký- thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

7- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

Tóm lược: Trong hỗ tương duyên có 7 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Có 5 câu và 7 câu sau cùng giống như cảnh duyên.

8- Y CHỈ DUYÊN

Y CHỈ DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Nissaye sattarasa) pāli điều thứ 260

Pháp y chỉ sở duyên: 89 + 52, 28 sắc pháp.

Trình bày chi pháp giống như câu sanh duyên.

9- CẬN Y DUYÊN

CẬN Y DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Upanissaye satta) pāli điều thứ 261

Pháp cận y sở duyên: 89 + 52.

Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên.

10- TIỀN SANH DUYÊN

TIỀN SANH DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Purejāte satta) pāli điều thứ 262

Pháp tiền sanh sở duyên: 89 tâm(trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 --------

2 -------- 2 --------

Các uẩn thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 uẩn nương 3 uẩn bất thiện.

2 -------- 2 ----------

Các uẩn bất thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 -------- 3 ---------- , -------

2 -------- 2 ---------- , -------

Các uẩn thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

32 tâm quả (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 32 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

2- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Nhãn thức nương nhãn xứ... thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

3- Vatthuṃ paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 26 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức), 20 tâm tố + 38.

Pāli: 4- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

Các uẩn thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 5- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

Các uẩn bất thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Pāli: 6- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ------- & -------

2 ------- 2 ------- & -------

Các uẩn thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

Pāli: 7- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ---------- & -------

2 ------- 2 ---------- & -------

Các uẩn bất thiện nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

Tóm lược: Trong tiền sanh duyên có 7 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.
- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là bất thiện.

Ghi chú: Duyên thứ 11 là ***hậu sanh duyên*** không trình bày được.

11- TẬP HÀNH DUYÊN

TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Āsevane satta) pāli điều thứ 263

Pháp tập hành sở duyên: 51 tâm đổng lực (trừ 4 tâm quả siêu thế), 52 tâm sở.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 18 tâm tố đổng lực + 35 ===> 18 + 35.

Sắc ý vật ===> 18 tâm tố đổng lực + 35.

4- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

5- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

6- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

7- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

Tóm lược: Trong phần tập hành duyên có 7 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là bất thiện.

12- NGHIỆP DUYÊN

NGHIỆP DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Kamme sattarasa) pāli điều thứ 264

Pháp nghiệp sở duyên: 89 tâm + 51 tâm sở (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục và bình nhật, 9 sắc nghiệp Vô Tưởng.

(Trong nơi đây trình bày cả 2 loại chi pháp của câu sanh nghiệp và dị thời nghiệp).

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư).

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư).

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

a) Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , -------

2 --- & ---------- 2 ---------- , -------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm.

b) Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

--------- ---- 1 --- & ------- --- 3 ----------

--------- ---- 2 --- & ------- --- 2 ----------

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

(Trong sát na tái tục thì pháp sở duyên không trừ tâm sở tư vì là pháp quả của dị thời nghiệp duyên, nếu là quả của câu sanh duyên mới trừ ra).

c) Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

d) Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūte.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ---------

2 ---------- --- 2 ---------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

e) Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūte.

Mahābhūte paccayā kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

1 ---------- --- 3 ---------- ----------

2 ---------- --- 2 ---------- ----------

Sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> sắc mạng quyền.

(Trình bày theo sớ giải là sắc mạng quyền nương sanh từ nghiệp nhất định).

f) Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Tâm nhãn thức nương nhãn xứ... tâm thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 6 (trừ tâm sở tư).

g) Vatthuṃ paccayā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố, 37 tâm sở (trừ tâm sở tư).

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư).

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư).

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư).

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư).

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư), 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong nghiệp duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như nhân duyên.

13- QUẢ DUYÊN

QUẢ DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Vipāka ekaṃ) pāli điều thứ 265

Pháp quả sở duyên: 36 tâm quả + 38, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vipākapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng quả duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Sắc tâm và 3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả.

----- & 1 -------- 3 ----------

----- & 2 -------- 2 ----------

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc) + 38 ===> 22 + 38, 15 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn quả và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

---------- 1 ------ & ---------- 3 ---

---------- 2 ------ & ---------- 2 ---

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương các sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Tâm nhãn thức nương nhãn xứ... tâm thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

6- Vatthuṃ paccayā vipākabyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc) + 38 tâm sở.

Tóm lược: Trong quả duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Vì có 1 câu vô ký và câu sau cùng cũng là vô ký.

14- VẬT THỰC DUYÊN

VẬT THỰC DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Āhāre sattarasa) pāli điều thứ 266

Pháp vật thực sở duyên: 89 tâm + 52, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục, 12 sắc vật thực.

(Trình bày theo sở duyên của danh vật thực và sắc vật thực gom chung với nhau).

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- 4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- 4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

6- 5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7 tâm sở tợ tha biến hành.

7- Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 tâm sở.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong vật thực duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như nhân duyên.

15- QUYỀN DUYÊN

QUYỀN DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Indriye sattarasa) pāli điều thứ 267

Pháp quyền sở duyên: 89 tâm + 52, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục, sắc nghiệp Vô Tưởng (trừ sắc mạng quyền của Phạm Thiên Vô Tưởng).

(Trình bày theo sở duyên của danh mạng quyền và sắc mạng quyền gom chung với nhau).

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả

vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- 4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng (trừ sắc mạng quyền).

6- 5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7 tâm sở tợ tha biến hành.

7- Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 tâm sở.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong quyền duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như đã trình bày trên.

16- THIỀN DUYÊN

THIỀN DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Jhāna sattarasa) pāli điều thứ 268

Pháp thiền sở duyên: 79 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 52, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- 4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong thiền duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như nhân duyên.

17- ĐẠO DUYÊN

ĐẠO DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Magge sattarasa) pāli điều thứ 268

Pháp đạo sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

(Trình bày chi pháp giống như nhân duyên, chỉ không trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si).

18- TƯƠNG ƯNG DUYÊN

TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Sampayutte satta) pāli điều thứ 269

Pháp tương ưng sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

19- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Vippayutte sattarasa) pāli điều thứ 270

Pháp bất tương ưng sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52 tâm sở, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục (câu sanh + tiền sanh).

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 ------- 3 -------

2 ------- 2 -------

Các uẩn thiện nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương sanh các uẩn thiện, sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 3- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn thiện.

1 --- & ---------- 3 ------

2 --- & ---------- 2 ------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên, sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 4- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện.

1 ------- 3 ----------

2 ------- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 5- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện, sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 6- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

Khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn bất thiện.

1 --- & ---------- 3 ----------

2 --- & ---------- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên, sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 7- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ... dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ, khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 --- & ---------- 3 ---------- , -------

2 --- & ---------- 2 ---------- , -------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên, sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 22 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 17 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Tayo khandhe paccayā eko khandho kaṭattā ca rūpaṃ.

Dve khandhe paccayā dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā kaṭattārūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

---------- 1 --- & ---------- 3 ---------

---------- 2 --- & ---------- 2 ---------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên, sắc nghiệp nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā vatthuṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên, sắc ý vật nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ

rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 ---------- ---- 3 ----------

2 ---------- ---- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển. Cả 2 loại sắc này nương sanh các uẩn bằng bất tương ương duyên.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- Cakkhāyataṇaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyataṇaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Tâm nhãn thức nương nhãn xứ... tâm thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

6- Vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38.

Pāli: 8- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật, các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 9- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật, các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Pāli: 10- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā kusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Các uẩn thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển, các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 11- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā akusalā khandhā mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Các uẩn bất thiện nương sắc ý vật, sắc tâm nương sắc đại hiển, các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương sanh các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 12- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 -------- & ------

2 ------- 2 -------- & ------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

Pāli: 13- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển, sắc tâm nương sanh các uẩn thiện bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 14- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp thiện và vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 -------- & ------

2 ------- 2 -------- & ------

Sắc tâm nương uẩn thiện và sắc đại hiển.

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 15- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ---------- & ------

2 ------- 2 ---------- & ------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

Pāli: 16- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển, sắc tâm nương sanh các uẩn bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 17- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo ca abyākato ca dhammā uppajjanti vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện và vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe ca vatthuñca paccayā eko khandho.

Dve khandhe ca vatthuñca paccayā dve khandhā.

Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ khandhe vippayuttapaccayā.

3 uẩn nương 1 uẩn bất thiện và sắc ý vật.

1 ------- 3 ---------- & ------

2 ------- 2 ---------- & ------

Sắc tâm nương uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

Sắc tâm nương các uẩn bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong bất tương ưng duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như nhân duyên.

20- HIỆN HỮU DUYÊN

HIỆN HỮU DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Atthiyā sattarasa) pāli điều thứ 271

Pháp hiện hữu sở duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp.

(Trình bày chi pháp giống như câu sanh duyên).

21- VÔ HỮU DUYÊN

VÔ HỮU DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Natthiyā satta) pāli điều thứ 271

Pháp vô hữu sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

22- LY KHỨ DUYÊN

LY KHỨ DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Vigate satta) pāli điều thứ 271

Pháp ly khứ sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

23- BẤT LY DUYÊN

BẤT LY DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Avigate sattarasa) pāli điều thứ 271

Pháp bất ly sở duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp.

(Trình bày chi pháp giống như câu sanh duyên).

Khi Đức Thế Tôn thuyết 24 duyên bằng 23 duyên (trừ hậu sanh duyên) của phần duyên theo cách thuận tùng. Rồi Ngài thuyết duyên có 1 - 2 - 3 căn… theo thứ tự từ căn nhân… cho đến cuối cùng là căn bất ly mới chấm dứt thuyết phần duyên theo cách thuận tùng.

Sau đó mới thuyết tiếp theo phần duyên theo cách đối lập.

PHẦN DUYÊN

(Paccayavāra)

2- CÁCH ĐỐI LẬP

(Paccanīyanaya)

(Điều pāli thứ 291)

Na hetuyā cattāri na ārammaṇe pañca na adhipatiyā sattarasa na anantare pañca na samanantare pañca na aññamaññe pañca na upanissaye pañca na purejāte satta na pacchājāte sattarasa na āsevane sattarasa na kamme satta na vipāke sattarasa na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte pañca na vippayutte tīṇi no natthiyā pañca no vigate pañca.

Trong cách đối lập của phần duyên này, trình bày 24 duyên bằng 20 duyên trừ 4 duyên thuộc giống câu sanh đại (sahajātajāti) là ***câu sanh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên và bất ly duyên***. Vì 4 duyên này không có pháp địch duyên (pháp ngoài ra sở duyên) để nêu lên trình bày.

1- PHI NHÂN DUYÊN

PHI NHÂN DUYÊN CÓ 4 CÂU LỌC

(Na hetuyā cattāri) pāli điều thứ 283

Phi nhân năng duyên: 18 tâm vô nhân + 12, tâm sở si hợp trong 2 tâm si, sắc tâm vô nhân. Sắc nghiệp tái tục vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: 1- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati nahetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe paccayā vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si) ===> 2 tâm sở si.

Pāli: 2- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati nahetupaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên.

Câu phụ:

1-Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ... dve khandhe paccayā dve khandhā cittasamuṭṭhānañca rūpaṃ.

3 uẩn và sắc tâm nương 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

1 --- & ---------- 3 ---------- , ----------

2 uẩn và sắc tâm nương 2 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

5 tâm quả vô nhân (trừ 10 tâm ngũ song thức), 3 tâm tố vô nhân + 12 ===> 5 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12, 17 sắc tâm vô nhân.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā kaṭattā ca rūpaṃ... dve khandhe paccayā dve khandhā kaṭattā ca rūpaṃ.

Trong sát na tái tục vô nhân 3 uẩn và sắc nghiệp nương 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 1 uẩn và sắc nghiệp nương 3 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 2 uẩn và sắc nghiệp nương 2 uẩn vô ký quả.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> 2 tâm tái tục vô nhân

+ 10, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu, vatthuṃ paccayā khandhā.

Sắc ý vật nương các uẩn, các uẩn nương sắc ý vật.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ----------

2 --------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương sắc đạihiển.

4 sắc đại hiển tâm vô nhân ===> 4 sắc đại hiển tâm vô nhân.

4 sắc đại hiển tâm vô nhân ===> 13 sắc y sinh tâm vô nhân.

4 sắc đại hiển nghiệp vô nhân ===> 4 sắc đại hiển nghiệp vô nhân.

4 sắc đại hiển nghiệp vô nhân ===> 16 sắc y sinh nghiệp vô nhân.

5- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ... asaññasattānaṃ.

Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā kaṭattārūpaṃ upādārūpaṃ.

Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc quí tiết... sắc nghiệp Vô Tưởng.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ----------

2 --------- --- 2 ----------

Sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc y sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

6- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

7- Vatthuṃ paccayā ahetukavipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 5 tâm quả vô nhân (trừ 10 tâm ngũ song thức), 3 tâm tố vô nhân + 12.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 4- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe ca vatthuñca vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật và sắc ý vật.

2 tâm si + 15, sắc ý vật ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Tóm lược: Trong phi nhân duyên có 4 câu lọc:

Bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - bất thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Bởi có 3 câu: Bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu vô ký có 2 câu sau cùng là vô ký, thiện.

- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là bất thiện.

2- PHI CẢNH DUYÊN

PHI CẢNH DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na ārammaṇe pañca) pāli điều thứ 284

Phi cảnh năng duyên: 28 sắc pháp.

Việc trình bày chi pháp trong phi cảnh duyên của phần duyên (paccayavāra) giống như phi cảnh duyên trong phần liên quan (paṭiccavāra). Nên chỉ trình bày chi pháp riêng biệt về 5 câu lọc cho hiểu mà thôi. Pāli và câu phụ thì xin vui lòng xem trong phi cảnh duyên của phần liên quan.

1- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

2- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

3- Vô ký - vô ký:

1- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 17 sắc tâm.

2- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

4- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

4- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

5- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi cảnh duyên có 5 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

- Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

- Câu bất thiện và vô ý có 1 câu sau cùng là vô ký.

3- PHI TRƯỞNG DUYÊN

PHI TRƯỞNG DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Na adhipatiyā sattarasa) pāli điều thứ 285

Phi trưởng năng duyên: 63 tâm phi trưởng là 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 32 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 52, 28 sắc pháp.

1- Thiện - thiện: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 38.

2- Thiện - vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===>12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 18 tâm quả hiệp thế (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 11 tâm tố dục giới + 35 tâm sở ===> 18 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 35, 17 sắc tâm.

2-15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

5- 5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

6- Sắc ý vật ===> 18 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 35.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 8 tâm đại thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 8 tâm đại thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 8 tâm đại thiện + 38, sắc ý vật ===> 8 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 8 tâm đại thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 8 tâm đại thiện +

38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 8 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi trưởng duyên có 17 câu lọc như đã trình bày trên.

- Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 5 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện và vô ký có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

4- PHI VÔ GIÁN DUYÊN &

5- PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

PHI VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na anantare pañca, na samanantare pañca)

pāli điều thứ 286

Phi vô gián năng duyên: 28 sắc pháp.

Phi đẳng vô gián năng duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày chi pháp giống như phi cảnh duyên.

6- PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN

PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na aññamaññe pañca) pāli điều thứ 286

Phi hỗ tương năng duyên: 24 sắc y sinh (trừ sắc ý vật tái tục).

Trình bày chi pháp giống như phi hỗ tương duyên của phần liên quan (paṭiccavāra).

7- PHI Y CHỈ DUYÊN

PHI Y CHỈ DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na upanissaye pañca) pāli điều thứ 286

Phi y chỉ năng duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày giống như phi cảnh duyên.

8- PHI TIỀN SANH DUYÊN

PHI TIỀN SANH DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Na purejāte satta) pāli điều thứ 286

Phi tiền sanh năng duyên: 46 tâm + 46 tâm sở sanh lên trong cõi vô sắc. 15 tâm tái tục trong cõi ngũ uẩn + 35, 28 sắc pháp.

Trình bày chi pháp giống như phi tiền sanh duyên của phần liên quan (paṭiccavāra).

9- PHI HẬU SANH DUYÊN

PHI HẬU SANH DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Na pacchājāte sattarasa) pāli điều thứ 287

Phi hậu sanh năng duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp.

Trình bày chi pháp cho đến pāli, câu phụ trong 17 câu lọc giống như câu sanh duyên của phần duyên (paccayavāra) theo cách thuận tùng.

10- PHI TẬP HÀNH DUYÊN

PHI TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Na āsevane sattarasa) pāli điều thứ 287

Phi tập hành năng duyên: Đổng lực thứ nhất của 29 đổng lực dục giới, 2 tâm khai môn, 36 tâm quả, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

1- Thiện - thiện: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 + 38 đổng lực thứ nhất.

2- Thiện - vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 đồng lực thứ nhất.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 11 tâm tố dục giới + 38 ===> 22 tâm quả, 11 tâm tố dục giới + 38, 17 sắc tâm.

2- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

4- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

5- 5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

6- Sắc ý vật ===> 22 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức + 4 tâm quả vô sắc), 11 tâm tố dục giới + 38.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 8 tâm đại thiện đồng lực thứ nhất + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện đồng lực thứ nhất + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 8 tâm đại thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 8 tâm đại thiện + 38, sắc ý vật ===> 8 + 38.

13-Thiện và vô ký - vô ký: 8 tâm đại thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 8 tâm đại thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 8 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16- Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện +27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi tập hành duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như phi trưởng duyên.

11- PHI NGHIỆP DUYÊN

PHI NGHIỆP DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Na kamme satta) pāli điều thứ 288

Phi nghiệp năng duyên: 33 tư thiện và bất thiện, 20 tư tố, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Kusale khandhe paccayā kusalā cetanā.

Tư thiện nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư) ===> 21 tư thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Akusale khandhe paccayā akusalā cetanā.

Tư bất thiện nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư) ===> 12 tư bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

1- Kiriyābyākate khandhe paccayā kiriyābyākatā cetanā.

Tư vô ký tố nương các uẩn vô ký tố.

20 tâm tố + 37 (trừ tâm sở tư) ===> 20 tư tố.

2- Bāhiraṃ... āhārasamuṭṭhānaṃ... utusamuṭṭhānaṃ...

Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā upādārūpaṃ.

4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển ngoại,4 sắc đại hiển vật thực,4 sắc đại hiển quí tiết ===> 5 sắc y sinh ngoại, 10 sắc sinh vật thực, 11 sắc y sinh quí tiết.

3- Vatthuṃ paccayā kiriyābyākatā cetanā.

Tư vô ký nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 20 tư tố.

Pāli: 4- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Vatthuṃ paccayā kusalā cetanā.

Tư thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 21 tư thiện.

Pāli: 5- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Vatthuṃ paccayā akusalā cetanā.

Tư bất thiện nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 12 tư bất thiện.

Pāli: 6- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā kusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp thiện nương sanh pháp thiện và vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca vatthuñca paccayā kusalā cetanā.

Tư thiện nương các uẩn thiện và sắc ý vật.

21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư), sắc ý vật ===> 21 tư thiện.

Pāli: 7-Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca vatthuñca paccayā akusalā cetanā.

Tư bất thiện nương các uẩn bất thiện và sắc ý vật.

12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư), sắc ý vật ===> 12 tư bất thiện.

Tóm lược: Trong phi nghiệp duyên có 7 câu lọc : Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - thiện, bất thiện và vô ký - bất thiện.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện vàvô ký, bất thiện và vô ký.

Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Câu thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

12- PHI QUẢ DUYÊN

PHI QUẢ DUYÊN CÓ 17 CÂU LỌC

(Na vipāke sattarasa) pāli điều thứ 289

Phi quả năng duyên: 53 tâm (12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 20 tâm tố), 52 tâm sở, sắc tâm bất thiện, sắc tâm thiện, sắc tâm tố và sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

(Trong nơi đây chỉ trình bày tóm tắt riêng biệt về chi pháp của quả duyên).

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký:

1- 20 tâm tố + 35 ===> 20 tâm tố + 35, 17 sắc tâm.

2- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

3- Sắc ý vật ===> 20 tâm tố + 35.

8- Vô ký - thiện: Sắc ý vật ===> 21 tâm thiện + 38.

9- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật ===> 12 tâm bất thiện + 27.

10- Vô ký - thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện.

11- Vô ký - bất thiện và vô ký: Sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

12- Thiện và vô ký - thiện: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật ===> 21 + 38.

13- Thiện và vô ký - vô ký: 21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

14- Thiện và vô ký - thiện và vô ký: 21 tâm thiện + 38, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

15- Bất thiện và vô ký - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật ===> 12 + 27.

16-Bất thiện và vô ký - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

17- Bất thiện và vô ký - bất thiện và vô ký: 12 tâm bất thiện + 27, sắc ý vật, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 12 + 27, 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong phi quả duyên có 17 câu lọc.

Có 5 câu và 17 câu sau cùng giống như đã trình bày trên.

13- PHI VẬT THỰC DUYÊN

PHI VẬT THỰC DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na āhāre ekaṃ) pāli điều thứ 290

Phi vật thực năng duyên: Sắc ngoại, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

1- Vô ký - vô ký:

1- 4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

2- 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

3- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi vật thực duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký. Có 1 câu vô ký và 1 câu sau cùng là vô ký.

14- PHI QUYỀN DUYÊN

PHI QUYỀN DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na indriye ekaṃ) pāli điều thứ 290

Phi quyền năng duyên: Sắc ngoại, sắc quí tiết, sắc mạng quyền của Phạm Thiên Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

1- Vô ký - vô ký:

1- 4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

2- 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

3- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> sắc mạng quyền.

Tóm lược: Trong phi quyền duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu vô ký và 1 câu sau cùng là vô ký.

15- PHI THIỀN DUYÊN

PHI THIỀN DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na jhāne ekaṃ) pāli điều thứ 290

Phi thiền năng duyên: 10 tâm ngũ song thức + 7, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

Pāli: Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati najhānapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi thiền duyên.

Câu phụ:

1- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Nhãn thức nương nhãn xứ... thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

2- 4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

3- 4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4- 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

5- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong thiền duyên có 1 câu lọc là vô ký- vô ký.

Có 1 câu vô ký và 1 câu sau cùng là vô ký.

16- PHI ĐẠO DUYÊN

PHI ĐẠO DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na magge ekaṃ) pāli điều thứ 290

Phi đạo năng duyên: 18 tâm vô nhân + 12, 17 sắc tâm vô nhân, 20 sắc nghiệp vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

1- Vô ký- vô ký:

1- 5 tâm quả vô nhân (trừ 10 tâm ngũ song thức), 3 tâm tố vô nhân + 12 ===> 5 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12, 17 sắc tâm vô nhân.

2- 2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10, 20 sắc nghiệp tái tục.

3- 2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> sắc ý vật tái tục.

Sắc ý vật tái tục ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10.

4- 4 sắc đại hiển ===> 4 sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

5- 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển ngoại, 4 sắc đại hiển vật thực, 4 sắc đại hiển quí tiết.

6- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

7- 5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

8- Sắc ý vật ===> 5 tâm quả vô nhân (trừ 10 tâm ngũ song thức), 3 tâm tố vô nhân + 12.

Tóm lược: Trong phi đạo duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu vô ký và 1 câu sau cùng là vô ký.

17- PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN

PHI TƯƠNG ƯNGDUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Na sampayutte pañca) pāli điều thứ 290

Phi tương ưng năng duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày cả 5 câu lọc giống như phi cảnh duyên.

18- PHI BẤT TƯƠNG DUYÊN

PHI BẤT TƯƠNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na vippayutte tīṇi) pāli điều thứ 290

Phi bất tương năng duyên: 46 tâm + 46 tâm sở sanh lên trong cõi vô sắc và 5 nhóm sắc là sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

1- Thiện - thiện: 15 tâm thiện + 36 ===> 15 tâm thiện + 36 (trong cõi vô sắc).

2- Bất thiện - bất thiện: 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân) + 23 (trừ 4 tâm sở sân phần) ===> 10 tâm bất thiện + 23 (trong cõi vô sắc).

3- Vô ký - vô ký:

1- 8 tâm quả, 13 tâm tố + 36 ===> 8 tâm quả, 13 tâm tố + 36 (trong cõi vô sắc). (8 tâm quả: 4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế; 13 tâm tố: 8 tâm đại tố, 4 tâm tố vô sắc, 1 tâm khai ý môn).

2- 4 sắc đại hiển ngoại ===> 4 sắc đại hiển ngoại.

4 sắc đại hiển ngoại ===> 5 sắc y sinh ngoại.

3- 4 sắc đại hiển vật thực ===> 4 sắc đại hiển vật thực.

4 sắc đại hiển vật thực ===> 10 sắc y sinh vật thực.

4- 4 sắc đại hiển quí tiết ===> 4 sắc đại hiển quí tiết.

4 sắc đại hiển quí tiết ===> 11 sắc y sinh quí tiết.

5- 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng.

4 sắc đại hiển nghiệp Vô Tưởng ===> 5 sắc y sinh nghiệp Vô Tưởng.

Tóm lược: Trong phi bất tương ưng duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

- Câu thiện và 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện và 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký và 1 câu sau cùng là vô ký.

19- PHI VÔ HỮU DUYÊN

PHI VÔ HỮU DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(No natthiyā pañca) pāli điều thứ 290

Phi vô hữu năng duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày giống như phi cảnh duyên.

20- PHI LY KHỨ DUYÊN

PHI LY KHỨ DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(No vigate pañca) pāli điều thứ 290

Phi ly khứ năng duyên: 28 sắc pháp.

Trình bày giống như phi cảnh duyên.

Trong phần duyên (paccayavāra) cách đối lập, Đức Thế Tôn thuyết 24 duyên bằng 20 duyên trừ ***câu sanh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên***. Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn Ngài thuyết về duyên như căn phi nhân... theo tuần tự bằng pāli rằng:

"Na hetupaccayā na ārammaṇe ekaṃ".

Ám chỉ có 1 câu lọc, bởi vì phi nhân duyên phi cảnh duyên nếu tính theo chi tiết trong việc thuyết về duyên như căn phi nhân... thì cũng cùng một lý với việc thuyết về duyên như căn phi nhân của phần liên quan (paṭiccavāra). Đã trình bày dẫn chứng trong phần liên quan nên không phải trình bày lại trong nơi đây nữa.

Kết thúc cách đối lập của phần duyên

PHẦN DUYÊN

(Paccayavāra)

3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc phần duyên theo cách đối lập rồi. Bấy giờ Ngài mới thuyết tiếp theo về cách thuận tùng đối lập rằng:

(Pāli điều thứ 309)

"Hetupaccayā na ārammaṇe pañca... na adhipatiyā sattarassa na anantare pañca na samanantare pañca na aññamaññe pañca na upanissaye pañca na purejate satta na pacchājāte satta na āsevane sattarasa na kamme satta na vipāke sattarasa na sampayutte pañca na vippayutte tīṇi no natthiyā pañca no vigate pañca".

Tức pháp nhân duyên phi cảnh duyên có 5 câu lọc, pháp nhân duyên phi trưởng duyên có 17 câu lọc... trình bày về duyên gốc làm chánh yếu theo cách thuận tùng, duyên ngọn theo cách đối lập.

Đối với việc trình bày câu lọc cũng như cách trình bày về cách thuận tùng đối lập của phần liên quan (paṭiccavāra), sẽ nêu lên trình bày dẫn chứng như sau:

NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN

NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC (Hetupaccayā na ārammaṇe pañca)

Nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 [-2], 17 sắc tâm hữu nhân. 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Phi cảnh duyên: 28 sắc pháp (là pháp địch duyên).

Pháp làm được cả 2 nhân duyên và phi cảnh duyên: 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân. Nhóm thực tánh pháp này khi phân ra được 5 câu lọc như sau:

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 38 ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākate kiriyābyākate khandhe paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn vô ký quả, vô ký tố.

21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===> 17 sắc tâm hữu nhân.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākate khandhe paccayā kaṭattā rūpaṃ.

Trong sát na tái tục sắc nghiệp nương các uẩn vô ký quả.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> 20 sắc nghiệp tái tục.

3- Khandhe paccayā vatthu.

Sắc ý vật nương các uẩn.

13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35 ===> sắc ý vật tái tục.

4- Ekaṃ mahābhūtaṃ paccayā tayo mahābhūtā.

Tayo mahābhūte paccayā ekaṃ mahābhūtaṃ.

Dve mahābhūte paccayā dve mahābhūtā.

Mahābhūte paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ kaṭattārūpaṃ upadārūpaṃ.

3 sắc đại hiển nương 1 sắc đại hiển.

1 --------- --- 3 ----------

2 --------- --- 2 ----------

Sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh nương sắc đại hiển.

4 sắc đại hiển tâm ===> 4 sắc đại hiển tâm.

4 sắc đại hiển tâm ===> 13 sắc y sinh tâm.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 4 sắc đại hiển nghiệp.

4 sắc đại hiển nghiệp ===> 16 sắc y sinh nghiệp.

Pāli: 4- Kusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Kusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn thiện và sắc đại hiển.

21 tâm thiện + 38, 4 sắc đại hiển tâm thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 5- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā na ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên phi cảnh duyên.

Câu phụ: Akusale khandhe ca mahābhūte ca paccayā cittasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ.

Sắc tâm nương các uẩn bất thiện và sắc đại hiển.

12 tâm bất thiện + 27, 4 sắc đại hiển tâm bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi cảnh duyên có 5 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, thiện và vô ký - vô ký, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 5 câu: Thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký, bất thiện và vô ký.

Cả 5 câu mỗi câu có 1 câu sau cùng là vô ký.

PHẦN DUYÊN

(Paccayavra)

4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc phần duyên về cách thuận tùng đối lập rồi, Ngài thuyết tiếp theo cách đối lập thuận tùng khởi đầu rằng:

(Pāli điều thứ 347)

"Na hetupaccayā ārammaṇe cattāri... anantare cattāri samanantare cattāri sahajāte cattāri aññamaññe cattāri nissaye cattāri upanissaye cattāri purejāte cattāri āsevane cattāri kamme cattāri vipāke ekaṃ āhāre cattāri indriye cattāri jhāne cattāri magge tīṇi sampayutte cattāri vippayutte cattāri atthiyā cattāri natthiyā cattāri vigate cattāri avigate cattāri".

Tức pháp phi nhân duyên cảnh duyên có 4 câu lọc…

Trong phần này duyên gốc chánh yếu là thuộc đối lập,

duyên ngọn thuộc thuận tùng. Đức Thế Tôn Ngài thuyết về duyên từ nhân duyên làm gốc cho đến bất ly duyên làm gốc mới chấm dứt thuyết về cách đối lập thuận tùng. Trong nơi đây chỉ trình bày riêng biệt về: "Phi nhân duyên cảnh duyên có 4 câu lọc" như sau:

PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN

PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN CÓ 4 CÂU LỌC

(Na hetupaccayā ārammaṇe cattāri)

Phi nhân duyên: 18 tâm vô nhân + 12, tâm sở si hợp trong 2 tâm si, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục vô nhân và 5 nhóm sắc là sắc ngoại, sắc vật thực, sắc quí tiết, sắc nghiệp Vô Tưởng, sắc nghiệp bình nhật (là pháp nhân địch duyên).

Cảnh sở duyên: 89 tâm + 52.

Pháp làm được cả 2 phi nhân duyên và cảnh duyên: 18 tâm vô nhân + 12, tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 1- Akusalaṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate

khandhe paccayā vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si) ===> 2 tâm sở si.

Pāli: 2- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā abyākato dhammo uppajjati na hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ paccayā tayo khandhā.

Tayo khandhe paccayā eko khandho.

Dve khandhe paccayā dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân.

1 -------- 3 ---------- ----------

2 -------- 2 ---------- ----------

15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12 ===> 15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12.

2- Cakkhāyatanaṃ paccayā cakkhuviññāṇaṃ... kāyāyatanaṃ paccayā kāyaviññāṇaṃ.

Nhãn thức nương nhãn xứ... thân thức nương thân xứ.

5 sắc thanh triệt ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

3- Vatthuṃ paccayā vipākābyākate kiriyābyākate khandhe.

Các uẩn vô ký quả, vô ký tố nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> 5 tâm quả vô nhân (trừ 10 tâm ngũ song thức), 3 tâm tố vô nhân + 12 tâm sở.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp vô ký bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ: Vatthuṃ paccayā vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương sắc ý vật.

Sắc ý vật ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 4- Akusalañca abyākatañca dhammaṃ paccayā akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện nương sanh pháp bất thiện và vô ký bằng phi nhân duyên cảnh duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe ca vatthuñca paccayā vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si), sắc ý vật ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Tóm lược: Trong phi nhân duyên cảnh duyên có 4 câu lọc:

Bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - bất thiện, bất thiện và vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký, bất thiện.
- Câu bất thiện và vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

Kết thúc phần duyên cách đối lập thuận tùng

Kết thúc phần duyên

IV- PHẦN Y CHỈ

(Nissayavāra)

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc phần duyên theo 4 cách như cách thuận tùng... rồi, Ngài mới thuyết tiếp về phần y chỉ theo 4 cách như cách thuận tùng... tiếp theo. Nội dung chi tiết của phần y chỉ này giống như phần duyên. Vì Ngài nêu pháp sở duyên lên thuyết thành pháp nương nhờ đồng sanh (câu sanh) và sanh trước (tiền sanh) song hành với nhau theo nhóm pháp thực tánh đó cho diễn tiến, chỉ thay từ "Duyên" (paccayā) thành "Y chỉ" (nissaya) mà thôi. Để Ngài nương theo cơ tánh cận y của chúng sanh hữu duyên có thể giác ngộ được. Như sẽ phân tích trình bày tiếp theo sau:

(Pālī điều thứ 380)

Kusalaṃ dhammaṃ nissaya kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện nương sanh [trong nơi đây "y chỉ" (nissaya) với "duyên" (paccayā) dịch giống nhau] pháp thiện bằng nhân duyên.

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ nissaya tayo khandhā.

Tayo khandhe nissaye eko khandho.

Dve khandhe nissaye dve khandhā.

3 uẩn nương 1 uẩn thiện.

1 -------- 3 -------

2 -------- 2 -------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38 (...)

Kết thúc phần y chỉ

V- PHẦN HÒA HỢP

(Saṃsaṭṭhavra)

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc phần y chỉ theo 4 cách như cách thuận tùng... xong rồi, Ngài mới thuyết tiếp về phần hòa hợp theo 4 cách, như cách thuận tùng... Trong phần này Đức Thế Tôn nêu lên pháp sở duyên nhắm vào danh pháp (4 danh uẩn) để thuyết theo thực tánh đồng sanh với nhau (câu sanh), vì từ "Saṃsaṭṭha" hòa hợp lẫn nhau. Theo sớ giải giải rằng: "Saṃpayutta" (tương ưng) tức kết hợp nhau bởi 4 đặc tánh như đồng sanh... Do đó, trong nơi đây "hòa hợp" mới có nghĩa là "kết hợp nhau" hoặc "đồng sanh với nhau".

Lại nữa, tâm và tâm sở thuộc 4 danh uẩn này, gọi là pháp hòa hợp (saṃsaṭṭhadhamma). Như Ngài thuyết trong bộ Pháp Tụ phần nhị đề tâm hòa hợp (cittasaṃsaṭṭhaduka) rằng:

Cittasaṃsaṭṭhā dhammā: Các pháp thực tánh hòa hợp với tâm. Chi pháp: 52 tâm sở.

Cittavisaṃsaṭṭhā dhammā: Các pháp thực tánh phi hòa hợp với tâm. Chi pháp: 28 sắc pháp, Níp Bàn.

Trong phần hòa hợp này, Đức Thế Tôn Ngài thuyết khởi đầu bằng Pli rằng:

(Pāli điều thứ 389)

"Hetuyā tīṇi ārammaṇe tīṇi adhipatiyā tīṇi anantare tīṇi samanantare tīṇi sahajāte tīṇi aññamañne tīṇi nissaye tīṇi upanissaye tīṇi pureyāte tīṇi āsevane tīṇi kamme tīṇi vipāke ekaṃ āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi vippayutte tīṇi atthiyā tīṇi natthiyā tīṇi vigate tīṇi avigate tīṇi".

Tiếp theo sẽ trình bày việc tính câu lọc trong 24 duyên. Mà chỉ trình bày được 23 duyên (trừ hậu sanh duyên) theo pli đã nêu trên bằng 4 cách.

Như cách thuận tùng... theo tuần tự khởi đầu là nhân duyên... trở đi.

1 - CÁCH THUẬN TÙNG

(Anulomanaya)

✸✸✸

1- NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetuyā tīṇi) pāli điều thứ 390

Nhân sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52 (trừ tâm sở si hợp trong tâm si).

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng nhân duyên.

(Trong nơi đây từ saṃsaṭṭho dịch là đồng sanh theo sớ giải)

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā .

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 --- ------ --- 3 --------

2 --- ------ --- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng nhân duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

1 --- ------ --- 3 ----------

2 --- ------ --- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 $^{-2}$.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā .

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố

1 --- ------ --- 3 ---------- , --------

2 --- ------ --- 2 ---------- , --------

21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38.

2- Paṭsandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả.

--- ----- 1 --- 3 ---

--- ----- 2 --- 2 ---

17 tâm tái tục hữu nhân + 15 ===> 17 tâm tái tục hữu nhân + 15.

Tóm lược: Trong nhân duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu : Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

2- CẢNH DUYÊN

CẢNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Arammaṇe tīṇi) pāli điều thứ 391

Cảnh sở duyên: 89 tâm + 52.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 --- ------ --- 3 --------

2 --- ------ --- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng cảnh duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

1 --- ------ --- 3 ----------

2 --- ------ --- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati ārammaṇapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố

1 --- ------ --- 3 ---------- , --------

2 --- ------ --- 2 ---------- , --------

36 tâm quả, 20 tâm tố + 38 ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả.

---------- ----- 1 ---------- 3 ----------

---------- ----- 2 ---------- 2 ----------

19 tâm tái tục + 35 ===> 19 tâm tái tục + 35.

Tóm lược: Trong cảnh duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu : Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

3- TRƯỞNG DUYÊN

TRƯỞNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Adhipatiyā tīṇi) pāli điều thứ 391

Trưởng sở duyên: 52 tâm đồng lực hữu trưởng + 51 (trừ tâm sở hoài nghi).

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 --- ------ --- 3 --------

2 --- ------ --- 2 --------

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

1 --- ------ --- 3 ----------

2 --- ------ --- 2 ----------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi) ===> 10 tâm bất thiện + 26.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati adhipatipaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā .

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố

1 --- ------ --- 3 ---------- , --------

2 --- ------ --- 2 ---------- , --------

4 tâm quả siêu thế, 17 tâm đổng lực tố (trừ tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 38 ===> 4 tâm quả siêu thế, 17 tâm đổng lực tố + 38.

Tóm lược: Trong trưởng duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu : Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

4- VÔ GIÁN DUYÊN

VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Anantare tīṇi) pāli điều thứ 391

Vô gián sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Samanantare tīṇi) pāli điều thứ 391

Đẳng vô gián sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

6- CÂU SANH DUYÊN

CÂU SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Sahajāte tīṇi) pāli điều thứ 391

Câu sanh sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

7- HỖ TƯƠNG DUYÊN

HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Aññamaññe tīṇi) pāli điều thứ 391

Hỗ tương sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

8- Y CHỈ DUYÊN

Y CHỈ DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Nissaye tīṇi) pāli điều thứ 391

Y chỉ sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

9- CẬN Y DUYÊN

CẬN Y DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Upanissaye tīṇi) pāli điều thứ 391

Cận y sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

10- TIỀN SANH DUYÊN

TIỀN SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Purejāte tīṇi) pāli điều thứ 392

Tiền sanh sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 --- ------ --- 3 --------

2 --- ------ --- 2 --------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

1 --- ------ --- 3 ----------

2 --- ------ --- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati purejātapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng tiền sanh duyên.

Câu phụ: Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ purejātapaccayā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố

1 --- ------ --- 3 ---------- , --------

2 --- ------ --- 2 ---------- , --------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

32 tâm quả (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 32 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

Tóm lược: Trong tiền sanh duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu : Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

11- TẬP HÀNH DUYÊN

TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Āsevane tīṇi) pāli điều thứ 393

Tập hành sở duyên: 51 tâm đổng lực (trừ 4 tâm quảsiêu thế) + 52.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 18 đổng lực tố + 35 ===> 18 đổng lực tố + 35.

Tóm lược: Trong tập hành duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.

- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

12- NGHIỆP DUYÊN

NGHIỆP DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Kamme tīṇi) pāli điều thứ 394

Nghiệp sở duyên: 89 tâm + 51 (trừ tâm sở tư) là thành quả của câu sanh nghiệp duyên, 36 tâm quả + 38 là thành quả của dị thời nghiệp duyên.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 37 (trừ tâm sở tư).

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 26 (trừ tâm sở tư).

3- Vô ký - vô ký: 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38 ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố + 37 (trừ tâm sở tư) thuộc câu sanh nghiệp.

36 tâm quả + 38 ===> 36 tâm quả + 38 thuộc dị thời nghiệp duyên.

Tóm lược: Trong nghiệp duyên có 3 câu lọc.

Có 3 câu và 3 câu sau cùng giống như các duyên khác đã trình bày, như nhân duyên...

13- QUẢ DUYÊN

QUẢ DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Vipāke ekaṃ) pāli điều thứ 394

Quả sở duyên: 36 tâm quả + 38.

Pāli: 1- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati vipākapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp với pháp vô ký bằng quả duyên.

Câu phụ: Vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả.

1 uẩn đồng sanh với 3 uẩn vô ký quả.

2 ---------- --- 2 ----------

36 tâm quả + 38 ===> 36 + 38.

Tóm lược: Trong quả duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu và câu sau cùng đều là vô ký.

14- VẬT THỰC DUYÊN

VẬT THỰC DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Āhāre ekaṃ) pāli điều thứ 395

Vật thực sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

15- QUYỀN DUYÊN

QUYỀN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Indriye tīṇi) pāli điều thứ 395

Quyền sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

16- THIỀN DUYÊN

THIỀN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Jhāne tīṇi) pāli điều thứ 395

Thiền sở duyên: 79 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 52.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 26 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức), 20 tâm tố + 38 ===> 26 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

Tóm lược: Trong thiền duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo tuần tự.

17- ĐẠO DUYÊN

ĐẠO DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

Magge tīṇi) pāli điều thứ 395

Đạo sở duyên: 71 tâm hữu nhân + 52.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38 ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38.

Tóm lược: Trong đạo duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo tuần tự.

18- TƯƠNG ƯNG DUYÊN

TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Sampayutte tīṇi) pāli điều thứ 396

Tương ưng sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

19- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Vippayutte tīṇi) pāli điều thứ 396

Bất tương ưng sở duyên: 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc) + 52.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tato khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā…

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 --- ------ --- 3 --------

2 --- ------ --- 2 --------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

1 --- ------ --- 3 ----------

2 --- ------ --- 2 ----------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng bất tương ưng duyên.

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng bất tương ưng duyên.

Câu phụ: Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭho tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā vatthuṃ vippayuttapaccayā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 uẩn hòa hợp với 3 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

2 --- ------ --- 2 ---------- , --------

Các uẩn nương sanh sắc ý vật bằng tiền sanh duyên.

32 tâm quả (trừ 4 tâm quả vô sắc), 20 tâm tố + 38 ===> 32 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

Tóm lược: Trong bất tương ưng có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu : Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 1 câu sau cùng là thiện.
- Câu bất thiện có 1 câu sau cùng là bất thiện.
- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

20- HIỆN HỮU DUYÊN

23- BẤT LY DUYÊN

HIỆN HỮU DUYÊN

& BẤT LY DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Atthiyā tīṇi avigate tīṇi) pāli điều thứ 397

Hiện hữu và bất ly sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

21- VÔ HỮU DUYÊN

22- LY KHỨ DUYÊN

VÔ HỮU DUYÊN

& LY KHỨ DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Natthiyā tīṇi vigate tīṇi) pāli điều thứ 397

Vô hữu và ly khứ sở duyên: 89 tâm + 52.

(Trình bày chi pháp giống như cảnh duyên).

Khi Đức Thế Tôn thuyết 24 duyên theo 23 duyên về cách thuận tùng của hòa hợp (saṃsaṭṭhavāra) rồi. Bấy giờ, Ngài mới thuyết các duyên như nhân duyên làm gốc. Ngài khởi đầu bằng từ: **"Hetupaccayā ārammaṇe tīṇi"**... theo tuần tự cho đến sau cùng là bất ly duyên làm gốc mới kết thúc thuyết về cách thuận tùng của phần hòa hợp.

Kết thúc cách thuận tùng của phần hòa hợp

PHẦN HÒA HỢP

2- CÁCH ĐỐI LẬP

(Paccanīyanaya)

Khi Đức Thế Tôn thuyết về cách đối lập của phần hòa hợp nối tiếp từ cách thuận tùng. Ngài nêu pháp địch duyên là pháp đối nghịch lại pháp sở duyên lên thuyết bằng pli rằng:

(Pāli điều thứ 409)

"Na hetuyā dve na adhipatiyā tīṇi na purejāte tīṇi na pacchajāte tīṇi na āseyane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na vippayutte tīṇi"

Dựa vào pāli đã nêu trên, sẽ thấy được rằng trong cách đối lập của phần hòa hợp này Đức Thế Tôn thuyết 24 duyên bằng 10 duyên mà thôi. Bởi trừ duyên mà có pháp địch duyên hoàn toàn là sắc pháp như cảnh duyên ra, vì sắc pháp không gọi là hòa hợp hoặc tương ưng.

Tiếp theo sẽ trình bày 10 duyên trong phần này.

1- PHI NHÂN DUYÊN

PHI NHÂN DUYÊN CÓ 2 CÂU LỌC

(Na hetuyā dve) pāli điều thứ 401

Phi nhân năng duyên: Tâm sở si hợp trong 2 tâm si, 18 tâm vô nhân + 12 tâm sở tợ tha.

Pāli: 1- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe saṃsaṭṭho vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật hòa hợp các uẩn câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 15 (trừ tâm sở si) ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Pāli: 2- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati nahetupaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi nhân duyên.

Câu phụ:

1- Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

1 ---------- --- 3 ---------- , ----------

2 ---------- --- 2 ---------- , ----------

18 tâm vô nhân + 12 ===> 18 tâm vô nhân + 12.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong sát na tái tục vô nhân 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 1 uẩn hòa hợp với 3 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 2 uẩn hòa hợp với 2 uẩn vô ký quả.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10.

Tóm lược: Trong phi nhân duyên có 2 câu lọc:

Bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có câu bất thiện và câu vô ký.

Có thiện và vô ký là câu sau cùng của 2 câu đó theo thứ tự.

2- PHI TRƯỞNG DUYÊN

PHI TRƯỞNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na adhipatiyā tīṇi) pāli điều thứ 402

Phi trưởng duyên: 63 tâm phi trưởng duyên (trừ 26 đổng lực kiên cố), 52 tâm sở.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 ---------- 3 -------

2 ---------- 2 -------

8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 38.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Akusalaṃ ekaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na adhipatipaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi trưởng duyên.

Câu phụ:

Vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 ---------- 3 ---------- , --------

2 ---------- 2 ---------- , --------

32 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 35 ===> 32 tâm quả hiệp thế, 11 tâm tố dục giới + 35.

Tóm lược: Trong phi trưởng duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

3- PHI TIỀN SANH DUYÊN

PHI TIỀN SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na purejāte tīṇi) pāli điều thứ 402

Phi tiền sanh duyên: 46 tâm + 46 tâm sở sanh lên trong cõi vô sắc, và 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Āruppe kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhā saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

1 ---------- 3 -------

2 ---------- 2 -------

8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc, 3 tâm Đạo cao + 36 (trừ tâm sở vô lượng phần) ===> 8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc, 3 tâm Đạo cao + 36 trong cõi vô sắc.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

Āruppe akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện

1 ---------- --- 3 ----------

2 ---------- --- 2 ----------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân) + 23 (trừ 4 tâm sở sân phần) ===> 10 + 23.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na purejātapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi tiền sanh duyên.

Câu phụ:

1- Āruppe vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

1 ---------- 3 ---------- , -------

2 ---------- 2 ---------- , -------

4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế, 9 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu), 4 tâm tố vô sắc + 36 ===> 4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế, 9 tâm tố dục giới, 4 tâm tố vô sắc + 36.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong sát na tái tục 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả.

1 ---------- 3 ----------

2 ---------- 2 ----------

4 tâm quả vô sắc + 30 ===> 4 tâm quả vô sắc + 30.

15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35 ===> 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn + 35.

Tóm lược: Trong phi tiền sanh duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

4- PHI HẬU SANH DUYÊN

PHI HẬU SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na pacchājāte tīṇi) pāli điều thứ 403

Phi hậu sanh duyên: 89 tâm + 52.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký:

1- 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38 ===> 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38.

2- 19 tâm tái tục + 35 ===> 19 tâm tái tục + 35.

Tóm lược: Trong phi hậu sanh duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

5- PHI TẬP HÀNH DUYÊN

PHI TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na āsevane tīṇi) pāli điều thứ 403

Phi tập hành duyên: 29 tâm đổng lực dục giới là 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu đổng lực thứ 1, 2 tâm khai môn, 36 tâm quả, 52 tâm sở.

1- Thiện - thiện: 8 tâm đại thiện + 38 ===> 8 + 38 đổng lực thứ 1.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27 đổng lực thứ 1.

3- Vô ký - vô ký:

1- 36 tâm quả, 11 tâm tố dục giới + 38 ===> 36 tâm quả, 11 tâm tố dục giới + 38.

2- 19 tâm tái tục + 35 ===> 19 tâm tái tục + 35.

Tóm lược: Trong phi tập hành duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

6- PHI NGHIỆP DUYÊN

PHI NGHIỆP DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na kamme tīṇi) pāli điều thứ 404

Phi nghiệp duyên: 33 tâm sở tư hợp trong tâm thiện, tâm bất thiện và tâm sở tư tố.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Kusale khandhe saṃsaṭṭhā kusalā cetanā.

Tư thiện hòa hợp với các uẩn thiện.

21 tâm thiện + 37 (trừ tâm sở tư) ===> 21 tư thiện.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Akusale khandhe saṃsaṭṭhā akusalā cetanā.

Tư bất thiện hòa hợp với các uẩn bất thiện.

12 tâm bất thiện + 26 (trừ tâm sở tư) ===> 12 tư bất thiện.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na kammapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi nghiệp duyên.

Câu phụ:

Kiriyābyākate khandhe saṃsaṭṭhā kiriyābyākatā cetanā.

Tư vô ký tố hòa hợp với các uẩn vô ký tố.

20 tâm tố + 37 (trừ tâm sở tư) ===> 20 tư tố .

Tóm lược: Trong phi nghiệp duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

7- PHI QUẢ DUYÊN

PHI QUẢ DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na vipāke tīṇi) pāli điều thứ 405

Phi quả duyên: 21 tâm thiện, 12 tâm bất thiện, 20 tâm tố (trừ 36 tâm quả) + 52 tâm sở.

1- Thiện - thiện: 21 tâm thiện + 38 ===> 21 + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

3- Vô ký - vô ký: 20 tâm tố + 35 ===> 20 + 35.

Tóm lược: Trong phi quả duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

8- PHI THIỀN DUYÊN

PHI THIỀN DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na jhāne ekaṃ) pāli điều thứ 406

Phi thiền duyên: 10 tâm ngũ song thức + 7 .

Pāli: Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na jhānapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi thiền duyên.

Câu phụ: Pañcaviññāṇasahagataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho ekaṃ khandhaṃ.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn câu sanh với tâm ngũ song thức.

1 ---------- 3 ---------- --- ----------

2 ---------- 2 ---------- --- ----------

10 tâm ngũ song thức + 7 ===> 10 tâm ngũ song thức + 7.

Tóm lược: Trong phi thiền duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu là vô ký và câu sau cùng cũng là vô ký.

9- PHI ĐẠO DUYÊN

PHI ĐẠO DUYÊN CÓ 1 CÂU LỌC

(Na magge ekaṃ) pāli điều thứ 407

Phi đạo duyên: 18 tâm vô nhân + 12.

Pāli: Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na maggapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi đạo duyên.

Câu phụ:

1- Ahetukaṃ vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân.

1 ---------- 3 ---------- , ----------

2 ---------- 2 ---------- , ----------

15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12 ===> 15 tâm quả vô nhân, 3 tâm tố vô nhân + 12.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe vipākābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong sát na tái tục vô nhân 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 1 uẩn hòa hợp với 3 uẩn vô ký quả.

Trong sát na tái tục vô nhân 2 uẩn hòa hợp với 2 uẩn vô ký quả.

2 tâm tái tục vô nhân + 10 ===> 2 tâm tái tục vô nhân + 10.

Tóm lược: Trong phi đạo duyên có 1 câu lọc là vô ký - vô ký.

Có 1 câu là vô ký và câu sau cùng cũng là vô ký.

10- PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na vippayutte tīṇi) pāli điều thứ 408

Phi bất tương ưng duyên: 46 tâm + 46 tâm sở sanh lên trong cõi vô sắc.

Pāli: 1- Kusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho kusalo dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp thiện hòa hợp pháp thiện bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Āruppe kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn thiện.

---------- 1 ---------- 3 -------

---------- 2 ---------- 2 -------

8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc, 3 tâm Đạo cao + 36 ===> 8 tâm đại thiện, 4 tâm thiện vô sắc, 3 tâm Đạo cao + 36.

Pāli: 2- Akusalaṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho akusalo dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp bất thiện hòa hợp pháp bất thiện bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Āruppe akusalaṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn bất thiện.

---------- 1 ---------- 3 ---------

---------- 2 ---------- 2 ---------

10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân) + 23 (trừ tâm sở sân phần) ===> 10 + 23.

Pāli: 3- Abyākataṃ dhammaṃ saṃsaṭṭho abyākato dhammo uppajjati na vippayuttapaccayā.

Pháp vô ký hòa hợp pháp vô ký bằng phi bất tương ưng duyên.

Câu phụ:

Āruppe vipākābyākataṃ kiriyābyākataṃ ekaṃ khandhaṃ saṃsaṭṭhā tayo khandhā.

Tayo khandhe saṃsaṭṭho eko khandho.

Dve khandhe saṃsaṭṭhā dve khandhā.

Trong cõi vô sắc 3 uẩn hòa hợp với 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.

---------- 1 ---------- 3 ---------- , ------

---------- 2 ---------- 2 ---------- , ------

4 tâm quả vô sắc, 4 tâm quả siêu thế, tâm khai ý môn, 8 tâm đại tố, 4 tâm tố vô sắc + 36 ===> 4 tâm quả vô sắc,

4 tâm quả siêu thế, tâm khai ý môn, 8 tâm đại tố, 4 tâm tố vô sắc + 36.

Tóm lược: Trong phi bất tương ưng duyên có 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó theo thứ tự.

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc 24 duyên bằng 10 duyên theo cách đối lập của phần hòa hợp rồi. Ngài mới nêu cả 10 duyên như nhân duyên... lên thuyết làm gốc song hành với duyên khác tiếp theo bằng pāli rằng:

Na hetupaccayā na adhipatiya dve... cho đến **na vippayuttapaccayā na hetuyā dve... na magge ekaṃ** mới chấm dứt thuyết về cách đối lập của phần hòa hợp.

Kết thúc cách đối lập của phần hòa hợp

PHẦN HÒA HỢP

3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

(Anulomapaccanīyanaya)

Đức Thế Tôn lúc Ngài thuyết về cách đối lập xong rồi Ngài mới thuyết tiếp theo về cách thuận tùng đối lập bằng pāli rằng:

"Hetuyā na adhipatiyā tīṇi... na purejāte tīṇi...".

Bởi có duyên gốc thuộc thuận tùng, duyên ngọn thuộc đối lập. Phương pháp trình bày cũng có nội dung giống như cách thuận tùng đối lập của phần liên quan (paṭiccavāra). Chỉ khác là trong phần hòa hợp trình bày riêng biệt hoàn toàn là danh pháp.

Học viên nên hiểu cách tính câu lọc theo lý này nương vào pāli kể từ điều thứ 432 cho đến 456. (Tam Tạng pāli cuốn 40)

Kết thúc cách thuận tùng đối lập của phần hòa hợp

PHẦN HÒA HỢP

4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

(Paccanīyānulomanaya)

Khi Đức Thế Tôn thuyết về cách thuận tùng đối lập xong rồi. Ngài thuyết tiếp theo về cách đối lập thuận tùng bằng pāli rằng:

"Na hetupaccayā ārammaṇe dve... avigate dve".

Bởi có duyên gốc thuộc đối lập, duyên ngọn thuộc thuận tùng. Phương pháp trình bày có nội dung giống như cách đối lập thuận tùng của phần liên quan (paṭiccavāra). Học viên nên hiểu cách tính câu lọc theo lý này nương vào pāli kể từ điều thứ 457 cho đến 474. (Tam Tạng pāli cuốn 40)

Kết thúc cách đối lập thuận tùng của phần hòa hợp

Kết thúc phần hòa hợp

VI- PHẦN TƯƠNG ƯNG

(Sampayuttavāra)

Khi Đức Thế Tôn thuyết kết thúc phần hòa hợp theo 4 cách như cách thuận tùng... xong rồi. Ngài mới thuyết tiếp về phần tương ưng là phần thứ 6 và là phần sau cùng của 6 phần bằng pāli rằng:

"Kusalaṃ dhammaṃ sampayutto kusalo dhammo uppajjati hetupaccayā" và **"Kusalaṃ ekaṃ khandhaṃ sampayuttā tayo khandhā, tayo khandhe sampayutto eko khandho dve khandhe sampayuttā dve khandhā...".**

Có nghĩa là: Pháp thiện đồng sanh với pháp thiện bằng nhân duyên. Và 3 uẩn đồng sanh với 1 uẩn thiện.

1 ---------- --- 3 --------

2 ---------- --- 2 --------

Từ: **"Sampayutta"** trong nơi đây dịch là đồng sanh, ám chỉ đến đồng sanh với 4 đặc tánh như đồng sanh, đồng diệt...Do đó, từ **"Sampayutta"** (tương ưng) mới có ý nghĩa như từ **"Saṃsaṭṭha"** trong phần hòa hợp. Nên việc trình

bày và tính câu lọc trong phần tương ưng mới giống như phần hòa hợp đã trình bày rồi. Tức chỉ trình bày thuần nhất 4 danh uẩn mà không trình bày sắc pháp. Chỉ thay đổi từ **"Saṃsaṭṭho"** hoặc **"Saṃsaṭṭhā"** bằng **"Sampayutto"** hoặc **"Sampayuttā"**. Học viên nên hiểu việc trình bày và lấy câu lọc theo phần hòa hợp bằng 4 cách.

Kết thúc phần tương ưng

Tóm Lược

Việc tính số lượng câu lọc trong 6 phần khác nhau như sau:

📖 Trong phần liên quan – phần câu sanh cách thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 9 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

📖 Trong phần duyên – phần y chỉ cách thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 17 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

📖 Trong phần hòa hợp – phần tương ưng cách thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 3 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

✪ Trong phần liên quan – phần câu sanh cách đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 9 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

✪ Trong phần duyên – phần y chỉ cách đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 17 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

✪ Trong phần hòa hợp – phần tương ưng cách đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 3 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

◎ Trong phần liên quan – phần câu sanh cách thuận tùng đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 9 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

◎ Trong phần duyên – phần y chỉ cách thuận tùng đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 17 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

◎ Trong phần hòa hợp – phần tương ưng cách thuận tùng đối lập có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 3 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

☪ Trong phần liên quan – phần câu sanh cách đối lập thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 9 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

☪ Trong phần duyên – phần y chỉ cách đối lập thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 17 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

☪ Trong phần hòa hợp – phần tương ưng cách đối lập thuận tùng có số lượng câu lọc:

Nhiều nhất là 3 câu lọc, ít nhất 1 câu lọc.

Kết thúc 6 phần của tam đề thiện bộ vị trí

TAM ĐỀ THIỆN
BỘ VỊ TRÍ

7- PHẦN YẾU TRI
(Paññhāvāra)

Trong bộ Vị Trí phần 1 thì việc trình bày 4 cách của phần yếu tri chỉ trình bày có 2 cách là cách thuận tùng và cách đối lập.

Trong bộ Vị Trí phần 2 này sẽ trình bày tiếp theo cách còn lại là cách thuận tùng đối lập và đối lập thuận tùng cho đầy đủ phần yếu tri. Và cũng để giúp cho người quan tâm tìm hiểu nương vào cách thức để nghiên cứu học tập chi tiết.

Trong 2 cách này Đức Thế Tôn thuyết về 24 duyên mỗi lần 2 duyên như:

- Trong cách thuận tùng đối lập Ngài nêu duyên về phần thuận tùng lên thuyết trong vai trò làm gốc chánh yếu

song hành với duyên khác. Còn cách đối lập thì ở vai trò làm ngọn.

Như pāli rằng: **"Hetupaccayā na ārammaṇe satta... na adhipatiyā satta...**

- Trong cách đối lập thuận tùng Ngài nêu duyên về phần đối lập lên thuyết trong vai trò làm gốc song hành với duyên khác. Còn cách thuận tùng thì ở vai trò làm ngọn.

Như pāli rằng: **"Na hetupaccayā ārammaṇe dve... adhipatiyā dasa..."**

Tiếp theo sẽ trình bày 2 cách theo tuần tự.

CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

(Anulomapaccanīyanaya)

I - CĂN NHÂN

(Hetumlakaṃ)

Điều thứ 252

Hetupaccayā na ārammaṇe satta... na adhipatiyā satta na anantare satta na samanantare satta na aññamaññe tīṇi na upanissaye satta na purejāte satta na pacchājāte satta na āsevane satta na kamme satta na vipāke satta na āhāre satta na indriye satta na jhane satta na magge satta na sampayutte tīṇi na vippayutte tīṇi no natthiyā satta no vigate satta.

Nương từ pāli nêu trên sẽ thấy được rằng pháp làm nhân duyên được sẽ không là câu sanh duyên, y chỉ duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên được. Vì 4 duyên này có ý nghĩa bao trùm duyên khác trong tất cả nhóm duyên thuộc giống câu sanh. Do đó, trong pāli mới không có từ **"Hetupaccayā na sahajāte, hetupaccayā na nissaye, hetupaccayā no atthiyā vā hetupaccayā no avigate"**. Nhưng vẫn thuyết

nhân duyên song hành với duyên khác thuộc giống câu sanh, như trưởng duyên...Bởi vì có một phần pháp nhân duyên gom vào được trong trưởng duyên, và một phần không gom được vào trong trưởng duyên. Phần không gom vào được thì thuộc nhân duyên, nhưng không là trưởng duyên nên mới là nhân duyên phi trưởng duyên.

Về phần pháp của nhân duyên mà gom vào với pháp trong duyên khác không phải là giống câu sanh thì không gom vào trực tiếp được. Tất cả nhóm duyên không phải giống câu sanh có thể đem ra trình bày song hành thành cặp với nhân duyên trong vai trò đối lập. Nhóm duyên đã đề cập đó là cảnh duyên và vô gián duyên.

Sau đây sẽ trình bày số lượng câu lọc theo mãnh lực của duyên hỗn hợp (missakapaccaya).

1- NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na ārammaṇe satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi cảnh duyên: 6 nhân.

Sáu nhân này khi sanh lên trong vai trò nhân năng duyên thì câu sanh với 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Chi pháp của năng duyên và sở duyên như đã đề cập trên là chi pháp của nhân năng duyên và nhân sở duyên.

Trong cách thuận tùng của phần yếu tri trình bày tính câu lọc của nhân duyên: **"Hetuyā satta"**.

Pháp nhân duyên có 7 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký.

Chi pháp cả 7 câu lọc của nhân duyên được nêu lên trình bày nơi đây trong vai trò nhân năng duyên nhưng không là cảnh duyên được (tức nhân phi cảnh). Nơi đây chỉ trình bày chi pháp của mỗi câu lọc mà thôi. Học viên mà quan tâm tìm hiểu xin xem trình bày pāli và câu phụ của nhân duyên trong cách thuận tùng trong bộ Vị Trí phần 1 trang 14 hoặc của Tam Tạng pāli cuốn 40, trang 484 - 486.

7 câu lọc:

1- Thiện - thiện: 3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 3 nhân thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$.

5- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 12 + 27^{-2}, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi cảnh duyên có 7 câu lọc.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 1 câu sau cùng là vô ký.

2- NHÂN DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na adhipatiyā satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi trưởng duyên:

Trưởng duyên có 2 loại: Câu sanh trưởng duyên và cảnh trưởng duyên, ngay cả vật cảnh tiền sanh trưởng duyên cũng gom vào trong cảnh trưởng duyên.

Pháp nhân duyên nhất định không là cảnh trưởng duyên được vì khác giống với nhau. Nghĩa là nhân duyên thuộc giống câu sanh, cảnh trưởng duyên thuộc giống cảnh.

Pháp nhân duyên nhất định là 6 nhân là phi cảnh trưởng duyên không có gì phải thắc mắc. Nhưng đối với nhân duyên và câu sanh trưởng duyên thì có điều còn hoài nghi. Như trong tất cả 6 nhân thì trí tuệ là nhân vô si được cả trong nhân duyên và câu sanh trưởng duyên. Còn 5 nhân còn lại là nhân duyên nhưng không là câu sanh trưởng duyên được nhất định.

Điều hoài nghi là trí tuệ tức nhân vô si khi câu sanh với 34 tâm đổng lực tam nhân thì có thể là câu sanh trưởng được chăng? Khi xem xét tỉ mỉ sẽ hiểu được đôi khi trí tuệ cũng có thể đạt đến thẩm trưởng được nếu như có đủ sức mạnh. Cho nên trí tuệ trong sát na có sức mạnh lẫn không có sức mạnh cũng là nhân duyên được. Chỉ có trí tuệ có sức mạnh mới là câu sanh trưởng duyên được.

Còn trí tuệ câu sanh với tâm tam nhân mà không làm phận sự đổng lực được, như tâm đại quả tương ưng trí... thì không làm thẩm trưởng được. Vì vậy mới không cần trừ trí tuệ câu sanh với tâm không làm phận sự đổng lực ra. Do đó, chi pháp của nhân duyên mới có đủ 6 nhân. Nếu như bắt buột phải trừ trí tuệ làm năng duyên cho 34 tâm đổng lực tam nhân có sức mạnh đạt đến thẩm trưởng ra, thì vẫn còn trí tuệ làm năng duyên cho 13 tâm quả tam nhân.

Nếu như gom cả cảnh trưởng duyên và câu sanh trưởng duyên lại thì chi pháp nhân duyên không làm trưởng duyên được nên mới đủ cả 6 nhân, cho dù không trừ trí tuệ hợp trong 13 tâm quả tam nhân.

Điều quan trọng chớ quên rằng: Từ "Phi trưởng duyên" không phải ám chỉ đến cả 2 loại trưởng duyên, không được ám chỉ riêng biệt duyên nào mà chỉ thuần nhất là phi câu sanh trưởng duyên.

Vì vậy, pháp trong 7 câu lọc mà tính được trong nhân duyên mới không phải là câu sanh trưởng duyên và cảnh trưởng duyên nên chi pháp của nhân duyên phi trưởng duyên mới đủ cả 6 nhân mà không trừ nhân vô si.

Trong sớ giải Pañcapakaraṇa Ngài không trình bày tính theo chi tiết cho hiểu được chi pháp của nhân duyên phi trưởng duyên Ngài không chỉ rõ không trừ nhân nào. Khi xem xét chi pháp từ giáo trình tiếng Miến Điện thì được sáng tỏ do bậc lão thông người Miến Điện, Ngài cũng trình bày chi pháp đầy đủ không trừ nhân vô si. Nên mới tin chắc rằng chi pháp của nhân duyên phi trưởng duyên đủ cả 6 nhân làm năng duyên. Còn sở duyên là 71 tâm hữu nhân + 52 tâm sở (trừ tâm sở si hợp trong 2 tâm si), 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp hữu nhân.

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi trưởng duyên:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp hữu nhân.

Phân chi pháp ra được 7 câu lọc:

1- Thiện - thiện: 3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 3 nhân thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27^{-2}.

5- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 3 nhân bất thiện ===> $12 + 27^{-2}$, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi trưởng duyên có 7 câu lọc.

Có câu đầu và câu sau cùng giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

3- NHÂN DUYÊN PHI VÔ GIÁN DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na anantare satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi vô gián duyên:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp hữu nhân.

Chi pháp và trình bày việc tính 7 câu lọc giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

4- NHÂN DUYÊN PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na samanantare satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

5- NHÂN DUYÊN PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN

CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na aññamaññe tīṇi)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi hỗ tương duyên:

6 nhân ===>17 sắc tâm, 19 sắc nghiệp tái tục (trừ sắc ý vật tái tục).

1- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

2- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

3- Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 17 sắc tâm, 19 sắc nghiệp tái tục (trừ sắc ý vật tái tục).

Tóm lược: Trong nhân duyên phi hỗ tương duyên có 3 câu lọc: Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký.

Có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

Có vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó.

Ghi chú: Trừ sắc ý vật tái tục vì là hỗ tương duyên được.

6- NHÂN DUYÊN PHI CẬN Y DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na upanissaye satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

7- NHÂN DUYÊN PHI TIỀN SANH DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na purejāte satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi tiền sanh duyên:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

8- NHÂN DUYÊN PHI HẬU SANH DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na pacchājate satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

9- NHÂN DUYÊN PHI TẬP HÀNH DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na āsevane satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

10- NHÂN DUYÊN PHI NGHIỆP DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na kamme satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi nghiệp duyên:

Chi pháp của nhân duyên.

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

11- NHÂN DUYÊN PHI QUẢ DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na vipāke satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi quả duyên:

6 nhân (trừ 3 nhân quả) ===> 50 tâm hữu nhân (trừ 21 tâm quả hữu nhân) + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân.

1- Thiện - thiện: 3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 3 nhân thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$.

5- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 12 + 27^{-2}, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký: 3 nhân tố ===> 17 tâm tố hữu nhân + 35, 17 sắc tâm tố.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi quả duyên có 7 câu lọc.

Có câu đầu và câu sau cùng giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

12- NHÂN DUYÊN PHI VẬT THỰC DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na āhāre satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

13- NHÂN DUYÊN PHI QUYỀN DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na indriye satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi quyền duyên:

Do quyền duyên có đến 3 loại là câu sanh quyền duyên, vật tiền sanh quyền duyên và sắc mạng quyền duyên.

Nhân duyên là 6 nhân thì không là vật tiền sanh quyền duyên và sắc mạng quyền duyên. Nhưng nhân vô si là trí tuệ thuộc cả nhân duyên và câu sanh quyền duyên, 5 nhân còn lại là nhân duyên không phải là câu sanh quyền duyên. Vì vậy, pháp làm nhân duyên phi câu sanh quyền duyên chỉ được riêng biệt 5 nhân (trừ nhân vô si là tuệ quyền).

Tuy vậy, khi đề cập gom chung cả 3 quyền thì 6 nhân không phải là quyền duyên. Cho nên chi pháp của nhân duyên phi quyền duyên mới bao gồm 6 nhân làm năng duyên.

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Phân theo câu lọc được 7 câu:

1- Thiện - thiện: 3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 3 nhân thiện ===> 21 + 38, 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$.

5- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 12 + 27^{-2}, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi quyền duyên có 7 câu lọc.

Có câu đầu và câu sau cùng giống như nhân duyên phi trưởng duyên.

Lưu ý: Chớ nên quên duyên thuộc về phần đối lập chia ra đến 3 duyên. Từ "Phi quyền duyên" không ám chỉ riêng về phi câu sanh quyền duyên mà còn bao trùm cả 3 quyền duyên.

14- NHÂN DUYÊN PHI THIỀN DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na jhāne satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

15- NHÂN DUYÊN PHI ĐẠO DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na magge satta)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi đạo duyên:

5 nhân (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 24 tâm nhị nhân (trừ 47 tâm tương ưng trí) + 51^{-2} (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

1- Thiện - thiện: 2 nhân thiện (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 4 tâm thiện bất tương ưng trí + 37 (trừ tâm sở trí tuệ).

2- Thiện - vô ký: 2 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

3- Thiện - thiện và vô ký: 2 nhân thiện ===> 4 tâm thiện bất tương ưng trí + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm thiện.

4- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27^{-2}.

5- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

6- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 12 + 27^{-2}, 17 sắc tâm bất thiện.

7- Vô ký - vô ký: 2 nhân vô ký (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 4 tâm đại quả bất tương ưng trí, 4 tâm đại tố bất tương ưng trí + 34 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi đạo duyên có 7 câu lọc.

Có câu đầu và câu sau cùng giống như nhân duyên phi cảnh duyên.

Ghi chú: Trong nơi đây bỏ tâm sở trí tuệ là nhân vô si và chánh kiến đạo ra vì vừa là nhân duyên và đạo duyên.

Nơi đây muốn lấy riêng biệt pháp làm nhân duyên nhưng không là đạo duyên nên chi pháp chỉ còn lại 5 nhân, trừ trí tuệ là nhân duyên và đạo duyên ra.

16- NHÂN DUYÊN PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN

CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na sampayutte tīṇi)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi tương ưng duyên:

6 nhân ===> 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi hỗ tương duyên như:

1- Thiện - vô ký: 3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

2- Bất thiện - vô ký: 3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

3- Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi tương ưng duyên có 3 câu lọc:

Thiện - vô ký, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký.

Có câu thiện, bất thiện, vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó.

17- NHÂN DUYÊN PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetupaccayā na vippayutte tīṇi)

Pháp vừa là nhân duyên vừa là phi bất tương ưng duyên:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$.

1- Thiện - thiện: 3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Bất thiện - bất thiện: 3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$.

3-Vô ký - vô ký: 3 nhân vô ký ===> 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân + 38.

Tóm lược: Trong nhân duyên phi bất tương ưng duyên có 3 câu lọc:

Thiện - thiện, bất thiện - bất thiên, vô ký- vô ký.

Có câu thiện, bất thiện, vô ký.

Có vô ký là câu sau cùng của 3 câu đó.

Ghi chú: Chi pháp trong 3 câu lọc trên không là bất tương ưng duyên được theo 4 loại (bất tương ưng có 4 loại).

18- NHÂN DUYÊN PHI VÔ HỮU DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā no natthiyā satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi vô gián duyên.

19- NHÂN DUYÊN PHI LY KHỨ DUYÊN

CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetupaccayā no vigate satta)

Trình bày và chi pháp giống như nhân duyên phi vô gián duyên.

24 CÁCH TẤU HỢP VỀ NHÂN

(Ghaṭanā)

1- 9 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG

4 Cách tấu hợp vô dị thục

Cách tấu hợp thứ 1: (pāli điều thứ 753) **Hetu sahajāta nissaya atthi avigatanti na ārammaṇe satta na adhipatiyā satta na anantare satta na samanantare satta na aññamaññe tīṇi na upanissaye satta na purejāte satta na pacchājāte satta na āsevane satta na kamme satta na vipāke satta na ahāre satta na indriye satta na jhāne satta na magge satta na sampayutte tīṇi na vippayutte tīṇi no natthiyā satta no vigate satta.**

Từ phần đầu pāli này sẽ thấy được cách tấu hợp thứ 1 có 5 duyên thuộc về thuận tùng, còn thuộc về đối lập chỉ có 1 duyên (mỗi lần một duyên).

Trong việc trình bày chi pháp tấu hợp theo cách thuận tùng đối lập này là tìm chi pháp của các duyên thuộc về

thuận tùng gom vào với nhau trước. Rồi nhận xét chi pháp tìm được đó gom vào với duyên thuộc về đối lập được hay không, nếu gom vào được thì đem chi pháp đó ra. Chi pháp riêng biệt còn lại mới là chi pháp của duyên thuộc về thuận tùng và thuộc về đối lập gom chung với nhau.

Trong nơi đây chi pháp của 5 duyên thuận tùng gom chung với nhau được :

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân: (phần biến hành).

Duyên tìm được ở phần đầu này bao gồm chi pháp của nhân duyên theo cách thuận tùng. Nhóm chi pháp này khi nêu lên trình bày cùng với duyên thuộc về đối lập như phi cảnh duyên... sẽ thấy rằng một số duyên không gom vào với nhau được. Như không gom vào phi cảnh duyên được, một số duyên gom vào được một phần, như gom vào với trưởng duyên riêng biệt về trí tuệ trong 34 tâm đổng lực tam nhân. Việc tính câu lọc trình bày trong phần tấu hợp thứ 1 giống như trình bày duyên có nhân làm gốc (hetumūlakaṃ) đã trình bày rồi nên xin miễn trình bày trong nơi đây.

Cách tấu hợp thứ 2: (pāli điều thứ 754) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya atthi avigatanti na ārammaṇe tīṇi... na adhipatiyā tīṇi na anantare tīṇi na samanantare tīṇi na upanissaye tīṇi na purejāte tīṇi na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na āhāre tīṇi na indriye tīṇi na jhāne tīṇi namagge tīṇi na**

sampayutte ekaṃ na vippayutte tīṇi no natthiyā tīṇi no vigate tīṇi.

Trong cách tấu hợp thứ 2 này có 6 duyên, thuộc về thuận tùng gồm 5 duyên trong cách tấu hợp thứ 1 thêm vào hỗ tương duyên nữa.

Chi pháp của 6 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, sắc ý vật tái tục: (hữu hỗ tương).

Chi pháp thuộc về thuận tùng phân ra được 3 câu lọc: Thiện - thiện, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký.

Trình bày gom chung với mỗi duyên thuộc về đối lập. Khi gom chung với tương ưng duyên thì trừ ra chỉ được 1 câu lọc là vô ký - vô ký (3 nhân vô ký ===> sắc ý vật tái tục). Đối với chi pháp của mỗi câu lọc trong mỗi duyên về phần gốc và ngọn thì học viên tự mình có thể tìm được. Do đó, tiếp theo sẽ tìm riêng biệt về chi pháp gom lại (chung của phần thuận tùng trong mỗi cách tấu hợp mà thôi).

Cách tấu hợp thứ 3: (pāli điều thứ 755) **Hetu sahajāta aññamaññā nissaya sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe tīṇi... na adhipatiyā tīṇi na anantare tīṇi na samanantare tīṇi na upanissaye tīṇi na purejāte tīṇi na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na āhāre tīṇi na indriye tīṇi na jhāne tīṇi na magge tīṇi na vippayutte tīṇi no natthiyā tīṇi no vigate tīṇi.**

Chi pháp của 7 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 -2: (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 4: (pāli điều thứ 756) **Hetu sahajāta nissaya vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe tīṇi na adhipatiyā tīṇi na anantare tīṇi na samanantare tīṇi na upanissaye tīṇi na purejāte tīṇi na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na āhāre tīṇi na indriye tīṇi na jhāne tīṇi na magge tīṇi na sampayutte tīṇi no natthiyā tīṇi no vigate tīṇi.**

Chi pháp của 6 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

6 nhân ===> 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (hữu dị thục).

5 Cách tấu hợp hữu dị thục:

Cách tấu hợp thứ 5: (pāli điều thứ 757) **Hetu sahajāta nissaya vipāka atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamaññe ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na**

jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.

Chi pháp 6 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (hữu biến hành).

Đối với chi pháp của phần thuận tùng mà tìm được sẽ không thay đổi hoặc giảm xuống cũng tùy theo gom chung vào với duyên đối lập.

Cách tấu hợp thứ 6: (pāli điều thứ 758) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya vipāka atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 7 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38, sắc ý vật tái tục: (hữu hỗ tương).

Cách tấu hợp thứ 7: (pāli điều thứ 759) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare**

ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.

Chi pháp của 8 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38: (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 8: (pāli điều thứ 760) **Hetu sahajāta nissaya vipāka vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamaññe ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 7 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

3 nhân quả ===> 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục (hữu dị thục).

Cách tấu hợp thứ 9: (pāli điều thứ 760) **Hetu sahajāta aññamaññā nissaya vipāka vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare**

ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.

Chi pháp của 8 duyên thuộc về thuận tùng gom vào với nhau được:

3 nhân quả ===> sắc ý vật tái tục (hữu hỗ tương dị thục).

Tóm lược: 9 cách tấu hợp thông thường phân ra thành 4 cách vô dị thục, 5 cách hữu dị thục.

4 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 1- Biến hành: 6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Cách tấu hợp thứ 2- Hữu hỗ tương: 6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân, sắc ý vật tái tục.

Cách tấu hợp thứ 3- Hữu hỗ tương tương ưng: 6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$.

Cách tấu hợp thứ 4- Hữu dị thục: 6 nhân ===> 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

5 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 5- Biến hành: 3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Cách tấu hợp thứ 6- Hữu hỗ tương: 3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38, sắc ý vật tái tục.

Cách tấu hợp thứ 7- Hữu hỗ tương tương ưng: 3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38.

Cách tấu hợp thứ 8- Hữu dị thục: 3 nhân quả ===> 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Cách tấu hợp thứ 9- Hữu hỗ tương dị thục: 3 nhân quả ===> sắc ý vật tái tục.

9 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN ĐẠO

Cách tấu hợp thứ 1 (pāli điều thứ 762) **Hetu sahajāta nissaya indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe cattāri... na adhipatiyā cattāri na anantare cattāti na samanantare cattāri na aññamaññe dve na upanissaye cattāri na purejāte cattāri na pacchājāte cattāri na āsevane cattāri na kamme cattāri na vipāke cattāri na āhāre cattāri na jhāne cattāri na sampayutte dve na vippayutte dve no natthiyā cattāri no vigate cattāri.**

Chi pháp của 7 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Nhân vô si (trí tuệ) ===> 47 tâm tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (biến hành).

Ghi chú: Trong từ **"Na adhipatiyā cattāri"** trình bày 7 pháp duyên phần thuận tùng là tâm sở trí tuệ hợp trong 47 tâm tam nhân không làm trưởng duyên được cả 4 câu lọc. Nghĩa là không là cảnh trưởng duyên lẫn câu sanh trưởng duyên được. Nhưng nếu trình bày phân tích ra không gom chung với nhau thì pháp phi cảnh trưởng duyên sẽ được đủ cả 4 câu lọc. Còn pháp phi câu sanh trưởng duyên chỉ được 1 câu lọc là vô ký - vô ký, chi pháp là tâm sở trí tuệ hợp trong 13 tâm quả tam nhân. Nhưng pli trình bày được 4 câu lọc bởi phủ nhận cả 2 trưởng duyên, cho dù trong cách tấu hợp khác mà đề cập đến phi trưởng duyên thì cũng ám chỉ đến cả 2 phi trưởng duyên giống như vậy.

Cách tấu hợp thứ 2 (pāli điều thứ 763) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe dve... na adhipatiyā dve na anantare dve na samanantare dve na upanissaye dve na purejāte dve na pacchājāte dve na āsevane dve na kamme dve na vipāke dve na āhāre dve na jhāne dve na sampayutte ekaṃ na vippayutte dve no natthiyā dve no vigate dve.**

Chi pháp của 8 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ ===> 47 tâm tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), sắc ý vật tái tục: (hữu hỗ tương).

Cách tấu hợp thứ 3 (pāli điều thứ 764) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya indriya magga sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe dve... na adhipatiyā dve na anantare dve na samanantare dve na upanissaye dve na purejāte dve na pacchājāte dve na āsevane dve na kamme dve na vipāke dve na āhāre dve na jhāne dve na vippayutte dve no natthiyā dve no vigate dve.**

Chi pháp của 9 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ ===> 47 tâm tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ): (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 4 (pāli điều thứ 765) **Hetu sahajāta nissaya indriya magga vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe dve... na adhipatiyā dve na anantare dve na samanantare dve na aññamaññe dve na upanissaye dve na purejāte dve na pacchājāte dve na āsevane dve na kamme dve na vipāke dve na āhāre dve na jhāne dve na sampayutte dve no natthiyā dve no vigate dve.**

Chi pháp của 8 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ ===> 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (hữu dị thục).

5 Cách tấu hợp hữu dị thục

Cách tấu hợp thứ 5 (pāli điều thứ 766) **Hetu sahajāta nissaya vipāka indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamañña ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 8 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (biến hành).

Cách tấu hợp thứ 6 (pāli điều thứ 767) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 9 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả tam nhân + 37, sắc ý vật tái tục: (hữu hỗ tương).

Cách tấu hợp thứ 7 (pāli điều thứ 768) **Hetu sahajāta aññamaññā nissaya vipāka indriya magga sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 10 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả hữu nhân + 37: (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 8 (pāli điều thứ 769) **Hetu sahajāta nissaya vipāka indriya magga vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamaññe ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 9 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục: (hữu dị thục).

Cách tấu hợp thứ 9 (pāli điều thứ 770) **Hetu sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya magga vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na adhipatiyā ekaṃ na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 10 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau được:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> sắc ý vật tái tục: (hữu hỗ tương dị thục quả).

Tóm lược: Trong 9 cách hữu quyền đạo tấu hợp phân ra thành 4 cách vô dị thục, 5 cách hữu dị thục.

4 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 1- Biến hành: Tâm sở trí tuệ ===> 47 tâm tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Cách tấu hợp thứ 2- Hữu hỗ tương: Tâm sở trí tuệ ===> 47 tâm tam nhân + 37, sắc ý vật tái tục.

Cách tấu hợp thứ 3- Hữu hỗ tương tương ưng: Tâm sở **trí tuệ ===> 47 tâm tam nhân + 37.**

Cách tấu hợp thứ 4- Hữu dị thục: Tâm sở trí tuệ ===> 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

5 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 5- Biến hành: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 15sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Cách tấu hợp thứ 6- Hữu hỗ tương: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả tam nhân + 37, sắc ý vật tái tục.

Cách tấu hợp thứ 7- Hữu hỗ tương tương ưng: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 17 tâm quả tam nhân + 37.

Cách tấu hợp thứ 8- Hữu dị thục: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục.

Cách tấu hợp thứ 9- Hữu hỗ tương dị thục: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> sắc ý vật tái tục.

6 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN ĐẠO

3 Cách tấu hợp vô dị thục

Cách tấu hợp thứ 1 (pāli điều thứ 771) **Hetu adhipati**

sahajāta nissaya indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe cattāri... na anantare cattāri na samanantare cattāri na aññamañña dve na upanissaye cattāri na purejāte cattāri na pacchājāte cattāri na āsevane cattāri na kamme cattāri na vipāke cattāri na āhāre cattāri na jhāne cattāri na sampayutte dve na vipayutte dve no natthiyā cattāri no vigate cattāri.

Chi pháp của 8 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ ===> 34 tâm đổng lực tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm: (biến hành).

Cách tấu hợp thứ 2 (pāli điều thứ 772) **Hetu adhipati sahajāta aññamañña nissaya indriya magga sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe dve... na anantare dve na samanantare dve na upanissaye dve na purejāte dve na pacchājāte dve na āsevane dve na kamme dve na vipāke dve na āhāre dve na jhāne dve na vippayutte dve no natthiyā dve no vigate dve.**

Chi pháp của 10 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ ===> 34 tâm đổng lực tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ): (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 3 (pāli điều thứ 773) **Hetu adhipati sahajāta nissaya indriya magga vippayutta atthi**

avigatanti na ārammaṇe dve... na anantare dve na samanantare dve na aññamaññe dve na upanissaye dve na purejāte dve na pacchājāte dve na āsevane dve na kamme dve na vipāke dve na āhāre dve na jhāne dve na sampayutte dve no natthiyā dve no vigate dve.

Chi pháp của 9 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ ===> 17 sắc tâm: (hữu dị thục).

3 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 4 (pāli điều thứ 774) **Hetu adhipati sahajāta nissaya vipāka indriya magga atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamaññe ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 9 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 4 tâm quả siêu thế + 35 (trừ tâm sở trí tuệ), 15 sắc tâm quả: (biến hành).

Cách tấu hợp thứ 5 (pāli điều thứ 775) **Hetu adhipati sahajāta nissaya aññamaññā vipāka indriya magga sampayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na**

anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.

Chi pháp của 11 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 4 tâm quả siêu thế + 35 (trừ tâm sở trí tuệ): (hữu hỗ tương tương ưng).

Cách tấu hợp thứ 6 (pāli điều thứ 776) **Hetu adhipati sahajāta nissaya vipāka indriya magga vippayutta atthi avigatanti na ārammaṇe ekaṃ... na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na aññamaññe ekaṃ na upanissaye ekaṃ na purejāte ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na āhāre ekaṃ na jhāne ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của 10 duyên phần thuận tùng gom vào với nhau:

Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 15 sắc tâm quả: (hữu dị thục).

Tóm lược: Trong 6 cách hữu trưởng quyền đạo tấu hợp phân ra thành 3 cách vô dị thục, 3 cách hữu dị thục.

3 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 1- Biến hành: Tâm sở trí tuệ ===> 34 tâm đồng lực tam nhân + 37 (trừ tâm sở trí tuệ), 17 sắc tâm.

Cách tấu hợp thứ 2- Hữu hỗ tương tương ưng: Tâm sở trí tuệ ===> 34 tâm đổng lực tam nhân + 37.

Cách tấu hợp thứ 3- Hữu dị thục: Tâm sở trí tuệ ===> 17 sắc tâm.

3 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC

Cách tấu hợp thứ 1- Biến hành: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 4 tâm quả siêu thế + 35 (trừ tâm sở trí tuệ), 15 sắc tâm.

Cách tấu hợp thứ 2- Hữu hỗ tương tương ưng: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 4 tâm quả siêu thế + 35.

Cách tấu hợp thứ 3- Hữu dị thục: Tâm sở trí tuệ (quả) ===> 15 sắc tâm.

Việc trình bày 24 cách tấu hợp về nhân sẽ nhận thấy được trong cách thuận tùng đối lập này. Số lượng duyên về phần thuận tùng trong mỗi cách tấu hợp nêu lên trình bày chung với nhau bao gồm số lượng duyên trình bày trong mỗi cách tấu hợp của phần thuận tùng . Chỉ trong cách thuận tùng mới trình bày duyên thuần nhất về phần thuận tùng. Nhưng trong cách thuận tùng đối lập ngoại trừ duyên trình bày trong nhóm tấu hợp mà đã trình bày trong cách thuận tùng. Thì vẫn còn nêu duyên trong phần đối lập gom vào trình bày chung bằng cách nêu nhóm duyên trong phần

thuận tùng lên làm gốc có một duyên nào trong phần đối lập làm ngọn.

Vì vậy, trong phần thuận tùng có 24 cách tấu hợp về nhân thì trong phần thuận tùng đối lập cũng có 24 cách tấu hợp về nhân giống như vậy.

Ngay cả trong cách tấu hợp khác như cách tấu hợp câu sanh hoặc cách tấu hợp linh tinh mà trình bày trong cách thuận tùng đối lập. Cũng bao gồm nhóm duyên thuộc phần thuận tùng trong cách thuận tùng gom chung với một duyên nào trong phần đối lập.

Kết thúc phần nhân căn

2- CĂN CẢNH

(Ārammaṇamūlakaṃ)

Điều thứ 777

Ārammaṇapaccayā na hetuyā nava... na adhipatiyā nava na anantare nava na samanantare nava na sahajāte nava na aññamaññe nava na nissaye nava na upanissaye nava na purejāte nava na pacchājāte nava na āsevane nava na kamme nava na vipāke nava na āhāre nava na indriye nava na jhāne nava na magge nava na sampayutte nava na vippayutte nava no atthiyā nava no natthiyā nava no vigate nava no avigate nava.

Trong phần căn cảnh của cách thuận tùng này, Đức Thế Tôn nêu cảnh duyên lên làm gốc về duyên thuận tùng thuyết thành đôi với duyên khác về phần đối lập như pāli đã trình bày ở phần trên (điều thứ 777). Tiếp theo sẽ trình bày cách tính số lượng câu lọc theo pāli đã nêu trên như sau:

1- CẢNH DUYÊN PHI NHÂN DUYÊN

CÓ 9 CÂU LỌC

(Ārammaṇapaccayā na hetuyā nava)

Pháp cảnh duyên phi nhân duyên: Chi pháp của cảnh duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp, Níp Bàn, chế định ===> 89 tâm + 52.

1- Thiện - thiện: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ Đạo) + 38 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, tâm thiện thức vô biên xứ, tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ + 33 tâm sở.

2- Thiện - bất thiện: 17 tâm thiện hiệp thế + 38 ===> 12 tâm bất thiện + 27.

3- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, 1 tâm quả và 1 tâm tố thức vô biên xứ, 1 tâm quả và tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, 1 tâm thông tố, 33 tâm sở.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện + 33.

6- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, tâm thông tố + 33.

7- Vô ký - vô ký: 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, tâm tố thức vô biên xứ, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm thông tố, 4 tâm quả siêu thế + 36 tâm sở.

8- Vô ký - thiện: 35 tâm quả (trừ tâm Tứ Quả), 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 4 tâm Đạo + 36 tâm sở.

9- Vô ký - bất thiện: 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố + 35 tâm sở, 28 sắc pháp ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Tóm lược: Trong phần cảnh duyên phi nhân duyên có 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - bất thiện, thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - thiện, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện.

Do đó có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký.
- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, thiện, vô ký.
- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.

2- CẢNH DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN

CÓ 9 CÂU LỌC

(Ārammaṇapaccayā na adhipatiyā nava)

Pháp cảnh duyên phi trưởng duyên: Chi pháp của cảnh duyên được 9 câu lọc, nhưng câu sanh trưởng không được 9 câu lọc. Còn cảnh trưởng duyên chỉ được 2 câu lọc là bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký với 1 phần chi pháp trong câu lọc khác.

Như trong câu lọc bất thiện - bất thiện thì:

Pháp cảnh duyên: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

Pháp cảnh trưởng duyên: 8 tâm tham + 22 ===> 8 tâm tham + 22.

Đối với 2 tâm sân, 2 tâm si, 23 tâm sở chỉ làm cảnh duyên nhưng không là cảnh trưởng duyên. Do đó, chi pháp trong câu lọc bất thiện - bất thiện là cảnh duyên mà không là cảnh trưởng duyên được. Nên chỉ có 2 tâm sân, 2 tâm si + 23 ===> 2 tâm sân + 23.

Cho dù trong câu lọc khác học viên cũng nên lấy chi pháp làm cảnh duyên mà không làm cảnh trưởng duyên được ra theo tương ứng. Trong nơi đây sẽ trình bày đủ cả 9 câu lọc của cảnh duyên mà không là câu sanh trưởng duyên được. Và cũng gom chung lấy phần chi pháp không làm cảnh trưởng duyên được như sau:

89 tâm + 52, 28 sắc pháp, Níp Bàn, chế định ===> 89 tâm + 52.

1- Thiện - thiện: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ Đạo) + 38 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, tâm thiện thức vô biên xứ, tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ + 33 tâm sở.

2- Thiện - bất thiện: 17 tâm thiện hiệp thế + 38 ===> 12 tâm bất thiện + 27.

3- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, 1 tâm quả và 1 tâm tố thức vô biên xứ, 1 tâm quả và tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, 1 tâm thông tố + 33 tâm sở.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện + 33.

6- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, tâm thông tố + 33.

7- Vô ký - vô ký: 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, tâm tố thức vô biên xứ, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm thông tố, 4 tâm quả siêu thế + 36 tâm sở.

8- Vô ký - thiện: 35 tâm quả (trừ tâm Tứ Quả), 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 4 tâm Đạo + 36 tâm sở.

9- Vô ký - bất thiện: 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố + 35 tâm sở, 28 sắc pháp ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Tóm lược: Trong phần cảnh duyên phi trưởng duyên có 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - bất thiện, thiện - vô ký,

bất thiện - bất thiện, bất thiện - thiện, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện.

Do đó có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, thiện, vô ký.

- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.

Do việc trình bày tính câu lọc trong cánh thuận tùng đối lập có cảnh duyên làm gốc có duyên khác thuộc về phần đối lập làm ngọn trình bày việc tính câu lọc cũng chỉ một cách như đã trình bày. Trong cảnh duyên phi nhân duyên và cảnh duyên phi trưởng duyên thì học viên có thể tự trình bày bằng cách nương vào pli điều thứ 777 đã nêu lên ở gian đoạn đầu.

Tiếp theo sẽ trình bày 5 cách tấu hợp linh tinh (pakiṇṇakadhaṭan) là nêu lên nhóm duyên trong 5 cách tấu hợp cảnh linh tinh theo cách thuận tùng. Mỗi cách tấu hợp trình bày thành cặp với duyên khác trong phần đối lập một duyên theo tuần tự, trừ duyên trong phần thuận tùng.

5 CÁCH TẤU HỢP LINH TINH

Cách tấu hợp thứ 1 (pāli điều 778) **Ārammaṇa adhipati upanissayanti na hetuyā satta... na anantare satta na**

samanantare na sahajāte satta na aññamaññe satta na nisaye satta na purejāte satta na pacchājāte satta na āsevane satta, satta na āsevane satta na kamme satta na vipāke satta na āhāre satta na indriye satta na jhāne satta na magge satta na sampayutte satta na vippayutte satta no atthiyā satta no natthiyā satta no vigate satta no avigate satta.

Chi pháp của phần thuận tùng gom vào được 3 duyên, là chi pháp của cảnh trưởng duyên:

18 sắc cảnh tốt, 84 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở, Níp Bàn ===> 28 tâm + 45.

(Chi pháp trong phần thuận tùng mà tìm trên, khi phân ra sẽ được 7 câu lọc, và cả 7 câu lọc này gom vào với phi nhân duyên... nên trong pāli mới trình bày là nahetuyā satta...). Có 7 câu lọc:

1- Thiện - thiện: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ Đạo) + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 33.

2- Thiện - bất thiện: 17 tâm thiện hiệp thế + 38 ===> 8 tâm tham + 22.

3- Thiện - vô ký: Tâm Tứ Đạo + 36 ===> 4 tâm đại tố tương ưng trí + 33.

4- Bất thiện - bất thiện: 8 tâm tham + 22 ===> 8 tâm tham + 22.

5- Vô ký - vô ký: Tâm Tứ Quả + 36, Níp Bàn ===> 4 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm Quả siêu thế + 36.

6- Vô ký - thiện: 3 tâm Quả thấp + 36, Níp Bàn ===> 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 4 tâm Đạo + 36.

7- Vô ký - bất thiện: 31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm thân thức thọ khổ), 20 tâm tố + 35 tâm sở, 18 sắc cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Cách tấu hợp thứ 2 (pāli điều 779) **Ārammaṇa purejāta atthi avigatanti na hetuyā tīṇi... na adhipatiyā tīṇi na anantare tīṇi na samanantare tīṇi na sahajāte tīṇi na aññamaññe tīṇi na nissaye tīṇi na upanissaye tīṇi na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na āhāre tīṇi na indriye tīṇi na jhāne tīṇi na magge tīṇi na sampayutte tīṇi na vippayutte tīṇi no natthiyā tīṇi no vigate tīṇi.**

Chi pháp của phần thuận tùng gom vào được 4 duyên, là chi pháp của cảnh tiền sanh duyên:

18 sắc cảnh hiện tại ===> 54 tâm dục giới, 2 tâm thông + 50 tâm sở (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

Nhóm chi pháp này phân ra được 3 câu lọc, cả 3 câu lọc gom vào với duyên thuộc phần đối lập như phi nhân duyên nên trong pli mới trình bày rằng: **Ārammaṇa purejāta atthi avigatanti na hetuyā tīṇi... na adhipatiyā tīṇi**... . Có 3 câu lọc:

1- Vô ký - vô ký: 18 sắc cảnh hiện tại ===> 23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, tâm thông tố + 33.

2- Vô ký - thiện: 18 sắc cảnh hiện tại ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện + 33.

3- Vô ký - bất thiện: 18 sắc cảnh hiện tại ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Cách tấu hợp thứ 3 (pāli điều 780) **Ārammaṇa nissaya purejāta vippayutta atthi avigatanti na hetuyā tīṇi... na adhipatiyā tīṇi na anantare tīṇi na samanantare tīṇi na sahajāte tīṇi na aññamaññe tīṇi na upanissaye tīṇi na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipāke tīṇi na āhāre tīṇi na indriye tīṇi na jhāne tīṇi na magge tīṇi na sampayutte tīṇi no natthiyā tīṇi no vigate tīṇi.**

Chi pháp của phần thuận tùng gom vào được 6 duyên, là chi pháp của vật cảnh tiền sanh y duyên:

Sắc ý vật cận tử ===> 43 tâm + 44 tâm sở (phân ra được 3 câu lọc).

1- Vô ký - vô ký: Sắc ý vật cận tử ===> 11 tâm na cảnh, 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), tâm thông tố + 33.

2- Vô ký - thiện: Sắc ý vật cận tử ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện + 33.

3- Vô ký - bất thiện: Sắc ý vật cận tử ===> 12 tâm bất thiện + 24 (trừ tâm sở tật, lận, hối).

Chi pháp trong 3 câu lọc này gom vào với phi nhân duyên... (nahetuyā tīṇi).

Cách tấu hợp thứ 4 (pāli điều 781) **Ārammaṇa adhipati upanissaya purejāta atthi avigatanti na hetuyā ekaṃ... na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na sahajāte ekaṃ na aññamañña ekaṃ na nissaye ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na vipāke ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ na vippayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của phần thuận tùng gom vào được 6 duyên, là chi pháp của cảnh tiền sanh trưởng duyên:

18 sắc cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Vô ký - vô ký: 18 sắc cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Nhóm chi pháp này gom vào với phi nhân duyên ... thuộc phần đối lập (naheuyā ekaṃ).

Cách tấu hợp thứ 5 (pāli điều 782) **Ārammaṇa adhipati nissaya upanissaya purejāta vippayutta atthi avigatanti na hetuyā ekaṃ... na anantare ekaṃ na samanantare ekaṃ na sahajāte ekaṃ na aññamañña ekaṃ na pacchājāte ekaṃ na āsevane ekaṃ na kamme ekaṃ na vipāke ekaṃ na āhāre ekaṃ na indriye ekaṃ na jhāne ekaṃ na magge ekaṃ na sampayutte ekaṃ no natthiyā ekaṃ no vigate ekaṃ.**

Chi pháp của phần thuận tùng gom vào được 8 duyên, là chi pháp của vật cảnh tiền sanh trưởng duyên:

Sắc ý vật cận tử thành cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Vô ký - vô ký: Sắc ý vật cận tử thành cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Nhóm chi pháp này gom vào với phi nhân duyên... thuộc phần đối lập được (nahetuyā ekaṃ).

Kết thúc phần căn cảnh

Đối với việc trình bày tính chi pháp của các câu lọc khác cho đến cách tấu hợp của căn còn lại như căn trưởng (adhipatimūla)...cho đến căn bất ly cũng cùng cách như đã trình bày. Học viên có thể tự mình trình bày được bằng cách nương vào pāli mà Đức Thế Tôn thuyết trong Tam Tạng quyển 40 điều thứ 763... cho đến điều thứ 1007 mới kết thúc cách thuận tùng đối lập của phần yếu tri (pañhāvāra).

Tổng cộng cách tấu hợp trong phần thuận tùng đối lập có tất cả 415 cách tấu hợp bằng với số lượng ấu hợp trong phần thuận tùng do phân ra thành 312 cách tấu hợp câu sanh, 64 cách tấu hợp linh tinh, 39 cách tấu hợp hỗn hợp (xem phần chi tiết trong Bộ Vị Trí phần 1 trang 261).

Kết thục phần thuận tùng đối lập của phần yếu tri

PHẦN YẾU TRI

CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

Khi Đức Thế Tôn thuyết về cách thuận tùng đối lập của phần yếu tri xong rồi, Ngài thuyết tiếp theo cách đối lập thuận tùng bằng pāli rằng:

Điều pli thứ 1007

Na hetupaccayā ārammaṇe nava... adhipatiyā dasa anantare satta samanantare satta sahajāte nava aññamaññe tīṇi nissaye terasa upanissaye nava purejāte tīṇi pacchājāte tīṇi āsevane tīṇi kamme satta vipāke ekaṃ āhāre satta indriye satta jhāne satta magge satta sampayutte tīṇi vippayute pañca atthiyā terasa natthiyā satta vigate satta avigate satta.

Trong pāli phần trên trình bày duyên gốc thuộc phần đối lập, duyên ngọn thuộc phần thuận tùng số lượng câu lọc tính được có 9, 10... cũng là số lượng câu lọc tính được trong phần thuận tùng duyên ngọn trong nơi đây như **Na**

hetupaccayā ārammaṇe nava: Pháp phi nhân duyên cảnh duyên có 9 câu lọc:

Trong cách đối lập phi nhân duyên có 15 câu lọc (Bộ Vị trí phần 1 trang 276).

Trong cách thuận tùng cảnh duyên có 9 câu lọc (Bộ Vị Trí phần 1 trang 37).

Trong cách thuận tùng đối lập cảnh duyên phi nhân duyên có 9 câu lọc.

Trong cách đối lập thuận tùng phi nhân cảnh duyên có 9 câu lọc. Cả 9 câu lọc này cũng tức là 9 câu lọc trong cảnh duyên phi nhân duyên trong cách thuận tùng đối lập và cũng là 9 câu lọc của cảnh duyên trong cách thuận tùng.

Ngay cả phi nhân duyên trưởng duyên có 10 câu lọc (nahetupaccayā adhipatiyā dasa) cũng giống như vậy. Tức là 10 câu lọc của trưởng duyên trong cách thuận tùng.

Tổng cộng số lượng câu lọc tính được trong cách đối lập thuận tùng này cũng là số lượng câu lọc tính được của duyên thuộc cách thuận tùng.

Trong nơi đây sẽ trình bày **Na hetupaccayā ārammaṇe nava** và **Na hetupaccayā adhipatiyā dasa** chỉ 2 đôi làm thí dụ như sau:

CĂN PHI NHÂN

(Hetumūlakaṃ)

1- PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN

CÓ 9 CÂU LỌC

(Na hetupaccayā ārammaṇe nava)

Pháp phi nhân duyên cảnh duyên: 89 tâm + 52, 28 sắc pháp, Níp Bàn, chế định ===> 89 tâm + 52.

1- Thiện - thiện: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ Đạo) + 38 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, tâm thiện thức vô biên xứ, tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ + 33.

2- Thiện - bất thiện: 17 tâm thiện hiệp thế + 38 ===> 12 tâm bất thiện + 27.

3- Thiện - vô ký: 21 tâm thiện + 38 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, 1 tâm quả và 1 tâm tố thức vô biên xứ, 1 tâm quả và tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, 1 tâm thông tố + 33 tâm sở.

4- Bất thiện - bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 12 + 27.

5- Bất thiện - thiện: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện + 33.

6- Bất thiện - vô ký: 12 tâm bất thiện + 27 ===> 10 tâm tố dục giới (trừ tâm khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, tâm thông tố + 33.

7- Vô ký - vô ký: 36 tâm quả, 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, tâm tố thức vô biên xứ, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm thông tố, 4 tâm quả siêu thế + 36 tâm sở.

8- Vô ký - thiện: 35 tâm quả (trừ tâm Tứ Quả), 20 tâm tố + 38, 28 sắc pháp, Níp Bàn ===> 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 4 tâm Đạo + 36 tâm sở.

9- Vô ký - bất thiện: 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố + 35 tâm sở, 28 sắc pháp ===> 12 tâm bất thiện + 27.

Tóm lược: Trong phần phi nhân duyên cảnh duyên có 9 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - bất thiện, thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - thiện, bất thiện - vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện.

Do đó có 3 câu: Thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu thiện có 3 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, thiện, vô ký.

- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.

2- PHI NHÂN DUYÊN TRƯỞNG DUYÊN

CÓ 10 CÂU LỌC

(Na hetupaccayā adhipatiyā dasa)

Do trưởng duyên có 2 loại là cảnh trưởng duyên và câu sanh trưởng duyên. Đối với chi pháp của cảnh trưởng duyên thuộc phi nhân duyên tức không phải là nhân duyên rồi. Nhưng chi pháp của câu sanh trưởng duyên nếu trừ thẩm trưởng ra thì 3 trưởng còn lại không phải là nhân duyên. Do đó, chi pháp của nhân duyên trưởng duyên mới phân thành 2 loại như sau:

1- Phi nhân cảnh trưởng duyên: 18 sắc cảnh tốt, 84 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở, Níp Bàn ===> 28 tâm là 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố tương ưng trí, 8 tâm siêu thế + 45 (trừ 4 tâm sở sân phần, tâm sở hoài nghi, 2 tâm sở vô lượng phần).

2- Phi nhân câu sanh trưởng duyên: 3 trưởng (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 52 tâm đồng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm si, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 51 (trừ tâm sở hoài nghi), 17 sắc tâm.

- Chi pháp của điều thứ 1 phân ra được 7 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - bất thiện, thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện.

- Chi pháp của điều thứ 2 phân ra được 7 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký.

Khi gom chung số lượng câu lọc tính được trong điều 1 và 2 mà không trùng lập nhau sẽ được 10 câu lọc: Thiện - thiện, thiện - bất thiện, thiện - vô ký, thiện - thiện và vô ký, bất thiện - bất thiện, bất thiện - vô ký, bất thiện - bất thiện và vô ký, vô ký - vô ký, vô ký - thiện, vô ký - bất thiện. Cả 10 câu lọc này là số lượng câu lọc trình bày trong pāli **Na hetupaccay adhipatiy dasa.**

1- Thiện - thiện. 1[1]: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ Đạo) + 38 ===> 8 tâm đại thiện + 33.

2[2]: 3 trưởng thiện (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 21 tâm thiện + 38.

2- Thiện - bất thiện:1: 17 tâm thiện hiệp thế + 38 ===> 8 tâm tham + 22 (không có điều 2).

3- Thiện - vô ký: 1- Tâm Tứ Đạo + 36 ===> 4 tâm tố tương ưng trí + 33.

2- 3 trưởng thiện (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 17 sắc tâm thiện.

[1] Điều 1 nhỏ là chi pháp của phi nhân cảnh trưởng duyên, ngay cả trong câu lọc còn lại cũng giống như vậy.

[2] Điều 2 nhỏ là chi pháp của phi nhân câu sanh trưởng duyên ngay cả trong câu lọc còn lại cũng giống như vậy.

4- Thiện - thiện và vô ký: 2: 3 trưởng thiện (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm thiện (không có điều 1).

5- Bất thiện - bất thiện:1: 8 tâm tham + 22 ===> 8 tâm tham + 22.

2: 3 trưởng bất thiện ===> 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 26 (trừ tâm sở hoài nghi).

6- Bất thiện - vô ký: 2: 3 trưởng bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện (không có điều 1).

7- Bất thiện - bất thiện và vô ký: 2: 3 trưởng bất thiện ===> 10 tâm bất thiện + 26, 17 sắc tâm bất thiện (không có điều 1).

8- Vô ký - vô ký: 1: Tâm Tứ Quả + 36, Níp Bàn ===> 4 tâm tố tương ưng trí, 4 tâm Quả siêu thế + 36.

2: 3 trưởng vô ký (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 17 tâm đổng lực tố hữu trưởng, 4 tâm Quả siêu thế + 38, 17 sắc tâm.

9- Vô ký - thiện: 1: 3 tâm Quả thấp + 36, Níp Bàn ===> 4 tâm thiện tương ưng trí, 4 tâm Đạo + 36 (không có điều 2).

10- Vô ký - bất thiện:1: 31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm thân thức thọ khổ), 20 tâm tố + 35, 18 sắc cảnh tốt ===> 8 tâm tham + 22.

Trong phi nhân duyên trưởng duyên có 10 câu lọc, trong 10 câu lọc có 3 câu và 10 câu sau cùng.

- Câu thiện có 4 câu sau cùng là thiện, bất thiện, vô ký, thiện và vô ký.

- Câu bất thiện có 3 câu sau cùng là bất thiện, vô ký, bất thiện và vô ký.

- Câu vô ký có 3 câu sau cùng là vô ký, thiện, bất thiện.

Đây là trình bày theo căn phi nhân có phi nhân làm gốc chỉ một duyên, dù cho việc trình bày phi nhân căn có nhiều duyên gốc hơn một duyên trở lên chung với duyên thuộc phần thuận tùng mỗi lần một duyên cũng cùng cách thức như vậy. Khi thêm duyên gốc nhiều lên thì câu lọc còn lại ít xuống theo tuần tự cho đến sau cùng sẽ còn lại chỉ một câu lọc.

Đối với việc tính câu lọc trong duyên gốc khác như căn phi cảnh... học viên nên trình bày theo pāli đã nêu ra theo cách thức như đã trình bày rồi.

Kết thúc cách đối lập thuận tùng của phần yếu tri

Kết thúc tam đề thiện vị trí

TAM ĐỀ THỌ

(Vedanātikapaṭṭhāna)

Khi Đức Thế Tôn thuyết 24 duyên theo tam đề thiện vị trí xong rồi, Ngài thuyết tiếp 24 duyên theo tam đề thọ vị trí.

Trong tam đề thọ vị trí này Đức Thế Tôn nêu pháp câu sanh với 3 thọ như lạc thọ... lên thuyết theo câu tam đề nêu lên trong mẫu tam đề Pháp Tụ (Dhammasaṇgaṇīmātikā). **Tam đề thọ** như pháp tương ưng thọ lạc, pháp tương ưng thọ khổ và pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng 7 phần lớn như phần liên quan (paṭiccavāra), phần câu sanh (sahajātavāra), phần duyên (paccayavāra), phần y chỉ (nissayavāra), phân hòa hợp (saṃsaṭṭhavāra), phần tương ưng (sampayuttavāra), phần yếu tri (pañhāvāra). Mỗi phần Ngài thuyết theo 4 cách là cách thuận tùng, cách đối lập, cách thuận tùng đối lập, cách đối lập thuận tùng.

Đối với 6 phần lớn ở đoạn trên như phần liên quan... Ngài nêu pháp sở duyên lên thuyết theo pháp nương nhờ lẫn nhau trong vai trò câu sanh cũng có, trong vai trò sanh

trước cũng có. Như Ngài đã thuyết trong 6 phần lớn của tam đề vị trí.

Còn trong **phần yếu tri** Ngài nêu pháp nhân là pháp năng duyên lên thuyết để làm cho pháp quả là pháp sở duyên như thế nào, thì khi Ngài thuyết trong phần yếu tri của tam đề thiện cũng như thế đó.

Do trong tam đề thiện này trình bày pháp câu sanh với thọ, mà không trình bày thọ thuộc thọ uẩn nên uẩn còn lại trình bày trong nơi đây chỉ có 3 danh uẩn là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Trừ ra 3 pháp là thọ, sắc pháp và Níp Bàn, vì 3 pháp này không câu sanh được với thọ.

Như Ngài Giáo Thọ Sư sớ giải trình bày trong sớ giải Pañcapakaraṇa, trang 652 rằng:

"Vedanāttike tissa vedanā rūpaṃ nibbānanti ime dhammā na labbhanti tasmā akaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhāti ādi vuttaṃ".

Tức 3 loại pháp như thọ, sắc pháp, Níp Bàn hằng không có được trong tam đề thọ. Vì vậy, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng 2 uẩn nương 1 uẩn...

Trong nơi đây sẽ trình bày 6 phần ở đoạn đầu theo nhân duyên **phần liên quan** chỉ 1 duyên làm dẫn chứng mà thôi. Nhưng sẽ trình bày phần yếu tri bằng 24 duyên theo tuần tự.

Trước hết nên hiểu chi pháp trong mẫu tam đề cả 3 câu của tam đề thọ trước (trong tam đề thọ trình bày tâm theo chi tiết tức 121 tâm).

- Câu thứ 1: **Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā.**

Các pháp thực tánh tương ưng với thọ lạc.

Chi pháp: 63 tâm tương ưng lạc + 46 tâm sở (trừ tâm sở thọ, 4 tâm sở sân phần, tâm sở hoài nghi).

- Câu thứ 2: **Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā.**

Các pháp thực tánh tương ưng với thọ khổ.

Chi pháp: 3 tâm tương ưng khổ + 21 tâm sở (trừ tâm sở thọ, tâm sở hỷ, 3 tâm sở tham phần, tâm sở hoài nghi).

- Câu thứ 3: **Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā.**

Các pháp thực tánh tương ưng với thọ xả.

Chi pháp: 55 tâm tương ưng xả + 46 tâm sở (trừ tâm sở thọ, tâm sở hỷ, 4 tâm sở sân phần).

63 Tâm Tương Ưng Lạc

18 dục giới hỷ thọ: Tâm quan sát hỷ thọ, tâm Ứng Cúng Vi Tiếu, 4 tâm tham hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại quả hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ.

1 thân thức thọ lạc: Tâm thân thức thọ lạc.

12 thiền hiệp thế hỷ thọ: 3 tâm sơ thiền, 3 tâm nhị thiền, 3 tâm tam thiền, 3 tâm tứ thiền.

32 thiền siêu thế hỷ thọ: 4 tâm Đạo 4 tâm Quả sơ thiền, 4 tâm Đạo 4 tâm Quả nhị thiền, 4 tâm Đạo 4 tâm Quả tam thiền, 4 tâm Đạo 4 tâm Quả tứ thiền.

3 Tâm Tương Ưng Khổ

Gồm có 2 tâm sân, tâm thân thức thọ khổ.

55 Tâm Tương Ưng Xả

32 dục giới xả thọ: 14 tâm vô nhân xả thọ, 4 tâm tham xả thọ, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại quả xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ.

15 thiền hiệp thế xả thọ: 15 tâm ngũ thiền là 3 tâm ngũ thiền sắc giới, 12 tâm vô sắc giới.

8 thiền siêu thế xả thọ: 4 tâm Đạo 4 tâm Quả ngũ thiền.

TAM ĐỀ THỌ VỊ TRÍ
TÓM LƯỢC (Lược Đồ)

121 tâm	Tâm tương ưng lạc 63	Tâm tương ưng khổ 3	Tâm tương ưng xã 55
8 tâm tham	4	-	4
2 tâm sân	-	2	-
2 tâm si	-	-	2
18 tâm vô nhân	3 (tâm thân thức thọ lạc, tâm quan sát hỷ thọ, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu)	1 (tâm thân thức thọ khổ)	14
24 tâm dục giới tịnh hảo (8 tâm đại thiện, 8 tâm đại quả, 8 tâm đại tố)	12	-	12
11 tâm sơ thiền	11	-	-
11 tâm nhị thiền	11	-	-
11 tâm tam thiền	11	-	-
11 tâm tứ thiền	11	-	-
23 tâm ngũ thiền	-	-	23
Tổng cộng: 121 tâm ===>	63	3	55
Tâm sở câu sanh với tâm ===>	46 tâm sở (trừ tâm sở thọ, 4 tâm sở sân phần, tâm sở hoài nghi)	21 tâm sở (trừ tâm sở thọ, 3 tâm sở tham phần, tâm sở hoài nghi, tâm sở hỷ)	46 tâm sở (trừ tâm sở thọ, 4 tâm sở sân phần, tâm sở hỷ)

TAM ĐỀ THỌ

PHẦN LIÊN QUAN

CÁCH THUẬN TÙNG NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetuyā tīṇi)

Pāli: 1- (1077) Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca sukhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp tương ưng lạc thọ nương sanh pháp tương ưng lạc thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ: 1- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhā paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn câu sanh lạc thọ.

1 ------- 2 ----------

60 tâm hữu nhân tương ưng lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 60 tâm hữu nhân tương ưng lạc thọ + 46.

2- Paṭisandhikkhaṇe sukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

Trong sát na tái tục 2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng lạc thọ.

Trong sát na tái tục 1 uẩn nương 2 uẩn tương ưng lạc thọ.

8 tâm tái tục hữu nhân tương ưng lạc + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 8 tâm tái tục hữu nhân tương ưng lạc + 34.

Pāli: 2- (1078) Dukkhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp tương ưng khổ thọ nương sanh pháp tương ưng khổ thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ: Dukkhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng khổ thọ.

1 ------- 2 ----------

2 tâm tương ưng khổ (trừ tâm thân thức thọ khổ) + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm tương ưng khổ + 21.

Pāli: 3- (1079) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati hetupaccayā.

Pháp tương ưng xả thọ nương sanh pháp tương ưng xả thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ: 1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhā paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng xả thọ.

1 ------- 2 ----------

41 tâm hữu nhân tương ưng xả + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 41 tâm hữu nhân tương ưng xả + 46 (trừ tâm sở thọ và tâm sở si hợp trong tâm si).

2- Paṭisandhikkhaṇe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhā paṭicca eko khandho.

Trong sát na tái tục 2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng xả thọ.

Trong sát na tái tục 1 uẩn nương 2 uẩn tương ưng xả thọ.

9 tâm tái tục hữu nhân tương ưng xả + 33 (trừ tâm sở hỷ, tâm sở thọ) ===> 9 tâm tái tục hữu nhân tương ưng xả + 33.

Tóm lược: Chi pháp sở duyên mà trình bày trong nhân duyên phần liên quan là 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ và tâm sở si hợp trong 2 tâm si).

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xã - xã.

PHẦN LIÊN QUAN CÁCH ĐỐI LẬP
PHI NHÂN DUYÊN
PHI NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Na hetuyā tīṇi)

Pāli: 1- (1088) Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca sukhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp tương ưng lạc thọ nương sanh pháp tương ưng lạc thọ bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: 1- Ahetukaṃ sukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng lạc thọ vô nhân.

1 -------- 2 ---------- ------

3 tâm tương ưng lạc vô nhân + 11 (trừ tâm sở thọ) ===> 3 tâm tương ưng lạc vô nhân + 11 (3: tâm quan sát hỷ thọ, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, tâm thân thức thọ lạc).

Pāli: 2- (1089) Dukhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca dukhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp tương ưng khổ thọ nương sanh pháp tương ưng khổ thọ bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇasahagataṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng với thân thức thọ khổ.

1 -------- 2 ---------- ----------

1 tâm thân thức tương ưng khổ + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm thân thức tương ưng khổ + 6.

Pāli: 3- (1090) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ dhammaṃ paṭicca adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo uppajjati na hetupaccayā.

Pháp tương ưng xả thọ nương sanh pháp tương ưng xả thọ bằng phi nhân duyên.

Câu phụ: 1- Ahetukaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng xả thọ vô nhân.

1 -------- 2 ---------- ------

14 tâm tương ưng xả vô nhân + 10 (trừ tâm sở hỷ, tâm sở thọ) ===> 14 tâm tương ưng xả vô nhân + 10.

2- Ahetukapaṭisandhikkhaṇe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā, dve khandhe paṭicca eko khandho.

Trong sát na tái tục 2 uẩn nương 1 uẩn tương ưng xả thọ vô nhân.

Trong sát na tái tục 1 uẩn nương 2 uẩn tương ưng xả thọ vô nhân.

2 tâm tái tục tương ưng xả vô nhân + 9 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm tái tục tương ưng xả vô nhân + 9.

3- Vicikicchāsahagate uddhaccasahagate khandhe paṭicca vicikicchāsahagato uddhaccasahagato moho.

Tâm sở si câu sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật nương các uẩn đồng sanh với tâm hoài nghi, tâm phóng dật.

2 tâm si + 14 (trừ tâm sở si, tâm sở thọ) ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Tóm lược: Chi pháp địch duyên mà trình bày trong nhân duyên phần liên quan là 18 tâm vô nhân + 11 (trừ tâm sở thọ). Tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xã - xã.

CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

(1126)- **Hetupaccayā na adhipatiyā tīṇi... na purejāte dve na pacchājāte tīṇi na āsevane tīṇi na kamme tīṇi na vipake tīṇi na vippayutte dve.**

CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

(1127)- **Na hetupaccayā ārammaṇe tīṇi... anantare tīṇi samanantare tīṇi sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi upanissaye tīṇi purejāte tīṇi āsevane dve kamme tīṇi vipāke tīṇi āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne dve magge ekaṃ sampayutte tīṇi vippayutte tīṇi atthiyā tīṇi natthiyā tīṇi vigate tīṇi avigate tīṇi.**

Ghi chú: Học viên nên trình bày duyên còn lại (trừ ra nhân duyên) bằng 4 cách theo pāli mà Đức Thế Tôn thuyết giảng nương theo cách đã trình bày trong căn nhân cho đến 5 phần còn lại (trừ phần liên quan và phần yếu tri) bằng 4 cách theo pāli.

Kết thúc phần liên quan của tam đề thọ

(theo tóm tắt)

TAM ĐỀ THỌ VỊ TRÍ

(Vedanatikapaṭṭhāna)

PHẦN YẾU TRI CÁCH THUẬN TÙNG

(1192)- **Hetuyā tīṇi ārammaṇe nava adhipatiyā pañca anantare satta samanantare satta sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi upanissaye nava āsevane tīṇi kamme aṭṭha vipāke tīṇi āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi natthiyā satta vigate satta avigate tīṇi.**

Từ pli trình bày nêu trên, trong **Tam Đề Thọ** Đức Thế Tôn thuyết về 24 duyên bằng 21 duyên trừ tiền sanh duyên, hậu sanh duyên và bất tương ưng duyên. Vì tiền sanh duyên là sắc làm năng duyên cho danh, hậu sanh duyên là danh làm năng duyên cho sắc, bất tương ưng duyên là sắc làm năng duyên cho danh hoặc danh làm năng duyên cho sắc. Mà sắc thì không câu sanh với thọ nào được cả, nên không là pháp duyên nào trong tam đề vị trí này.

Sau đây sẽ trình bày số lượng câu lọc tính được của các duyên khác nhau như nhân duyên... theo pāli nêu trên (điều 1192).

Do pāli phần xiển minh các duyên như nhân duyên... trình

bày rằng: **"Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo...".**

Đức Thế Tôn đã phân tích thuyết giảng trong phần duyên phân tích (Paccayavibhaṇgavāra) điều thứ 2 - 25, trong Bộ Vị Trí phần 1. Ngài đã nêu lên trình bày trong phần đầu tiên tiếp theo sau phần duyên xiển minh (như nhân duyên...) của mỗi duyên nên không cần thiết trình bày lập lại trong tam đề thọ nữa.

1- NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Hetuyā tīṇi)

6 nhân ===> 103 tâm hữu nhân + 46 $^{-2}$ (được 3 câu lọc).

Pāli: 1- (1140) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayutto hetu sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

5 nhân thọ lạc (trừ nhân sân) ===> 60 tâm hữu nhân thọ lạc + 46 tâm sở (trừ tâm sở thọ).

2- Paṭisandhikkhaṇe sukhāya vedanāya sampayutto hetu sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

3 nhân thọ lạc là vô tham, vô sân, vô si ===> 8 tâm tái tục hữu nhân thọ lạc + 34 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 2- (1141) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ: **Dukkhāya vedanāya sampayutto hetu sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.**

Nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

2 nhân khổ thọ là nhân sân, nhân si ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1142) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto hetu sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Nhân tương ưng xả thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

5 nhân xả thọ (trừ nhân sân) ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ, 46^{-2} (trừ tâm sở thọ).

46^{-2} = 46 tâm sở trừ tâm sở si hợp trong hai tâm si.

2- Paṭisandhikkhaṇe adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto hetu sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục hữu nhân tương ưng xả thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

3 nhân xả thọ là vô tham, vô sân, vô si ===> 9 tâm tái tục hữu nhân xả thọ + 31 (trừ tâm sở hỷ, thọ).

Tóm lược: Pháp nhân duyên trong tam đề thọ gồm có:

6 nhân lạc thọ, khổ thọ, xả thọ ===> 103 tâm hữu nhân (trừ 18 tâm vô nhân) + 51 $^{-2}$ (trừ tâm sở thọ).

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xã - xã.

Bởi có 3 câu: Câu tương ưng lạc, câu tương ưng khổ, câu tương ưng xả.

- Câu tương ưng lạc có 1 câu sau cùng là tương ưng lạc: Lạc - lạc.

- Câu tương ưng khổ có 1 câu sau cùng là tương ưng khổ: Khổ - khổ.

- Câu tương ưng xã có 1 câu sau cùng là tương ưng xã: Xả - xả.

CĂN NHÂN

(Hetumūlakaṃ)

NHÂN THỰC TÁNH (có 10 duyên)

(1193) Hetupaccayā adhipatiyā dve... sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi vipāke dve indriye dve magge dve sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.

Từ phần đầu pāli trên trình bày trong tam đề thọ nhân duyên có 10 duyên thực tánh là trưởng duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, quả duyên, quyền duyên, đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên.

Tiếp theo sẽ trình bày thực tánh duyên theo pāli đã nêu:

1- **Hetupaccayā adhipattiyā dve**: Nhân duyên trưởng duyên có được 2 câu lọc (tức pháp gom vào với nhau được cả 2 duyên là nhân duyên và trưởng duyên có 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Nhân vô si lạc thọ ===> 44 tâm đổng lực tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

2- Xả - xả: Nhân vô si xả thọ ===> 22 tâm đổng lực tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở thọ, hỷ, trí tuệ).

2- **Hetupaccyā sahajāte tīṇi**: Nhân duyên câu sanh duyên có được 3 câu lọc.

1- Lạc - lạc: 5 nhân thọ lạc ===> 60 tâm hữu nhân thọ lạc + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 nhân khổ thọ ===> 2 tâm hữu nhân khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 5 nhân xã thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 $^{-2}$ (trừ tâm sở thọ).

3- **Hetupaccayā aññamaññe tīṇi:** Nhân duyên hỗ tương duyên có được 3 câu lọc.

4- **Hetupaccayā nissaye tīṇi:** Nhân duyên y chỉ duyên có được 3 câu lọc. Câu thứ 3 - 4 giống như câu thứ 2.

5- **Hetupaccayā vipāke dve:** Nhân duyên quả duyên có được 2 câu lọc.

1- Lạc - lạc: 3 nhân lạc thọ ===> 24 tâm quả hữu nhân lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 3 nhân xả thọ ===> 13 tâm quả hữu nhân xả thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 2 vô lượng phần).

6- **Hetupaccayā indriye dve:** Nhân duyên quyền duyên có được 2 câu lọc.

1- Lạc - lạc: Trí tuệ lạc thọ ===> 50 tâm tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

2- Xả - xả: Trí tuệ xả thọ ===> 29 tâm tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở thọ, hỷ, trí tuệ).

7- **Hetupaccay magge dve:** Nhân duyên đạo duyên có được 2 câu lọc (giống như câu thứ 6).

8- **Hetupaccay sampayutte tẏṇi:** Nhân duyên tương ưng duyên có được 3 câu lọc.

9- **Hetupaccay atthiy tẏṇi:** Nhân duyên hiện hữu duyên có được 3 câu lọc.

10- **Hetupaccay avigate tẏṇi:** Nhân duyên bất ly duyên có được 3 câu lọc (câu thứ 8 - 9 - 10 giống như câu thứ 2).

6 CÁCH NHÂN TẤU HỢP

(Pāli điều thứ 1196)

1- 2 cách tấu hợp thông thường:

1- Vô dị thục.

2- Hữu dị thục.

- Tấu hợp vô dị thục: Nhân duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 1 có 7 duyên được 3 câu lọc).

Lạc - lạc: 5 nhân thọ lạc ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Khổ - khổ: 2 nhân khổ thọ ===> 2 tâm hữu nhân khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Xả - xả: 5 nhân xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 $^{-2}$ (trừ tâm sở thọ).

- Tấu hợp hữu dị thục: Nhân duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, **quả duyên**, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 2 có 8 duyên được 2 câu lọc).

Lạc - lạc: 3 nhân quả lạc thọ ===> 24 tâm quả hữu nhân lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

Xả - xả: 3 nhân quả xả thọ ===> 13 tâm quả hữu nhân xả thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 2 vô lượng phần).

2- 2 cách tấu hợp hữu quyền đạo:

1- Vô dị thục.

2- Hữu dị thục.

- Tấu hợp vô dị thục: Nhân duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, quyền duyên, đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 1 có 9 duyên, được 2 câu lọc).

Lạc - lạc: Trí tuệ lạc thọ ===> 50 tâm tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ).

Xả - xả: Trí tuệ xả thọ ===> 29 tâm tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở hỷ, trí tuệ, thọ).

- Tấu hợp hữu dị thục: Nhân duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, quả duyên, quyền duyên,

đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 2 có 10 duyên được 2 câu lọc).

Lạc - lạc: Trí tuệ quả lạc thọ ===> 22 tâm quả tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ).

Xả - xả: Trí tuệ quả xả thọ ===> 11 tâm quả tam nhân xả thọ + 33 (trừ tâm sở hỷ, trí tuệ, thọ, 2 vô lượng phần).

3- 2 cách tấu hợp hữu trưởng quyền đạo:

1- Vô dị thục

2- Hữu dị thục.

- Tấu hợp vô dị thục: Nhân duyên, trưởng duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, quyền duyên, đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 1 có 10 duyên được 2 câu lọc).

Lạc - lạc: Trí tuệ lạc thọ ===> 44 tâm đồng lực tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ).

Xả - xả: Trí tuệ xả thọ ===> 22 tâm đồng lực tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở hỷ, trí tuệ, thọ).

- **Tấu hợp hữu dị thục:** Nhân duyên, trưởng duyên, câu sanh duyên, hỗ tương duyên, y chỉ duyên, **quả duyên**, quyền duyên, đạo duyên, tương ưng duyên, hiện hữu duyên, bất ly duyên (cách tấu hợp thứ 2 có 11 duyên được 2 câu lọc).

Lạc - lạc: Trí tuệ quả lạc thọ ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 34 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ, 2 vô lượng phần).

Xả - xả: Trí tuệ quả xả thọ ===> 4 tâm Quả siêu thế xả thọ + 31 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ, tầm, tứ, hỷ, 2 vô lượng phần).

2- CẢNH DUYÊN

CẢNH DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Ārammaṇe nava)

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51 (được 7 câu lọc).

Pāli: 1- (1143) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng lạc thọ rồi suy xét bằng tâm tương ưng lạc thọ.

4 tâm đại thiện lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ, 2 vô lượng phần) ===> 4 tâm đại thiện lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhati.

Người xuất thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng với lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.

4 tâm thiện và 4 tâm tố thiền lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện và đại tố + 32 (trừ tâm sở thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

16 tâm Đạo lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí + 32 (trừ tâm sở thọ).

16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí + 32 (trừ tâm sở thọ).

3- Ariyā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena sukhāya vedanāya sampayuttena pahīne kilese paccavekkhanti vikkhambhite kilese paccavekkhati pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã sát trừ bằng tâm tương ưng lạc thọ. Phản kháng phiền não đã áp chế bằng tâm tương ưng lạc thọ. Thấu rõ phiền não đã sanh lên trong thời gian trước bằng tâm tương ưng lạc thọ.

4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm

đại thiện và 4 tâm đại tố lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

4- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe sukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato, dukkhato, anattato vipassanti.

Tất cả người quán xét về uẩn bằng vô thường, khổ, vô ngã với tâm tương ưng lạc thọ.

31 tâm câu hành lạc hiệp thế + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện và 4 tâm đại tố lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

5- Assādenti abhinandanti taṃ ārabbha sukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Người thỏa thích hài lòng do chăm chú đến uẩn (ám chỉ đến các uẩn trong điều 4) tham ái tương ưng lạc thọ, tà kiến tương ưng lạc thọ sanh khởi.

31 tâm lạc thọ hiệp thế + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

6- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjanti.

Do năng chăm chú đến các uẩn bằng tương ưng lạc thọ, các uẩn tương ưng lạc thọ thường sanh khởi.

63 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm na cảnh lạc thọ + 41 (trừ tâm sở hoài nghi, 4 sân phần, thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

Pāli: 2- (1144) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā vippaṭisarissa domanassaṃ uppajjati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới rồi ưu thọ khởi sanh đối với người có tâm hối hận.

4 tâm đại thiện lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

2- Sukhāya vedanāya sampayutte jhāne pahīne vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati.

Khi thiền tương ưng lạc thọ hoại thì ưu thọ sanh khởi với người có tâm tiếc nuối.

4 tâm thiện thiền hiệp thế lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjati.

Do năng chăm chú các uẩn tương ưng lạc thọ, các uẩn tương ưng khổ thọ phát sanh.

31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1145) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng lạc thọ, thường quán xét bằng tâm tương ưng xả thọ.

4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 37 tâm sở ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31tâm sở.

2- Sukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhati.

Người xuất khỏi thiền, Đạo, Quả tương ưng lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng xả thọ.

4 tâm thiền thiện và 4 tâm tố thiền lạc thọ + 34 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ.

16 tâm Đạo lạc thọ + 35 ===> 2 tâm thiện và 2 tâm tố tương ưng trí + 31.

16 tâm Quả lạc thọ + 35 ===> 2 tâm thiện và 2 tâm tố tương ưng trí + 31.

3- Ariyā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena sukhāya vedanāya sampayutte pahīne kilese paccavekkhanti, vikkhambhite kilese paccavekkhanti, pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã đoạn trừ. Phản kháng phiền não đã áp chế. Thấu rõ các phiền não đã từng sanh lên trong thời gian trước mà tương ưng với lạc thọ bằng tâm tương ưng với xả thọ.

4 tâm tham lạc thọ + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

4- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato dukkhato anattato vipassanti.

Người suy nghiệm về các uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô thường, khổ, vô ngã với tâm tương ưng xả thọ.

31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố + 31.

5- Assādenti abhinandanti taṃ ārabbha adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati.

Người vừa lòng thỏa thích do năng chăm chú đến các uẩn thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật tương ưng xả thọ sanh khởi.

31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 21 tâm sở.

6- Cetopariyañāṇena sakhāya vedanāya sampayuttacittasamaṇgissa cittaṃ jānanti.

Người biết được hoàn toàn tâm của người khác tương ưng lạc thọ bằng tha tâm thông.

63 tâm lạc thọ + 46 ===> 2 tâm tha tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

7- Sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā cetopariyañaṇassa pubbenivāsanussatiñaṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khai môn bằng cảnh duyên.

63 tâm lạc thọ + 46 ===> tâm khai ý môn, 2 tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

8- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjati.

Do năng chăm chú các uẩn tương ưng lạc thọ, các uẩn tương ưng xả thọ khởi sanh.

63 tâm lạc thọ + 46 ===> 6 tâm bất thiện, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 6 tâm na cảnh, 2 tâm thông + 41 (trừ tâm sở hỷ, thọ, 4 sân phần, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

Pāli: 4- (1146) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammanapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Dosaṃ ārabbha doso uppajjati moho uppajjati.

Do nghĩ đến sân, sân khởi sanh, si khởi sanh.

2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ), tâm sở si hợp trong 2 tâm sân.

2- Dukkhāya vedanāya sampayuttaṃ mohaṃ ārabbha moho uppajjati doso uppajjati.

Do nghĩ đến si tương ưng khổ thọ, si sanh khởi, sân sanh khởi.

Tâm sở si hợp trong 2 tâm sân ===> tâm sở si hợp trong 2 tâm sân, 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ arabbha doso uppajjati moho uppajjati.

Do nghĩ đến thân thức thọ khổ, sân sanh khởi, si sanh khởi.

Tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân, tâm sở si hợp trong 2 tâm sân + 21 tâm sở (trừ tâm sở thọ).

4- Dukkhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjanti.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng khổ thọ, các uẩn tương ưng khổ thọ sanh khởi.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 5- (1147) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Ariyā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dukkhāya vedanāya sampayutte pahīne kilese paccavekkhati, vikkhambhite kilese paccavekkhati pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã đoạn trừ, đã áp chế, thấu rõ phiền não đã từng sanh lên trong lúc trước tương ưng khổ thọ, bằng tâm tương ưng thọ lạc.

2 tâm sân + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

2- Dukkhāya vedanāya sampayutte khandhe sukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato dukkhato anattato vipassanti.

Hằng thấu rõ các uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ, vô ngã với tâm tương ưng lạc thọ.

3 tâm khổ thọ + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

3- Dukkhāya vedanāya samppayutte khandhe ārabbha sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjati.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng khổ thọ, các uẩn tương ưng lạc thọ sanh khởi.

3 tâm khổ thọ + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm tham + 41.

Pāli: 6- (1148) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Ariyā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dukkhāya vedanāya sampayutte pahīne kilese paccavekkhanti, vikkhambhite kilese paccavekkhanti pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã sát trừ tương ưng với khổ thọ bằng tâm tương ưng xả thọ, phản kháng phiền não áp chế, thấu rõ phiền não từng sanh trong lúc trước.

2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

2- Dukkhāya vedanāya sampayutte khandhe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato dukkho anattato vipassanti.

Hằng thấu rõ các uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ, vô ngã với tâm tương ưng xả thọ.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

3- Cetopariyañāṇena dukkāya vedanāya sampayuttacittasamaṇgissa cittaṃ jānanti.

Hằng biết rõ tâm tương ưng khổ thọ của người khác bằng tha tâm thông.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm tha tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

4- Dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā cetopariyañāṇassa pubbenivāsanussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa avajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khai môn bằng cảnh duyên.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm khai ý môn, 2 tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

5- Dukkhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjanti.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng khổ thọ, các uẩn tương ưng xả thọ sanh khởi.

3 tâm khổ thọ + 21 ===> tâm khai ý môn, 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 6 tâm na cảnh xả thọ, 2 tâm thông + 41 (trừ tâm sở hỷ, thọ).

Pāli: 7- (1149) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng xả thọ. Rồi quán xét (bố thí, ngũ giới, bát quan trai giới) bằng tâm tương ưng xả thọ.

4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 34 (trừ tâm sở hỷ, thọ, 2 vô lượng phần) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố + 31 (trừ tâm sở hỷ, thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutta jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekhanti.

Xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng xả thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng xả thọ.

5 tâm thiện thiền và 5 tâm tố thiền xả thọ, 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ, 32 (trừ tâm sở tầm, tứ, hỷ, thọ) ===> 2 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ + 31.

3- Ariyā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte pahīne kilese paccavekkhanti vikkhambhite

kilese paccavekkhanti pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã sát trừ, phiền não đã áp chế, thấu rõ phiền não đã từng sanh lên trong lúc trước tương ưng xả thọ bằng tâm tương ưng xả thọ.

4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 21 (trừ tâm sở thọ, hỷ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

4- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato dukkhato anattato vipassanti.

Hằng thấu rõ các uẩn tương ưng xả thọ bằng vô thường, khổ, vô ngã bằng tâm tương ưng xả thọ.

47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 31.

5- Assādenti abhinandanti taṃ ārabbha adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati.

Thường vừa lòng thỏa thích do nghĩ đến uẩn tham ái tương ưng xả thọ sanh khởi, tà kiến, hoài nghi, phóng dật sanh khởi.

47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 21 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

6- Cetopariyañāṇena adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttacittasamangissa cittaṃ jānanti.

Thường biết được hoàn toàn tâm tương ưng xả thọ của người khác bằng tha tâm thông.

55 tâm xả thọ + 46 ===> 2 tâm tha tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

7- Ākāsānañcāyatanaṃ viññānañcāyatanassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Tâm không vô biên xứ làm duyên cho tâm thức vô biên xứ bằng cảnh duyên.

1 tâm thiện và 1 tâm tố không vô biên xứ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 3 tâm thức vô biên xứ + 29 (trừ tâm sở thọ).

8- Ākiñcaññāyatanaṃ nevasaññānāsaññāyatanassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Tâm vô sở hữu xứ làm duyên cho tâm phi tương phi phi tưởng xứ bằng cảnh duyên.

1 tâm thiện và 1 tâm tố vô sở hữu xứ, 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ + 29 (trừ tâm sở thọ).

9- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā iddhividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khai môn bằng cảnh duyên.

55 tâm xả thọ + 46 ===> tâm khai ý môn, 2 tâm thông + 29 (trừ tâm sở thọ).

10- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjati.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng xả thọ, các uẩn tương ưng xả thọ sanh khởi.

55 tâm xả thọ + 46 ===> tâm khai ý môn, 4 tâm tham, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 6 tâm na cảnh xã thọ + 41.

Pāli: 8- (1150) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekkhanti.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng xả thọ, thường quán xét bằng tâm tương ưng lạc thọ.

4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 34 (trừ tâm sở hỷ, thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32.

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutta jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena paccavekhanti.

Xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng xả thọ rồi phản kháng bằng tâm tương ưng lạc thọ.

5 tâm thiện thiền và 5 tâm tố thiền xả thọ + 29 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32.

4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 32 ===> 2 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí lạc thọ + 32.

3- Ariyā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena pahīne kilese paccavekkhanti vikkhambhite kilese paccavekkhanti pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

Các bậc Thánh phản kháng phiền não đã sát trừ, phiền não đã áp chế, thấu rõ phiền não đã từng sanh lên trong lúc trước tương ưng xả thọ bằng tâm tương ưng lạc thọ.

4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32.

4- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha sukhāya vedanāya sampayuttena cittena aniccato dukkhato anattato vipassanti.

Do suy nghiệm đến các uẩn tương ưng xả thọ thường thấu rõ vô thường, khổ, vô ngã bằng tâm tương ưng lạc thọ.

47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố lạc thọ + 32.

5- Assādenti abhinandanti taṃ ārabbha sukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Thường vừa lòng thỏa thích do nghĩ đến uẩn tham ái tương ưng lạc thọ sanh khởi, tà kiến sanh khởi.

47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21.

6- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjanti.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng xả thọ, các uẩn tương ưng lạc thọ sanh khởi.

55 tâm xả thọ + 46 ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 5 tâm đại tố, 5 tâm na cảnh lạc thọ + 51 (trừ tâm sở hoài nghi, 4 sân phần, 3 giới phần, 2 vô lượng phần, thọ).

Pāli: 9- (1151) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya

sampayuttassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cảnh duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng xả thọ, rồi ưu thọ phát sanh đối với người hối tiếc.

4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố xả thọ + 34 (trừ tâm sở hỷ, thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte jhāne pahīne vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati.

Khi thiền tương ưng xả thọ hoại đi, ưu thọ sanh khởi đối với người hối tiếc.

5 tâm thiện thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

4- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe ārabbha dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā uppajjanti.

Do nghĩ đến các uẩn tương ưng xả thọ, các uẩn tương ưng khổ thọ sanh khởi.

47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Tóm lược: Pháp cảnh duyên trong tam đề thọ gồm có:

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

Phân ra được 9 câu lọc : Lạc - lạc, lạc - khổ, lạc - xả, khổ - khổ, khổ - lạc, khổ - xả, xả - xả, xả - lạc, xả - khổ.

Có 3 câu là lạc, khổ, xả.

- Câu tương ưng lạc có 3 câu sau cùng là lạc, khổ, xả.
- Câu tương ưng khổ có 3 câu sau cùng là khổ, lạc, xả.
- Câu tương ưng xã có 3 câu sau cùng là xả, lạc, khổ.

CĂN CẢNH

(Ārammaṇamūlakaṃ)

CẢNH THỰC TÁNH (có 2 duyên)

(1195) **Ārammaṇapaccayā adhipatiyācattāri... upanissaye cattāri.**

Từ pāli phần đầu này trình bày trong tam đề thọ phần cảnh duyên, có 2 duyên thực tánh là trưởng duyên và cận y duyên.

1- **Ārammaṇapaccayā adhipatiyā cattāri**: Cảnh duyên trưởng duyên có 4 câu lọc (trưởng duyên trong nơi đây tức cảnh trưởng duyên).

Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

Lạc - xả: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham xã thọ + 40 (trừ tâm sở hỷ).

Xả - xả: 53 tâm xả thọ (trừ 2 tâm si) + 45 (trừ tâm sở hoài nghi, thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ, 4 tâm tham xả thọ + 40.

Xả - lạc: 53 tâm xả thọ (trừ 2 tâm si) + 45 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

2- rammaṇapaccay upanissaye cattri: Cảnh duyên cận y duyên có 4 câu lọc (cận y duyên trong nơi đây tức cảnh cận y duyên), giống như câu 1.

TẤU HỢP LINH TINH CẢNH DUYÊN

(Pli điều thứ 1195)

Tấu hợp: Cảnh trưởng cận y (cách tấu hợp này có 3 duyên, 4 câu lọc. Tức 4 câu lọc trong cảnh thực tánh, câu số 1).

3- TRƯỞNG DUYÊN

TRƯỞNG DUYÊN CÓ 5 CÂU LỌC

(Adhipatiyā pañca)

Trong trưởng duyên Đức Phật thuyết về việc tính số lượng câu lọc của câu sanh trưởng duyên và cảnh trưởng duyên gom chung với nhau, riêng biệt về câu lọc thì giống nhau.

- Câu sanh trưởng duyên có 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xả – xả.

- Cảnh trưởng duyên có 4 câu lọc: Lạc - lạc, lạc - xả, xả - xả, xả - lạc.

Khi tính gom vào riêng biệt câu lọc thì không trùng lập với nhau được 5 câu lọc như theo pli nêu lên rằng: "**Adhipatiyā pañca**" là lạc - lạc, lạc - xả, khổ - khổ, xả - xả, xả - lạc.

Để được sáng tỏ dễ dàng trong nơi đây sẽ nêu lên phân tích trình bày.

CẢNH TRƯỞNG DUYÊN
(4 CÂU LỌC)

116 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 20 tâm (trừ 40 tâm siêu thế) + 41 (trừ tâm sở hoài nghi, thọ, 4 sân phần, 2 vô lượng phần, 3 giới phần).

Pāli: 1- (1152) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng lạc thọ thường suy xét bằng tâm tương ưng lạc thọ. Do việc tạo phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm đại thiện + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng lạc thọ, rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ. Do việc hành thiền, đắc Đạo, Quả đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm thiền lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện lạc thọ + 32.

16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

3- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe sukhāya vedanāya sampayuttena cittena garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā sukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Người hằng vừa lòng thỏa thích các uẩn tương ưng lạc thọ bằng tâm tương ưng lạc thọ do làm cho uẩn đó làm cảnh mạnh mẽ. Khi đã làm cho cảnh của uẩn đó

mạnh mẽ rồi thì tham ái tương ưng lạc thọ sanh khởi, tà kiến sanh khởi.

31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 2- (1153) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng lạc thọ, rồi suy xét bằng tâm tương ưng xả thọ. Do việc tạo phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm đại thiện lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng lạc thọ, rồi phản khán bằng tâm tương ưng xả thọ. Do việc hành thiền, đắc Đạo, Quả đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm thiện thiền lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ + 31.

3- Sukhāya vedanāya sampayutte khandhe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Người hài lòng thỏa thích các uẩn tương ưng lạc thọ bằng tâm tương ưng xả thọ do làm cho uẩn đó thành cảnh mạnh mẽ. Khi đã làm cho cảnh của uẩn đó mạnh mẽ rồi thì tham ái tương ưng xả thọ sanh khởi, tà kiến sanh khởi.

31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 4 tâm tham xả thọ + 20 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

Pāli: 3- (1155) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng xả thọ thường suy xét bằng tâm tương ưng xả thọ. Do việc tạo phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm đại thiện xả thọ + 34 (trừ tâm sở hỷ, thọ, 2 vô lượng phần) ===> 4 tâm đại thiện xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng xả thọ thường phản kháng bằng tâm tương ưng xả thọ. Do việc nhập thiền, đắc Đạo, Quả đó làm cảnh mạnh mẽ.

5 tâm thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện xả thọ + 31.

4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở tầm, tứ, hỷ, thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ + 31.

3- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Người hài lòng thỏa thích các uẩn tương ưng xả thọ bằng tâm tương ưng xả thọ do làm cho các uẩn thành cảnh mạnh mẽ. Khi đã làm cho các uẩn đó thành cảnh mạnh mẽ rồi thì tham ái tương ưng xả thọ sanh khởi, tà kiến sanh khởi.

4 tâm tham, 14 tâm vô nhân, 12 dục giới tịnh hảo hiệp thế xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, hỷ, hoài nghi, 4 sân phần) ===> 4 tâm tham xả thọ + 20 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

Pāli: 4- (1156) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā

uposathakammaṃ katvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới bằng tâm tương ưng xả thọ thường suy xét bằng tâm tương ưng lạc thọ. Do việc tạo phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới đó làm cảnh mạnh mẽ.

4 tâm đại thiện xả thọ + 34 ===> 4 tâm đại thiện lạc thọ + 32.

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā jhānā vuṭṭhahitvā maggā vuṭṭhahitvā phalā vuṭṭhahitvā sukhāya vedanāya sampayuttena cittena taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

Người xuất khỏi thiền, xuất khỏi Đạo, Quả tương ưng xả thọ thường phản kháng bằng tâm tương ưng lạc thọ. Do việc nhập thiền, đắc Đạo, đắc Quả đó làm cảnh mạnh mẽ.

5 tâm thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện lạc thọ + 32.

4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí lạc thọ + 31.

3- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutte khandhe sukhāya vedanāya sampayuttena cittena garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā sukhāya vedanāya sampayutto rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

Người vừa lòng thỏa thích các uẩn tương ưng xả thọ bằng tâm tương ưng lạc tho, do làm cho uẩn đó thành cảnh mạnh mẽ. Khi đã làm thành cảnh mạnh mẽ rồi thì tham ái tương ưng lạc thọ sanh khởi, tà kiến sanh khởi.

4 tâm tham, 14 tâm vô nhân, 12 tâm dục giới tịnh hảo hiệp thế xả thọ + 45 ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21.

Tóm lược: Pháp cảnh trưởng duyên trong tam đề thọ gồm có: 106 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 20 tâm: 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố tương ưng trí + 41 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi, 4 sân phần, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

Phân ra được 4 câu lọc: Lạc - lạc, lạc - xả, xả - xả, xả - lạc.

Do đó có 2 câu là lạc và xả.

- Câu tương ưng lạc có 2 câu sau cùng là lạc, xả.

- Câu tương ưng xã có 2 câu sau cùng là xả, lạc.

CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN
(3 CÂU LỌC)

Pāli: 1- (1152) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Sukhāya vedanāya sampayuttādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ adhipatipaccayena paccayo.

Trưởng tương ưng lạc thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng trưởng duyên.

4 trưởng lạc thọ ===> 4 tâm tham, 24 tâm thiện, 4 tâm tố thiền, 4 tâm đại tố, 16 tâm Quả siêu thế + 46 (trừ tâm sở thọ).

(24 tâm thiện lạc thọ: 4 tâm đại thiện và 4 tâm thiện thiền lạc thọ, 16 tâm Đạo).

Pāli: 2- (1154) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Dukkhāya vedanāya sampayuttādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ adhipatipaccayena paccayo.

Trưởng tương ưng khổ thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng trưởng duyên.

3 trưởng khổ thọ (trừ tâm sở trí tuệ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1155) Adukkhamāsukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamāsukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa adhipatipaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng trưởng duyên.

Câu phụ: Adukkhamāsukhāya vedanāya sampayuttādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ adhipatipaccayena paccayo.

Trưởng tương ưng xả thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng trưởng duyên.

4 trưởng xả thọ ===> 30 tâm xả thọ: 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả + 45 tâm sở (trừ tâm sở thọ, hỷ, hoài nghi, 4 sân phần).

Tóm lược: Pháp câu sanh trưởng duyên gồm có:

4 trưởng ===> 84 đồng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm si, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 50 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xả - xả.

Do đó có 3 câu là lạc, khổ, xả.

Có 3 câu sau cùng là lạc, khổ, xả.

CĂN TRƯỞNG

(Adhipatimuølakaö)

TRƯỞNG THỰC TÁNH (có 13 duyên)

(1192) **Adhipatipaccayā hetuyā dve ārammaṇe cattāri sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi upanissaye cattāri vipāke dve āhāre tīṇi indriye tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

1- **Adhipatipaccayā hetuyā dve:** Trưởng duyên nhân duyên có 2 câu lọc.

Lạc - lạc: Nhân vô si lạc thọ ===> 44 tâm đổng lực tam nhân lạc thọ + 36.

Xả - xả: Nhân vô si xả thọ ===> 22 tâm đổng lực tam nhân xả thọ + 35.

2- **Adhipatipaccayā ārammaṇe cattāri:** Trưởng duyên cảnh duyên có 4 câu lọc.

Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

Lạc - xả: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham xả thọ + 40.

Xả - xả: 53 tâm xả thọ (trừ 2 tâm si) + 45 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham xả thọ + 40.

Xả - lạc: 53 tâm xả thọ (trừ 2 tâm si) + 45 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

3- **Adhipatipaccayā sahajāte tīṇi**: Trưởng duyên câu sanh duyên có 3 câu lọc.

Lạc - lạc: 4 trưởng lạc thọ ===> 52 tâm đổng lực lạc thọ + 37.

Khổ - khổ: 3 trưởng khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21.

Xả - xả: 4 trưởng xả thọ ===> 30 tâm đổng lực xả thọ + 36.

4- **Adhipatipaccayā aññamaññe tīṇi**: Giống như câu 3.

5- **Adhipatipaccayā nissaye tīṇi**: Giống như câu 3.

6- **Adhipatipaccayā upanissaye cattāri**: Giống như câu 2.

7- **Adhipatipaccayā vipāke dve**: Trưởng duyên quả duyên có 2 câu lọc.

Lạc - lạc: 4 trưởng lạc thọ ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ).

Xả - xả: 4 trưởng xả thọ ===> 4 tâm Quả siêu thế xả thọ + 32.

8- **Adhipatipaccayā āhāre tīṇi**: Trưởng duyên vật thực duyên có 3 câu lọc.

Lạc - lạc: 52 tâm đổng lực trưởng lạc thọ ===> 46 (trừ tâm sở thọ).

Khổ - khổ: 2 tâm đồng lực trưởng khổ thọ ===> 21

Xả - xả: 30 tâm đồng lực tâm trưởng xả thọ ===> 46.

9- **Adhipatipaccayā indriye tīṇi**: Trưởng duyên quyền duyên có 3 câu lọc.

Lạc - lạc: 3 trưởng lạc thọ (trừ dục) ===> 52 tâm đồng lực lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Khổ - khổ: 2 trưởng khổ thọ (trừ dục, trí tuệ) ===> 2 tâm sân + 21.

Xả - xả: 3 trưởng xả thọ (trừ dục) ===> 30 tâm đồng lực xả thọ + 46.

10- **Adhipatipaccayā magge tīṇi**: Trưởng duyên đạo duyên có 3 câu lọc.

Lạc - lạc: 2 trưởng lạc thọ (trừ dục, tâm) ===> 52 tâm đồng lực lạc thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, 1 trưởng).

Khổ - khổ: Cần trưởng khổ thọ ===> 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở thọ, cần).

Xả - xả: 2 trưởng xả thọ (trừ dục, tâm) ===> 30 tâm đồng lực xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, 1 trưởng).

11- **Adhipatipaccayā sampayutte tīṇi**: Giống như câu 3.

12- **Adhipatipaccayā atthiyā tīṇi**: Giống như câu 3.

13- **Adhipatipaccayā avigate tīṇi**: Giống như câu 3.

9 CÁCH TẤU HỢP TRƯỞNG DUYÊN

1 CÁCH TẤU HỢP LINH TINH

(1197) **Adhipati ārammaṇa upanissayanti cattāri**: 3 duyên hữu trưởng, cảnh cận y có 4 câu lọc (cách tấu hợp thứ 1 có 3 duyên 4 câu lọc giống như chi pháp trong trưởng thực tánh câu 2).

8 CÁCH TẤU HỢP CÂU SANH

- 2 cách tấu hợp dục trưởng là vô dị thục, hữu dị thục.
- 2 cách tấu hợp tâm trưởng là vô dị thục, hữu dị thục.
- 2 cách tấu hợp thẩm trưởng là vô dị thục, hữu dị thục.
- 2 cách tấu hợp cần trưởng là vô dị thục, hữu dị thục.

2 CÁCH TẤU HỢP DỤC TRƯỞNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Adhipati sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 7 duyên, 3 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Dục trưởng lạc thọ ===> 52 tâm đổng lực lạc thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, dục).

2- Khổ - khổ: Dục trưởng khổ thọ ===> 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở thọ, dục).

3- Xả - xả : Dục trưởng xả thọ ===> 30 tâm đồng lực xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, dục).

2- Tấu hợp hữu dị thục: Adhipati sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti dve.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 8 duyên, 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Dục trưởng lạc thọ ===> 16 tâm đồng lực Quả siêu thế lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, dục).

2- Xả - xả: Dục trưởng xả thọ ===> 4 tâm đồng lực Quả siêu thế + 31 (trừ tâm sở tầm, tứ, thọ, hỷ, dục, 2 vô lượng phần)

2 CÁCH TẤU HỢP TÂM TRƯỞNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Adhipati sahajāta aññamañña nissaya āhāra indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 9 duyên, 3 câu lọc).

1- Lạc - lạc: 52 tâm trưởng lạc thọ ===> + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 tâm trưởng khổ thọ ===> 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả : 30 tâm trưởng xả thọ ===> 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Tấu hợp hữu dị thục: Adhipati sahājāta aññamañña nissaya vipāka āhāra indriya sampayutta atthi avigatanti dve.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 10 duyên, 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Tâm trưởng lạc thọ (16 tâm Quả siêu thế) ===> 35 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: Tâm trưởng xả thọ (4 tâm Quả siêu thế) ===> 32 (trừ tâm sở tầm, tứ, thọ, hỷ, 2 vô lượng phần).

2 CÁCH TẤU HỢP CẦN TRƯỞNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Adhipati sahajāta aññamañña nissaya magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 9 duyên, 3 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Cần trưởng lạc thọ ===> 52 tâm đồng lực lạc thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, cần).

2- Khổ - khổ: Cần trưởng khổ thọ ===> 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở thọ, cần).

3- Xả - xả : Cần trưởng xả thọ ===> 30 tâm đồng lực xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, cần).

2- Tấu hợp hữu dị thục: Adhipati sahajta aññamañña nissaya vipāka indriya magga sampayutta atthi avigatanti dve.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 10 duyên, 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Cần trưởng lạc thọ ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, cần).

2- Xả - xả: Cần trưởng xả thọ ===> 4 tâm Quả siêu thế xả thọ + 31 (trừ tâm sở tầm, tứ, thọ, hỷ, cần).

2 CÁCH TẤU HỢP THẨM TRƯỞNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Adhipati hetu sahajāta aññamañña nissaya indriya magga sampayutta atthi avigatanti dve.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 10 duyên, 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Thẩm trưởng lạc thọ ===> 44 tâm đồng lực tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

2- Xả - xả : Thẩm trưởng xả thọ ===> 22 tâm đồng lực tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở thọ, hỷ, trí tuệ).

2- Tấu hợp hữu dị thục: Adhipati hetu sahajā aññamañña nissaya vipāka indriya magga sampayutta atthi avigatanti dve.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 11 duyên, 2 câu lọc).

1- Lạc - lạc: Thẩm trưởng lạc thọ ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 34.

2- Xả - xả: Thẩm trưởng xả thọ ===> 4 tâm Quả siêu thế + 31.

4- VÔ GIÁN DUYÊN

VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Anantare satta)

Pāli: 1- (1157) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ:

1- Purimā purimā sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng lạc thọ sanh sau bằng vô gián duyên.

62 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 46 ===> 62 tâm lạc thọ + 46.

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ anulomaṃ sukhāya vedanāya sampayuttassa gotrabhussa anantarapaccayena paccayo.

Thuận thứ tương ưng lạc thọ làm duyên cho chuyển tộc tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ làm phận sự chuyển tộc.

3- Anulomaṃ vodānassa, gotrabhū maggassa, vodānaṃ maggassa, maggo phalassa, phalaṃ phalassa, anulomaṃ sukhāya vedanāya sampayuttāya phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

Thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh, chuyển tộc làm duyên cho Đạo, dũ tịnh làm duyên cho Đạo, Đạo làm duyên cho Quả, Quả làm duyên cho cho Quả. Thuận thứ làm duyên cho nhập thiền Quả tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ làm phận sự dũ tịnh.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự chuyển tộc ===> 4 tâm Đạo sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền + 35.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự dũ tịnh ===> 4 tâm Nhị Đạo + 35, 4 tâm Tam Đạo + 35, 4 tâm Tứ Đạo + 35 (= 12 tâm Đạo cao lạc thọ + 35).

- 16 tâm Đạo lạc thọ + 35 ===> 16 tâm Quả lạc thọ + 35 trong lộ đắc Đạo.

- 16 tâm Quả lạc thọ + 35 ===> 16 tâm quả lạc thọ + 35 trong lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền Quả.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự thuận thứ ===> 12 tâm Quả thấp lạc thọ + 35 trong lộ nhập thiền Quả.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ làm phận sự thuận thứ ===> 4 tâm Tứ Đạo lạc thọ + 35.

4- Sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā sukhāya vedanāya sampayuttassa vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho hữu phần tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

37 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 8 tâm hữu phần lạc thọ là 4 tâm đại quả, 4 tâm quả thiền hữu sắc + 34 (trừ tâm sở thọ).

(37 tâm lạc thọ: tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền hữu sắc, 4 tâm tố thiền hữu sắc, 16 tâm Quả siêu thế).

Pāli: 2- (1158) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ cuticittaṃ

adukkhamāsukhāya vedanāya sampayuttassa uppatticittassa anantarapaccayena paccayo.

Tâm tử tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm tái tục tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

8 tâm tử lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 33 (trừ tâm sở hữu thọ, hỷ).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ bhavaṇgaṃ avajjanāya anantarapaccayena paccayo.

Tâm hữu phần tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm khai môn bằng vô gián duyên.

8 tâm hữu phần lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm khai môn + 11 (trừ tâm sở thọ).

3- Sukhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ vipākamano dhātuyā anantarapaccayena paccayo.

Tâm thân thức câu hành lạc làm duyên cho tâm quả ý giới bằng vô gián duyên.

Tâm thân thức thọ lạc + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm tiếp thâu quả thiện xả thọ + 9 (trừ tâm sở thọ).

4- Sukhāya vedanāya sampayuttā vipākamanoviññāṇadhātu kiriyāmanoviññāṇadhātuyā anantarapaccayena paccayo.

Tâm quả ý thức giới tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm tố ý thức giới bằng vô gián duyên.

Tâm quan sát lạc thọ + 10 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm phán đoán + 10 (trừ tâm sở thọ).

5- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ bhavaṇgaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa bhavaṇgassa anantarapaccayena paccayo.

Tâm hữu phần tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm hữu phần tương ưng xả thọ.

5 tâm na cảnh lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) tâm sau ===> 6 tâm hữu phần dục giới xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

6- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ kusalākusalaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa vuṭṭhānassa kiriyaṃ vuṭṭhānassa phalaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

Tâm thiện, bất thiện tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm hộ kiếp tương ưng xả thọ. Tâm tố làm duyên cho tâm hộ kiếp, tâm Quả siêu thế làm duyên cho tâm hộ kiếp bằng vô gián duyên.

Tâm thiện, bất thiện. Tâm sau cùng của 4 tâm đại thiện, 4 tâm tham lạc thọ ===> 11 tâm hữu phần xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

(11 tâm hữu phần: 2 tâm quan sát, 4 tâm đại quả, 1 tâm quả ngũ thiền, 4 tâm quả vô sắc giới).

9 tâm đổng lực tố lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 7 tâm hữu phần tam nhân xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) ===> 7 tâm hữu phần tam nhân xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1159) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ: Purimā purimā dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau bằng vô gián duyên.

2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ) trừ tâm đổng lực sau cùng ===> 2 tâm sân + 21 trừ tâm đổng lực đầu tiên.

Pāli: 4- (1160) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ:

1- Dukkhāyasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ vipākamanodhātuyā anantarapaccayena paccayo.

Tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm tiếp thâu quả bất thiện xả thọ + 9 (trừ tâm sở thọ).

2- Dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

Uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho hữu phần tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> na cảnh xả thọ hoặc hữu phần xả thọ hay 6 tâm hữu phần dục giới xả thọ + 32.

Pāli: 5- (1161) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ:

1- Purimā purimā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng xả thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng xả thọ sanh sau bằng vô gián duyên.

55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 55 tâm xả thọ + 46.

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ anulomaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa gotrabhussa anantarapaccayena paccayo.

Thuận thứ tương ưng xả thọ làm duyên cho chuyển tộc tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự chuyển tộc.

3- Anulomaṃ vodānassa gotrabhū maggassa vodānaṃ maggassa maggo phalassa phalaṃ phalassa anulomaṃ phalasamāpattiyā nirodhā vuṭṭhahantassa nevasaññānāsaññāyatanaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttāya phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

Thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh, chuyển tộc làm duyên cho Đạo, Đạo làm duyên cho Quả, Quả làm duyên cho Quả, thuận thứ làm duyên cho nhập thiền Quả, thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ của bậc xuất thiền diệt làm duyên cho nhập thiền Quả tương ưng xã thọ bằng vô gián duyên.

- 2 tâm tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự dũ tịnh.

- 2 tâm tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự chuyển tộc ===> 1 tâm Sơ Đạo xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

- 2 tâm tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự dũ tịnh ===> 3 tâm Đạo cao + 32 (trừ tâm sở thọ).

- 4 tâm Đạo ngũ thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm Quả ngũ thiền xả thọ + 32 (trong lộ đắc Đạo).

- 4 tâm Quả ngũ thiền xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm Quả ngũ thiền xả thọ + 32 (trong lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền Quả).

- 2 tâm đại thiện và 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm Quả ngũ thiền siêu thế + 32 (trong lộ nhập thiền Quả).

- 1 tâm thiện và 1 tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 1 tâm Tam Quả và 1 tâm Tứ Quả xả thọ + 32 (trong lộ nhập thiền diệt).

4- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

Uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho hữu phần tương ưng xả thọ bằng vô gián duyên.

26 tâm xả thọ + 46 ===> 6 tâm na cảnh xả thọ, 11 tâm hữu phần xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

(26 tâm xả thọ: 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại

tố, 5 tâm thiện ngũ thiền, 5 tâm tố ngũ thiền, 4 tâm Quả siêu thế).

Pāli: 6- (1162) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ cuticittaṃ sukhāya vedanāya sampayuttassa uppatticittassa anantarapaccayena paccayo.

Tâm tử xả thọ làm duyên cho tâm tái tục tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

11 tâm tử xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ) ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

2- Avajjanā sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

Tâm khai môn làm duyên cho các uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

Tâm khai ngũ môn + 9 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm thân thức thọ lạc + 6 (trừ tâm sở thọ).

Tâm khai ý môn hoặc tâm phán đoán + 10 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 4 tâm đại quả lạc thọ + 46.

3- Vipākamanodhātu sukhāya vedanāya sampayuttāya vipākamanoviññāṇadhātuyā anantarapaccayena paccayo.

Tâm quả ý giới làm duyên cho tâm quả ý thức giới tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên,

Tâm tiếp thâu quả thiện + 9 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm quan sát lạc thọ + 10 (trừ tâm sở thọ).

4- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ bhavaṇgaṃ sukhāya vedanāya sampayuttassa bhavaṇgassa anantarapaccayena paccayo.

Tâm hữu phần tương ưng xả thọ làm duyên cho tâm hữu phần tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

6 tâm na cảnh hoặc 6 tâm hữu phần khách xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ) ===> 4 tâm đại quả lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

5- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ kusalākusalaṃ sukhāya vedanāya sampayuttassa vuṭṭhānassa kiriyaṃ vuṭṭhānassa phalaṃ vuṭṭhānassa nirodhā vuṭṭhāhantassa nevasaññānāsaññāyatanaṃ sukhāya vedanāya sampayuttāya phalasamapattiyā anantarapaccayena paccayo.

Tâm thiện, bất thiện tương ưng xả thọ làm duyên cho tâm hữu phần tương ưng lạc thọ. Tâm tố làm duyên cho tâm hữu phần, tâm Quả siêu thế làm duyên cho tâm hữu

phần. Tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ của bậc xuất thiền diệt làm duyên cho nhập thiền Quả tương ưng lạc thọ bằng vô gián duyên.

- 6 tâm bất thiện xả thọ + 25, 4 tâm đại thiện xả thọ + 36 (trừ tâm sở thọ) ===> 5 tâm na cảnh hoặc 8 tâm hữu phần lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

- 5 tâm thiện thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 6 tâm hữu phần tam nhân lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

- 4 tâm đại tố xả thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 5 tâm na cảnh lạc thọ hoặc 6 tâm hữu phần tam nhân lạc thọ + 34.

- 5 tâm tố thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 6 tâm hữu phần tam nhân lạc thọ + 33.

- 4 tâm Quả siêu thế xả thọ + 32 ===> 6 tâm hữu phần tam nhân lạc thọ + 34 (trong lộ nhập thiền Quả).

- 1 tâm thiện và 1 tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ + 29 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm Tam Quả, 4 tâm Tứ Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) trong lộ nhập thiền diệt.

Pāli: 7- (1163) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng vô gián duyên.

Câu phụ: Āvajjanā dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena pacccayo.

Tâm khai môn làm duyên cho các uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô gián duyên.

Tâm khai ý môn hoặc tâm phán đoán + 10 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

Tâm khai ngũ môn + 9 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

Tóm lược: Chi pháp của vô gián duyên trong tam đề thọ gồm có:

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

Phân ra được 7 câu lọc: Lạc - lạc, lạc - xả, khổ - khổ, khổ - xả, xả - xả, xả - lạc, xả - khổ.

- Câu tương lạc có 2 câu sau cùng là lạc, xả.

- Câu tương ưng khổ có 2 câu sau cùng là khổ, xả.

- Câu tương ưng xã có 3 câu sau cùng là xả, lạc, khổ.

CĂN VÔ GIÁN

(Anantaramūlakaṃ)

HỢP LỰC VÔ GIÁN - ĐẲNG VÔ GIÁN VÔ HỮU – LY KHỨ

(có 6 duyên)

(1199) **Anantarapaccayā samanantare satta... upanissaye satta āsevanne tīṇi kamme dve natthiyā satta vigate satta.**

1- **Anantarapaccayā samanantare satta**: Vô gián duyên đẳng vô gián duyên có 7 câu lọc.

1- Lạc - lạc: 62 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm thân thức thọ lạc) ===> 62 tâm lạc thọ + 46.

2- Lạc - xả: 43 tâm lạc thọ + 46 ===> 14 tâm xả thọ + 33.

3- Khổ - khổ: 2 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm thân thức thọ khổ) ===> 2 tâm khổ thọ + 21.

4- Khổ - xả: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 7 tâm quả dục giới xả thọ + 32.

5- Xả - xả: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

6- Xả - lạc: 42 tâm xả thọ + 46 ===> 31 tâm lạc thọ + 46.

7- Xả - khổ: 2 tâm khai môn + 10 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

2- Anantarapaccayā upanissaye satta: Giống như câu 1.

3- Anantarapaccayā āsevane tīṇi: Vô gián duyên tập hành duyên có 3 câu lọc.

1- Lạc - lạc: 21 tâm đổng lực lạc thọ hiệp thế + 46 ===> 37 tâm đổng lực lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 2 tâm sân + 21 ===> 2 tâm sân + 21.

3- Xả - xả: 24 tâm đổng lực hiệp thế xả thọ + 46 ===> 28 tâm đổng lực xả thọ + 46.

4- Anantarapaccayā kamme dve: Vô gián duyên nghiệp duyên có 2 câu lọc.

1- Lạc - lạc: Tư trong 16 tâm Đạo lạc thọ ===> 16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) trong lộ đắc Đạo.

2- Xả - xả: Tư trong 4 tâm Đạo xả thọ ===> 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) trong lộ đắc Đạo.

5- Anantarapaccayā natthiyā satta: Giống như câu 1.

6- Anantarapaccayā vigate satta: Giống như câu 1.

3 CÁCH TẤU HỢP VÔ GIÁN LINH TINH

(Điều 1200)

1- Tấu hợp vô gián, đẳng vô gián, cận y, vô hữu, ly khứ.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 5 duyên, 7 câu lọc giống như vô gián thực tánh câu 1).

2- Tấu hợp vô gián, đẳng vô gián, cận y, tập hành, vô hữu, ly khứ.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 6 duyên, 3 câu lọc giống như vô gián thực tánh câu 3).

3- Tấu hợp vô gián, đẳng vô gián, cận y, nghiệp, vô hữu, ly khứ.

(Cách tấu hợp thứ 3 có 6 duyên, 2 câu lọc giống như vô gián thực tánh câu 4).

5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Samanantare satta)

Pāli điều 1164 trình bày đẳng vô gián duyên giống như vô gián duyên.

6- CÂU SANH DUYÊN

CÂU SANH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Sahajāte tīṇi)

Pāli: 1- (1165) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ sahajātapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa sahajātapaccayena paccayo.

1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng câu sanh duyên.

2 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng câu sanh duyên.

63 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

2- Paṭisandhikkhaṇe sukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ sahajātapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa sahajātapaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng câu sanh duyên.

Trong sát na tái tục 2 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng câu sanh duyên.

8 tâm tái tục lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34.

Pāli: 2- (1166) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng câu sanh duyên.

Câu phụ: Dukkhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ sahajātapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa dhammassa sahājātapaccayena paccayo.

1 uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng câu sanh duyên.

2 uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng câu sanh duyên.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

Pāli: 3- (1167) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya

sampayuttassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng câu sanh duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ sahajātapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa sahajātapaccayena paccayo.

1 uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng câu sanh duyên.

2 uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng câu sanh duyên.

55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 55 tâm xả thọ + 46.

2- Paṭisandhikkhaṇe adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ sahajātapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa sahajātapaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục 1 uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng câu sanh duyên.

Trong sát na tái tục 2 uẩn tương ưng xả thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng câu sanh duyên.

11 tâm tái tục xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ) ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 31.

Tóm lược: Chi pháp câu sanh duyên trong tam đề thọ gồm có:

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xả - xả.

Dó đó có 3 câu lạc, khổ, xả và 3 câu sau cùng là lạc, khổ, xả.

CĂN CÂU SANH

(Sahajātamūlakaṃ)

CÂU SANH THỰC TÁNH

(có 13 duyên)

(1201) **Sahajātapaccayā... aññamaññapaccayā... nissayapaccayā hetuyā tīṇi... adhipatiyā tīṇi sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi kamme tīṇi vipāke tīṇi āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

Trong pāli trình bày thực tánh của câu sanh duyên, hỗ tương duyên và (câu sanh) y chỉ duyên cùng với nhau, vì duyên thực tánh cho đến chi pháp và số lượng câu lọc tính được bằng nhau. Học viên nên thay đổi duyên chánh. Tức trình bày duyên gốc cho chuẩn xác, và khi trình bày duyên ngọn thì trừ duyên gốc ra.

1- **Sahajātapaccayā hetuyā tīṇi**: Câu sanh duyên nhân duyên có 3 câu lọc.

6 nhân ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ và tâm sở si hợp trong 2 tâm si).

1- Lạc - lạc: 5 nhân lạc thọ (trừ tâm sở sân) ===> 60 tâm lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 2 nhân khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21.

3- Xả - xả: 5 nhân xả thọ ===> 41 tâm xả thọ + 46 $^{-2}$.

2- **Sahajātapaccayā adhipatiyā tīṇi**: Câu sanh duyên trưởng duyên có 3 câu lọc.

4 trưởng ===> 84 tâm đồng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm si, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 51.

1- Lạc - lạc: 4 trưởng lạc thọ ===> 52 tâm đồng lực lạc thọ hữu trưởng (trừ tâm Ưng Cúng Vi Tiếu) + 46.

2- Khổ - khổ: 3 trưởng khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 4 trưởng xả thọ ===> 30 tâm đồng lực xả thọ (trừ 2 tâm si) + 45 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

3- **Sahajātapaccayā aññamaññe tīṇi**: Câu sanh duyên hỗ tương duyên có 3 câu lọc.

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

1- Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

4- **Sahajātapaccayā nissaye tīṇi**: Giống như câu số 3.

5- **Sahajātapaccayā kamme tīṇi**: Câu sanh duyên nghiệp duyên có 3 câu lọc.

Tư trong 121 tâm ===> 121 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: 63 tư lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 45 (trừ tâm sở tư, thọ).

2- Khổ - khổ: 3 tư khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở tư, thọ).

3- Xả - xả: 55 tư xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở tư, thọ).

6- **Sahajātapaccayā vipāke tīṇi**: Câu sanh duyên quả duyên có 3 câu lọc.

52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 52 tâm quả + 37.

1- Lạc - lạc: 26 tâm quả lạc thọ + 37 ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 1 tâm quả khổ thọ + 6 ===> 1 tâm quả khổ thọ + 6 (1 tâm quả khổ thọ: tâm thân thức thọ khổ).

3- Xả - xả: 25 tâm quả xả thọ + 36 ===> 25 tâm quả xả thọ+36 (trừ tâm sở hữu thọ, hỷ).

7- **Sahajātapaccayā āhāre tīṇi**: Câu sanh duyên vật thực duyên có 3 câu lọc.

3 danh vật thực ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 3 danh vật thực lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 3 danh vật thực khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 3 danh vật thực xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46.

8- **Sahajātapaccayā indriye tīṇi**: Câu sanh duyên quyền duyên có 3 câu lọc.

7 danh quyền (trừ thọ quyền) ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 7 danh quyền lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 4 danh quyền khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 7 danh quyền xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46.

9- **Sahajātapaccayā jhāne tīṇi**: Câu sanh duyên thiền duyên có 3 câu lọc.

4 chi thiền (trừ 3 thọ) ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 51.

1- Lạc - lạc: 4 chi thiền lạc thọ ===> 26 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 46.

2- Khổ - khổ: 3 chi thiền khổ thọ ===> 2 tâm khổ thọ (trừ tâm thân thức thọ khổ) + 21.

3- Xả - xả: 4 chi thiền xả thọ ===> 47 tâm xả thọ (trừ 8 tâm song thức xả thọ) + 46.

10- **Sahajātapaccayā magge tīṇi:** Câu sanh duyên đạo duyên có 3 câu lọc.

9 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân (trừ 18 tâm vô nhân) + 51.

1- Lạc - lạc: 9 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 3 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21.

3- Xả - xả: 9 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46.

11- **Sahajātapaccayā sampayutte tīṇi:** Câu sanh duyên tương ưng duyên có 3 câu lọc giống như câu số 3.

12- **Sahajātapaccayā atthiyā tīṇi:** Câu sanh duyên hiện hữu duyên có 3 câu lọc giống như câu số 3.

13- **Sahajātapaccayā avigate tīṇi:** Câu sanh duyên bất ly duyên có 3 câu lọc giống như câu số 3.

2 CÁCH TẤU HỢP CÂU SANH

1- Tấu hợp vô dị thục: Câu sanh y chỉ hỗ tương tương ưng, hiện hữu bất ly có 3 câu lọc.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 3 duyên, 3 câu lọc, chi pháp giống như câu sanh hợp lực câu số 3).

121 tâm + 51 ===> 121 tâm + 51 (được 3 câu lọc).

2- Tấu hợp hữu dị thục: Câu sanh y chỉ hỗ tương quả tương ưng hiện hữu bất ly có 3 câu lọc.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 7 duyên, 3 câu lọc, chi pháp giống như câu sanh hợp lực câu số 6).

52 tâm quả + 37 ===> 52 tâm quả + 37 (được 3 câu lọc).

Ghi chú: Hỗ tương hợp lực và cách tấu hợp với y chỉ hợp lực và cách tấu hợp trình bày giống như câu sanh hợp lực và cách tấu hợp.

7- HỖ TƯƠNG DUYÊN

HỖ TƯƠNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Aññamaññe tīṇi)

8- CÂU SANH Y DUYÊN

CÂU SANH Y DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Nissaye tīṇi)

Pāli (1168) trình bày hỗ tương duyên và y chỉ duyên giống như câu sanh duyên được 3 câu lọc (vật tiền sanh duyên và vật cảnh tiền sanh duyên không trình bày được).

9- CẬN Y DUYÊN

CẬN Y DUYÊN CÓ 9 CÂU LỌC

(Upanissaye nava)

Trong cận y duyên thì cảnh cận y duyên trình bày giống như cảnh trưởng duyên được 4 câu lọc.

Vô gián cận y duyên trình bày giống như vô gián được 7 câu lọc.

Còn thường cận y duyên được 9 câu lọc như sẽ trình bày sau đây:

THƯỜNG CẬN Y DUYÊN
CÓ 9 CÂU LỌC

Pāli: 1- (1169) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng thường cận y duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti sukhāya vedanāya sampayuttaṃ jhānaṃ uppādeti vipassanaṃ uppādeti maggaṃ uppādeti samāpattiṃ uppādeti mānaṃ jappeti diṭṭhim ganhāti.

Người nương vào đức tin tương ưng lạc thọ. Thường bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ; thường thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới, tu tiến thiền chỉ tương ưng lạc thọ cho sanh lên; thường tu tiến minh quán làm cho Đạo sanh lên; thường nhập định; khiến cho ngã mạn khởi lên; thường chấp thủ tà kiến.

Sở hữu tín lạc thọ ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền và 4 tâm tố thiền, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả, 2 tâm tham bất tương ưng và 2 tâm tham tương ưng lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ sutaṃ cāgaṃ paññaṃ rāgaṃ mohaṃ mānaṃ ditthiṃ patthanaṃ... sukhasahagataṃ kāyaviññānaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati... samāpattiṃ uppādeti (saddhāpañcamakesu mānaṃ jappeti ditthiṃ ganhātīṭi katabbaṃ avasesesu nakātabbaṃ).

Người nương vào giới tương ưng lạc thọ, nương vào đa văn... bố thí... trí tuệ... tham ái... ngã mạn... tà kiến... sự mong cầu... thân thức câu hành lạc.

Thường bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ, thọ trì giới... khiến cho nhập định sanh lên (trong Tam Tạng ghi rằng chỉ riêng biệt trong 5 nhóm của đức tin là tín, giới, văn, thí, tuệ thêm vào ngã mạn và tà kiến ngoài ra không cần thêm gì vào).

Giới, văn, thí, tuệ lạc thọ ===> 4 tâm tham lạc thọ, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

4 tâm tham, si hợp trong 4 tâm tham, ngã mạn hợp trong 2 tâm tham bất tương ưng, tà kiến hợp trong 2 tâm tham tương ưng lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả + 46 (trừ tâm sở thọ).

(Giới: Tâm sở giới phần; Văn: Tâm sở trí tuệ (tuệ văn); Bố thí: Tâm sở vô tham).

3- Sukhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati musā bhaṇati pisunaṃ bhaṇati pharusaṃ bhaṇati samphaṃ palapati sandhiṃ chindati nillopaṃ harati ekāgārikaṃ karoti paripanthe tiṭṭhati paradāraṃ gacchati gamaghātaṃ karoti nigamaghātaṃ karoti.

Người chiếm đoạt của cải mà chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng lạc thọ. Thường nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục, nói vô ích, thường đánh đập, trộm cắp, đón đường cướp giựt, tà dâm, đốt làng, xóm.

4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

4- Sukhāya vedanāya sampayuttā saddhā... sīlaṃ sutaṃ cāgo paññā rāgo moho māno diṭṭhi patthanā... sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ sukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya rāgassa mohassa mānassa diṭṭhiyā patthanāya sukhasahagatassa kāyaviññāṇassa sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin tương ưng lạc thọ, văn, thí, tuệ, ái, mạn, kiến, sự mong cầu, thân thức thọ lạc làm duyên cho tín, giới, văn, thí, tuệ, ái, si mê, mạn, kiến, sự mong cầu đối với các uẩn tương ưng lạc thọ bằng cận y duyên.

Tín, giới, văn, thí, tuệ, ái, si mê, mạn, kiến, thân thức lạc thọ ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện

thiền, 4 tâm tố thiền, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc và 63 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 2- (1170) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya attānaṃ ātāpeti paritāpeti pariyiṭṭhamūlakaṃ dukkhaṃ paccanubhoti.

Người nương vào đức tin tương ưng lạc thọ làm cho mình nhiệt não, nóng nảy thường cảm giác khổ thọ.

Đức tin trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm thiện thiền lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) ===> tâm thân thức khổ thọ + 6.

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ... sutaṃ... cāgaṃ... paññaṃ... upanissāya attānaṃ ātāpeti paritāpeti pariyiṭṭhimūlakaṃ dukkhaṃ paccanubhoti.

Người nương vào giới tương ưng lạc thọ... đa văn... bố thí... trí tuệ làm cho mình nhiệt não, nóng nảy thường cảm giác khổ thọ.

Giới, văn, thí, tuệ lạc thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

3- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ rāgaṃ... mohaṃ mānaṃ diṭṭhi patthanaṃ sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ upanissāya pānaṃ hanati dukkhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati musā bhaṇati pisuṇaṃ bhaṇati pharusaṃ bhaṇati samphaṃ palapati sandhiṃ chindati nillopaṃ harati akāgārikaṃ karoti paripanthetiṭṭhati paradāraṃ gacchati gāmaghātaṃ karoti nigāmaghātaṃ karoti mātaraṃ jīvitā voropeti pitaraṃ jīvitā voropeti arahantaṃ jīvitā voropeti diṭṭhena cittena mathāgatassa lohitaṃ uppādeti saṇghaṃ bhandati.

Người nương vào tham ái tương ưng lạc thọ... si mê... ngã mạn, tà kiến, mong muốn, thân thức thọ lạc rồi sát sanh, chiếm đoạt của cải mà chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng khổ thọ… Thường nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục, nói vô ích, thường chém giết, trộm cắp, đón đường cướp giựt, tà dâm, thiêu đốt xóm làng, giết mẹ, giết cha, giết A La Hán, làm cho Đức Như Lai tụ máu bầm bằng tâm thù hận, chia rẽ Tăng.

4 tâm tham lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

4- Sukhāya vedanāya sampayuttā saddhā... sīlaṃ... sutaṃ cāgo paññā rāgo moho māno diṭṭhi patthanā... sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ dosassa... mohassa dukkhasahagatassa kāyaviññāṇassa

dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin tương ưng lạc thọ... giới... văn... thí, tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự mong cầu, thân thức thọ lạc làm duyên cho sân... si, thân thức thọ khổ, và các uẩn tương ưng khổ thọ bằng cận y duyên.

Tín, giới, văn, thí, tuệ lạc thọ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền và 4 tâm tham lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc + 46 (trừ tâm sở thọ) ===> 3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1171) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ jhānaṃ uppādeti vipassanaṃ uppādeti maggaṃ uppādeti abhiññaṃ uppādeti samāpattiṃ uppādeti mānaṃ jappeti diṭṭhiṃ gaṇhati.

Người nương vào đức tin tương ưng lạc thọ, thường bố

thí bằng tâm xả thọ... thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới, tu tiến thiền chỉ tương ưng xả thọ cho hiện khởi... tu tiến minh sát cho sanh lên, làm cho Đạo khởi sanh, thắng trí sanh lên, nhập thiền cho sanh khởi làm cho ngã mạn, tà kiến sanh lên.

Tín trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiền, 16 tâm Đạo lạc thọ ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ... sutaṃ... cāgaṃ... paññaṃ rāgaṃ mohaṃ mānaṃ diṭṭhiṃ patthanaṃ...sukhasahagataṃkāyaviññāṇaṃupanissāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... samapattiṃ uppādeti adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati musā bhaṇati pisuṇaṃ bhaṇati pharusaṃ bhaṇati samphaṃ palapati sandhiṃ chindati nilalopaṃ harati ekāgārikaṃ karoti paripanthe tiṭṭhati paradāraṃ gacchati gāmaghataṃ karoti nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào giới tương ưng lạc thọ... văn... thí... tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự nguyện cầu, thân thức thọ lạc rồi. Thường bố thí bằng tâm tương ưng xả thọ, thọ trì ngũ giới, bát quan trai giới, tu tiến thiền chỉ tương ưng xả thọ hiện khởi, tu tiến minh quán, Đạo, thắng trí, nhập thiền làm cho sanh lên. Chiếm đoạt tài sản của chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng xả thọ, nói dối, nói

đâm thọc, nói thô tục, nói vô ích, chém giết, trộm cắp, chặn đường cướp giựt, tà dâm, thiêu đốt nhà cửa, làng xóm.

Giới, văn, thí, tuệ lạc thọ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiền, 4 tâm tham lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc ===> 4 tâm tham, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

3- Sukhāya vedanāya sampayuttā saddhā... sīlaṃ sutaṃ cāgo paññā rāgo moho māno diṭṭhi patthanā... sahagataṃ kāyaviññāṇaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya rāgassa mohassa mānassa diṭṭhiyā patthanāya adukkkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin tương ưng lạc thọ... giới, văn, thí, tuệ, ái, si, mạn, kiến, sự ước nguyện... lạc thân làm duyên cho đức tin tương ưng xả thọ, giới, văn, thí, tuệ, ái, si, mạn, kiến, sự ước nguyện và các uẩn tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

Tín, giới, văn, thí, tuệ lạc thọ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiền và 4 tâm tham lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc ===> 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 4- (1172) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Dosaṃ upanissāya pānaṃ hanati dukkhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati... saṇghaṃ bhindati.

Người nương vào sân rồi sát sanh. Thường chiếm đoạt tài sản của chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng khổ thọ... chia rẽ Tăng.

Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở sân, thọ) ===> thập ác nghiệp và ngũ nghịch vô gián nghiệp có sân làm trưởng tức 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

2- Mohaṃ dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ upanissāya pāṇaṃ hanati dukkhāya vedanāya sampayuttena cittena adhinnaṃ adiyati... saṇghaṃ bhindati.

Người nương vào si (câu sanh với tâm sân), thân thức thọ khổ rồi sát sanh... chiếm đoạt tài sản của chủ nhân không cho... chia rẽ Tăng.

Tâm sở si hợp trong 2 tâm sân, tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Doso moho dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ dosassa mohassa dukkhasahagatassa kāyaviññāṇassa dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Sân, si, thân thức thọ khổ làm duyên cho sân, si, thân thức thọ khổ (và) các uẩn tương ưng khổ thọ bằng cận y duyên.

Tâm sở sân, tâm sở si hợp trong 2 tâm sân + 19 (trừ tâm sở sân, si, thọ), tâm thân thức thọ khổ + 6 ===> 3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 5- (1173) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Dosaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena dānaṃ deti... samāpattiṃ uppādeti sukhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ adiyati... nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào sân rồi bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ... nhập thiền sanh lên. Thường chiếm đoạt tài sản của chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng lạc thọ... thiêu đốt làng xóm.

Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở sân, thọ) ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ, 2 tâm thông, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Mohaṃ... dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào si, thân thức thọ khổ thường bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ... thường thiêu đốt xóm làng.

Tâm sở si, tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân + 19 (trừ tâm sở si, sân, thọ), tâm thân thức khổ thọ ===> 4 tâm tham, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ, 2 tâm thông, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

3- Doso moho... dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ sukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya... sukhasahagatassa kāyaviññāṇassa sukhāya vedanāya sampayuttānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Sân, si, thân thức thọ khổ làm duyên cho đức tin tương ưng lạc thọ... làm duyên cho thân thức thọ lạc (và) các uẩn tương ưng lạc thọ bằng cận y duyên.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 63 tâm thọ lạc + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 6- (1174) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Dosaṃ upanissāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... nigamaghātaṃ karoti…

Người nương vào sân rồi bố thí bằng tâm tương ưng xả thọ... thường thiêu đốt làng xóm.

Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở sân, thọ) ===> 4 tâm tham, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông xả thọ, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Mohaṃ... dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ upanissāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào si mê, thân thức thọ khổ rồi thường bố thí bằng tâm tương ưng xả thọ... thường thiêu đốt làng, xóm.

Tâm sở si hợp trong 2 tâm sân, tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm tham, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

3- Doso moho dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya... patthanāya adukkhamasukhāya vedanāya

sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Sân, si, thân thức thọ khổ làm duyên cho đức tin tương ưng xả thọ... cho sự nguyện cầu (và) các uẩn tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> tín, giới, văn, thí, tuệ, 4 tâm tham xả thọ + 20 (trừ tâm sở hỷ, thọ) và 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 7- (1175) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya adukhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... diṭṭhiṃ ganhati.

Người nương vào đức tin tương ưng xả thọ rồi thường bố thí bằng tâm tương ưng xả thọ... thường chấp thủ tà kiến.

Đức tin trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ... sutaṃ... cāgaṃ paññaṃ rāgaṃ mohaṃ mānaṃ diṭṭhiṃ... patthanaṃ upanissāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... samāpattiṃ uppādeti adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati... nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào giới tương ưng xả thọ, văn, thí, tuệ, ái, si, mạn, kiến, ước nguyện rồi bố thí bằng tâm tương ưng xả thọ ... khiến cho nhập thiền sanh lên, thường chiếm đoạt tài sản mà chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng xả thọ... thường thiêu đốt xóm làng.

Giới, văn, thí, tuệ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền và 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 22 ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả + 45 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

3- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā saddhā sīlaṃ sutaṃ cāgo paññā rāgo moho māno diṭṭhi patthanā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya... patthanāya adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin, tương ưng xả thọ... giới, văn, thí, tuệ, ái, si, mạn, kiến, sự ước nguyện làm duyên cho đức tin tương ưng xả thọ bằng cận y duyên.

Tín, giới, văn, thí, tuệ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố , 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền và 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 22 ===> 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 8- (1176) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... mānaṃ jappeti diṭṭhiṃ ganhati.

Người nương vào đức tin tương ưng xả thọ rồi thường bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ... khiến cho ngã mạn sanh lên, thường chấp thủ tà kiến.

Đức tin trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền xả thọ ===> 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ, 2 tâm thông, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả + 45 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ... patthanaṃ upanissāya sukhāya vedanāya sampayuttena cittena dānaṃ deti... samāpattiṃ uppādeti sukhāya vedanāya sampayuttena cittena adinnaṃ ādiyati... nigamaghātaṃ karoti.

Người nương vào giới tương ưng xả thọ, văn, thí, tuệ, ái, si, mạn, kiến, ước nguyện rồi bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ ... khiến cho nhập thiền sanh lên, thường chiếm đoạt tài sản mà chủ nhân không cho bằng tâm tương ưng lạc thọ... thường thiêu đốt xóm làng.

Giới, văn, thí, tuệ trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 4 tâm Đạo, 4 tâm Quả xả thọ và 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 22 (trừ tâm sở thọ) ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ, 2 tâm thông, 16 tâm Đạo, 16 tâm Quả, 4 tâm tham lạc thọ + 46.

3- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā saddhā... patthanā sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ sukhāya vedanāya sampayuttāya saddhāya... patthanāya sukhasahagatassa kāyaviññāṇassa sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin, tương ưng xả thọ... sự nguyện cầu, thân thức thọ lạc (và) cho các uẩn tương ưng lạc thọ bằng cận y duyên.

Tín, giới, văn, thí, tuệ xả thọ, 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 22 (trừ tâm sở thọ) ===> 63 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 9- (1177) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya

sampayuttassa dhammassa upanissayapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng cận y duyên.

Câu phụ:

1- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ saddhaṃ upanissāya attānaṃ ātāpeti paritāpeti pariyiṭṭhimūlakaṃ dukkhaṃ paccanubhoti.

Người nương vào đức tin tương ưng xả thọ khiến cho mình nhiệt não, nóng nảy thường cảm thọ khổ.

Đức tin trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền xả thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ).

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ sīlaṃ... patthanaṃ upanissāya paṇaṃ hanati dukkhāya vedanāya sampayuttena adinnaṃ adiyati... sanghaṃ bhandati.

Người nương vào giới tương ưng xả thọ... sự mong cầu rồi. Thường sát sanh, chiếm đoạt tài sản bằng tâm tương ưng xả thọ... thường chia rẽ Tăng.

Giới, văn, thí, tuệ hiệp thế xả thọ, 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ + 21 (trừ tâm sở thọ, hỷ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā saddhā... patthanā dosassa mohassa dukkhasahagatassa kāyaviññāṇassa dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ upanissayapaccayena paccayo.

Đức tin tương ưng xả thọ... giới... văn... thí... tuệ... ái... sự mong cầu làm duyên cho sân, si, thân thức thọ khổ (và) các uẩn tương ưng xả thọ.

Tín, giới, văn, thí, tuệ hiệp thế xả thọ ===> 3 tâm câu hành khổ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Tóm lược: Pháp cận y duyên trong tam đề thọ gồm có:

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

Phân ra được 9 câu lọc: Lạc - lạc, lạc - khổ, lạc - xả, khổ - khổ, khổ - lạc, khổ - xả, xả - xả, xả - lạc, xả - khổ.

Bởi có câu tương ưng lạc, tương ưng khổ và tương ưng xả.

- Câu tương ưng lạc có 3 câu sau cùng là lạc, khổ, xả.

- Câu tương ưng khổ có 3 câu sau cùng là khổ, lạc, xả.

- Câu tương ưng xã có 3 câu sau cùng là xả, lạc, khổ.

CĂN CẬN Y

(Upanissayamūlakaṃ)

CÂU Y HỢP LỰC

(có 8 duyên)

(1203) **Upanissayapaccayā ārammaṇe cattāri... adhipatiyā cattāri anantare satta samanantare satta āsevane tīṇi kamme aṭṭha natthiyā satta vigate satta.**

1- **Upanissayapaccayā ārammaṇe cattāri:** Cận y duyên cảnh duyên có được 4 câu lọc.

116 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 46 ===> 20 tâm (trừ 40 tâm siêu thế) + 41 (trừ tâm sở hoài nghi, thọ, 4 sân phần, 3 giới phần, 2 vô lượng phần).

1- Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41 (= 10 tâm lạc thọ + 41).

2- Lạc - xả: 63 tâm xả thọ + 46 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham xả thọ + 40 (= 10 tâm xả thọ + 40).

3- Xả - xả: 53 tâm xả thọ (trừ 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ) + 45 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham xả thọ.

4- Xả - lạc: 53 tâm xả thọ + 45 ===> 4 tâm đại thiện, 2 tâm đại tố tương ưng trí, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

2- **Upanissayapaccayā adhipatiyā cattāri**: Cận y duyên trưởng duyên có được 4 câu lọc giống như câu thứ 1.

3- **Upanissayapaccayā anantare satta**: Cận y duyên vô gián duyên có được 7 câu lọc.

121 tâm + 51 ===> 121 + 51.

1- Lạc - lạc: 62 tâm thọ lạc (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 46 ===> 62 tâm thọ lạc + 46.

2- Lạc - xả: 43 tâm lạc thọ + 46 ===> 14 tâm xả thọ là 11 tâm hữu phần, 1 tâm tiếp thâu, 2 tâm khai môn + 32 (43 = 4 tâm đại thiện, 4 tâm tham, 9 tâm tố, 16 tâm Quả siêu thế, 5 tâm na cảnh, 4 tâm quả thiền, tâm thân thức thọ lạc).

3- Khổ - khổ: 2 tâm khổ thọ + 21 ===> 2 tâm khổ thọ + 21.

4- Khổ - xả: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 7 tâm quả dục giới xả thọ (= 6 tâm hữu phần, 1 tâm tiếp thâu quả bất thiện) + 31.

5- Xả - xả: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

6- Xả - lạc: 42 tâm xả thọ + 46 ===> 31 tâm lạc thọ + 46 (42 = 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại quả, 4 tâm đại tố, 2 tâm

quan sát, 2 tâm khai môn, 1 tâm tiếp thâu quả thiện, 6 tâm bất thiện, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm quả thiền, 5 tâm tố thiền, 4 tâm Quả siêu thế.

31 thọ lạc = 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại quả, 4 tâm đại tố, tâm thân thức thọ lạc, 1 tâm quan sát thọ lạc, 4 tâm quả thiền, 4 tâm Tam Quả, 4 tâm Tứ Quả).

7- Xả - khổ: 2 tâm khai môn + 10 ===> 3 tâm thọ khổ + 21.

4- **Upanissayapaccayā samanantare satta**: Giống như câu thứ 3.

5- **Upanissayapaccayā āsevane tīṇi:** Cận y duyên tập hành duyên có được 3 câu lọc.

47 tâm đổng lực hiệp thế + 51 ===> 67 tâm đổng lực (trừ 20 tâm Quả siêu thế) + 51.

1- Lạc - lạc: 21 tâm đổng lực hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 37 tâm đổng lực lạc thọ + 46.

2- Xả - xả: 24 tâm đổng lực hiệp thế xả thọ + 46 ===> 28 tâm đổng lực xả thọ + 46.

3- Khổ - khổ: 2 tâm sân + 21 ===> 2 tâm sân + 21.

6- **Upanissayapaccayā kamme aṭṭha**: Cận y duyên nghiệp duyên có được 8 câu lọc (dị thời nghiệp).

Tâm sở tư trong 49 tâm đã diệt ===> 52 tâm quả + 37 (trừ sở hữu thọ).

1- Lạc - lạc: Tâm sở tư trong 28 tâm lạc thọ đã diệt ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Lạc - khổ: Tâm sở tư trong 4 tâm tham lạc thọ ===> tâm thân thức khổ thọ + 6.

3- Lạc - xả: Tâm sở tư trong 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện ===> 16 tâm quả xả thọ là 6 tâm quả bất thiện, 10 tâm quả thiện dục giới + 31.

4- Khổ - khổ: Tâm sở tư hợp trong 2 tâm sân khổ thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

5- Khổ - xả: 2 tâm sở tư khổ thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 9.

6- Xả - xả: 19 tâm sở tư xả thọ ===> 6 tâm quả bất thiện, 10 tâm quả thiện dục giới, 5 tâm quả thiền xả thọ, 4 tâm Quả siêu thế. Tổng cộng 25 tâm xả thọ + 32.

7- Xả - lạc: Tâm sở tư hợp trong 4 tâm thiện dục giới xả thọ ===> 5 tâm quả dục giới lạc thọ + 31.

8- Xả - khổ: Tâm sở tư hợp trong 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ ===> tâm thân thức khổ thọ + 6.

7- **Upanissayapaccayā natthiyā satta**: Giống như câu thứ 3.

8- **Upanissayapaccayā vigate satta**: Giống như câu thứ 3.

5 CÁCH TẤU HỢP LINH TINH CẬN Y

(Upanissayapakiṇṇakaghaṭanā)

Tấu hợp thứ 1: Upanissaya ārammaṇe adhipatīti cattāri (cách tấu hợp thứ nhất có 3 duyên, 4 câu lọc).

116 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ + 46 ===> 20 tâm (trừ 40 tâm siêu thế) + 41. Được 4 câu lọc (xem cận y thực tánh câu thứ nhất).

Tấu hợp thứ 2: Upanissaya anantara samanantara natthi vigatanti satta (cách tấu hợp thứ hai có 5 duyên, 7 câu lọc).

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51. Được 7 câu lọc. (xem cận y thực tánh câu thứ ba).

Tấu hợp thứ 3: Upanissaya anantara samanantara āsevana natthi vigatanti tīṇi (cách tấu hợp thứ ba có 6 duyên, 3 câu lọc).

47 tâm đổng lực hiệp thế + 51 ===> 67 tâm đổng lực + 51. Được 3 câu lọc (xem cận y thực tánh câu thứ ba).

Tấu hợp thứ 4: Upanissaya kammanti aṭṭha (cách tấu hợp thứ tư có 2 duyên, 8 câu lọc).

Tâm sở tư trong 12 tâm bất thiện, 37 tâm thiện = 49 tâm đã diệt ===> 52 tâm quả + 37. Được 8 câu lọc (xem cận y thực tánh câu thứ sáu).

Tấu hợp thứ 5: Upanissaya anantara samanantara kamma natthi vigantanti dve (cách tấu hợp thứ năm có 6 duyên, 2 câu lọc).

Tâm sở tư trong 20 tâm Đạo đã diệt ===> 20 tâm Quả + 35 (trừ tâm sở thọ). Trong lộ Đắc Đạo.

1- Lạc - lạc: Tâm sở tư trong 16 tâm Đạo lạc thọ ===> 16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ). Trong lộ Đắc Đạo.

2- Xả - xả: Tâm sở tư trong 4 tâm Đạo xả thọ ===> 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ). Trong lộ Đắc Đạo.

10- TẬP HÀNH DUYÊN

TẬP HÀNH DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Āsevane tīṇi)

Pāli: 1- (1178) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng tập hành duyên.

Câu phụ:

1- Purimā purimā sukhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng lạc thọ sanh sau bằng tập hành duyên.

4 tâm tham lạc thọ + 21 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 4 tâm tham lạc thọ + 21 sanh sau.

4 tâm đồng lực đại thiện lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 4 tâm đồng lực đại thiện, 4 tâm thiện thiền, 16 tâm Đạo lạc thọ + 37 sanh sau.

5 tâm đồng lực tố lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 5 tâm đồng lực tố, 4 tâm Tứ Quả lạc thọ + 37 sanh sau.

4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền lạc thọ + 34 sanh sau.

16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 35 sanh sau.

2- Sukhāya vedanāya sampayuttaṃ anulomaṃ gotrabhussa anulomaṃ vodānassa gotrabhu maggassa vodānaṃ maggassa āsevanapaccayena paccayo.

Thuận thứ tương ưng lạc thọ làm duyên cho chuyển tộc, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh, chuyển tộc làm duyên cho Đạo, dũ tịnh làm duyên cho Đạo bằng tập hành duyên.

2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 làm phận sự chuyển tộc hoặc dũ tịnh.

2 tâm đại thiện tương ưng trí lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) làm phận sự chuyển tộc, dũ tịnh ===> 16 tâm Đạo lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 2- (1179) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng tập hành duyên.

Câu phụ: Purimā purimā dukkhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau bằng tập hành duyên.

2 tâm đổng lực sân + 21 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 2 tâm đổng lực sân + 21 sanh sau.

Pāli: 3- (1180) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng tập hành duyên.

Câu phụ:

1- Purimā purimā adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

Các uẩn tương ưng xả thọ sanh trước làm duyên cho các uẩn tương ưng xả thọ sanh sau bằng tập hành duyên.

4 tâm tham xả thọ + 20 (trừ tâm sở thọ, hỷ) sanh trước ===> 4 tâm tham xả thọ + 20 sanh sau.

2 tâm si xả thọ + 15 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 2 tâm si xả thọ + 15 sanh sau.

4 tâm đại thiện xả thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, hỷ) sanh trước ===> 4 tâm đại thiện, 5 tâm thiện thiền, 4 tâm Đạo xả thọ + 36.

4 tâm đại tố xả thọ + 33 (trừ tâm sở thọ, hỷ) sanh trước ===> 4 tâm đại tố, 5 tâm tố thiền + 33.

5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ) sanh trước ===> 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền xả thọ + 29 sanh sau.

2- Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttaṃ anulomaṃ gotrabhussa anulomaṃ vodānassa gotrabhu maggassa vodānaṃ maggassa āsevanapaccayena paccayo.

Thuận thứ tương ưng xả thọ làm duyên cho chuyển tộc, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh, chuyển tộc làm duyên cho Đạo, dũ tịnh làm duyên cho Đạo bằng tập hành duyên.

2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự thuận thứ ===> 2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự chuyển tộc, dũ tịnh.

2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ + 31 làm phận sự chuyển tộc, dũ tịnh ===> 4 tâm Đạo xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

Tóm lược: Pháp tập hành duyên trong tam đề thọ gồm có:

47 tâm đổng lực hiệp thế + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 67 tâm đổng lực + 51.

(67 = tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện. 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện và 9 tâm tố thiền, 20 tâm Đạo).

Có 3 câu là lạc, khổ, xả và có lạc, khổ, xả là câu sau cùng của 3 câu theo thứ tự.

CĂN TẬP HÀNH

(Āsevanamūlakaṃ)

TẬP HÀNH THỰC TÁNH

(có 5 duyên)

(1205) **Āsevanapaccayā anantare tīṇi... samanantare tīṇi... upanissaye tīṇi natthiyā tīṇi vigate tīṇi.**

1- **Āsevanapaccayā anantare tīṇi**: Tập hành duyên vô gián duyên có được 3 câu lọc.

47 tâm đổng lực hiệp thế + 51 ===> 67 tâm đổng lực (trừ 20 tâm Quả siêu thế) + 51.

1- Lạc - lạc: 21 tâm đổng lực hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 37 tâm đổng lực lạc thọ + 46.

2- Xả - xả: 24 tâm đổng lực hiệp thế xả thọ + 46 ===> 28 tâm đổng lực xả thọ + 46.

3- Khổ - khổ: 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

2- **Āsevanapaccayā samanantare tīṇi**: Giống như câu thứ 1.

3- **Āsevanapaccayā upanissaye tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

4- **Āsevanapaccayā natthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

5- **Āsevanapaccayā vigate tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

CÁCH TẤU HỢP LINH TINH TẬP HÀNH DUYÊN

Tấu hợp thứ 1: (1205) **Āsevana anantara samanantara upanissaya natthiya vigatanti tīṇi** (cách tấu hợp thứ nhất có 6 duyên, 3 câu lọc).

47 tâm đổng lực hiệp thế + 51 ===> 67 tâm đổng lực + 51.

Được 3 câu lọc, giống như tập hành hợp lực câu thứ nhất.

11- NGHIỆP DUYÊN

NGHIỆP DUYÊN CÓ 8 CÂU LỌC

(Kamme aṭṭha)

Trong pli nghiệp duyên phân thành 2 loại là câu sanh nghiệp duyên và dị thời nghiệp duyên.

Câu sanh nghiệp duyên có 3 câu lọc là lạc - lạc, khổ - khổ, xả - xả.

Dị thời nghiệp duyên có 8 câu lọc là lạc - lạc, lạc - khổ, lạc - xả, khổ - khổ, khổ - xả, xả - xả, xả - lạc, xả - khổ.

Nơi đây sẽ trình bày gom chung với nhau:

Pāli: 1- (1181) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng nghiệp duyên.

Câu sanh nghiệp: Sukhāya vedanāya sampayuttā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng lạc thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nghiệp duyên.

Dị thời nghiệp: Sukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn dị thục tương ưng lạc thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 4 đại thiện, 4 tâm thiền thiện, 16 tâm Đạo ===> 4 tâm đại quả, 1 tâm quan sát, 1 tâm thân thức lạc thọ

+ 32 tâm sở, 4 tâm quả thiền, 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 2- (1182) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Dị thời nghiệp: Sukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn dị thục tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 4 tâm tham lạc thọ ===> tâm thân thức khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 3- (1183) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Dị thời nghiệp: Sukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn dị thục tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 4 tâm tham lạc thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

Tư trong 4 tâm đại thiện lạc thọ ===> 10 tâm quả dục giới xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

(10 tâm quả dục giới xả thọ = 4 đại quả xả thọ, tâm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thức quả thiện, 1 tâm tiếp thâu quả thiện, 1 tâm quan sát quả thiện xả thọ).

Pāli: 4- (1184) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammmassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ:

Câu sanh nghiệp: Dukkhāya vedanāya sampayuttā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng khổ thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nghiệp duyên.

3 tư khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở thọ, tư).

Dị thời nghiệp: Dukkhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ dukkhāya vedanāya

sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn dị thục tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 2 tâm sân khổ thọ ===> tâm thân thức khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 5- (1185) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Dị thời nghiệp: Dukkhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng khổ thọ làm duyên cho các uẩn dị thục tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 2 tâm sân khổ thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 9 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 6- (1186) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammmassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ:

Câu sanh nghiệp: Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng xả thọ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nghiệp duyên.

Tư trong 55 tâm xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, tư).

Dị thời nghiệp: Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng xả thọ làm duyên cho các uẩn dị thục tương ưng xả thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 9 (trừ tâm sở thọ).

Tư trong 4 tâm đại thiện xả thọ ===> 10 tâm quả thiện dục giới xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

Tư trong 5 tâm thiện thiền xả thọ ===> 5 tâm quả thiền xả thọ + 29 (trừ tâm sở thọ).

Tư trong 4 tâm Đạo xả thọ ===> 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 7- (1187) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Dị thời nghiệp: Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ sukhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư trong 4 tâm đại thiện xả thọ ===> tâm thân thức thọ lạc + 6, tâm quan sát thọ hỷ + 10, 4 tâm đại quả lạc thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

Pāli: 8- (1188) Adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa kammapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Câu phụ: Dị thời nghiệp: Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā cetanā vipākānaṃ dukkhāya vedanāya sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kammapaccayena paccayo.

Tư tương ưng xả thọ làm duyên cho uẩn dị thục tương ưng khổ thọ bằng nghiệp duyên.

Tư trong 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ ===> tâm thân thức khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

Tóm lược:

- Pháp câu sanh nghiệp duyên trong tam đề thọ gồm có:

Tư trong 121 tâm ===> 121 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

- Pháp dị thời nghiệp duyên trong tam đề thọ gồm có:

Tư trong 12 tâm bất thiện, 37 tâm thiện đã diệt ===> 7 tâm quả bất thiện, 45 tâm quả thiện + 37 (trừ tâm sở thọ).

Cả 2 nghiệp duyên khi phân câu lọc thì được 8 câu (tính riêng rẽ không trùng nhau) như đã đề cập từ đoạn đầu.

Có 3 câu là lạc, khổ, xả.

- Câu tương ưng lạc có 3 câu sau cùng là lạc, khổ, xả.

- Câu tương ưng khổ có 2 câu sau cùng là khổ, xả.

- Câu tương ưng xã có 3 câu sau cùng là xả, lạc, khổ.

CĂN NGHIỆP

(Kammamūlakaṃ)

NGHIỆP HỢP LỰC

(có 13 duyên)

(1206) **Kammapaccayā anantare dve samanantare dve sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi upanissaye aṭṭha vipāke tīṇi āhāre tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi natthiyā dve vigate dve avigate tīṇi.**

1- **Kammapaccayā anantare dve**: Nghiệp duyên vô gián duyên có được 2 câu lọc (2 câu lọc có được với vô gián nghiệp duyên).

Tư trong 20 tâm Đạo đã diệt ===> 20 tâm Quả + 35 (trừ tâm sở thọ). Trong lộ Đắc Đạo.

1- Lạc - lạc: Tư trong 16 tâm Đạo lạc thọ ===> 16 tâm Quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: Tư trong 4 tâm Đạo xả thọ ===> 4 tâm Quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

2- **Kammapaccayā samanantare dve**: Giống như câu thứ 1.

3- **Kammapaccayā sahajāte tīṇi**- 4- **Aññamaññe tīṇi** - 5- **Nissaye tīṇi**: (trình bày giống nhau).

Tư trong 121 tâm ===> 121 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: 63 tư lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 45 (trừ tâm sở tư).

2- Khổ - khổ: 3 tư khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở tư).

3- Xả - xả: 55 tư xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở tư).

6- **Kammapaccayā upanissaye aṭṭhaṃ**: Nghiệp duyên cận y duyên được 8 câu lọc.

Tư trong 12 tâm bất thiện, 37 tâm thiện đã diệt ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 24 tư lạc thọ đã diệt ===> 26 tâm quả lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ).

2- Lạc - khổ: Tư trong 4 tâm tham lạc thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Lạc - xả: Tư trong 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện lạc thọ ===> 16 tâm quả xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ).

4- Khổ - khổ: 2 tư khổ thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ).

5- Khổ - xả: 2 tư khổ thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 9 (trừ tâm sở thọ).

6- Xả - xả: 19 tư xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

7- Xả - lạc: Tư trong 4 tâm đại thiện xả thọ ===> 6 tâm quả dục giới lạc thọ + 31 (trừ tâm sở thọ).

8- Xả - khổ: Tư trong 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6 (trừ tâm sở thọ).

7- **Kammapaccayā vipāke tīṇi:** Nghiệp duyên quả duyên có được 3 câu lọc.

Tư trong 52 tâm quả ===> 52 tâm quả + 36 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: Tư trong 26 tâm quả lạc thọ ===> 26 tâm quả lạc thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, tư).

2- Khổ - khổ: Tư trong tâm thân thức thọ khổ ===> tâm thân thức thọ khổ + 5 (trừ tâm sở thọ, tư).

3- Xả - xả: Tư trong 25 tâm quả xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, tư).

8- **Kammapaccayā āhāre tīṇi:** Nghiệp duyên vật thực duyên có 3 câu lọc.

Tư trong 121 tâm ===> 121 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: Tư trong 63 tâm lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 45 (trừ tâm sở tư).

2- Khổ - khổ: Tư trong 3 tâm khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở tư).

3- Xả - xả: 55 tư trong tâm xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 47 (trừ tâm sở tư).

9- **Kammapaccayā sampayutte tīṇi:** Nghiệp duyên tương ưng duyên được 3 câu lọc giống như câu thứ 3.

10- **Kammapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

11- **Kammapaccayā natthiyā dve:** Giống như câu thứ 1.

12- **Kammapaccayā vigate dve:** Giống như câu thứ 1.

13- **Kammapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

4 CÁCH TẤU HỢP NGHIỆP DUYÊN

*** 2 cách tấu hợp linh tinh:**

Tấu hợp thứ 1: Kamma upanissayanti aṭṭha. Giống như nghiệp hợp lực câu thứ 1.

Tấu hợp thứ 2: Kamma anantara samanantara upanissaya natthi vigatanti dve. Giống như nghiệp hợp lực câu thứ 2.

*** 2 cách tấu hợp câu sanh:**

Tấu hợp vô dị thục: Kamma sahajāta aññamañña nissaya āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi. (cách tấu hợp thứ 1 có 8 duyên, được 3 câu lọc giống như nghiệp hợp lực câu thứ 8).

Tấu hợp hữu dị thục: Kamma sahajāta aññamañña nissaya vipāka āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi. (cách tấu hợp thứ 2 có 9 duyên, được 3 câu lọc giống như nghiệp hợp lực câu thứ 7).

12- QUẢ DUYÊN

QUẢ DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Vipāke tīṇi)

Pāli: 1- (1189) Sukhāya vedanāya sampayutto dhammo sukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa vipākapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng quả duyên.

Câu phụ:

1- Vipāko sukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa vipākapaccayena paccayo.

1 uẩn quả tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng quả duyên.

2 uẩn quả tương ưng lạc thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng quả duyên.

26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37.

(26 = 2 tâm lạc thọ vô nhân, 4 tâm quả dục giới, 4 tâm quả thiền, 16 tâm Quả siêu thế).

2- Paṭisandhikkhaṇe sukhāya vedanāya sampayutto

eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa vipākapaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng quả duyên.

Trong sát na tái tục 2 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 1 uẩn bằng quả duyên.

8 tâm quả tái tục lạc thọ (4 tâm đại quả, 4 tâm quả thiền sắc giới) + 34 (trừ tâm sở thọ) ===> 8 tâm quả tái tục lạc thọ + 34.

Pāli: 2- (1190) Dukkhāya vedanāya sampayutto dhammo dukkhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa vipākapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng quả duyên.

Câu phụ: Vipāko dukkhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa vipākapaccayena paccayo.

1 uẩn quả tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn quả bằng quả duyên.

2 uẩn quả tương ưng khổ thọ làm duyên cho 1 uẩn quả bằng quả duyên.

Tâm thân thức thọ khổ + 6 ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

Pāli: 3- (1191) Adukhamasukhāya vedanāya sampayutto dhammo adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttassa dhammassa vipākapaccayena paccayo.

Pháp tương ưng xả thọ làm duyên cho pháp tương ưng xả thọ bằng quả duyên.

Câu phụ:

1- Vipāko adukhamasukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa vipākapaccayena paccayo.

1 uẩn quả tương ưng xả thọ làm duyên cho 2 uẩn quả bằng quả duyên.

2 uẩn quả tương ưng xả thọ làm duyên cho 1 uẩn quả bằng quả duyên.

25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ) ===> 25 tâm quả xả thọ + 32.

(25 = 12 tâm quả vô nhân, 4 tâm đại quả, 5 tâm quả thiền, 4 tâm Quả siêu thế).

2- Paṭisandhikkhaṇe vipāko adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto eko khandho dvinnaṃ khandhānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā ekassa khandhassa vipākapaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục 1 uẩn quả tương ưng xả thọ làm duyên cho 2 uẩn quả bằng quả duyên.

Trong sát na tái tục 2 uẩn quả tương ưng xả thọ làm duyên cho 1 uẩn quả bằng quả duyên.

11 tâm quả tái tục xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ) ===> 11 tâm quả tái tục xả thọ + 31.

(11 = 2 tâm quả vô nhân, 4 tâm đại quả, 5 tâm quả thiền).

Tóm lược: Pháp quả duyên trong tam đề thọ gồm có:

52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 52 tâm quả + 37.

(52 = 7 tâm quả bất thiện, 45 tâm quả thiện).

Phân ra được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xả - xả.

Bởi có 3 câu gốc và 3 câu ngọn.

CĂN DỊ THỤC QUẢ

(Vipākamūlakaṃ)

DỊ THỤC QUẢ HỢP LỰC

(có 13 duyên)

(1208) **Vipākapaccayā hetuyā dve... adhipatiyā dve sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi kamme tīṇi āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne dve magge dve sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

1- **Vipākapaccayā hetuyā dve**: Quả duyên nhân duyên có được 2 câu lọc.

3 nhân quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 3 nhân lạc thọ ===> 24 tâm quả hữu nhân lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 3 nhân xả thọ ===> 13 tâm quả hữu nhân xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

2- **Vipākapaccayā adhipatiyā dve**: Quả duyên trưởng duyên có được 2 câu lọc.

4 trưởng quả ===> tâm quả đồng lực hữu trưởng là 20 tâm Quả siêu thế + 35 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 trưởng lạc thọ ===> 16 tâm Quả siêu thế lạc thọ + 35 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 4 trưởng xả thọ ===> 4 tâm Quả siêu thế xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

3- **Vipākapaccayā sahajāte tīṇi:** Quả duyên câu sanh duyên có được 3 câu lọc.

52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 52 tâm quả + 37.

1- Lạc - lạc: 26 tâm quả lạc thọ + 37 ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 1 tâm quả khổ thọ + 6 ===> 1 tâm quả khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 25 tâm quả xả thọ + 31 ===> 25 tâm quả xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ).

4- **Vipākapaccayā aññamaññe tīṇi** -

5- **Vipākapaccayā nissaye tīṇi**: Giống như câu thứ 3.

6- **Vipākapaccayā kamme tīṇi:** Quả duyên nghiệp duyên có được 3 câu lọc.

52 tư quả ===> 52 tâm quả + 36 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: 26 tư trong tâm quả lạc thọ ===> 26 tâm quả lạc thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, tư).

2- Khổ - khổ: Tư trong tâm thân thức khổ thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 5 (trừ tâm sở thọ, tư).

3- Xả - xả: Tư trong 25 tâm quả xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, tư).

7- **Vipākapaccayā āhāre tīṇi:** Quả duyên vật thực duyên có được 3 câu lọc.

3 danh vật thực quả ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 3 danh vật thực lạc thọ ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 danh vật thực khổ thọ ===> tâm quả khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 3 danh vật thực xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

8- **Vipākapaccayā indriye tīṇi:** Quả duyên quyền duyên có được 3 câu lọc.

7 danh quyền quả (trừ thọ) ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 7 danh quyền lạc thọ ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 danh quyền khổ thọ ===> tâm quả khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 7 danh quyền xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

9- **Vipākapaccayā jhāne dve:** Quả duyên thiền duyên có được 2 câu lọc.

4 chi thiền quả (trừ thọ) ===> 42 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 chi thiền lạc thọ (trừ thọ) ===> 25 tâm quả lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 3 chi thiền xả thọ (trừ thọ, hỷ) ===> 17 tâm quả xả thọ (trừ 4 đôi thức xả thọ) + 32 (trừ tâm sở thọ).

10- **Vipākapaccayā magge dve:** Quả duyên đạo duyên có được 2 câu lọc.

8 chi đạo (trừ tà kiến) ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 8 chi đạo lạc thọ ===> 24 tâm quả hữu nhân lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 8 chi đạo xả thọ ===> 13 tâm quả hữu nhân xả thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 2 vô lượng phần).

11- **Vipākapaccayā sampayutte tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

12- **Vipākapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

13- **Vipākapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

1 CÁCH TẤU HỢP DỊ THỤC QUẢ CÂU SANH (1208)

Tấu hợp thứ 1: Vipāka sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi. (cách tấu hợp thứ 1 có 7 duyên, được 3 câu lọc).

52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ) ===> 52 tâm quả + 37.

Được 3 câu lọc.

Chi pháp giống như dị thục quả hợp lực câu thứ 3.

13- VẬT THỰC DUYÊN

VẬT THỰC DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Āhāre tīṇi)

Pháp vật thực duyên (riêng biệt câu sanh vật thực duyên) trong tam đề thọ gồm có:

3 danh vật thực ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc:

* 3 danh vật thực lạc thọ ===> 36 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 3 danh vật thực tái tục lạc thọ ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 danh vật thực khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả:

* 3 danh vật thực xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 3 danh vật thực tái tục xả thọ ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

(Trong nơi đây trình bày thu gọn theo Tam Tạng tóm tắt kể từ vật thực duyên cho đến vô hữu duyên).

CĂN VẬT THỰC

(Āhāramūlakaṃ)

VẬT THỰC HỢP LỰC

(có 10 duyên)

(1209) **Āhārapaccayā adhipatiyā tīṇi... sahajāte tīṇi... aññamaññe tīṇi nissaya tīṇi kamme tīṇi vipāke tīṇi indriye tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

1- Āhārapaccayā adhipatiyā tīṇi: Vật thực duyên trưởng duyên có được 3 câu lọc.

84 tâm đồng lực hữu trưởng ===> 50 tâm sở (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

1- Lạc - lạc: 52 tâm đồng lực hữu trưởng lạc thọ ===> 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 tâm đồng lực hữu trưởng khổ thọ ===> 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 30 tâm đồng lực hữu trưởng xả thọ ===> 45 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

(52 tâm lạc thọ = 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm thiện thiền, 4 tâm tố thiền, 32 tâm siêu thế).

(32 tâm xả thọ = 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 5 tâm thiện thiền, 5 tâm tố thiền, 8 tâm siêu thế).

2- **Āhārapaccayā sahajāte tīṇi:** Vật thực duyên câu sanh duyên có được 3 câu lọc (3 câu lọc có được từ câu sanh duyên do vật thực duyên).

3 danh vật thực ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 3 danh vật thực lạc thọ ===> 36 tâm lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 3 danh vật thực khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 3 danh vật thực xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46.

3- **Āhārapaccayā aññamañe tīṇi:** Giống như câu thứ 2.

4- **Āhārapaccayā nissaye tīṇi:** Giống như câu thứ 2.

5- **Āhārapaccayā kamme tīṇi:** Vật thực duyên nghiệp duyên có được 3 câu lọc.

Tư trong 121 tâm ===> 121 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

1- Lạc - lạc: Tư trong 63 tâm lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 45 (trừ tâm sở tư).

2- Khổ - khổ: Tư trong 3 tâm khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở tư).

3- Xả - xả: Tư trong 55 tâm xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở tư).

6- **Āhārapaccayā vipāke tīṇi:** Vật thực duyên quả duyên có được 3 câu lọc.

3 danh vật thực quả ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 3 danh vật thực lạc thọ ===> 22 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 danh vật thực khổ thọ ===> tâm quả khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 3 danh vật thực xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

7- **Āhārapaccayā indriye tīṇi:** Vật thực duyên quyền duyên có được 3 câu lọc.

Thức thực tức 121 tâm ===> 51 tâm sở (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ ===> 46.

2- Khổ - khổ: 3 tâm khổ thọ ===> 21.

3- Xả - xả: 55 tâm xả thọ ===> 46.

8- **Āhārapaccayā sampayutte tīṇi:** Giống như câu thứ 2.

9- **Āhārapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 2.

10- **Āhārapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 2.

8 CÁCH TẤU HỢP VẬT THỰC CÂU SANH

(1210)

Phân thành: **2 cách tấu hợp thông thường, 2 cách tấu hợp hữu nghiệp, 2 cách tấu hợp hữu quyền, 2 cách tấu hợp hữu trưởng quyền.**

Phân theo: **Cách vô dị thục, cách hữu dị thục.**

2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 7 duyên, được 3 câu lọc).

3 danh vật thực ===> 121 + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 8 duyên, được 3 câu lọc).

3 danh vật thực quả ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NGHIỆP

1- Tấu hợp vô dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya kamma sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 8 duyên, được 3 câu lọc).

Tư trong 121 tâm ===> 121 + 50 (trừ tâm sở thọ, tư).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya kamma vipāka sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 9 duyên, được 3 câu lọc).

Tư trong 52 tâm quả ===> 52 tâm quả + 36 (trừ tâm sở thọ, tư).

Được 3 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 8 duyên, được 3 câu lọc).

Thức thực (121 tâm) ===> 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Āhāra sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 9 duyên, được 3 câu lọc).

Thức thực (52 tâm quả) ===> 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Āhāra adhipati sahajāta aññamañña nissaya indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 1 có 9 duyên, được 3 câu lọc).

84 tâm đổng lực hữu trưởng ===> 50 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Āhāra adhipati sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

(Cách tấu hợp thứ 2 có 10 duyên, được 2 câu lọc).

Tâm quả đổng lực hữu trưởng (20 tâm Quả siêu thế) ===> 35 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

14- QUYỀN DUYÊN

QUYỀN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Indriye tīṇi)

Pháp quyền duyên (riêng biệt câu sanh quyền duyên) trong tam đề thọ gồm có:

7 danh quyền (trừ thọ) ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc:

* 7 danh quyền lạc thọ ===> 63 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 7 danh quyền tái tục lạc thọ ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 7 danh quyền khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả:

* 7 danh quyền xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 7 danh quyền tái tục xả thọ ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

CĂN QUYỀN

(Indriyamūlakaṃ)

QUYỀN HỢP LỰC

(có 12 duyên)

(1211) **Indriyapaccayā hetuyā dve... adhipatiyā tīṇi sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi vipāke tīṇi āhāre tīṇi jhāne tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi vigate tīṇi.**

1- **Indriyapaccayā hetuyā dve:** Quyền duyên nhân duyên được 2 câu lọc.

Tuệ quyền ===> 79 tâm tam nhân + 36 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ).

1- Lạc - lạc: Trí tuệ lạc thọ ===> 50 tâm tam nhân lạc thọ + 36 (trừ tâm sở trí tuệ, thọ).

2- Xả - xả: Trí tuệ xả thọ ===> 29 tâm tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở trí tuệ, hỷ, thọ).

2- **Indriyapaccayā adhipatiyā tīṇi:** Quyền duyên trưởng duyên được 3 câu lọc.

3 trưởng (trừ dục) ===> 84 tâm đồng lực hữu trưởng + 50 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

1- Lạc - lạc: 3 trưởng lạc thọ ===> 52 tâm đồng lực hữu trưởng lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 trưởng khổ thọ (trừ trí tuệ) ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 3 trưởng xả thọ ===> 30 tâm đồng lực xả thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

3- **Indriyapaccayā sahajāte tīṇi:** Quyền duyên câu sanh duyên được 3 câu lọc.

7 danh quyền (trừ thọ) ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 7 danh quyền lạc thọ ===> 36 tâm lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ)

2- Khổ - khổ: 4 danh quyền khổ thọ ===> 3 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 7 danh quyền xả thọ ===> 55 tâm xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

4- **Indriyapaccayā aññamaññe tīṇi:** Giống câu thứ 3.

5- **Indriyapaccayā nissaye tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

6- **Indriyapaccayā vipāke tīṇi:** Quyền duyên quả duyên được 3 câu lọc.

7 danh quyền quả (trừ thọ) ===> 52 tâm quả + 37.

1- Lạc - lạc: 7 danh quyền lạc thọ ===> 26 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 danh quyền khổ thọ ===> 1 tâm quả khổ thọ + 6 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 7 danh quyền xả thọ ===> 25 tâm quả xả thọ + 32 (trừ tâm sở thọ).

7- **Indriyapaccayā āhāre tīṇi:** Quyền duyên vật thực duyên được 3 câu lọc.

Ý quyền (121 tâm) ===> 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 63 tâm lạc thọ ===> 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 tâm khổ thọ ===> 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 55 tâm xả thọ ===> 46 (trừ tâm sở thọ).

8- **Indriyapaccayā jhāne tīṇi:** Quyền duyên thiền duyên được 3 câu lọc.

Tâm sở nhất hành trong 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) ===> 111 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

1- Lạc - lạc: Nhất hành trong 62 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) ===> 62 tâm lạc thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

2- Khổ - khổ: Nhất hành trong 2 tâm thọ khổ (trừ tâm thân thức thọ khổ) ===> 2 tâm khổ thọ + 20 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

3- Xả - xả: Nhất hành trong 47 tâm xả thọ (trừ 4 đôi thức) ===> 47 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

9- **Indriyapaccayā magge tīṇi:** Quyền duyên đạo duyên được 3 câu lọc.

4 chi đạo: trí tuệ, cần, niệm, định ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Lạc – lạc: 4 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 64 (trừ tâm sở thọ).

Khổ – khổ: 2 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm khổ thọ + 21 (trừ tâm sở thọ).

Xả – xả: 4 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

10- **Indriyapaccayā sampayutte tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

11- **Indriyapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

12- **Indriyapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

18 CÁCH TẤU HỢP QUYỀN CÂU SANH

(1212)

Phân thành: **2 cách tấu hợp thông thường, 2 cách tấu hợp hữu đạo, 2 cách tấu hợp hữu thiền, 2 cách tấu hợp hữu thiền đạo, 2 cách tấu hợp hữu vật thực, 2 cách tấu**

hợp hữu trưởng vật thực, 2 cách tấu hợp hữu trưởng đạo, 2 cách tấu hợp hữu nhân đạo, 2 cách tấu hợp hữu nhân trưởng đạo.

Phân theo: **Cách tấu hợp vô dị thục, cách tấu hợp hữu dị thục.**

2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

7 danh quyền (trừ thọ) ===> 121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

7 danh quyền quả (trừ thọ) ===> 52 tâm quả + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

4 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya vipāka magga sampayutta atthi avigatanti dve.

4 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN[1]

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya jhāna sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

1 chi thiền: nhất hành ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya vipāka jhāna sampayutta atthi avigatanti dve.

1 chi thiền quả: nhất hành ===> 52 tâm quả + 36 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 2 câu lọc.

[1] Của Miến Điện không có, nhưng theo hợp lực thì trình bày được.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya jhāna magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Nhất hành trong 103 tâm ===> 103 tâm hữu nhân + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya vipāka jhāna magga sampayutta atthi avigatanti dve.

Nhất hành trong 37 tâm quả hữu nhân ===> 37 tâm quả hữu nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU VẬT THỰC

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Thức thực: 121 tâm ===> 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya sahajāta aññamañña nissaya vipāka āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Thức thực quả: 52 tâm quả ===> 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG VẬT THỰC

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

84 tâm hữu trưởng ===> 50 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka* āhāra sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

20 tâm Quả siêu thế ===> 35 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *magga* sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Cần, trí tuệ ===> 84 tâm đồng lực hữu trưởng + 49 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi, pháp làm trưởng).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka magga* sampayutta atthi avigatanti dve.

Cần, trí tuệ ===> 20 tâm Quả siêu thế + 34 (trừ tâm sở thọ, pháp làm trưởng).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya hetu sahajāta aññamañña nissaya magga sampayutta atthi avigatanti dve.

Nhân vô si ===> 79 tâm tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya hetu sahajāta aññamañña nissaya vipāka magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Nhân quả vô si ===> 33 tâm quả tam nhân + 36.

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN TRƯỞNG ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Indriya *hetu adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *magga* sampayutta atthi avigatanti dve.

Nhân vô si ===> 66 tâm đồng lực tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Indriya *hetu adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka magga* sampayutta atthi avigatanti dve.

Nhân quả vô si ===> 20 tâm quả đồng lực tam nhân là 20 tâm Quả siêu thế + 34 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

15- THIỀN DUYÊN

THIỀN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Jhāna tīṇi)

Pháp thiền duyên trong tam đề thọ gồm có:

4 chi thiền (trừ 3 thọ) ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 chi thiền lạc thọ ===> 62 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức lạc thọ) + 46 (trừ tâm sở thọ).

4 chi thiền tái tục lạc thọ ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 chi thiền khổ thọ (trừ hỷ) ===> 2 tâm sân (trừ tâm thân thức thọ khổ) + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 3 chi thiền xả thọ (trừ hỷ) ===> 47 tâm xả thọ (trừ 4 đôi thức xả thọ) + 46 (trừ tâm sở thọ).

3 chi thiền tái tục xả thọ ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 31 (trừ tâm sở thọ).

CĂN THIỀN

(Jhānamūlakaṃ)

THIỀN HỢP LỰC

(có 9 duyên)

(1213) **Jhānapaccayā sahajāte tīṇi... aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi vipāke dve indriye tīṇi magge tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

1- **Jhānapaccayā sahajāte tīṇi:** Thiền duyên câu sanh duyên được 3 câu lọc.

4 chi thiền ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 chi thiền lạc thọ ===> 62 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 46.

2- Khổ - khổ: 3 chi thiền khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21.

3- Xả - xả: 3 chi thiền xả thọ ===> 47 tâm xả thọ (trừ 4 đôi thức xả thọ) + 46.

2- **Jhānapaccayā aññamaññe tīṇi** - 3- **Jhānapaccayā nissaye tīṇi**: Câu thứ 2 - câu thứ 3 giống như câu thứ 1.

4- **Jhānapaccayā vipāke dve**: Thiền duyên quả duyên được 2 câu lọc.

4 chi thiền quả (trừ 3 thọ) ===> 52 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 chi thiền quả lạc thọ ===> 52 tâm quả lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 3 chi thiền quả xả thọ ===> 17 tâm quả xả thọ + 34 (trừ tâm sở thọ, hỷ, 2 vô lượng phần).

5- **Jhānapaccayā indriye tīṇi:** Thiền duyên quyền duyên được 3 câu lọc.

Định quyền trong 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) ===> 111 tâm + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

1- Lạc - lạc: Nhất hành trong 62 tâm lạc thọ ===> 62 tâm lạc thọ (trừ tâm thân thức thọ lạc) + 45 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

2- Khổ - khổ: Nhất hành trong 2 tâm sân ===> 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

3- Xả - xả: Nhất hành trong 47 tâm xả thọ (trừ 4 đôi thức xả thọ) ===> 47 tâm xả thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

6- **Jhānapaccayā magge tīṇi:** Thiền duyên đạo duyên được 3 câu lọc.

2 chi đạo: Tầm, nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 2 chi đạo ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 chi đạo ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 2 chi đạo ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

7- **Jhānapaccayā sampayutte tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

8- **Jhānapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

9- **Jhānapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 1.

8 CÁCH TẤU HỢP THIỀN CÂU SANH

(1214)

Phân thành: **2 cách tấu hợp thông thường, 2 cách tấu hợp hữu quyền, 2 cách tấu hợp hữu đạo, 2 cách tấu hợp hữu quyền đạo.**

Phân theo: **Cách tấu hợp vô dị thục, cách tấu hợp hữu dị thục.**

2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

4 chi thiền (trừ 3 thọ) ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti dve.

4 chi thiền quả (trừ thọ) ===> 42 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN[1*]

1- Tấu hợp vô dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

Định quyền ===> 111 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya sampayutta atthi avigatanti dve.

Định quyền quả ===> 42 tâm quả (trừ 10 tâm ngũ song thức) + 36 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 2 câu lọc.

[1] Của Miến không có, nhưng theo hợp lực thì trình bày được.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

2 chi đạo: Tầm, nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya vipāka magga sampayutta atthi avigatanti dve.

2 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân (trừ 15 tâm quả vô nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN ĐẠO

1- Tấu hợp vô dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya indriya magga sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

1 chi đạo: Nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Jhāna sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya magga sampayutta atthi avigatanti dve.

1 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 2 câu lọc.

16- ĐẠO DUYÊN

ĐẠO DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Magge tīṇi)

Pháp đạo duyên trong tam đề thọ gồm có:

9 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân (trừ 18 tâm vô nhân) + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc:

* 9 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm lạc thọ (trừ 3 tâm vô nhân) + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 5 chi đạo tái tục lạc thọ (trừ 3 giới phần, tà kiến) ===> 8 tâm tái tục hữu nhân lạc thọ + 34 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả:

* 9 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ (trừ 14 tâm vô nhân xả thọ) + 46 (trừ tâm sở thọ).

* 5 chi đạo tái tục xả thọ ===> 9 tâm tái tục hữu nhân xả thọ (trừ 2 tâm vô nhân xả thọ) + 31 (trừ tâm sở thọ).

CĂN ĐẠO

(Maggamùlakaư)

ĐẠO HỢP LỰC

(có 11 duyên)

(1215) **Maggapaccayā hetuyā dve... adhipatiyā tīṇi sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi vipāke dve indriye tīṇi jhāne tīṇi sampayutte tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

1- **Maggapaccayā hetuyā dve:** Đạo duyên nhân duyên được 2 câu lọc.

Trí tuệ ===> 79 tâm tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

1- Lạc - lạc: Trí tuệ ===> 50 tâm tam nhân lạc thọ + 36.

2- Xả - xả: Trí tuệ ===> 29 tâm tam nhân xả thọ + 35 (trừ tâm sở thọ, hỷ, trí tuệ).

2- **Maggapaccayā adhipatiyā tīṇi:** Đạo duyên trưởng duyên được 3 câu lọc.

Cần, trí tuệ ===> 84 tâm đồng lực hữu trưởng + 49 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi, pháp làm trưởng).

1- Lạc - lạc: 2 chi đạo ===> 52 tâm đồng lực hữu trưởng lạc thọ + 45 (trừ tâm sở thọ, pháp làm trưởng).

2- Khổ - khổ: Cần ===> 2 tâm sân + 20 (trừ tâm sở thọ, cần).

3- Xả - xả: 2 chi đạo ===> 30 tâm đồng lực hữu trưởng xả thọ + 45 (trừ thọ, pháp làm trưởng).

3- **Maggapaccayā sahajāte tīṇi:** Đạo duyên câu sanh duyên được 3 câu lọc.

9 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 9 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 3 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 9 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

4- **Maggapaccayā aññamaññe tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

5- **Maggapaccayā nissayē tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

6- **Maggapaccayā vipāke dve:** Đạo duyên quả duyên được 2 câu lọc.

8 chi đạo ===> 37 tâm quả (trừ 15 tâm quả vô nhân) + 37 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 8 chi đạo quả lạc thọ ===> 24 tâm hữu nhân lạc thọ + 37 (trừ tâm sở thọ).

2- Xả - xả: 8 chi đạo quả xả thọ ===> 13 tâm hữu nhân xả thọ + 36 (trừ tâm sở thọ, hỷ).

7- **Maggapaccayā indriye tīṇi:** Đạo duyên quyền duyên được 3 câu lọc.

4 chi đạo: Trí tuệ, cần, niệm, nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 4 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 46.

2- Khổ - khổ: 2 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả: 4 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46.

8- **Maggapaccayā jhāne tīṇi:** Đạo duyên thiền duyên được 3 câu lọc.

2 chi đạo: 47 tầm, 103 nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

1- Lạc - lạc: 2 chi đạo lạc thọ ===> 60 tâm hữu nhân lạc thọ + 51 (trừ tâm sở thọ).

2- Khổ - khổ: 2 chi đạo khổ thọ ===> 2 tâm sân + 21 (trừ tâm sở thọ).

3- Xả - xả: 2 chi đạo xả thọ ===> 41 tâm hữu nhân xả thọ + 46 (trừ tâm sở thọ).

9- **Maggapaccayā sampayuttē tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

10- **Maggapaccayā atthiyā tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

11- **Maggapaccayā avigate tīṇi:** Giống như câu thứ 3.

14 CÁCH TẤU HỢP ĐẠO

Phân thành: **2 cách tấu hợp thông thường, 2 cách tấu hợp hữu quyền, 2 cách tấu hợp hữu thiền, 2 cách tấu hợp hữu quyền thiền, 2 cách tấu hợp hữu trưởng quyền, 2 cách tấu hợp hữu nhân quyền, 2 cách tấu hợp hữu nhân trưởng quyền.**

Phân theo: **Cách tấu hợp vô dị thục, cách tấu hợp hữu dị thục.**

2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

9 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya vipāka sampayutta atthi avigatanti dve.

8 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya indriya sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

4 chi đạo ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga sahajāta anññamañña nissaya indriya vipāka sampayutta atthi avigatanti dve.

4 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya jhāna sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

2 chi đạo: Tầm, nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 51 (trừ tâm sở thọ).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga sahajāta anññamañña nissaya vipāka jhāna sampayutta atthi avigatanti dve.

2 chi đạo quả ===> 37 tâm quả hữu nhân + 37 (trừ tâm sở thọ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN THIỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya indriya jhāna sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

1 chi đạo: Nhất hành ===> 103 tâm hữu nhân + 50 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga sahajāta aññamañña nissaya vipāka indriya jhāna sampayutta atthi avigatanti dve.

1 chi đạo quả: Nhất hành ===> 37 tâm quả hữu nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, nhất hành).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *indriya* sampayutta atthi avigatanti tīṇi.

2 chi đạo: 84 cần, 66 trí tuệ ===> 84 tâm đồng lực hữu trưởng + 49 (trừ tâm sở thọ, hoài nghi, pháp làm trưởng).

Được 3 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga *adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka indriya* sampayutta atthi avigatanti dve.

2 chi đạo trong 20 tâm quả hữu trưởng ===> 20 tâm quả siêu thế + 34 (trừ tâm sở thọ, pháp làm trưởng).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga *hetu* sahajāta aññamañña nissaya *indriya* sampayutta atthi avigatanti dve.

1 chi đạo: Trí tuệ ===> 79 tâm tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga *hetu* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka indriya* sampayutta atthi avigatanti dve.

Trí tuệ quả ===> 33 tâm quả tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

2 CÁCH TẤU HỢP
HỮU NHÂN TRƯỞNG QUYỀN

1- Tấu hợp vô dị thục: Magga *hetu adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *indriya* sampayutta atthi avigatanti dve.

Trí tuệ ===> 66 tâm đổng lực tam nhân + 36 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

2- Tấu hợp hữu dị thục: Magga *hetu adhipati* sahajāta aññamañña nissaya *vipāka indriya* sampayutta atthi avigatanti dve.

Trí tuệ ===> 20 tâm Quả siêu thế + 34 (trừ tâm sở thọ, trí tuệ).

Được 2 câu lọc.

17- TƯƠNG ƯNG DUYÊN

TƯƠNG ƯNG DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Sampayutte tyṇi)

Pháp tương ưng duyên trong tam đề thọ gồm có:

121 tâm + 51 (trừ tâm sở thọ) ===> 121 tâm + 51.

1- Lạc - lạc:

* 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

* 8 tâm tái tục lạc thọ + 34 ===> 8 tâm tái tục lạc thọ + 34.

2- Khổ - khổ: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

3- Xả - xả:

* 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

* 11 tâm tái tục xả thọ + 31 ===> 11 tâm tái tục xả thọ + 31.

CĂN TƯƠNG ƯNG

(Sampayuttamūlakaṃ)

TƯƠNG ƯNG HỢP LỰC

(có 13 duyên)

(1217) **Sampayuttapaccayā hetuyā tīṇi... adhipatiyā tīṇi sahajāte tīṇi aññamaññe tīṇi nissaye tīṇi kamme tīṇi vipāke tīṇi āhāre tīṇi indriye tīṇi jhāne tīṇi magge tīṇi atthiyā tīṇi avigate tīṇi.**

2 CÁCH TẤU HỢP TƯƠNG ƯNG CÂU SANH

Cách tấu hợp thứ 1: Sampayutta sahajāta aññamaññā nissaya atthi avigatanti tīṇi.

Cách tấu hợp thứ 2: Sampayutta sahajāta aññamaññā nissaya vipāka atthi avigatanti tīṇi.

Đối với tương ưng hợp lực và cách tấu hợp giống như câu sanh hợp lực và cách tấu hợp. Chỉ thay đổi duyên chánh.

18- HIỆN HỮU DUYÊN

HIỆN HỮU DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Atthiyā tīṇi)

19- VÔ HỮU DUYÊN

VÔ HỮU DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Natthiyā satta)

20- LY KHỨ DUYÊN

LY KHỨ DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Vigate satta)

21- BẤT LY DUYÊN

BẤT LY DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC

(Avigate tīṇi)

Duyên thứ 18 & 21 là hiện hữu duyên và bất ly duyên thì chi pháp, trình bày pli câu phụ đều giống như câu sanh duyên đã được trình bày rồi.

Còn việc trình bày phần yếu tri (pañhāvāra) của duyên thứ 19 & 20 là vô hữu duyên và ly khứ duyên thì giống như vô gián duyên cũng đã trình bày rồi.

Ngay cả **căn hiện hữu** và **căn bất ly** cũng giống như **căn câu sanh**. Và **căn vô hữu** với **căn ly khứ** thì giống như căn vô gián.

Học viên nên xem cách trình bày hợp lực và cách tấu hợp về căn hiện hữu, căn bất ly từ căn câu sanh. Và cách trình bày căn vô hữu, căn ly khứ từ căn vô gián như đã trình bày rồi.

Kết thúc phần yếu tri cách thuận tùng

của tam đề thọ

CÁCH ĐỐI LẬP

(Paccanīyanaya)

CỦA TAM ĐỀ THỌ

Khi Đức Thế Tôn thuyết về cách thuận tùng của phần yếu tri xong rồi, Ngài mới thuyết về cách đối lập tiếp theo như đã trình bày trong tam đề thiện. Ngài thuyết về cách đối lập bằng cách nêu duyên cùng loại hợp lực vào trong nhóm với nhau. Như duyên thuộc giống câu sanh thì gom vào nhóm câu sanh...

Trong tam đề thọ chỉ có 4 nhóm:

1- Nhóm cảnh: Tức cảnh duyên.

2- Nhóm câu sanh: Gồm tất cả duyên thuộc giống câu sanh.

3- Nhóm cận y: Gồm các duyên thuộc cảnh trưởng, giống vô gián và thường cận y duyên.

4- Nhóm nghiệp: Chỉ riêng dị thời nghiệp duyên có mãnh lực yếu. Nếu có mãnh lực nhiều thì gom vào trong cận y duyên.

Rồi đem cả 4 nhóm duyên này gom vào trong câu lọc khác nhau của 9 câu lọc. Trong mỗi câu lọc có những nhóm duyên trực thuộc như sau:

1- Lạc - lạc: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

2- Lạc - khổ: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

3- Lạc - xả: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

4- Khổ - khổ: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

5- Khổ - lạc: Nhóm cảnh, nhóm cận y.

6- Khổ - xả: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

7- Xả - xả: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

8- Xả - lạc: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

9- Xả - khổ: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Tóm lược:

- Nhóm cảnh gom vào được 9 câu lọc.

- Nhóm câu sanh gom vào được 3 câu lọc: Lạc - lạc, khổ - khổ, xả - xả.

- Nhóm cận y gom vào được 9 câu lọc.

- Nhóm nghiệp gom vào được 8 câu lọc trừ khổ - lạc.

Sau đây sẽ trình bày đầy đủ chi pháp của mỗi nhóm duyên trong 9 câu lọc để dẫn chứng như sau:

1- Lạc - lạc: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 63 tâm thọ lạc + 46 ===> 18 tâm dục giới hỷ thọ + 41.

Nhóm câu sanh: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

Nhóm cận y: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

Nhóm nghiệp: Tư hợp trong 4 tâm đại thiện, 4 tâm thiện thiền lạc thọ ===> 6 tâm quả dục giới, 4 tâm quả thiền lạc thọ + 34.

2- Lạc - khổ: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 2 tâm sân + 21.

Nhóm cận y: 31 tâm hiệp thế lạc thọ + 46 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

Nhóm nghiệp: Tư hợp trong 4 tâm tham lạc thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

3- Lạc - xả: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 21 tâm dục giới xả thọ, 2 tâm thông + 41.

(21 = 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm đại quả, 4 tâm tham, 2 tâm si, tâm khai ý môn, 2 tâm quan sát).

Nhóm cận y: 63 tâm lạc thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

Nhóm nghiệp: Tư hợp trong 4 tâm tham, 4 tâm đại thiện lạc thọ ===> 10 tâm quả dục giới xả thọ + 31.

4- Khổ - khổ: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 2 tâm sân + 21.

Nhóm câu sanh: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

Nhóm cận y: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

Nhóm nghiệp: Tư trong 2 tâm sân khổ thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

5- Khổ - lạc: Nhóm cảnh, nhóm cận y.

Nhóm cảnh: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 4 tâm đại thiện, 4 tâm tham lạc thọ + 41.

Nhóm cận y: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

6- Khổ - xả: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 21 tâm dục giới xả thọ, 2 tâm thông + 40.

(21 = 4 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố, 4 tâm đại quả, 4 tâm tham, 2 tâm si, tâm khai ý môn, 2 tâm quan sát).

Nhóm cận y: 3 tâm khổ thọ + 21 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

Nhóm nghiệp: Tư trong 2 tâm (sân) khổ thọ ===> 6 tâm quả bất thiện xả thọ + 9.

7- Xả - xả: Nhóm cảnh, nhóm câu sanh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 21 tâm dục giới xả thọ, 2 tâm thông, 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ + 40.

Nhóm câu sanh: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

Nhóm cận y: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 55 tâm xả thọ + 46.

Nhóm nghiệp: Tư trong 15 tâm xả thọ: 4 tâm tham, 2 tâm si, 4 tâm đại thiện, 5 tâm thiện thiền ===> 21 tâm quả xả thọ + 31.

(21 tâm quả xả thọ = 6 tâm quả bất thiện, 10 tâm quả thiện dục giới, 5 tâm quả thiền).

8- Xả - lạc: Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 18 tâm dục giới hỷ thọ + 41.

Nhóm cận y: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 63 tâm lạc thọ + 46.

Nhóm nghiệp: Tư trong 4 đại thiện xả thọ ===> 4 tâm đại quả, tâm quan sát lạc thọ, tâm thân thức thọ lạc + 32.

9- Xả -khổ : Nhóm cảnh, nhóm cận y, nhóm nghiệp.

Nhóm cảnh: 47 tâm hiệp thế xả thọ + 46 ===> 2 tâm sân + 21.

Nhóm cận y: 55 tâm xả thọ + 46 ===> 3 tâm khổ thọ + 21.

Nhóm nghiệp: Tư trong 4 tâm tham, 2 tâm si xả thọ ===> tâm thân thức thọ khổ + 6.

(1228) **Na hetuyā nava na ārammaṇe nava na adhipatiyā nava na anantare nava na samanantare nava na sahajāte nava na aññamaññe nava na nissaye nava na upanissaye nava na purejāte nava na pacchājāte nava na āsevane nava na kamme nava na vipāke nava na āhāre nava na indriye nava, na jhāne nava na magge nava na sampayutte nava na vippayutte nava no atthiyā nava no natthiyā nava no vigate nava no avigate nava.**

(24 duyên, mỗi duyên được 9 câu lọc)

Việc tính số lượng theo cách đối lập của tam đề thọ cũng có cùng phương pháp tính như tam đề thiện. Học viên nên tự mình trình bày.

Ngay cả theo **cách thuận tùng đối lập** (**anulomapaccanīyanaya**) và **cách đối lập thuận tùng** (**paccanīyānulomanaya**) của tam đề thọ cũng có cùng phương pháp tính số lượng câu lọc giống như cách của tam đề thiện. Học viên hãy tìm hiểu số lượng câu lọc từ pli cuốn 40 điều 1231 ... trở đi.

Kết thúc tam đề thọ vị trí

TAM ĐỀ QUẢ VỊ TRÍ

Trước khi kết thúc bộ Vị Trí phần 2, xin trình bày 24 duyên theo tam đề thứ 3 trong bộ Pháp Tụ là "Tam Đề Quả" bằng nhân duyên theo cách thuận tùng phần yếu tri. Chỉ duy nhất một duyên cũng đủ cho người quan tâm thấy được phương pháp chỉ dẫn để tự mình có thể trình bày. Nếu như học viên hiểu được việc trình bày cả 4 cách trong tam đề thiện và tam đề thọ hoàn chỉnh rồi, thì có thể trình bày tam đề khác nữa cho đến nhị đề vị trí. Bằng cách nương vào chi pháp trình bày trong tam đề và nhị đề đó trong bộ Pháp Tụ làm căn bản.

TAM ĐỀ QUẢ

(Vipākatika)

1- **Vipākā dhammā:** Pháp dị thục quả gồm có 36 tâm quả + 38.

2- **Vipākadhammadhammā:** Pháp nhân tạo cho quả sanh lên gồm có 12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện + 52.

3- **Nevavipākanavipākadhammadhammā:** Pháp phi nhân phi quả gồm có 20 tâm tố + 35, 28 sắc pháp, Níp Bàn.

PHẦN YẾU TRI

(Paṅhāvāra)

CÁCH THUẬN TÙNG

(Anulomanaya)

(Điều pāli thứ 1405)

Hetuyā satta ārammaṇe nava adhipatiyā dasa anantare satta samanantare satta sahajāte ekādasa aññamaññe satta nissaye terasa upanissaye nava purejāte tīṇi pacchājāte tīṇi āsevane dve kamme nava vipāke tīṇi āhāre satta indriye nava jhāne satta magge satta sampayutte tīṇi vippayutte pañca atthiya terasa natthiyā satta vigate satta avigate terasa.

Tiếp theo đây sẽ trình bày cách tính số lượng câu lọc của nhân duyên mà pāli nêu lên rằng:

"Hetuyā satta": Nhân duyên được 7 câu lọc.

1- NHÂN DUYÊN

NHÂN DUYÊN CÓ 7 CÂU LỌC

(Hetuyā satta) (Pāli điều 1354 - 1356)

Pāli: 1- (1356) Vipāko dhammo vipākassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các nhân quả làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục các nhân quả làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

3 nhân quả tái tục ===> 17 tâm tái tục hữu nhân + 35.

Pāli: 2- Vipāko dhammo nevavipākanavipākadhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākā hetu cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các nhân quả làm duyên cho sắc tâm sở sanh bằng nhân duyên.

3 nhân quả ===> 15 sắc tâm quả.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākā hetū kaṭattārūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

3 nhân tái tục cõi ngũ uẩn ===> 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Pāli: 3- Vipāko dhammo vipākassa ca nevavipākanavipākadhammadhammassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và phi quả phi nhân bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các nhân dị thục quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tâm sở sanh bằng nhân duyên.

3 nhân quả ===> 21 tâm quả hữu nhân + 38, 15 sắc tâm.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Trong sát na tái tục các nhân dị thục quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nghiệp bằng nhân duyên.

3 nhân quả tái tục ngũ uẩn ===> 13 tâm tái tục hữu nhân cõi ngũ uẩn + 35, 20 sắc nghiệp tái tục.

Pāli: 4- (1355) Vipākadhammadhammo vipākadhammadhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp nhân tạo ra quả làm duyên cho pháp nhân tạo ra quả bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākadhammadhammā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các pháp nhân tạo ra quả làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng nhân duyên.

3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$.

3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38.

Pāli: 5- Vipākadhammadhammo nevavipākanavipākadhammadhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp nhân tạo ra quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākadhammadhammā hetū cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các pháp nhân tạo ra quả làm duyên cho sắc tâm sở sanh bằng nhân duyên.

3 nhân bất thiện ===> 17 sắc tâm bất thiện.

3 nhân thiện ===> 17 sắc tâm thiện.

Pāli: 6- Vipākadhammadhammo vipākadhammadhammassa ca nevavipākanavipākadhammadhammassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp nhân tạo ra quả làm duyên cho pháp nhân tạo ra quả và pháp phi quả phi nhân bằng nhân duyên.

Câu phụ:

1- Vipākadhammadhammo hetū hetusampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

3 nhân bất thiện ===> 12 tâm bất thiện + 27 $^{-2}$, 17 sắc tâm.

3 nhân thiện ===> 21 tâm thiện + 38, 17 sắc tâm.

Pāli: 7- (1356)
Nevavipākanavipākadhammadhammo nevavipākanavipākadhammadhammassa hetupaccayena paccayo.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng nhân duyên.

Câu phụ:

Nevavipākanavipākadhammadhammā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các nhân của pháp phi quả phi nhân làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tâm sở sanh bằng nhân duyên.

3 nhân tố ===> 17 tâm tố hữu nhân + 35, 17 sắc tâm.

Tóm lược: Pháp nhân duyên trong tam đề quả gồm có:

6 nhân ===> 71 tâm hữu nhân + 52 $^{-2}$, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Phân ra được 7 câu lọc:

Quả - quả, quả - phi quả phi nhân, quả - quả và phi quả phi nhân, nhân - nhân, nhân - phi quả phi nhân, nhân - nhân và phi quả phi nhân, phi quả phi nhân - phi quả phi nhân.

Câu quả: Có 3 câu sau cùng là quả, phi quả phi nhân, quả và phi quả phi nhân.

Câu nhân: Có 3 câu sau cùng là nhân, phi quả phi nhân, nhân và phi quả phi nhân.

Câu phi quả phi nhân: Có 1 câu sau cùng là phi quả phi nhân.

Chú thích: Bộ Vị Trí (Mahāpaṭṭhāna)

Chú thích: Từ "nhân" nghĩa là gì? Nhân bất thiện nói theo chi tiết có số lượng bao nhiêu?

Từ "nhân" nghĩa là làm cho quả danh sắc hiện khởi tăng trưởng nảy nở lên trong cảnh, từ "cảnh" tức tạo sức mạnh cho chính mình bằng thân, ngữ, ý ngoài việc hành động thân, ngữ, ý ra thì cảnh không có gì đặc biệt, như sát na ta đang nghe pháp, tiếng thuyết pháp ấy là cảnh bởi vì tâm, tâm sở đang đi vào kết hợp với tiếng của vị sư. Do đó, nói tóm lại pháp nào mà tâm, tâm sở tiếp nhận được pháp ấy là cảnh, tức làm đối tượng cho ta là mỗi loại mà phải hiểu rằng chính việc làm đối tượng ấy là cảnh, cảnh tức chính việc làm ấy như lúc đang xem kịch, hoặc đang trộm cắp, sát sanh, đang nói dối, nói đâm thọc... tất cả gọi là cảnh, cho nên việc làm cho pháp tương ưng tức tâm, tâm

sở đồng sanh với mình vào biết cảnh hoặc vào trú trong cảnh được vững chắc. Khi quả sanh lên từ các nhân này rồi thì làm cho quả ấy được tăng trưởng nảy nở vững chắc. Nhân bất thiện nói theo chi tiết có số lượng 22 là 8 nhân tham, 2 nhân sân, 12 nhân si.

Chú thích: Dị thời nghiệp (nanakkhaṇikakamma) và đồng sanh nghiệp (sahajātakamma) có mãnh lực khác nhau như thế nào? Đồng sanh nghiệp có mãnh lực làm cho thành tựu hành động, lời nói, suy nghĩ mà không làm cho thành tựu trong việc cho quả hiện khởi, nhưng dị thời nghiệp làm cho thành tựu việc cho quả, như lúc tu tiến minh quán (vipassanā) khi vừa giở chân cùng với việc ghi nhận giở chân, khi nhấc lên thì ghi nhận nhấc lên là đồng sanh nghiệp có mãnh lực làm cho thành tựu trong phận sự nhấc lên mà thôi, nhưng không có năng lực làm cho bất cứ quả nào hiện khởi tiếp theo được. Khi đã làm cho thành tựu giai đoạn này rồi, tiếp theo là dị thời nghiệp lưu giữ ghi nhận biết liên tục trong dòng tâm không cho diệt mất, giống như người đi trong sát na giở chân bước là đồng sanh nghiệp, còn dáng bước đi là dị thời nghiệp lưu giữ, khi giở và biết rằng giở thì đồng sanh nghiệp có năng lực làm cho thành tựu liên tục như vậy, dị thời nghiệp duyên thì lưu giữ hành động này trong dòng tâm liên tục có năng lực nhiều lên rồi cho quả thành đặc trưng riêng (nimitta) khác nhau cho hiện bày lên như tương tự tướng (paṭibhāganimitta)... thì tâm trở thành định (samādhi), các

phiền não cũng lắng yên xuống thì trí tuệ khởi hiện ghi nhận rằng: "Đây là sắc, đây là danh thuộc Danh sắc phân tích tuệ (nāmarūpaparicchedañāṇa) sanh lên hoặc Đạo, Quả sanh lên đây là dị thời nghiệp duyên làm cho nhóm quả này khởi hiện trong hiện tại thì sẽ loại trừ được sự hiểu sai rằng làm tốt không được an lạc, làm xấu cũng không khổ đau nếu hiểu về thường cận y duyên (pakatūpanissayapaccaya) cho hoàn chỉnh thêm nữa thì sẽ chấm dứt hoài nghi về điều nói rằng thực hành tốt không có quả an lạc, thực hành xấu không có quả đau khổ. Tóm lại đồng sanh nghiệp làm cho thành tựu hành động không có năng lực cho quả phát sanh, còn dị thời nghiệp có năng lực cho quả hiện khởi trong thời tục sinh lẫn bình thời bình nhật tức kiếp sống vị lai, sự việc mà chúng ta được sanh làm người trong hiện nay và nhận được cảnh tốt (iṭṭhārammaṇa) như thấy cảnh sắc tốt, nghe tiếng hay cho đến xúc chạm an lạc, đây là dị thời nghiệp sở duyên (nānakkhaṇikakammapaccayuppanna) là quả của dị thời nghiệp năng duyên (nānakkhaṇikakammapaccaya) thuộc kiếp sống quá khứ. Khi chúng ta nhận lãnh quả như vậy từ dị thời nghiệp năng duyên trong kiếp sống quá khứ và tu tiến minh quán thì đây là dị thời nghiệp năng duyên mới trong kiếp sống này khởi hiện cho đến ghi nhận biết rằng danh sắc hay Đạo, Quả như vậy là dị thời nghiệp năng duyên hiện khởi cho quả nhãn tiền trong kiếp sống này nữa, khi chết rồi sanh lên làm chư thiên, nhân loại tiếp tục đây là kiếp sống vị lai mới tiếp theo nữa. Do đó, dị thời nghiệp, nghiệp tích lũy (kammasamaṇgitā), sanh báo nghiệp

(uppajjavedanīyakamma) nghiệp cho quả trong kiếp sống thứ 2 và hậu báo nghiệp (aparāpariyavedaniyakamma) nghiệp cho quả suốt cho đến khi Níp Bàn cùng loại như nhau chỉ khác nhau lời nói. Vào sát na đang tụng kinh, đảnh lễ chư Tăng, viết sách, suy xét, thuyết pháp, học pháp đây là sắc tức sắc đồng sanh với tâm thiện, vào sát na đang đưa súng lên bắn, đang trộm cắp, đang chửi thề, nói dối, nói đâm thọc, nói nhảm nhí đây là sắc đồng sanh với tâm bất thiện nếu tâm bất thiện không hiện khởi thì sắc này cũng sanh lên được. Thường nhiên chúng ta sanh lên trong thế gian thì thiện hay bất thiện sanh lên nhiều hơn, bất thiện hiện khởi nhiều hơn; tâm thiện của chúng ta không khởi hiện riêng biệt từ ác hạnh mà thôi như trong sát na này tâm nào của ngài hiện khởi? Tâm thiện hiện khởi, vì sao? Bởi vì đang nghe ngài giáo thọ sư giảng dạy, vì vậy dị thời nghiệp này sẽ hiện khởi lên từ đồng sanh nghiệp, đồng sanh nghiệp cũng đến từ dị thời nghiệp, nhưng đồng sanh nghiệp làm phận sự rộng hơn dị thời nghiệp chỉ riêng biệt về đổng lực (javana), đối với tâm lộ ngoại trừ đổng lực ra thì tất cả là quả của dị thời nghiệp.

Bất cứ nghiệp nào cũng đều là tâm sở Tư hoặc hành động, lời nói, suy nghĩ nào được phân ra thành 2 loại là tốt (thiện) và không tốt (bất thiện), tốt tức 10 thiện hạnh (sucaritta) và 10 phước nghiệp sự (puññakiriyavatthu) như bố thí, trì giới, tu tiến..., không tốt tức 10 ác hạnh (ducaritta), 10 bất thiện nghiệp đạo (akusalakammapatha),

tâm sở Tư đồng sanh với thiện, bất thiện, đổng lực ấy khi diệt đi thì chỉ còn mãnh lực dư sót lại gọi là nghiệp tích lũy (kammasamaṇgitā) tức mãnh lực đặc biệt nhưng trong nơi đây là dị thời nghiệp duyên này, giống như mãnh lực của lửa từ kính lúp, khi kính hội tụ tia nắng lại thì dần dần lửa sẽ xuất hiện tức quả tích lũy (vipākasamaṇgitā), còn tia nắng được hội tụ lại từ kính tức cảnh giới tích lũy (upaṭṭhānasamaṇgitā) gồm có nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng, Tư đồng sanh với đổng lực thiện, bất thiện là đồng sanh nghiệp trở thành dị thời nghiệp bởi vì Tư (cetanā) đồng sanh với tục sinh, hữu phần, tử, tiếp thâu, quan sát, phán đoán chỉ thuần nhất là đồng sanh nghiệp và tục sinh, hữu phần, tử, tiếp thâu, quan sát này cũng là quả của dị thời nghiệp duyên quá khứ, đối với đồng sanh nghiệp phải nương vào quả của dị thời nghiệp duyên này mới hiện khởi lên được.

Cảnh giới tích lũy sẽ hiện rõ vào sát na cận tử, nhưng theo thông thường khi chưa chết cũng có được giống nhau.

Chú thích: Sát sanh cho 9 loại quả trong thời bình nhật là:

1- Tàn tật.

2- Dung sắc khó nhìn.

3- Sức khỏe yếu kém.

4- Chậm chạp không nhanh nhẹn.

5- Sợ hãi đối với sự chết khi gặp tai nạn.

6- Tự tử hay bị giết.

7- Bệnh tật hoành hành.

8- Tùy tùng suy vong.

9- Đoản thọ.

Khi vào tu tiến minh quán thì bất ngờ 1 điều nào trong 9 điều này xảy đến làm cho khai mở đến nghiệp trong thời quá khứ mà mình đã tạo trong lúc tu tiến để trở thành người tam nhân.

Trộm cắp cho 6 loại quả trong bình nhật:

1- Suy kiệt tài sản.

2- Nghèo khổ.

3- Đói khát.

4- Không được điều như ý muốn.

5- Thất bại trong việc làm ăn.

6- Tài sản tiêu tan do 5 tai họa như tai họa do nước (udakabhaya), tai họa do lửa (aggibhaya), tai họa do trộm cướp (corabhaya), tai họa do vua quan (rājabhaya), tai họa do bão tố (vātabhaya). (gặp phải người không như ý muốn).

Trộm cắp có 2 trường hợp: Nếu tham muốn được của cải là tham nếu không tham muốn được của cải nhưng trộm cắp để trả thù chủ nhân là sân.

Tà dâm cho 11 loại quả trong thời bình nhật:

1- Có nhiều người ghét.

2- Có nhiều người hãm hại.

3- Túng thiếu tài sản.

4- Là người nghèo khổ.

5- Trở thành nữ nhân.

6- Trở thành người bán nam bán nữ.

7- Là người nam trong gia tộc thấp kém.

8- Thường xuyên nhận lấy sự xấu hổ.

9- Thân thể khuyết tật.

10- Nhiều lo lắng bận tâm.

11- Chia ly khỏi người yêu thương.

Khi biết như vậy thì nên từ bỏ bởi vì xếp vào trong 1 điều nào của khổ đế cần phải biết, việc trình bày 12 tâm bất thiện gom vào trong 3 thân ác hạnh này để cho hiểu đến giới thanh tịnh (sīlavisuddhi) như thế nào? Và sẽ chấm dứt khỏi sự vui thích trong sắc và sẽ thoát khỏi hiểm họa (ādinava) của sắc (nhóm này trình bày phân sự sắp xếp thân nghiệp (kāyakammasaṃvidhānakicca) gom vào tư làm cho kinh cảm thân nghiệp).

Nói dối cho 8 loại quả trong bình nhật:

1- Trong kiếp hiện tại nói không rõ ràng.

2- Có răng không ở trạng thái bình thường.

3- Miệng có mùi hôi.

4- Thân thể có hơi nóng.

5- Thân hình không ở mức độ bình thường.

6- Lời nói ngọng nghịu.

7- Có dáng người bần tiện.

8- Tâm quên lãng bởi tinh thần bất định.

Nói đâm thọc cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Tự chỉ trích mình.

2- Bị bậc thiện trí chê bai.

3- Tin đồn không thật lan truyền về mình.

4- Chia cách bạn bè.

Nói thô tục cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Tiêu tan tài sản.

2- Nghe tiếng không vừa lòng.

3- Có thân, ngữ thô thiển.

4- Chết bằng trạng thái hoảng hốt.

Nói lời vô ích cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Là người có lời nói phi pháp (adhammavādī).

2- Không có ai tin tưởng lời nói của mình.

3- Không có uy lực.

4- Tâm bất ổn tinh thần bất định.

(lời nói phi pháp (adhammavādī) ám chỉ đến mình nói sự thật nhưng có một người vu oan rằng không thật)

Tham ác cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Suy giảm tài sản đang có.

2- Tái sanh vào dòng giống thấp kém.

3- Thường hay nhận lấy lời chỉ trích.

4- Thiếu thốn lợi lộc.

(tham ác nếu đủ 2 chi nghiệp đạo thì rơi vào khổ cảnh, nếu không đủ chi thì cho quả trong thời bình nhật)

Sân ác cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Có dung sắc thô xấu.

2- Đoản thọ.

3- Bệnh tật hoành hành.

4- Chết do bị gây tổn thương.

Tà kiến cho 4 loại quả trong thời bình nhật:

1- Xa lìa khỏi ánh sáng của Chánh Pháp.

2- Có trí tuệ thấp kém.

3- Tục sinh vào trong nhóm người mọi rợ.

4- Là người có địa vị không bằng người khác.

Dị Thời Nghiệp Duyên
(nānakkhaṇikakammapaccaya)

Ngài giáo thọ khuyên nhủ rằng khi mở sách ra thấy câu hỏi phân tích rồi giải thích như thế nào? Vì vậy mới nhắc nhở rằng suy xét về 24 duyên trước tiên rằng: Thế nào là căn bản trọng yếu, căn bản như thế nào? Tức năng duyên (paccaya), sở duyên (paccayuppanna) còn nghịch duyên (paccanika) thì không cần phải suy xét cũng được bởi vì không liên quan.

Giải thích: Câu pháp thiện _ câu pháp bất thiện _ câu pháp vô ký là câu gốc (mūla) _ năng duyên (paccaya) _ nhân (hetu), còn câu sau (padāvasāna) là câu ngọn _ sở duyên _ quả cho nên trong dị thời nghiệp duyên này chỉ có 2 câu mà thôi tức câu pháp thiện _ câu pháp bất thiện trợ cho quả là sắc nghiệp khởi hiện, không có thiện trợ cho thiện (kusalo-kusalassa) hay bất thiện trợ cho bất thiện (akusalo_akusalassa) hoặc vô ký trợ cho vô ký (abyākato_ abyākatassa).

Điều trước tiên Tư thiện (kusalacetanā) trong quyển sách này tức 21 tư thiện trong 21 tâm thiện là dị thời nghiệp năng duyên trợ cho 29 tâm quả, 38 tâm sở hiện khởi là dị thời nghiệp sở duyên đề cập như vậy chưa đủ mà phải phân tích pháp ra theo pháp học theo quan điểm nhân sinh (puggādhiṭṭhāna) như 8 tâm đại thiện cho ra 8 tâm quả vô nhân, 8 tâm đại quả là pháp học. Đại thiện như thế nào?

Tức bố thí, trì giới, tu tiến, 10 thiện hạnh, 10 phước nghiệp sự là năng duyên tức nhân làm cho sanh làm người, chư thiên trong thời tục sinh; quả tiếp đến là sự an lạc sung sướng cũng hiện khởi trong thời bình nhật, nhưng phải lấy 26 cõi vào kết hợp bởi vì phạm thiên cũng có nhãn thức, nhĩ thức, tiếp thâu, quan sát là việc lắng nghe Chánh Pháp cho đến sự an lạc trong cõi phạm thiên, đối với nhân loại, chư thiên cũng được hoàn hảo, còn đối với khổ cảnh như loài chó cũng nhận được sự sung sướng an lạc từ chủ nhân thương mến cho dùng vật thực ngon và săn sóc chu đáo cho nên trong thời bình nhật phải lấy hết (trừ 4 cõi vô sắc và cõi vô tưởng). Căn bản trọng yếu trong 24 duyên phải có 3 pháp là năng duyên, sở duyên, nghịch duyên sát na đang học và đọc (thuộc lòng) là đồng sanh nghiệp duyên, lưu giữ sự ghi nhớ, hiểu biết trong dòng tâm là dị thời nghiệp, khi ghi nhớ hiểu biết hoàn chỉnh cho đến có thể nói được, giảng dạy được hoàn chỉnh là quả của dị thời nghiệp.

Ngài giáo thọ sư còn giải thích về dị thời nghiệp duyên này khởi đầu bằng tâm đại thiện nào làm cho chúng sanh hiện khởi trở thành nhân loại, chư thiên có bao nhiêu nhóm? Có 3 nhóm là

Đại thiện tương ưng:

- Bậc thượng: chư thiên, nhân loại tam nhân

- Bậc hạ: chư thiên, nhân loại nhị nhân

Đại thiện bất tương ưng:

- Bậc thượng: chư thiên, nhân loại nhị nhân

- Bậc hạ: chư thiên, nhân loại lạc vô nhân

Tam nhân = phân ra thành 2 là bậc thượng, bậc hạ.

Nhị nhân = phân ra thành 2 là bậc thượng, bậc hạ.

Còn lạc vô nhân (sugati ahetuka) thuộc thiện bậc hạ.

Sự việc sẽ là bậc thượng hay bậc hạ phải nương vào tư hậu (aparacetanā) làm nền tảng, đối với tư tiền, tư hiện thì không quan trọng đây là ám chỉ đến thiện bậc thượng hoặc bậc hạ, nhưng còn tam nhân đồng sanh với trí tuệ, nhị nhân không đồng sanh với trí tuệ thì như thế nào? Ám chỉ đến sát na bố thí có sự suy xét hoặc không, nếu không suy xét mà làm với tánh chất lơ là thì thuộc nhị nhân không đồng sanh với trí tuệ, trong sát na tạo trữ mà suy xét rằng thường nhiên mỗi người chúng ta sanh ra phải có bố thí, trì giới, tu tiến ngang nhau không thể thiếu được là pháp thiết yếu nhất trong đời sống bởi vì chúng sanh có nghiệp là của ta mà tất cả bậc chân nhân như Đức Chánh Đẳng Giác mỗi ngài phải thực hành gọi là nghiệp sở thuộc trí (kammassakatāñāṇa), bố thí, trì giới, tu tiến này có nhiều lợi ích và là nghiệp thiện, không có bệnh hoạn, cho quả an lạc, vô tội và có thể diệt trừ tham, sân, si bằng cách tạm thời (tadaṇga), áp chế (vikkhambhana), sát tuyệt (samuccheda) được.

Một lý khác nữa, minh quán có sự suy xét bố thí mà mình đang xả thí rằng thí chủ là vô thường, vật thí này

cũng vô thường, người thọ thí cũng vô thường hoặc thí chủ chỉ là danh sắc, vật thí cũng chỉ là danh, sắc, hay người thọ thí cũng chỉ là danh – sắc. Tóm lại tất cả cũng là vô thường – khổ - vô ngã như nhau.

Vấn: Chúng ta không từng biết được vô thường – khổ - vô ngã thì lấy đâu để quán xét phải thấy được vô thường, khổ, vô ngã?

Đáp: Không nhất thiết phải thấu triệt tam tướng như bậc Thánh, người chưa từng thấy vô thường, khổ, vô ngã vẫn có thể suy quán được tam tướng: 8 tâm đại thiện được huân tập thuần thục thì 8 tâm quả sẽ sanh, có thể sanh lên làm người tam nhân, và người tam nhân này dù có làm ác hạnh đi chăng nữa vẫn có thể chỉnh đốn sửa đổi một cách mau lẹ ví như ngài Aṅgulimāla, hay quan tể tướng Santati được gọi là người dễ dạy (suvacassa) còn nếu là nhị nhân thì việc từ bỏ những ác hạnh rất khó ví như Đề Bà Đạt Đa (ví dụ Đề Bà Đạt Đa này ngụ ý nói những hành động bất thiện mà Đề Bà Đạt Đa đã tạo thường xuyên trở thành tánh khí khó thay đổi, chứ không phải ý nói Đề Bà Đạt Đa là người nhị nhân).

Đại thiện cũng làm cho sanh làm nhân loại, chư thiên có 3 bậc giống nhau thiện sơ thiền sắc giới làm cho sanh làm phạm thiên có 3 bậc giống nhau do nhân nào? Sanh làm phạm chúng thiên (brahmapārisajjā) bởi vì thỉnh thoảng mới nhập thiền, đôi lúc mới quán xét chi thiền, còn phạm phụ thiên (brahmapurohita) quán xét chi thiền nhiều hơn

chút ít, Đại phạm thiên (mahābrahma) thì nhập thiền, quán xét chi thiền liên tục không dứt, đối với phạm thiên cõi Tịnh cư (suddhavāsa) thì tùy theo quyền như tín, tấn, niệm, định, tuệ.

Chú thích: Thiện trợ cho vô ký bằng đồng sanh nghiệp duyên (kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo).

Kusalo dhammo tức tư thiện dẫn dắt tâm – tâm sở đồng sanh tụng kinh, khi đang tụng thì phỉ lạc sanh khởi diệt đi sự phiền muộn, chán nản làm an tịnh sự phóng tán là kusalassa dhammassa, còn việc chắp tay và tiếng tụng kinh là abyākatassa dhammassa.

Cảnh Duyên

(ārammanapaccaya)

Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo thiện trợ cho vô ký bằng cảnh duyên.

Thiện = 21 tâm thiện, 38 tâm sở.

Vô ký = Tâm khai ý môn, 9 tâm đồng lực tố dục giới, 11 tâm na cảnh, tâm thông tố, tâm quả và tâm tố thức vô biên xứ, tâm quả và tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ, 33 tâm sở.

Thiện làm cảnh duyên trợ cho tâm khai ý môn như suy nghĩ rằng sang năm sẽ xuất gia hoặc sẽ giữ bát quan trai giới hoặc sẽ tu thiền quán và mãnh lực đang tạo trữ thiện pháp đó như thỉnh mời chư Tăng đến cúng dường và đang nghe Pháp hoặc suy nghĩ đến thiện pháp từng kiến tạo từ trước cũng được và chỉ nhắm vào tâm khai ý môn riêng biệt thuần lộ ý môn (suddhamanodvāravithī) mà không phải tâm khai ý môn sanh lên nối tiếp từ ngũ song thức.

Vấn: Tâm khai ý môn sanh lên từ lộ ngũ môn là gì?

Đáp: Tâm phán đoán (voṭṭhabbana).

Thiện làm cho tố dục giới khởi hiện tức suy nghĩ đến tâm thiện của mình đã từng làm trong quá khứ như khi đã thành tựu tuệ giác (bodhiñāṇa) hoặc tác chứng A La Hán, còn thiện của người khác như suy nghĩ đến thiện của ngài Cullapaṇṭhaka đã từng kiến tạo như thế nào và sẽ chứng đắc A La Hán như thế nào trong vị lai thông (anāgataṃa) biết được sự diễn tiến trong tương lai của chúng sanh.

Thiện trợ cho 11 tâm na cảnh khởi hiện tức nhắm vào tâm quan sát làm phận sự na cảnh trong lộ thuần ý môn như suy nghĩ đến bố thí, trì giới, tu tiến đây là pháp thiện mà các bậc chân nhân vui thích tạo trữ thì sự suy nghĩ như vậy là thiện trợ cho đổng lực thiện rồi na cảnh, hữu phần sanh lên tiếp theo, nếu tạo trữ thiện pháp rồi thì có sự phấn chấn như bất cứ ai cũng không sánh bằng ta được, ta tạo trữ thiện pháp nổi bật hơn bạn bè hoặc khởi lên ưu buồn

tiếc nuối đi nữa cũng hiện khởi đồng lực rồi na cảnh, hữu phần sanh lên tiếp theo, đây gọi là thiện trợ cho na cảnh khởi hiện. Trong nơi đây để phân tích cho biết được đường lối của lộ ngũ môn và lộ thuần ý môn duy nhất chỉ nhắm vào lộ thuần ý môn.

Thiện trợ cho tâm thông tố hiện khởi tức thiền giả sanh vào trong 6 tầng trời suy xét đến thiện mà mình đã từng tạo trước kia như thế nào nên mới có tình trạng nương vào.

Tất cả 36 tâm quả nhưng trong nơi đây chỉ lấy 13 tâm, còn lại 23 tâm bởi vì 10 tâm ngũ song thức có 5 cảnh, 2 tâm tiếp thâu có 5 cảnh, 5 tâm quả sắc giới có cảnh pháp nghiệp tướng chế định (paññatti kammanimitta) tâm quả không vô biên xứ có hư không chế định thoát thai từ đề mục hoàn tịnh (kasiṇugghāṭimākāsapaññatti) làm cảnh, tâm quả vô sở hữu xứ có vô hữu chế định (natthibhāvapaññatti) làm cảnh nên mới trừ ra, còn 4 tâm quả siêu thế có Níp Bàn làm cảnh, 3 tâm quan sát hiện khởi theo đường ngũ môn có 5 cảnh làm cảnh, đồng lực hiện khởi nối tiếp cũng có 5 cảnh như nhau và tâm quan sát làm phận sự na cảnh cũng có 5 cảnh, còn tâm quan sát làm phận sự na cảnh theo đường ý môn nối tiếp lộ ngũ cũng có 5 cảnh. Do đó trong nơi đây thiện trợ cho vô ký (kusalodhammo abyākatassa dhammassa) không phải là 5 cảnh trợ cho na cảnh hiện khởi mà là cảnh pháp chơn đế trợ cho hiện khởi.

Tâm quả thức vô biên xứ có thiện không vô biên xứ từng sanh với mình trong kiếp trước, tâm tố thức vô biên

xứ có tâm thiện không vô biên xứ từng sanh với mình trong kiếp này.

Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ có tâm thiện vô sở hữu xứ từng sanh với mình trong kiếp trước, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ có thiện vô sở hữu xứ từng sanh với mình trong kiếp này.

Tổng cộng 4 tâm có lời giải thích trong vấn đáp Jotika.

Hỗ Tương Duyên

(Aññamaññapaccaya)

Trong hỗ tương duyên xiển minh (aññamaññapaccayuddesa) này tóm tắt nội dung có 3 loại là:

4 danh uẩn bình nhật, tục sinh tức 89 tâm, 52 tâm sở đồng sanh trợ giúp lẫn nhau và 4 sắc tứ đại mỗi loại như sắc tâm tứ đại… trợ giúp lẫn nhau, danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn và sắc ý vật trợ giúp lẫn nhau theo hỗ tương duyên.

4 danh uẩn bình nhật, tục sinh tức 89 tâm, 52 tâm sở đồng sanh diễn tiến theo sự đối chiếu lẫn nhau hay 4 sắc tứ đại mỗi loại diễn tiến theo sự đối chiếu lẫn nhau hay danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn và sắc ý vật diễn tiến theo sự đối chiếu lẫn nhau bằng hỗ tương duyên. Sắc tâm, sắc nghiệp tục sinh (trừ sắc ý vật) diễn tiến theo sự đối chiếu với danh uẩn hay tất cả sắc y sinh như bọn sắc tâm y sinh

(cittajaupādārūpa)… cho đến bọn sắc nghiệp y sinh bình nhật (pavattikammajaupādārūpa) diễn tiến theo sự đối chiếu với sắc tứ đại theo hỗ tương duyên.

Chú thích:

Pháp nghịch duyên (paccanika) có 2 loại là:

1- Pháp nghịch duyên nhất định (ekanta).

2- Pháp nghịch duyên bất định (anekanta).

1- Pháp nghịch duyên nhất định là sắc tâm y sinh, sắc nghiệp y sinh tục sinh (trừ sắc ý vật), sắc y sinh ngoại, sắc y sinh vật thực, sắc y sinh nhiệt lượng (utujaupādārūpa), sắc y sinh nghiệp vô tưởng, sắc y sinh nghiệp bình nhật.

Tóm lại: nhóm pháp này là sở duyên không chắc chắn, vì vậy mới là pháp nghịch duyên nhất định.

2- Pháp nghịch duyên bất định là bọn sắc tứ đại tâm, bọn sắc tứ đại nghiệp tục sinh, sắc ý vật tục sinh.

Tóm lại: Vào sát na 4 danh uẩn bình nhật đang làm pháp năng duyên và sở duyên lẫn nhau thì bọn sắc tứ đại tâm không là sở duyên được cho nên mới là pháp nghịch duyên.

Vào sát na 4 danh uẩn tục sinh làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau và 4 danh uẩn tục sinh với sắc ý vật làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, bọn sắc tứ đại nghiệp tục sinh không làm pháp sở duyên được vì vậy mới làm pháp nghịch duyên.

Và vào sát na bọn sắc tứ đại nghiệp tục sinh làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, sắc ý vật tục sinh không làm pháp sở duyên được vì vậy mới là pháp nghịch duyên.

Chú thích: 4 danh uẩn làm năng duyên, sở duyên trợ lẫn nhau trong một sát na, giống như 4 nhà thông thái mỗi vị làm năng duyên trợ giúp lẫn nhau và là sở duyên trợ giúp lẫn nhau, như 1 người làm năng duyên trợ giúp cho 3 người, 3 người làm năng duyên trợ giúp cho 1 người, phải là cùng bọn với nhau như bọn bát thuần (aṭṭhakalāpa) đồng sanh với nhau đồng diệt với nhau gọi là bọn sắc, bọn danh tức 2 tâm nhãn thức, 7 tâm sở biến hành đồng sanh gọi là bọn danh, nghĩa là cùng một nhóm, một bọn.

Năng duyên, sở duyên không có vật thể bên ngoài hay chăng? Có như cây cối, nhà, xe cộ, chủ nhân mọi thứ… Đức Phật cũng không thuyết chối bỏ không có vật thể bên ngoài, vì vậy vật thể bên ngoài cũng có năng duyên, sở duyên như nội phần (ajjhatta), ngoại phần (bahiddha), vật thể hữu thức và vô thức 3 loại này như nhau chỉ khác nhau ngôn ngữ kêu gọi, bằng pāḷi hay theo chơn đế (paramattha).

Bất cứ tất cả vật thể nào trong thế gian nếu không nương vào lẫn nhau thì không thể hiện khởi được.

Vấn: Xin nêu ví dụ cho đúng với thực tánh (sabhāva)?

Đáp: Mỗi loại vật thể trên thế gian có hỗ tương duyên như tấm bảng đen, tấm ván để ngồi, học sinh, cho đến mang giày bởi vì những vật này có bọn bát thuần

(suddhaaṭṭhakalāpa). Từ hỗ tương phải hỗ trợ lẫn nhau, nếu như chỉ hỗ trợ một bên thì không gọi là hỗ tương, hư không thế gian (okāsaloka), pháp hành thế gian (saṇkhāraloka), chúng sanh thế gian (sattavaloka) và tất cả đối tượng hữu thức và vô thức ai là người sáng tạo, ai là người cai quản, 24 duyên là người sáng tạo, là người cai quản, đối tượng hữu thức được 24 duyên, đối tượng vô thức không được trọn vẹn 24 duyên. Trong 24 duyên này năng duyên có bao nhiêu pháp sáng tạo đối tượng hữu thức và vô thức, được 5 loại tức đồng sanh (sahajāta), hỗ tương (aññamañña), y duyên (nissaya), hiện hữu (atthi), bất ly (avigata) trong bọn bát thuần này thì địa đại là pháp quan trọng nhất như nóng lạnh nếu biết được phải có địa đại trợ giúp cho biết được, thủy đại loang chảy và quến tựu như cây cột phải có địa đại, gió chuyển động căng ra phải có địa đại. Đánh nhau, chém nhau, xe đụng nhau, trái bom địa đại cũng lớn trội, mỗi hạt nguyên tử có 8 sắc, gom lại với nhau nhiều hạt cũng lớn thành núi, đây gọi là 8 sắc mỗi sắc này gom lại với nhau nhiều hạt cũng lớn lên, vật thể bên ngoài thì dễ bởi vì chỉ có một bọn bát thuần, nếu nói ra thì được một tiếng nói nữa gọi là bọn thinh cửu sắc (saddanavakakalāpa).

Tóm lại hỗ tương duyên bọn bát thuần tức bọn sắc, 4 danh uẩn tức bọn danh, gom lại cũng có 2 loại tức bọn sắc (rūpakalāpa), bọn danh (nāmakalāpa), vật thể vô thức hoặc bên ngoài chỉ có bọn sắc, vật thể hữu thức hoặc bên trong có cả bọn sắc và bọn danh, vì vậy con búp bê hoặc hình nộm

cũng có mắt, có tai chỉ khác nhau với ngài như thế nào? Khác nhau ở chỗ hữu thức và vô thức, đúng chỉ 1 phần vẫn còn khác nhau nữa như ngài có thần kinh thân, giới tính, ý vật, thần kinh thân có khắp cùng, nếu như nóng, lạnh xúc chạm cũng nhận biết được khắp nơi, sắc tính (bhāvarūpa) có cùng khắp mỗi phần của thân thể như mắt, tai, mũi, trán, má, cánh tay, chân. Ví dụ, ngài Mahosatha họ chặt đầu đem đến cho ngài đoán thì ngài cũng đoán đúng rằng đâu là đầu của nữ nhân, đâu là đầu của nam nhân, còn đối với đối tượng vô thức bên ngoài thì không có nhóm sắc này.

Nếu cần tìm kiếm 24 duyên thì tìm gặp 24 duyên ở đâu? Tìm ở 6 môn nhỏ, 3 môn lớn thì sẽ gặp. Như thấy hoặc nghe thì tạo nghiệp theo đường thân, ngữ và suy nghĩ theo đường tâm, nếu thấy hoặc nghe mà lơ là thì không làm không nói không suy nghĩ, theo đường lối môn nhỏ thì không thành nghiệp, khi đã thấy, đã nghe thì nói năng suy nghĩ mới xếp vào là nghiệp, hành động thiện, nói lời thiện, suy nghĩ thiện là khéo tác ý (yonisomanasikāra) trở thành đổng lực thiện, hành động bất thiện, nói lời bất thiện, suy nghĩ bất thiện là không khéo tác ý (ayonisomanasikāra) là đổng lực bất thiện, thấy như thế nào, nghe như thế nào? Thấy cảnh sắc, nghe cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp như vậy là 24 duyên, rồi hành động, nói năng, suy nghĩ cũng là 24 duyên dù có ai sẽ biết hoặc không biết đi nữa thì luôn là như vậy chỉ không có ai biết mà thôi mới thấy rằng không có. Về sau Đức Chánh Đẳng

Giác là bậc giác ngộ mới thuyết giáo, phân tích khai mở làm cho dễ hiểu, giải thích mở rộng chỗ nông cạn mới cùng nhau hiểu biết được. Như radio, dĩa hát, phi cơ, xe lửa, tàu thuyền đều là có thực tánh (sabhāva), nếu như không có ai có thể sáng chế ra được, về sau khi có người có trí tuệ suy nghĩ nghiên cứu chế tạo ra thì thấy rằng quý trọng người có trí tuệ như vậy theo đường lối thế gian, nếu nói theo chơn đế pháp thì là người lợi tuệ (tikkhapuggala) bởi vì hiểu pháp thực tánh hoàn hảo, cho nên nếu như xu hướng theo đường lối thế gian nhiều thì siêu thế pháp sẽ suy tàn nhưng nếu hướng theo đường lối siêu thế thì hiệp thế pháp sẽ thối giảm.

Hỗ tương duyên đang có ở bộ nào? Trong bộ Pháp Tụ, bộ Phân Tích, bộ Nguyên Chất Ngữ, bộ Nhân Chế Định, bộ Ngữ Tông, bộ Song Đối phải chăng? Không phải. Đang có trong bộ Vị Trí (mahā paṭṭhāna) đối tượng hữu thức và vô thức cũng không vượt khỏi lãnh vực của bộ Vị Trí và 24 duyên này thiết lập ra đối tượng hữu thức và vô thức thiện_bất thiện phải nương vào hành động, lời nói, suy nghĩ và hành động, lời nói, suy nghĩ là 3 môn lớn phải nương vào 6 môn nhỏ.

Trình Bày Quả Duyên Trong Sớ Giải Và Hậu Sớ Giải

1- Cittacetasikā hi catubbihā Tâm, tâm sở có 4 loại là:

a- Saussāhaasaṇtasabhāgā Tâm, tâm sở có thực tánh nỗ lực để làm cho tâm quả hiện khởi nhưng không có sự tĩnh lặng (bất thiện_akusala).

b- Saussāhasantasabhāvā Tâm, tâm sở có thực tánh nỗ lực để làm cho tâm quả hiện khởi nhưng tĩnh lặng (thiện_ kusala).

c- Nirussāhasantasabhāvā Tâm, tâm sở không có thực tánh nỗ lực để làm cho tâm quả hiện khởi nhưng tĩnh lặng (2 tâm khai môn, 36 tâm quả).

d- Nirussāhasantasabhāgā saussāhasantasabhāvā Tâm, tâm sở không có sự nỗ lực để làm cho quả hiện khởi nhưng có thực tánh nỗ lực làm cho thái độ hành vi khởi hiện và có sự tĩnh lặng (thái độ hành vi trong nơi đây ám chỉ đến hành động, lời nói, suy nghĩ (18 tâm đồng lực tố).

2- Tattha akusalacittacetasikā saussāhaasantosabhāvā honti. Kusulā saussāhasantasabhāgā āvajjanadvayavipākā nirussāhasantasabhāgā, avasiṭṭhakariyā pana vipākuppādanabyāpārarahitā nirussāhasantasabhāvā ca honti kiriyāmayacittuppādatāya saussāsahasantasabhāvā ca honti.

Trong tất cả 4 loại đó tất cả tâm, tâm sở bất thiện có thực tánh tâm loan động cần sự nỗ lực (saussāhaasantasabhāvācitta), tất cả tâm, tâm sở thiện có thực tánh tâm tĩnh lặng cần sự nỗ lực (saussāhasantasabhāvācitta), 2 tâm khai môn, 36 tâm quả, tâm sở đồng sanh có thực tánh tâm tĩnh lặng không cần sự nỗ lực (nirussāhasantasabhāvācitta), 18 tâm đổng lực tố cùng tâm sở đồng sanh là thực tánh tĩnh lặng không cần sự nỗ lực và thực tánh tĩnh lặng cần sự nỗ lực.

(Trong maṇīsāramañjusāṭīkā)

3- Ussā hoti kiriyamayacittuppādassa pavatti ākāro veditabbo, yo byāpāroti vuccati na viriyussāho, savāyaṃ yathā asamugghātitānusayānaṃ kariyamayocittuppādesu satisayo sabbhati, na tathā nirānusayānaṃ.

Hành vi sinh diễn của tâm tố nên hiểu là tinh cần (ussāhā) ngài gọi là nỗ lực (byāpāra), chẳng phải nỗ lực do mãnh lực tinh cần, nỗ lực trong tâm tố của người chưa nhổ bỏ tùy miên được vẫn còn dày đặc như thế nào thì đối với người không còn tùy miên không như vậy.

4- Tato eva te santasabhāvā vipākuppādanabyāpākārarahitā va honti kariyamayacittuppādatāya pana ussāhā evāti tatopi visesanatthaṃ nirussāhasantasabhāvenātivuttaṃ.

Từ "ussāha" tức sự tinh cần của tâm, tâm sở đổng lực thiện, bất thiện, tố khởi hiện qua đường thân, ngữ, ý hành

vi đã đề cập này gọi là nỗ lực (byāpāra), sự nỗ lực này không phải là nỗ lực do mãnh lực của tâm sở Cần mà chỉ là mãnh lực do đổng lực thiện, bất thiện, tố mà thôi; hành vi khởi hiện do mãnh lực của đổng lực này vào lúc hiện khởi trong cơ tánh của phàm nhân và các bậc Thánh hữu học cũng có sự nỗ lực làm cho tâm quả sanh lên, còn hành vi khởi hiện do mãnh lực của đổng lực này khi khởi hiện trong cơ tánh của các bậc A La Hán thì không có sự nỗ lực làm cho tâm quả sanh lên mà chỉ có sự tinh cần làm cho hành vi khởi hiện qua đường thân, ngữ, ý.

Điều a _ Giải thích rằng: Khi tâm bất thiện đã hiện khởi qua đường thân thì hiện bày qua 3 thân ác hạnh (kāyaducarita) như đang sát sanh, đang đánh đập, đang trộm cắp, đang tà dâm, qua đường ngữ thì hiện bày qua 4 ngữ ác hạnh (vacīducarita) như đang chửi rủa, đang nói dối, nói thô tục, nói lời vô ích nghĩa là chính sự đang nói ấy nếu dừng nói, ngưng hành động thì không gọi là hiện bày trong nơi đây, qua đường ý thì đang suy nghĩ 3 ác hạnh. Đây gọi là tinh cần nỗ lực làm cho hiện khởi, khi đã tinh cần làm cho hiện khởi bồi thêm thì dẫn đến thành quả hiện khởi tiếp tục nữa tức tử, tục sinh, hữu phần, na cảnh.

Về phần tâm thiện qua đường thân thì biểu hiện sự đảnh lễ, đang đi kinh hành, ghi chép, xem kinh, qua đường ngữ thì tụng kinh, niệm Phật, qua đường ý thì suy xét, thẩm nghiệm việc thiện. Khi tinh cần làm cho hiện khởi như vậy thì vun bồi thêm dẫn đến thành quả hiện khởi tiếp tục

nữa tức tử, tục sinh, hữu phần, na cảnh làm nhân loại, chư thiên, phạm thiên nhưng có sự tĩnh lặng.

Nhưng về phần bất thiện thì không có sự tĩnh lặng như sẽ thấy được từ việc đang cãi nhau, mắng chửi, đánh đập. Đây gọi là không có sự tĩnh lặng. Còn lúc đi kinh hành, ngồi chắp tay nghe thuyết pháp thì hành vi này gọi là tĩnh lặng.

Về phần 2 tâm khai môn, 36 tâm quả không làm cho hành động, lời nói phát ra chi cả mà lặng thinh giống như nằm ngủ và không làm cho bất cứ thành quả nào hiện khởi tiếp tục.

18 tâm đổng lực tố làm cho hiện bày hành động, lời nói, suy nghĩ như bậc A La Hán đang quét sân chùa, đang thuyết pháp, đang viết nếu không có sự nỗ lực thì quét, viết, thuyết pháp được như thế nào? Tuy nhiên không có tục sinh, hữu phần, na cảnh tiếp tục trong kiếp sống vị lai. Trong đổng lực làm cho khởi hiện việc làm, lời nói, suy nghĩ là nỗ lực thông thường của tâm đổng lực phải khởi hiện lên như vậy.

Trong số lượng sắc pháp đồng sanh với nhóm tâm quả này sắc nào thuộc hiện tại của tâm quả, trong thời tục sinh thì chỉ lấy riêng biệt sát na sanh của bọn sắc nghiệp tục sinh mà thôi, còn bọn sắc nghiệp hiện khởi ngay sát na trụ, sát na diệt hoặc bọn sắc nhiệt lượng (utujarūpa) thì không lấy, còn trong thời bình nhật chỉ lấy bọn sắc tâm thôi, bọn sắc nghiệp, bọn sắc nhiệt lượng, bọn sắc vật thực thì không lấy,

sự việc mà không lấy bọn sắc nghiệp, bọn sắc nhiệt lượng, bọn sắc vật thực bởi vì nhóm sắc này không cần nương vào tâm cũng hiện khởi được, cho nên nhóm sắc này mới không là hiện tại của quả duyên, và khi nhập thiền diệt thì bọn sắc nghiệp, bọn sắc nhiệt lượng, bọn sắc vật thực cũng sanh rồi diệt, và trong cõi vô tưởng thì nhóm sắc này cũng hiện khởi nhưng bọn sắc tâm, bọn sắc vật thực không khởi hiện bởi vì bọn sắc tâm sanh lên được phải nương vào tâm vì vậy trong thời bình nhật cũng chỉ lấy duy nhất bọn sắc tâm hiện tại và bọn sắc tâm hiện khởi từ tâm quả này rất yên tịnh chỉ sanh lên thôi được xếp vào trong câu là **thực tánh tâm tĩnh lặng không cần sự nỗ lực (nirussāhaṃ santasabhāvā)**.

Danh Vật Thực Duyên

(nāmaahārapaccaya)

Chú thích: Ví dụ về danh vật thực

Từ vật thực nghĩa là gì? Nghĩa là thực tánh đem đến thành quả hoặc tích lũy thành quả cho phát sanh lên gọi là vật thực, vì vậy trong nơi đây từ xúc, tư, thức đem đến vật thực (āhāra) là thành quả, 3 pháp danh này đem đến vật thực là thành quả như thế nào? Xin ví dụ cụ thể.

Vào sát na đang đọc sách có thực tánh đem đến thành quả của mình có 3 loại như mắt, miệng, tai; mắt có phận sự

giống như tâm nhận biết cảnh vững chắc, miệng đang đọc giống như tư dẫn dắt cho tâm, tâm sở khác làm công việc đối với cảnh, còn tai đang nghe giống như xúc làm cho tâm, tâm sở chạm cảnh, thức đem đến thành quả cho nhận biết nội dung trong sách rằng nội dung tốt hoặc không tốt, nếu sự kiện tốt thì khởi lên vui thích, không tốt thì không vui thích, đây là thành quả hiện khởi tức tất cả tâm sở còn lại cả 3 mắt, miệng, tai này đem đến thành quả cho hiện khởi theo ý muốn của mình như thế nào thì xúc, tư, thức đem đến thành quả như thế đó.

Chú thích: Thế nào gọi là đồng sanh quyền duyên? 8 danh quyền đồng sanh với 21 tâm thiện là đồng sanh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya).

Thế nào gọi là nhân duyên (hetupaccaya) trí tuệ là chi pháp của quyền ấy là nhân duyên.

Thế nào gọi là đồng sanh trưởng duyên (sahajātiādhipatipaccaya) dục, cần, trí tuệ đồng sanh với 21 tâm thiện là hiện thân ý quyền thuộc trưởng duyên.

Thế nào gọi là đồng sanh duyên (sahajātapaccaya)? Năng duyên nào trợ giúp cho sở duyên đồng sanh với mình, duyên đó gọi là đồng sanh.

Thế nào gọi là hỗ tương duyên, 8 danh quyền đồng sanh với 4 danh uẩn trợ giúp hỗ trợ lẫn nhau cho hiện khởi là hỗ tương duyên.

Thế nào gọi là đồng sanh y duyên (sahajātanissapaccaya)? 8 danh quyền là danh pháp trợ giúp ủng hộ bằng thực tánh vững chắc là đồng sanh y duyên.

Thế nào gọi là danh vật thực duyên (nāmaāhārapaccaya)? Xúc, tư và tâm là chi pháp của quyền là danh vật thực duyên.

Thế nào gọi là thiền duyên (jhānapaccaya)? Thọ, nhất hành đồng sanh với 21 tâm thiện là thiền duyên.

Thế nào gọi là đạo duyên (maggapaccaya)? Cần, niệm, nhất hành, trí tuệ đồng sanh với 21 tâm là đạo duyên.

Thế nào gọi là tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)? Duyên nào là tâm, tâm sở thuộc danh pháp làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau thì duyên ấy gọi là tương ưng duyên.

Thế nào gọi là hiện hữu duyên (atthipaccaya), bất ly duyên (avigatapaccaya)? 8 danh quyền đang có ngay sát na trụ và chưa lìa nhau là hiện hữu duyên, bất ly duyên.

Vào sát na 8 chi pháp danh quyền làm năng duyên trợ cho tâm-tâm sở còn lại và sắc tâm làm sở duyên bằng bất tương ưng duyên cũng có, khi đã như vậy thì 8 chi pháp danh quyền làm năng duyên trợ cho tâm- tâm sở còn lại và bọn sắc tâm làm sở duyên, vì sao tương ưng duyên không gom vào được.

Vào sát na 8 chi pháp danh quyền làm năng duyên trợ cho tâm, tâm sở còn lại và sắc tâm làm sở duyên bằng bất

tương ưng duyên cũng có, khi đã như vậy thì tâm, tâm sở còn lại và bọn sắc tâm làm sở duyên thì 8 danh quyền làm năng duyên vì sao bất tương ưng duyên không gom vào được? Phải đặt câu hỏi lên trước.

Thiền Duyên
(jhānapaccaya)

Chú thích: Pháp thiện (kusalo dhammo) là gì? Tức 5 chi thiền hợp trong tâm thiện, 38 tâm sở trợ cho pháp thiện (kusalassa dhammassa) là gì? Tức 21 tâm thiện, 38 tâm sở làm sở duyên, vì vậy chi thiền là thiện năng duyên trợ cho pháp thiện này hiện khởi được theo lối đồng lực thiện ngũ môn và đồng lực thiện trong lộ ý môn như việc bố thí, trì giới, tu tiến, cung kỉnh, phục vụ, thuyết pháp, thính pháp gọi là pháp thiện làm năng duyên trợ cho pháp thiện. Chi thiền tầm làm năng duyên rồi làm sở duyên được không? Được nhưng làm sở duyên của Tứ mà không làm sở duyên cho chính mình được. Sự việc làm sở duyên của Tứ được bởi vì đồng sanh nhau bằng đồng sanh duyên và 5 chi thiền mỗi chi làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau.

Tầm hiện khởi trong tất cả tâm thiện được chăng? Không được. Chỉ lấy được riêng biệt trong 8 tâm đại thiện, tâm sơ thiền sắc giới, sơ thiền Nhập lưu, sơ thiền Nhất lai, sơ thiền Bất lai, sơ thiền A La Hán tổng cộng Tầm đồng

sanh với tâm thiện được 13 tâm. Tứ được bao nhiêu tâm? Được 18 tâm, Hỷ được 19 tâm, Thọ được tất cả tâm, Nhất hành được 21 tâm.

Nhưng nếu không có Tầm làm chi thiền có được chăng? Ví như việc trồng cây lần đầu nương vào hạt giống nhưng khi cây có rễ, có thân thì không cần thiết phải nương vào hạt giống nữa, cây phát triển tốt tươi được do nhờ có nước, có đất, điều này như thế nào thì hành giả cũng không cần Tầm tiếp tục nữa, nên mới đoạn trừ được bằng sự tu tiến, 10 tâm ngũ song thức nói theo thực tánh thì hoàn toàn không có Tầm bởi vì chỉ có sự thấy, sự nghe… mà không có bất cứ phận sự nào nữa.

5 chi thiền làm năng duyên được bao nhiêu cảnh? Được tất cả như cảnh sắc pháp, cảnh danh pháp, cảnh quá khứ, cảnh vị lai, cảnh hiện tại, cảnh hiệp thế, cảnh siêu thế, cảnh Níp Bàn, cảnh chế định và làm sở duyên được tất cả, giống như năng duyên được 79 tâm, 52 tâm sở. Vì sao có cùng một thứ cảnh bởi vì chi thiền là tâm sở khởi hiện với tâm bằng cách đồng sanh nên có cùng một thứ cảnh, sự (kicca), thọ, nhân, môn, vật cũng giống nhau, giai đoạn này phải suy xét đến trạng thái (lakkhaṇa), phận sự (rasa), thành tựu (paccupaṭṭhāna), nhân cận (padaṭṭhāna) của tâm sở và tâm.

Đến giai đoạn phân tích phần câu lọc (pañhāvāra) thì ngài giáo thọ sư không cho mở sách xem nhưng cho suy nghĩ trước năng duyên là gì? Và nghịch duyên cũng sẽ suy nghĩ được rằng thiền duyên có bao nhiêu câu gốc (mūla)

tức pháp thiện trợ cho (kusalo dhammo), pháp bất thiện trợ cho (akusalo dhammo), pháp vô ký trợ cho (abyākato dhammo), có 3 câu ngọn (mūli) tức pháp thiện (kusalassa dhammassa), bất thiện (akusalassa dhammassa), vô ký (abyākatassa) và vô ký trợ cho vô ký (abyākato abyākatassa dhammassa) tổng cộng 7 câu vô ký trợ cho vô ký tức tâm quả, tâm tố. Xin hãy nhận xét tâm làm sở duyên có tâm quả, tâm tố.

Nghiệp quá khứ là mảnh ruộng, tâm tục sinh là hạt giống, tham là nước, sự việc chỉ lấy duy nhất sắc nghiệp tục sinh có lợi ích như thế nào? Có lợi ích trong việc phản bác sắc nghiệp bình nhật bởi vì sắc nghiệp bình nhật giống như cây đã lớn lên không cần phải nương vào hạt giống tâm tục sinh bởi vì có nghiệp quá khứ là mảnh ruộng và tham là nước cho nên nếu có hạt giống, mảnh ruộng và nước thì việc trồng trọt sẽ thuận lợi.

Hoặc một lý khác nữa, sự việc trừ ra sắc nghiệp bình nhật bởi vì lúc nhập thiền diệt thì tâm, tâm sở diệt đi, sắc nghiệp bình nhật vẫn sanh, còn đối với sắc tâm phải nhận được sự trợ giúp từ chi thiền mới khởi hiện lên được, vì sao lấy 52 tâm sở mà không trừ tâm sở là chi thiền bởi vì 1 chi làm năng duyên trợ cho 4 chi hỗ trợ lẫn nhau trong 5 chi. Thiền duyên được bao nhiêu cảnh? Được tất cả. Sự việc được tất cả cảnh giống nhau vì là đồng sanh (sahajāta), thọ, môn cũng như vậy.

Thiền duyên thuộc dục giới, sắc giới, vô sắc giới, siêu

thế. Từ thiền (jhāna) là gì? Tức chú vào cảnh vững chắc. Hoặc một lý khác nữa, thiêu đốt pháp nghịch tức pháp triền cái (nivaraṇa) ám chỉ riêng biệt chi thiền đồng sanh với tâm thiện sắc giới. Làm sao biết được thiền duyên khởi hiện thường luôn trong ta? Biết được trong sát na làm các công việc như trong sát na tụng kinh, thuyết pháp, nghe, viết, học, đi, đứng cho đến chiến tranh, tranh cãi, nếu không có sự tập trung cần thiết vào cảnh thì dù việc bắn, chém giết lẫn nhau cũng không thành.

Đạo Duyên
(maggapaccaya)

Chú thích: Trong đạo duyên vì sao Đức Phật thuyết đến 3 câu Ngài chỉ thuyết một câu sau cùng không được hay sao? Không được. Bởi vì pháp thiện trợ cho pháp thiện (kusalo dhammo kusalassa dhammassa) Ngài dụng ý nhắm đến cả 2 cõi tứ uẩn, cõi tứ ngũ uẩn, còn pháp thiện trợ cho pháp vô ký (kusalo dhammo abyākatassa dhammassa) thì không dụng ý chi cả chỉ là thuyết quảng bá (visāradesanā) nhưng pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký (kusalo dhammo kusalassa) ca abyākatassa ca dhammassa ca) Ngài chỉ lấy riêng biệt cõi ngũ uẩn. Trong duyên này có 3 gốc (mūla), 3 ngọn (mūlī), Vấn: vì sao không có pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng đạo duyên? (kusalo dhammo akusalassa ca maggapaccayena paccaya).

Đáp: Bởi vì là đồng sanh năng duyên và sở duyên trong cùng một tâm, còn về pháp thiện trợ cho pháp bất thiện phải là mỗi tâm.

Một lý khác nữa, việc thuyết về cả 3 cách này để cho chư thiên có sự hiểu về thực tánh rằng: Sự kiện Đức Phật thuyết về pháp thiện (kusalo dhammo) tức chi đạo làm năng duyên là nhân dắt dẫn tâm, tâm sở khác làm việc giữ lấy cảnh vững chắc theo phận sự của mình cho đồng nhất nhau không chồng chéo với tâm, trợ cho pháp thiện (kusalassa dhammassa) diễn tiến theo tuần tự, và pháp vô ký (abyākatassa) tức việc đảnh lễ và phát ra lời là bọn thinh ngữ thập sắc (vacīviññatti saddanavakakalāpa) hoặc bọn thinh ngữ kỳ dị thập tam sắc (vacīviññatti saddalahutāterasadasakakalāpa). Nếu chỉ lời nói mà không có âm thanh thì nhận biết được vấn đề hay chăng? Không nhận biết được. Nếu chỉ có âm thanh mà không có lời nói thì nhận biêt được chăng? Cũng sẽ không nhận biết được.

Nếu chỉ có trí tuệ, tầm, cần, niệm, định, giới phần một tâm sở nào thì sẽ nhận biết được là đạo chăng? Biết rằng là đạo hiệp thế. Nếu hỏi tất cả là đạo (magga) gì? Là siêu thế trong 9 tuệ quán (vipassanāñāṇa). Là đạo được tất cả hay chăng? Được tất cả mọi tuệ, nhưng nếu đạt đến chuẩn bị (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma), chuyển tộc (gotrabhū) thì là lộ đắc đạo (maggavithī) nhưng nếu chưa đạt đến thì là lộ minh quán (vipassanāvithī).

Vấn: Pháp thiện (kusalo dhammo) hiện khởi được trong 4 khổ cảnh được như thế nào?

Đáp: Ví dụ con chó vẫn có thể nhớ đến thiện pháp đã từng làm rồi phát sanh tâm hoan hỷ (tâm thiện) có thể nói lên lời tùy hỷ sādhu (sādhu ở đây là lời phát ra để bày tỏ sự hoan hỷ, mỗi chúng sanh sẽ có cách phát âm khác nhau không nhất định phải là tiếng pāḷi "sādhu" nơi đây trình bày ý chung chung cho dễ hiểu nên sử dụng từ "sādhu").

Tuệ quán khởi hiện cách xa nhau, khởi hiện liền nhau có bao nhiêu tuệ? Khởi hiện liền nhau có 4 tuệ là kinh hãi tuệ (bhayañāṇa), quá hoạn tuệ (adīnavañāṇa), yếm ố tuệ (nibbidāñāṇa), dục thoát tuệ (muñcitukamyatāñāṇa). Không biết rằng tuệ nào sẽ có sự nhận biết ra sao? Nếu sẽ nhận biết trong cả 4 tuệ rằng tuệ nào có thực tánh tâm hiển lộ lên với mình như thế nào thì phải là người chứng đắc Đạo quả một lần trước, trước khi Đạo quả mới sanh lên thì phải chú nguyện rằng "Xin cho kinh hãi tuệ hiện khởi thì khoảng chừng 20-40 phút" và 3 tuệ nữa cũng giống như vậy sẽ biết được rằng mỗi tuệ có sự nhận biết như thế nào, nếu chỉ được Hành xả tuệ (saṇkhārupekkhāñāṇa) thì chú nguyện như vậy cũng được nhưng có thể sẽ không sanh lên không giống như đắc Đạo.

Tà kiến trong thập bất thiện nghiệp trừ ra thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), điên đảo kiến (diṭṭhivipallāsa), 62 tà kiến của bà la môn thì tà kiến còn lại như 3 tà kiến nhất định (niyatamicchādiṭṭhi)... được xếp vào là tà kiến trong bất

thiện nghiệp đạo. Đối với thân kiến, điên đảo kiến gọi là tà kiến cũng được nhưng nhóm tà kiến này không dẫn đến khổ cảnh chỉ thấy sai về sắc, 4 danh uẩn rằng là Ta, Con Ta sai lệch khỏi thực tánh danh sắc thôi nhưng cũng vẫn đúng theo chế định, người vẫn còn là phàm nhân thì đều như nhau, đối với tà kiến nhất định dẫn đến khổ cảnh nhất định thì không trường hợp nào cứu vãn được nhưng sát sanh không cứu vãn được dẫn đến khổ cảnh cũng có, không dẫn đến khổ cảnh cũng có, cứu vãn được là sát sanh thông thường, còn sát sanh thuộc ngũ nghịch đại tội (pañcānantariyakamma) thì không cứu vãn được, cứu vãn được không cứu vãn được cả 2 đều được xếp vào là ác hạnh như nhau. Không cứu vãn (nghiệp nhất định) được thì gọi là ác hạnh (ducarita), còn cứu vãn được (nghiệp bất định) thì không gọi là ác hạnh nếu nói như vậy thì không đúng.

Bất Tương Ưng Duyên
(vippayuttapaccaya)

1- Rupāyatanā tayo pana ārammaṇadhammā kañcāpi vippayuttapaccayā pana na honti kiṃ kāraṇā?

Vấn: 6 cảnh là sắc không đồng sanh với danh pháp nhưng vì sao là bất tương ưng duyên không được?

Đáp: Không nên hoài nghi về 6 cảnh với danh pháp nói

về tương ưng duyên hoặc bất tương ưng duyên bởi vì 5 cảnh là bất tương ưng duyên không được.

2- Arūpino hi khandhā cakkhādīnaṃ vatthūnaṃ abbhananikkhamantā viya uppajjanti tattha asaṇkā hoti, kiṃ nukho ete etehi sampayuttā udāhu vippayuttāti.

4 danh uẩn vào lúc hiện khởi giống như lìa khỏi 5 sắc vật, vì vậy mới là điều đáng hoài nghi rằng 4 danh uẩn với 6 sắc vật này là tương ưng hoặc bất tương ưng. Do đó, Đức Phật mới thuyết rằng vippayuttapaccayo nghĩa là 4 danh uẩn và 6 sắc vật là bất tương ưng.

Chú thích: Trong bất tương ưng duyên này danh làm năng duyên trợ cho danh không được, sắc làm năng duyên trợ cho sắc không được, phải là danh làm năng duyên trợ cho sắc, sắc làm năng duyên trợ cho danh. Đức Phật mới thuyết thành 3 ý nghĩa rằng 1) tâm, tâm sở làm năng duyên trợ cho sắc, 2) Trong cõi ngũ uẩn, tâm, tâm sở làm năng duyên trợ cho sắc ý vật tục sinh, 3) 6 sắc vật làm năng duyên trợ cho 7 thức giới, tất cả bọn sắc tâm còn lại chỉ là đồng sanh bất tương ưng sở duyên mà không là đồng sanh bất tương ưng năng duyên được, chỉ có sắc ý vật mới là đồng sanh bất tương ưng năng duyên được.

Sắc ý vật làm đồng sanh bất tương ưng sở duyên nhận được trợ giúp từ pháp nào? Nhận được sự trợ giúp từ 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn, 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn là đồng sanh sở duyên nhận được sự trợ giúp từ pháp

nào? Nhận được sự trợ giúp từ sắc ý vật, cho nên Đức Phật mới thuyết rằng tâm, tâm sở, sắc tâm, tâm, tâm sở, 6 sắc vật, tâm, tâm sở, bọn sắc nghiệp tục sinh ám chỉ lấy sắc ý vật, còn bọn sắc nghiệp còn lại ngoài ra đó thì trợ giúp ủng hộ cho tâm sanh lên lần sau, tâm sanh lên lần sau trợ giúp ủng hộ cho sắc sanh lên được.

Vì sao pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng đồng sanh bất tương ưng duyên (kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātavippayuttapaccayena paccayo) chỉ lấy thuần nhất bọn sắc tâm; bọn sắc nghiệp, bọn sắc nhiệt lượng (utujarūpa), bọn sắc vật thực khởi hiện ngay sát na sanh của tâm giống như nhau mà vì sao không tính vào? Không tính vào bởi vì nhóm sắc này không khởi hiện cũng không được như nhập thiền diệt (nirodhasamāpatti), còn đối với sắc tâm nếu tâm không sanh thì sắc tâm cũng không sanh lên được, khi tâm diệt thì cũng diệt theo, đối với 3 bọn sắc kia nói theo thực tánh thì không phải là đồng sanh nhưng gọi là đồng sanh theo cách gián tiếp bởi vì chỉ lấy mỗi một tâm thì 3 bọn sắc này cũng sanh lên như vậy hiện khởi ngay sát na đó nhưng chỉ theo thực tánh tâm lộ của sắc thì khởi hiện mãi trở đi.

Còn sắc tục sinh trong sát na tục sinh thì sắc ý vật tục sinh với 4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn với bọn sắc tâm khởi hiện ngay sát na sanh của tâm hữu phần thứ 2 là thực tánh thật, còn sắc ngoài ra không liên quan, đối với bọn sắc tâm hình thành chỉ là để đồng sanh mà không là hỗ

tương được bởi vì 2 bọn sắc này khi tâm sanh lên mới khởi hiện được, và bọn sắc tâm khi tâm diệt thì cũng diệt theo, nếu thiếu tâm thì 2 bọn sắc này cũng không sanh lên được.

6 sắc vật sẽ là vật tiền sanh bất tương ưng (vatthupurejātavippayutta) cho người nhập thiền diệt được chăng? Trong ngày thứ 1-2-3 đến 7 thì không được bởi vì sanh rồi cũng diệt đi, nhưng vào sát na mở mắt ra thì sự thấy, sự nghe chính giai đoạn này là tiền sanh bất tương ưng duyên bởi vì danh pháp hiện tại đã khởi hiện, nhưng vào sát na đang nhập thiền diệt không có danh pháp sanh lên nên không là năng duyên được, vì vậy lúc nhập thiền quả (phalasamapatti) có tâm hay không có?

Vấn: Sắc ý vật thuần nhất là vật tiền sanh bất tương ưng cho tâm quả được hay không?

Đáp: Được, bởi vì tâm quả sanh lên mãi.

Do đó, đặt câu hỏi này không nên đặt chỉ đặt riêng biệt câu hỏi nhập thiền diệt chỉ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân này vào lúc nhập thiền quả cũng không là vật tiền sanh (vatthupurejāta) được, bởi vì không có sự thấy, sự nghe. Tâm nương vào đâu mà sanh lên nhiều nhất? Nương vào sắc ý vật sanh lên nhiều nhất, trừ 14 tâm còn lại 75 tâm nương ý vật hoặc không nương vật, sắc ý vật tốt thì tạo cho tâm thiện sanh lên, nếu ý vật không tốt thì tạo lên tâm bất thiện, tham nương vào sắc ý vật hiện khởi và tham không nương vào sắc ý vật hiện khởi khác nhau như thế nào?

Khác nhau do tham nương vào sắc ý vật hiện khởi trong cõi dục giới rơi vào khổ cảnh vì là phiền não vi phạm thô thiển (vitakkama), nhưng tham trong cõi vô sắc là phiền não bậc trung (pariyuṭṭhāna) không rơi vào khổ cảnh.

Vấn: Tham khởi hiện có gì làm cảnh? Đáp: Có thiền làm cảnh cả tham tương và bất tương ưng.

Trong cõi dục giới cũng có sắc ý vật, trong cõi sắc giới cũng có sắc ý vật nhưng vì sao sân chỉ sanh trong cõi dục giới thuần nhất. Nhân loại là thiền giả ngũ thiền, bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai cho dù đắc được ngũ thiền thì tâm sân cũng sanh lên do tục sinh bằng tâm đại quả, nhưng nếu là phạm thiên thì không có tâm sân bởi vì tục sinh bằng tâm quả sắc giới còn tâm đại quả bất tương ưng trí mà có với bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai, bậc Bất lai, bậc A La Hán thì làm phận sự na cảnh.

1- Định (samādhi), 2- Trí tuệ được xếp vào trong

Thân tùy quán nghiệp xứ (kāyānupassanāsatipatthāna)

Thọ tùy quán nghiệp xứ (vedanānupassanāsatipatthāna)

Tâm tùy quán nghiệp xứ (cittānupassanāsatipatthāna)

Pháp tùy quán nghiệp xứ (dhammānupassanāsatipatthāna)

1- Lau chùi, 2- Tấm bảng đen, khi chạm nhau thành tiếng gom lại thành 3, 1-2 gọi là nhân xúc chạm nhau thì phát sanh quả là tiếng, tiếng là quả khởi hiện cũng tồn tại không

được phải diệt mất, Đức Phật gọi là **sabbe saṇkhārā aniccā** tất cả hành là vô thường. Sự việc tiếng không thể tồn tại được bởi vì là **rūpantītīrūpaṃ** sắc phải tiêu hoại hoặc tan rã tức vô thường, khổ, vô ngã. **Mahābhūtā saddauppādā rūpānaṃ sahajātapaccayena paccayo** 4 sắc tứ đại làm năng duyên trợ cho 24 sắc y sinh bằng mãnh lực đồng sanh duyên, âm thanh là sắc y sinh phải nương vào sắc tứ đại mới khởi hiện lên được, gọi là sắc nhỏ bé dựa vào sắc lớn hoặc nương vào sắc lớn, chính tiếng này là **alambaṇa satti** có mãnh lực vượt trội trợ cho thức giới hiện khởi tức tâm nhĩ thức; tiếng (sắc cảnh thinh) là sở duyên tức quả khởi hiện từ 4 sắc tứ đại và trở lại làm năng duyên là pháp làm nhân trợ cho xúc chạm với thần kinh nhĩ tức sắc y sinh đối chạm nhau với sắc y sinh, như pāḷi: **Saddāyatanaṃ sotaviññāṇadhātuyā taṃ sampayutttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo.**

1- Nhĩ, 2- Thinh, 1-2 xúc chạm nhau khởi lên nhĩ thức là thứ 3 so sánh giống như cha và mẹ giao hợp thì đứa bé chào đời tức nhĩ thức khởi hiện, **sotasaddena sotaviññāṇaṃ puttaṃ vijāyati** (theo trong Kinh) giống như mỗi một gia đình thường sẽ có cả mặt tốt lẫn mặt xấu nếu chỉ nhắm vào mặt tốt còn mặt xấu thì không quan tâm cũng không được, hay ngược lại cũng không được, vấn đề này sẽ chỉ nghe tiếng tốt ở một phương diện cũng không được, được nghe tiếng xấu ở một phương diện cũng không được giống như mỗi một gia đình thì phải có tốt lẫn xấu.

Do đó, thần kinh nhĩ này có 2 loại như **kusalā kusalaṃ kammaṃ kaṭattārūpānaṃ kammapaccayena paccayo** tức thiện nghiệp, bất thiện nghiệp là người sắp xếp sắc nhỏ bé như sắc nghiệp gồm có 1/ màng nhĩ vào thời tục sinh, 2/ với sắc thần kinh tức thần kinh nhĩ là 2, bởi vì nếu được nghe tiếng tốt thì là về phương diện thiện sắp xếp, điển hình như đức vua khi được diện kiến thì bất xứ ai cũng không dám buông ra lời khó nghe. Đây là thiện nghiệp sắp xếp cho màng nhĩ của ngài được nghe tiếng tốt, về phương diện bất thiện thì nghe những lời thô tục, như vậy cũng do bất thiện là pháp sắp đặt cho màng nhĩ bởi vì mình từng tạo bất thiện nên bị họ buông lời mắng chửi như vậy, khi biết được vậy thì gọi là nghiệp sở thuộc trí (kammassakatāñāṇa) trí tuệ biết rằng chúng sanh có nghiệp là của mình nhưng mọi người thì chẳng suy nghĩ được như vậy, khi tiếng đến chạm vào tai như họ chửi thì thay vì suy nghĩ như vậy thì trở lại lao vào tìm người mà họ chửi rằng tại sao mày đến chửi tao rồi lao vào sắc tứ đại với sắc tứ đại là nhân đối đầu với nhân xúc chạm nhau.

1- Lau chùi

2- Tấm bảng đen

-> 2 pháp này là sắc tứ đại với sắc tứ đại chạm nhau cho phát ra tiếng, tiếng này là quả hiện khởi từ sắc tứ đại.

1- Tiếng (âm thanh) -> là cảnh duyên

2- Tai -> là vật tiền sanh duyên

-> 2 pháp này gọi là cha với mẹ giao hợp thì đứa bé ra đời, tức nhĩ thức làm hậu sanh duyên (pacchājātapaccaya) gom lại là 4 pháp.

1- Tấm bảng đen với sự lau chùi là nhân đối với nhân xúc chạm nhau lên thành.

2- Âm thanh là tiếng phát ra.

3- Xúc chạm nhau với thần kinh nhĩ.

4- Khởi hiện nhĩ thức. Tổng cộng 4 pháp.

Nhĩ thức gom vào trong dị thời nghiệp duyên.

Thần kinh nhĩ gom vào trong vật tiền sanh duyên.

Âm thanh tức tiếng gom vào trong cảnh tiền sanh duyên.

Sắc tứ đại với sắc tứ đại xúc chạm nhau gom vào trong thường cận y duyên (pakatūpanissayapaccaya) như **puggalapi upanissaya paccayena paccayo** người cũng là cận y trợ cho được nghe tiếng làm cho sầu muộn khởi hiện, thì nhận biết được rằng thần kinh nhĩ có 2 loại là nghiệp sở thuộc trí, nhĩ thức có 4 loại như vậy gọi là nghiệp sở thuộc chánh kiến (kammassakatāsammādiṭṭhi).

Như đã đề cập ở phần đầu rằng: Định và trí tuệ 2 loại này xếp vào trong thân – thọ - tâm – pháp, vì vậy nhĩ thức này xếp vào trong tâm tùy quán nghiệp xứ khi được nghe thì chớ có thản nhiên hãy mau chóng quán xét rằng trong việc được nghe không phải chỉ có một mình ta mà tất cả

chúng sanh hiện khởi trên thế gian này thường được nghe như nhau, vào sát na quán xét trong sự được nghe ấy là tạm thời định (tadaṇgasamādhi) mà việc được nghe mà chọn lựa chỉ điều tốt thì không được mà phải có cả tốt lẫn xấu mọi người cũng như nhau bởi vì tất cả chúng sanh sanh lên do nghiệp của mình đã tạo.

Tiếng và tai mỗi pháp là sắc y sinh với nhau cả 2 khi xúc chạm nhau giống như bông gòn với bông gòn chạm nhau thì không khởi hiện sự phản dội (paṭikiriyā) mà trở lại sức mạnh càng nhiều hơn cho đến khi rơi xuống (asunīpāta). Việc so sánh như vậy do nhân gì? Bởi vì tham, sân, si khởi hiện ngay tức thì cho đến toàn thân rung rảy nếu tiếng đó là tiếng chửi rủa. Thần kinh nhãn làm y duyên, còn tiếng khi xúc chạm rồi thì chấm dứt được xếp vào trong bất tương ưng duyên bởi vì đã lìa khỏi vẫn còn làm năng duyên trợ cho tham, sân khởi hiện được.

(Tất cả sự việc trên là sự giảng giải của một ngài giáo thọ sư đến từ Miến Điện liên quan việc thuyết về bộ Vị Trí gom vào trong tứ niệm xứ bởi vì ngài uyên bác về bộ Vị Trí (mahāpaṭṭhāna), học viên muốn nghe thì ngài thuyết nhưng lúc có ít thời gian thì thuyết cho nghe vắn tắt vừa đủ)

Việc xuất hiện của Đức Phật không phải xuất hiện trên thế gian để vui chơi hưởng thụ mà xuất hiện để thuyết lên pháp vô thường, khổ, vô ngã của ngũ uẩn để cứu vớt chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử luân hồi bởi vì tất cả chúng sanh say mê và đắm nhiễm nhiều bởi mãnh lực tham, sân, si và

tất cả pháp mà Ngài thuyết nhắm đến là làm cho thoát khỏi luân hồi, nhưng nếu như không thể giáo hóa được thì chỉ dạy để trở thành nhân loại, chư thiên và phạm thiên trước, nếu không như vậy thì tất cả chúng sanh sẽ duy nhất rơi vào trong khổ cảnh mà thôi. Sự việc sanh làm nhân loại như chúng ta đang học với nhau thì vô cùng khó khăn, sự việc mà được như thế này, thế kia bởi vì đã tạo nghiệp thiện quá khứ hoàn hảo, cho nên Đức Phật xuất hiện để đem đến lợi ích tối thượng. Níp Bàn là nơi không có khổ thân khổ tâm nếu như thời gian đó không thể đi được thì hãy mau chóng tích cực tự mình nỗ lực tiếp tục. Sự việc Đức Phật không thuyết tạng Thắng Pháp cho nhân loại trước bởi vì tính từ khi chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác chỉ được 7 năm hoặc 7 hạ, tất cả nhân loại chưa có thể hiểu đến pháp thâm sâu được do còn dính mắc rất nhiều vào pháp chế định nên Ngài chỉ thuyết Tạng Kinh trước bởi vì toàn bộ Tạng Thắng Pháp chủ yếu nhắm đến nội dung pháp phi chúng sanh, phi sanh mạng (nissattanijjīvadhamma) diễn tiến trong bộ Song Đối (yamaka), mẫu đề tam (mātikā), bộ Vị Trí (mahāpaṭṭhāna) ta sẽ thấy được và Ngài không thuyết rằng người nam, người nữ, ta, họ mà chỉ luôn thuyết tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn, vì vậy khó khăn với người có chế định bị bao phủ bởi chế định sẽ không hiểu được dễ dàng cho nên các học viên hãy chú tâm ghi nhận cho tốt trong lúc được chỉ dạy thì sẽ am hiểu thực tánh pháp được dễ dàng giống như vào tu tiến minh quán thật sự, và nhân loại có nhiều công việc mà đến ngồi nghe Đức Phật thuyết

pháp thì không thể ngồi nghe được, nếu gắng gượng thuyết giảng cho đủ thời gian thì họ cũng sẽ cùng nhau thỉnh cầu xin dừng lại bởi vì còn làm công việc nấu ăn nên không thể thuyết được, nên Ngài mới thuyết cho nhóm chư thiên và phạm thiên không có mắc bận công việc và thời gian của chư thiên cũng nhiều hơn. Khi Đức Phật thuyết suốt 3 tháng an cư mùa mưa không ngừng nghỉ.

Vấn: Đức Phật là nhân loại thì sống giống như chư thiên được như thế nào?

Đáp: Đức Phật sống do năng lực của Toàn Giác Trí, đến lúc Ngài ngự xuống đi khất thực ở xứ Kuru. Khi Ngài thuyết pháp tế độ cho Phật mẫu chấm dứt thì Ngài ngự xuống kinh thành Saṇkassa, Đức Phật đến thuyết pháp tóm tắt cho ngài Sārīputta nơi rừng Chandana rồi ngài Sārīputta chỉ dạy cho 500 vị đệ tử bằng cách không quá rộng và không quá hẹp.

(Đây là lời giải thích của một vị giáo thọ sư nữa đến trợ giúp giảng dạy cho học viên nghe để hiểu đến việc thuyết giáo tạng Thắng Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác)

Phận Sự Của Định Gọi Là Tu Tiến Chỉ Tịnh

(samathabhāvanā)

1- Tu tiến chỉ tịnh.

2- Năng lực làm cho việc chỉ dạy pháp học.

3- Năng lực biết được pháp học.

4- Trong lúc học pháp học.

5- Trong lúc thuyết pháp.

6- Trong lúc nghe pháp.

7- Năng lực viết pháp học.

8- Năng lực suy xét pháp học.

9- Năng lực đàm luận pháp tùy theo thời.

Phận Sự Của Trí Tuệ Biết Được Pháp Thực Tánh Gọi Là Tuệ Quán

Có 12 loại:

1- Biết được danh và sắc (Danh sắc phân tích tuệ - nāmarūpapariccheda ñāṇa).

2- Biết được duyên của danh sắc (Duyên đạt tuệ - paccayapariggahañāṇa).

3- Quán xét danh sắc theo vô thường, khổ, vô ngã (Thẩm quán tuệ - samasanañāṇa).

4- Biết được sự sanh diệt của danh sắc (Sanh diệt tuệ - udayabbayañāṇa).

5- Chỉ biết được duy nhất sự diệt của danh sắc (Hoại diệt tuệ - bhaṇgañāṇa).

6- Biết rằng danh sắc là pháp đáng sợ hãi (Kinh hãi tuệ - bhayañāṇa).

7- Biết được danh sắc nguy hại (Quá hoạn tuệ - ādīnavañāṇa).

8- Biết được do nhàm chán danh sắc (Yếm ố tuệ - nibbidāñāṇa).

9- Biết được phương pháp thoát khỏi danh sắc (Dục thoát tuệ - muñcitukamyatañāṇa).

10- Biết được bằng cách quán xét tam tướng lặp lại 1 lần nữa (Trạch quán tuệ - paṭisankhārañāṇa).

11- Biết được bằng sự thản nhiên trong danh sắc (Hành xả tuệ - saṇkhārupekkhāñāṇa).

12- Biết được bằng sự tương ứng với Đạo tuệ sẽ sanh (Thuận thứ tuệ - anulomañāṇa).

Attānañce piyaṃ jaññā Rakkheyya naṃ surakkhitaṃ

Tiṇṇamuññataraṃ yāmaṃ Paṭijaggeyya paṇḍito

Trong Phật Ngôn này phân ta ra thành 3 giai đoạn (vaya)

Ta trong giai đoạn thứ 1, ta ám chỉ đến công việc bởi vì việc làm là căn bản, ta tức tâm được thoải mái là nương vào thân.

Ta trong giai đoạn thứ 2, là ta giữ mình theo lẽ chánh (attasammāpaṇidhi) giữ mình đúng đắn trong 3 thân thiện hạnh tức thập thiện nghiệp đạo bởi vì nếu thực hành ác hạnh thì phải rơi vào khổ cảnh (apāya).

Ta trong giai đoạn thứ 3 là **attadīpā attasaraṇā** hãy tự mình là hòn đảo, tự mình là nơi nương ám chỉ lấy việc tu tiến minh quán.

Duraṃgamaṃ ekacaraṃ asarīraṃ gūhāsayaṃ ám chỉ đến tâm tìm kiếm cảnh rồi diệt đi.

Ye cittaṃ saññamessanti mokkhanti mārabandhanā ám chỉ đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm thu thúc bởi niệm không cho quên lãng chi phối để thoát khỏi trói buộc của ma vương tức lưới ái dục (taṇhājālī), lưới đó như thế nào? Ví như đức tối thượng bồ tát dẫn đầu mang theo nhóm tùy tùng đi học nghiệp nghệ ở nước Takkasilā bị ác ma hóa hiện sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp để cám dỗ nhóm tùy tùng đó cùng nhau dính vào lưới cả.

Thế gian này nóng nảy do lửa thiêu đốt, tất cả các vị còn mê muội say đắm gì nữa? Vì sao không tìm kiếm nơi nương ám chỉ đến mắt nóng, sắc cũng nóng thuyết về bài Kinh giải về lửa đốt cháy (ādittapariyāyasutta).

Hành nhân (saṇkhārahetu), hành quả (saṇkhāraphala).

Hành nhân = thân hành, ngữ hành, ý hành.

Hơi thở ra vô là thân hành (kāyasaṇkhāra), Tầm, Tứ là ngữ hành (vacīsaṇkhāra), Thọ, Tưởng là ý hành (manosaṇkhāra), 3 hành này là pháp vô ký không tốt không xấu, không là phước không là tội nếu tạo tác thì gom vào thì thành phước, tội.

Lời giải thích một số trường hợp trong nhóm đoạn nghi thanh tịnh (kaṃkhāvitaraṇavisuddhi) của ngài giáo thọ sư Tejin bởi vì thấy rằng trùng hợp trong nhóm hàm tận tập yếu (sabbasaṇgaha), chương 7 có 5 uẩn cho nên mới đem vào đề cập trong nơi đây để hiểu về từ "uẩn" (khandha) dịch là nhóm, đống, khối.

Nền tảng trong Phật giáo có 3: Pháp học, pháp hành, pháp thành.

Trong 10 phước nghiệp sự, người thuyết thì được phước thành tựu do thuyết pháp (dhammadesana), về phần người nghe thì được phước thành tựu do thính pháp cho được 5 quả trong hiện tại là:

1- Được nghe điều chưa từng được nghe.

2- Điều nào đã được nghe nhưng chưa hiểu thì sẽ hiểu được.

3- Diệt trừ được hoài nghi về điều đó.

4- Làm cho tri kiến được chín chắn.

5- Tâm được trong sáng.

Quả tương lai được trở thành chư thiên, nhân loại, đắc được Đạo, Quả, Níp Bàn.

Thuyết pháp có 2 loại là:

1- Sammuttidesanā = Thuyết theo chế định.

2- Paramatthadesanā = Thuyết theo chơn đế như uẩn, xứ, giới, đế, tâm, tâm sở, sắc pháp.

Thuyết theo chế định như người nam, người nữ... là chế định, tiếng là cảnh thinh... cũng là chế định. Thuyết theo chơn đế như từ tâm... cũng là chế định vì vậy thì khác nhau như thế nào với thuyết theo chế định bởi vì từ tâm, tâm sở, sắc pháp, uẩn, xứ, giới, đế cũng là chế định cả, nếu như có người phản bác thì họ phản bác đúng không sai, bởi vì họ nhắm vào tên gọi với nhau nhưng về phần người thuyết nói rằng thuyết theo chơn đế thì cũng đúng bởi vì từ tâm này, khi thẩm xét thế nào là tâm thì cũng chỉ là một loại thực tánh "biết cảnh", tất cả 89 tâm hoặc 121 tâm cũng chỉ có duy nhất là biết cảnh, cho nên từ chơn đế ấy tất cả là lời nói theo chế định, chỉ có thực tánh xác chứng là **biết** chính thực tánh **biết** Đức Phật chế định gọi là **tâm**, chế định và chơn đế khác biệt nhau ở thực tánh xác chứng và không có thực tánh xác chứng như danh chơn chế định (vijjamānapaññatti), phi danh chơn chế định avijjamānapaññatti).

Nói tóm tắt chơn đế có 4 loại, nói rộng có 72

Tâm = 1, tâm sở = 52, sắc pháp = 28, Níp Bàn = 1. Tổng cộng 72

Gom 4 pháp chơn đế vào ngũ uẩn

Tâm là thức uẩn, tâm sở là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc thuộc sắc uẩn, Níp Bàn là ngoại uẩn.

Tâm gom lại thành 1 bởi vì có trạng thái duy nhất là biết cảnh, tâm sở không gom lại thành 1 được bởi vì có trạng

thái khác nhau như thọ hưởng cảnh, tưởng nhận ra, xúc đụng chạm, tư thúc đẩy tất cả pháp đồng sanh với mình.

Thức (viññāṇa) + Uẩn (khandha)

Thức biết bằng cách đặc biệt, uẩn là tập hợp, tập hợp 11 loại pháp bằng trí tuệ là quá khứ, vị lai, hiện tại, thô, tế, xa, gần, thù thắng, hạ liệt, trong ta, ngoài ta, tóm lại cái biết hôm nay, ngày mai cũng giống nhau, việc tổng hợp đó dựa trên pháp gì? Dựa trên trí tuệ. Việc **hiểu biết bằng cách đặc biệt của thức uẩn này** được đặt để trên nền tảng trí tuệ như trí tuệ là nơi tụ hội, giai đoạn này là nền tảng của việc thực hành, ví dụ như đi vào tu tiến minh quán ghi nhận thọ của mình rằng sát na này ta cảm giác lạc thọ thì biết rằng lạc thọ, khi minh quán biết như vậy thì hiểu rõ ràng rằng lạc thọ của ta đang cảm giác trong hiện giờ dù cho đức vua, chư thiên, phạm thiên và nhân loại cho đến tất cả loại bàng sanh đi nữa cũng chỉ có một loại không ngoài ra đây, khi trí tuệ gom thọ lại vào trong 30 cõi cũng có giống như vậy. Ai là sự khao khát ước muốn an lạc trở thành đức vua, chư thiên, phạm thiên cũng chấm dứt ngay tức thì, chính đây gọi là thấy thọ trong tất cả thọ tức thấy được hết, thấy trong ta rồi thấy khắp cùng cả người khác.

Uẩn dịch là tập hợp tức tập hợp 11 loại pháp này, ví như ớt được trồng từ thời ông bà ở miền Bắc, miền Nam hay thành thị gom cả 3 nơi lại với nhau thì hình dáng ớt lớn, nhỏ, dài, ngắn, khi gom mọi loại ớt lại từ thời ông bà ở miền Bắc, miền Nam hay thành thị thì ớt lớn, nhỏ, dài,

ngắn cũng có tánh chất của nó duy nhất là cay, tâm cũng giống như vậy khi gom chung lại cũng chỉ có trạng thái thuần nhất biết cảnh cả quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô, tế, thù thắng, hạ liệt, xa, gần đều là một loại như nhau và mỗi một uẩn cũng giống nhau cả, khi trí tuệ gom uẩn lại thì có 11 loại pháp gom lại thành một loại như nhau thức uẩn dựa trên nền tảng của trí tuệ, ái dục ham muốn ớt miền Bắc hoặc miền Nam cũng không còn nữa bởi vì duy nhất có tánh chất cay giống nhau cả, uẩn ngoài thứ uẩn ra cũng được hiểu theo lý này. Tóm lại thì chỉ có khối khổ mà thôi, dù cho bất cứ uẩn nào

(Hãy em trong giáo trình nói về nội dung 5 uẩn thì sẽ rõ ràng hơn về vấn đề 5 uẩn này)

(Dẫn chứng) **Bhedābhāvena nibbānaṃ khandhasaṇgaho nissaṭṭhaṃ**

(yếu hiệp) theo 11 loại trạng thái này không có trong Níp Bàn.

Gom lại 5 uẩn theo 3 thời; bên trong, bên ngoài; thô, tế; hạ liệt, thù thắng; xa, gần.

Thọ 3 thời thì không có hoài nghi, nhưng ngài giáo thọ sư Anuruddha thì chấp nhận rằng Níp Bàn là thù thắng. Như vậy thì đáng hoài nghi, vì sao Níp Bàn lại vượt khỏi 11 trạng thái này, nếu không như vậy thì một loại này thoát khỏi được hết, đáng hoài nghi phần này?

Đáp: Ví dụ giống như từ **mẹ** với từ Níp Bàn thù thắng cũng giống nhau, nhưng cũng có từ **giết mẹ**, trong sát na đứa con gọi là mẹ là tâm sở vô sân tức tâm từ nhưng rồi ngược trở lại nói rằng **giết mẹ** như vậy là sân, do vậy thế gian cao quý rồi trở lại hạ liệt. Trong uẩn thì 11 loại đảo lộn trở lại từ vi tế rồi trở lại thô thiển, từ thù thắng rồi trở lại hạ liệt.

Tâm của bậc Nhập lưu khi chứng đắc Níp Bàn rồi thì phiền não diệt đi không sanh trở lại nữa, cho dù ngài sẽ phải sanh trở lại nữa thì phiền não đã đoạn trừ không có ngày sanh lên được nữa. Do vậy gọi là Níp Bàn thù thắng không đảo lộn trở lại cũng như thế đó, bởi vì 11 trạng thái pháp đang nằm trong phân loại trở đi trở lại, vì vậy 11 trạng thái pháp này không có trong Níp Bàn.

Còn từ **mẹ** rồi trở lại **giết mẹ** đó thì cho dù phạm thiên sắc giới phiền não được vắng lặng một lúc rồi cũng trở lại khổ cảnh nữa, **mẹ** là vô sân tức tâm của phạm thiên rồi cũng trở lại **giết mẹ** giống như việc chết lìa khỏi phạm thiên rồi, nếu không làm thiện rồi cũng rơi vào khổ cảnh, tức nhóm tam nhân mà ngài giáo thọ sư nói rằng tam nhân nếu không làm thiện thì cũng rơi vào khổ cảnh. Đây là trình bày cho thấy rằng thế gian trở đi trở lại như vậy. Níp Bàn không có sự trở đi trở lại như thế gian nên mới thoát khỏi việc tính là uẩn bởi vì uẩn chính là thế gian.

Trong 26 cõi ngũ uẩn thì đồng thời có 5 uẩn nhưng cũng không gọi là người, chư thiên, phạm thiên, vì sao

không gọi là người như vậy người đang ngồi đây không phải là người sao? Đáp: là người chế định, nới chuẩn xác cũng chính là 5 uẩn, bởi vì việc xuất hiện lên của uẩn này mới gọi là uẩn và khi Đức Pật đã giác ngộ thì có phạm thiên đến thỉnh cầu thuyết pháp, chư thiên đến bạch xin Đức Phật thuyết pháp rằng nhân loại cầu mong được nghe kinh 38 pháp hạnh phúc, như vậy cũng đang hoài nghi

Điều này phải nhận biết rằng
- **Tôi** theo chế định, **chúng tôi** theo chế định
- **Tôi** theo thân kiến, **chúng tôi** theo thân kiến

Ví dụ Tôi nóng, tôi là chế định, nóng tức sắc lửa nóng (uṇhatejorūpa). Khi biết như vậy gọi là tôi là chế định, tôi nóng lấy cái nóng cho là tôi như vậy gọi là thân kiến.

Tôi thấy nhà lầu, nhà lầu là cảnh sắc, nhãn thức là tâm thấy. Khi nói rằng tôi thấy nhà lầu thì biết rằng nhà lầu là cảnh sắc vào xúc chạm thần kinh nhãn, nhãn thức cũng thấy, nhưng nếu không dùng từ nói rằng tôi thấy nhà lâu rồi, nếu tôi không thấy thì ai là người thấy, thế thì không sai với sự kêu gọi mà họ nói của thế gian hay chăng? Cũng phải nói rằng tôi thấy nhà lầu nhưng tự nhủ trong tâm đây là sắc, đây là danh, như vậy là theo chế định còn nói rằng ta theo thân kiến thì khi thấy thì lấy chính cái thấy đó là ta.

(Dẫn chứng) **Rūpaṃ attato samanupassati** (bài kinh vô ngã tướng)

Thấy sắc (lửa) là ta (gom vào một trường hợp nào trong 20 thân kiến)

Kiến thanh tịnh (diṭṭhivisuddhi) phân ra thành 2 từ diṭṭhi, visuddhi

(Dẫn chứng về kiến) **nāmarūpato aññho attā dassanto diṭṭhi**.

Gọi là kiến bởi vì thấy rằng ta là khác lìa khỏi danh sắc.

(Dẫn chứng về thanh tịnh) **attamalavisodhanato visuddhi cāti diṭṭhivisuddhi.**

Gọi là thanh tịnh bởi vì tẩy rửa cấu uế của ta cho trong sạch.

Tóm lại quả của việc thuyết pháp rằng việc thực hành phải nương vào pháp học làm nền tảng giống như ta trồng hoa sen trong hồ nhưng hồ hoặc đầm đó không có nước, việc trồng hoa sen cũng không nhớ phải tìm nước đổ vào trong hồ nước thì sẽ trồng hoa sen được như thế nào, thì việc hành cũng phải nương vào pháp học làm nền tảng như thế đó, có một số người nói rằng không hiểu biết sách vở, dù không hiểu biết sách vở cũng phải nghe, việc nghe cũng chính là pháp học, pháp học tức tuệ văn (sutamayapaññā) tức tuệ hiện khởi từ việc nghe.

Appanāsamādhinti (sớ giải vô ngại giải đạo)

Định được phân ra thành 3 loại:

1- Sát na định (khaṇikasamādhi).

2- Cận định (upacārasamādhi).

3- Kiên cố định (appanāsamādhi).

Sát na định tức định hiện khởi trong mỗi sát na tâm

(Dẫn chứng) **Cittakkheṇa cittakkheṇesu uppajjanto khaṇo etassa atthīti khaṇiko**.

Một sát na tâm ám chỉ đến sanh, trụ, diệt (sớ giải vô ngại giải đạo)

(Dẫn chứng) **Sattasu javanesu ekekacittakkhaṇepi pavatto khaṇiko**.

Định khởi hiện trong mỗi sát na tâm đổng lực gọi là sát na định.

1-Sát na định, 2-Cận định, 3-Kiên cố định.

Bởi vì mỗi sát na tâm khởi hiện phải có tâm sở nhất hành thường xuyên đồng sanh, nếu như chúng ta không quan tâm đới với sát na định, nhưng chỉ quan tâm với cận định, kiên cố định, vấn đề này so sánh giống như vị trưởng giả có một chục triệu đồng tiền vàng do y cất giữ mỗi lần một đồng tiền suốt như thế nào, thì sát na định nếu chúng ta tích lũy thường xuyên thì trở thành cận định, kiên cố định. Sát na định như thế nào, ví dụ như chúng ta suy nghĩ đến núi vàng hoặc con cái thì tâm chúng ta liên tưởng khắn khít về vấn đề đó, một sát na gọi là sát na định bởi vì tâm sở nhất hành đồng sanh với mỗi tâm.

(Dẫn chứng) **Na hi khaṇikasamadhi vinā vipassanā sambhavati**.

Phận sự minh quán không lìa khỏi sát na định được

phận sự minh quán (vipassanādhura) bắt buộc phải nương vào sát na định (sớ giải vô ngại giải đạo).

Ký hiệu của 4 danh uẩn — Ký hiệu sắc uẩn

1-Thọ uẩn, 2-Tưởng uẩn, — Sắc ý vật tục sinh sắc nghiệp

3- Hành uẩn, 4- Thức uẩn — còn lại

Vào sát na tục sinh (phần uẩn)

Một gốc (ekamūla)		Hai gốc (dvimūla)		Ba gốc (timūla)		Bốn gốc (catumūla)	
Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên
1	2,3,4,5,6	1,2	3,4,5,6	1,2,3	4,5,6	1,2,3,4	5,6
2	1,3,4,5,6	1,3	2,4,5,6	1,2,4	3,5,6		
3	1,2,4,5,6	1,4	2,3,5,6	1,2,5	3,4		
4	1,2,3,5,6	1,5	2,3,4	2,3,4	1,5,6		
5	1,2,3,4	2,3	1,4,5,6	2,3,5	1,4		
		2,4	1,3,5,6	3,4,5	1,2		
		2,5	1,3,4	4,1,5	2,3		
		3,4	1,2,5,6	5,2,3	1,4		
		3,5	1,2,4				
		4,5	1,2,3				

Dấu hiệu 4 sắc tứ đại

1-Địa đại, 2- Thủy đại, 3-Hỏa đại, 4-Phong đại } Dấu hiệu của sắc y sinh 5-sắc y sinh

Một gốc (ekamūla)		Hai gốc (dvimūla)		Ba gốc (timūla)		Bốn gốc (catumūla)	
Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên
1	2,3,4,5	1,2	3,4,5	1,2,3	4,5	1,2,3,4	5
2	1,3,4,5	1,3	2,4,5	1,2,4	3,5		
3	1,2,4,5	1,4	2,3,5	2,3,4	1,5		
4	1,2,3,5	2,3	1,4,5	3,1,4	2,5		
		2,4	1,3,5				
		3,4	1,2,5				

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....5
BỘ VỊ TRÍ PHẦN 2.....25
6 PHẦN TRONG TAM ĐỀ THIỆN.....26
I PHẦN LIÊN QUAN.....32
1- CÁCH THUẬN TÙNG.....36
1- NHÂN DUYÊN.....36
2- CẢNH DUYÊN.....46
3- TRƯỞNG DUYÊN.....49
4- VÔ GIÁN DUYÊN.....57
5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN.....57
6- CÂU SANH DUYÊN.....57
7- HỖ TƯƠNG DUYÊN.....67
8- Y CHỈ DUYÊN.....71
9- CẬN Y DUYÊN.....72
10- TIỀN SANH DUYÊN.....72
11- HẬU SANH DUYÊN.....75
12- TẬP HÀNH DUYÊN.....76
13- NGHIỆP DUYÊN.....78
14- QUẢ DUYÊN.....85
15- VẬT THỰC DUYÊN.....87

16- QUYỀN DUYÊN 91
17- THIỀN DUYÊN 95
18- ĐẠO DUYÊN 97
19- TƯƠNG ƯNG DUYÊN 98
20- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN 99
21- HIỆN HỮU DUYÊN 109
22- VÔ HỮU DUYÊN 109
23- LY KHỨ DUYÊN 109
24- BẤT LY DUYÊN 110
Tóm lược 110
NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN 111
PHẦN LIÊN QUAN 115
2- CÁCH THUẬN TÙNG 115
1- PHI NHÂN DUYÊN 116
2- PHI CẢNH DUYÊN 121
3- PHI TRƯỞNG DUYÊN 126
4- PHI VÔ GIÁN DUYÊN 134
5- PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN 134
6- PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN 135
7- PHI CẬN Y DUYÊN 139
9- PHI TIỀN SANH DUYÊN 139
10- PHI HẬU SANH DUYÊN 146
10- PHI TẬP HÀNH DUYÊN 146
11- PHI NGHIỆP DUYÊN 148
12- PHI QUẢ DUYÊN 151
13- PHI VẬT THỰC DUYÊN 158

14- PHI QUYỀN DUYÊN.....160
15- PHI THIỀN DUYÊN.....161
16- PHI ĐẠO DUYÊN.....163
17- PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....167
18- PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....167
19- PHI HIỆN HỮU DUYÊN.....171
20- PHI BẤT LY DUYÊN.....171
PHI NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN.....172
PHẦN LIÊN QUAN.....177
3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP.....177
1- NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN.....178
2- NHÂN DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN.....182
PHẦN LIÊN QUAN.....184
4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG.....184
PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN.....185
II- PHẦN CÂU SANH.....188
III- PHẦN DUYÊN.....190
1- CÁCH THUẬN TÙNG.....193
1- NHÂN DUYÊN.....193
2- CẢNH DUYÊN.....205
3- TRƯỞNG DUYÊN.....211
4- VÔ GIÁN DUYÊN.....222
5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN.....223
6- CÂU SANH DUYÊN.....223
7- HỖ TƯƠNG DUYÊN.....228
8- Y CHỈ DUYÊN.....232

9- CẬN Y DUYÊN 232
10- TIỀN SANH DUYÊN 232
11- TẬP HÀNH DUYÊN 238
12- NGHIỆP DUYÊN 240
13- QUẢ DUYÊN 245
14- VẬT THỰC DUYÊN 248
15- QUYỀN DUYÊN 251
16- THIỀN DUYÊN 254
17- ĐẠO DUYÊN 256
18- TƯƠNG ƯNG DUYÊN 257
19- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN 257
20- HIỆN HỮU DUYÊN 271
21- VÔ HỮU DUYÊN 272
22- LY KHỨ DUYÊN 272
23- BẤT LY DUYÊN 272
PHẦN DUYÊN 274
2- CÁCH ĐỐI LẬP 274
1- PHI NHÂN DUYÊN 275
2- PHI CẢNH DUYÊN 280
3- PHI TRƯỞNG DUYÊN 282
4- PHI VÔ GIÁN DUYÊN & 286
5- PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN 286
6- PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN 286
7- PHI Y CHỈ DUYÊN 287
8- PHI TIỀN SANH DUYÊN 287
9- PHI HẬU SANH DUYÊN 288

10- PHI TẬP HÀNH DUYÊN.....288
11- PHI NGHIỆP DUYÊN 291
12- PHI QUẢ DUYÊN.....295
13- PHI VẬT THỰC DUYÊN 298
14- PHI QUYỀN DUYÊN.....299
15- PHI THIỀN DUYÊN.....300
16- PHI ĐẠO DUYÊN.....301
17- PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....302
18- PHI BẤT TƯƠNG DUYÊN 303
19- PHI VÔ HỮU DUYÊN.....304
20- PHI LY KHỨ DUYÊN.....305
PHẦN DUYÊN.....306
3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP.....306
NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DUYÊN.....307
PHẦN DUYÊN.....311
4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG.....311
PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN.....312
IV- PHẦN Y CHỈ.....316
V- PHẦN HÒA HỢP 318
1 - CÁCH THUẬN TÙNG 320
1- NHÂN DUYÊN 320
2- CẢNH DUYÊN.....323
3- TRƯỞNG DUYÊN 325
4- VÔ GIÁN DUYÊN 328
5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN.....328
6- CÂU SANH DUYÊN.....328

7- HỖ TƯƠNG DUYÊN 329
8- Y CHỈ DUYÊN 329
9- CẬN Y DUYÊN 330
10- TIỀN SANH DUYÊN 330
11- TẬP HÀNH DUYÊN 333
12- NGHIỆP DUYÊN 334
13- QUẢ DUYÊN 335
14- VẬT THỰC DUYÊN 336
15- QUYỀN DUYÊN 336
16- THIỀN DUYÊN 336
17- ĐẠO DUYÊN 337
18- TƯƠNG ƯNG DUYÊN 338
19- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN 338
20- HIỆN HỮU DUYÊN 341
23- BẤT LY DUYÊN 341
21- VÔ HỮU DUYÊN 342
22- LY KHỨ DUYÊN 342
PHẦN HÒA HỢP 343
2- CÁCH ĐỐI LẬP 343
1- PHI NHÂN DUYÊN 344
2- PHI TRƯỞNG DUYÊN 346
3- PHI TIỀN SANH DUYÊN 348
4- PHI HẬU SANH DUYÊN 351
5- PHI TẬP HÀNH DUYÊN 352
6- PHI NGHIỆP DUYÊN 353
7- PHI QUẢ DUYÊN 355

8- PHI THIỀN DUYÊN.....356
9- PHI ĐẠO DUYÊN.....357
10- PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....358
PHẦN HÒA HỢP 362
3- CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP.....362
PHẦN HÒA HỢP 363
4- CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG.....363
Vl- PHẦN TƯƠNG ƯNG 364
Tóm Lược 365
TAM ĐỀ THIỆN BỘ VỊ TRÍ.....368
7- PHẦN YẾU TRI 368
CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP 370
I - CĂN NHÂN 370
1- NHÂN DUYÊN PHI CẢNH DYÊN.....371
2- NHÂN DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN 373
3- NHÂN DUYÊN PHI VÔ GIÁN DUYÊN 377
4- NHÂN DUYÊN PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN.....377
5- NHÂN DUYÊN PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN 378
6- NHÂN DUYÊN PHI CẬN Y DUYÊN.....379
7- NHÂN DUYÊN PHI TIỀN SANH DUYÊN 379
8- NHÂN DUYÊN PHI HẬU SANH DUYÊN 380
9- NHÂN DUYÊN PHI TẬP HÀNH DUYÊN 380
10- NHÂN DUYÊN PHI NGHIỆP DUYÊN 380
11- NHÂN DUYÊN PHI QUẢ DUYÊN 381
12- NHÂN DUYÊN PHI VẬT THỰC DUYÊN.....382
13- NHÂN DUYÊN PHI QUYỀN DUYÊN.....382

14- NHÂN DUYÊN PHI THIỀN DUYÊN 384
15- NHÂN DUYÊN PHI ĐẠO DUYÊN 385
16- NHÂN DUYÊN PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....386
17- NHÂN DUYÊN PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN387
18- NHÂN DUYÊN PHI VÔ HỮU DUYÊN 388
19- NHÂN DUYÊN PHI LY KHỨ DUYÊN 388
24 CÁCH TẤU HỢP VỀ NHÂN 389
1- 9 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG.....389
5 Cách tấu hợp hữu dị thục:.....392
4 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC 395
5 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC 396
9 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN ĐẠO.....396
5 Cách tấu hợp hữu dị thục.....399
4 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC 401
5 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC 402
6 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN ĐẠO....402
3 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC 404
3 CÁCH TẤU HỢP VÔ DỊ THỤC 405
3 CÁCH TẤU HỢP HỮU DỊ THỤC 406
2- CĂN CẢNH.....408
1- CẢNH DUYÊN PHI NHÂN DUYÊN.....409
2- CẢNH DUYÊN PHI TRƯỞNG DUYÊN 410
5 CÁCH TẤU HỢP LINH TINH 413
PHẦN YẾU TRI 419
CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG 419
CĂN PHI NHÂN 421

1- PHI NHÂN DUYÊN CẢNH DUYÊN.....421
2- PHI NHÂN DUYÊN TRƯỞNG DUYÊN 423
TAM ĐỀ THỌ 427
63 Tâm Tương Ưng Lạc.....429
3 Tâm Tương Ưng Khổ.....430
55 Tâm Tương Ưng Xả 430
TAM ĐỀ THỌ 432
PHẦN LIÊN QUAN 432
CÁCH THUẬN TÙNG NHÂN DUYÊN 432
NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC 432
PHẦN LIÊN QUAN CÁCH ĐỐI LẬP.....435
PHI NHÂN DUYÊN.....435
PHI NHÂN DUYÊN CÓ 3 CÂU LỌC 435
CÁCH THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP 438
CÁCH ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG 438
TAM ĐỀ THỌ VỊ TRÍ.....439
PHẦN YẾU TRI CÁCH THUẬN TÙNG.....439
1- NHÂN DUYÊN 440
CĂN NHÂN.....444
NHÂN THỰC TÁNH (có 10 duyên).....444
6 CÁCH NHÂN TẤU HỢP.....446
2- CẢNH DUYÊN 449
CĂN CẢNH.....469
CẢNH THỰC TÁNH (có 2 duyên).....469
TẤU HỢP LINH TINH CẢNH DUYÊN 471
3- TRƯỞNG DUYÊN.....471

CẢNH TRƯỞNG DUYÊN....472
CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN....479
CĂN TRƯỞNG....482
9 CÁCH TẤU HỢP TRƯỞNG DUYÊN....485
8 CÁCH TẤU HỢP CÂU SANH....485
2 CÁCH TẤU HỢP DỤC TRƯỞNG....485
2 CÁCH TẤU HỢP TÂM TRƯỞNG....486
2 CÁCH TẤU HỢP CẦN TRƯỞNG....487
2 CÁCH TẤU HỢP THẨM TRƯỞNG....488
4- VÔ GIÁN DUYÊN....489
CĂN VÔ GIÁN....502
3 CÁCH TẤU HỢP VÔ GIÁN LINH TINH....504
5- ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN....504
6- CÂU SANH DUYÊN....505
CĂN CÂU SANH....509
CÂU SANH THỰC TÁNH....509
2 CÁCH TẤU HỢP CÂU SANH....513
7- HỖ TƯƠNG DUYÊN....514
8- CÂU SANH Y DUYÊN....515
9- CẬN Y DUYÊN....515
THƯỜNG CẬN Y DUYÊN....516
CÓ 9 CÂU LỌC....516
CĂN CẬN Y....534
CÂU Y HỢP LỰC....534
5 CÁCH TẤU HỢP LINH TINH CẬN Y....538
10- TẬP HÀNH DUYÊN....539

CĂN TẬP HÀNH 544
TẬP HÀNH THỰC TÁNH 544
CÁCH TẤU HỢP LINH TINH TẬP HÀNH DUYÊN 545
11- NGHIỆP DUYÊN 545
CĂN NGHIỆP 553
NGHIỆP HỢP LỰC 553
4 CÁCH TẤU HỢP NGHIỆP DUYÊN.....556
12- QUẢ DUYÊN.....557
CĂN DỊ THỤC QUẢ 561
DỊ THỤC QUẢ HỢP LỰC 561
1 CÁCH TẤU HỢP DỊ THỤC QUẢ CÂU SANH 564
13- VẬT THỰC DUYÊN 565
CĂN VẬT THỰC 567
VẬT THỰC HỢP LỰC 567
8 CÁCH TẤU HỢP VẬT THỰC CÂU SANH.....570
2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG 570
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NGHIỆP.....571
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN.....571
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN.....572
14- QUYỀN DUYÊN.....573
CĂN QUYỀN.....574
QUYỀN HỢP LỰC 574
18 CÁCH TẤU HỢP QUYỀN CÂU SANH.....577
2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG 578
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU ĐẠO.....578
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN.....579

2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN ĐẠO.....580
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU VẬT THỰC 580
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG VẬT THỰC.....581
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG ĐẠO 581
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN ĐẠO 582
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN TRƯỞNG ĐẠO.....583
15- THIỀN DUYÊN.....584
CĂN THIỀN 585
THIỀN HỢP LỰC 585
8 CÁCH TẤU HỢP THIỀN CÂU SANH 587
2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG 587
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN*.....588
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU ĐẠO.....589
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN ĐẠO.....589
16- ĐẠO DUYÊN.....590
CĂN ĐẠO 592
ĐẠO HỢP LỰC 592
14 CÁCH TẤU HỢP ĐẠO.....595
2 CÁCH TẤU HỢP THÔNG THƯỜNG 595
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN.....596
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU THIỀN.....596
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU QUYỀN THIỀN.....597
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU TRƯỞNG QUYỀN.....597
2 CÁCH TẤU HỢP HỮU NHÂN QUYỀN.....598
2 CÁCH TẤU HỢP 599
HỮU NHÂN TRƯỞNG QUYỀN 599

17- TƯƠNG ƯNG DUYÊN.....599
CĂN TƯƠNG ƯNG 601
TƯƠNG ƯNG HỢP LỰC 601
2 CÁCH TẤU HỢP TƯƠNG ƯNG CÂU SANH.....601
18- HIỆN HỮU DUYÊN.....602
19- VÔ HỮU DUYÊN.....602
20- LY KHỨ DUYÊN.....602
21- BẤT LY DUYÊN.....602
CÁCH ĐỐI LẬP.....604
CỦA TAM ĐỀ THỌ 604
TAM ĐỀ QUẢ VỊ TRÍ 610
TAM ĐỀ QUẢ.....611
PHẦN YẾU TRI 611
1- NHÂN DUYÊN.....612
Chú thích: Bộ Vị Trí (Mahāpaṭṭhāna).....617
Dị Thời Nghiệp Duyên.....626
Cảnh Duyên.....630
Hỗ Tương Duyên.....633
Trình Bày Quả Duyên 639
Trong Sớ Giải Và Hậu Sớ Giải.....639
Danh Vật Thực Duyên.....643
Thiền Duyên.....646
Đạo Duyên.....649
Bất Tương Ưng Duyên.....652
Phận Sự Của Định Gọi Là Tu Tiến Chỉ Tịnh 662
Phận Sự Của Trí Tuệ Biết Được Pháp Thực Tánh Gọi Là Tuệ Quán.....663

PHƯƠNG DANH HÙN PHƯỚC ẤN TỐNG BỘ VỊ TRÍ II

Cô Tu Nữ Chánh Tịnh

GĐ: Chú Minh, Cô Chi

GĐ: Anh Võ Xuân Quang

GĐ: Cô Lài

GĐ: Cô Tô Thị Phúng

GĐ: Cô Nguyễn Thị Phi Sương

GĐ: Em Nguyễn Thị Kim Ngân

GĐ: Anh Lê Dũng

GĐ: Cô Nguyễn Thị Khu

GĐ: Cô Phúc Huệ Chung

GĐ: Cô Tina Nguyễn

GĐ: Anh Mai Xuân Tâm

GĐ: Cô Vi Thị Nam Hương

GĐ: Cô Phan Thị Ngọc Tuyết

Nhóm: Cô Phạm Thanh Châu

GĐ: Chị Loan Trần

GĐ: Cô Lê Thị Minh Tính

GĐ: Phương Thị Mai

GĐ: Cô Hồng Bùi

GĐ: Cô Kim Cúc

GĐ: Cô Vương Ngọc Trân

GĐ: Cô Thuận Hồ

GĐ: Cô Ngọc Hồ

GĐ: Cô Yến Huỳnh

GĐ: Anh Lê Minh Tuấn

GĐ: Anh Nguyễn Văn Phước

GĐ: Cô Nguyễn Nga

GĐ: Cô Nguyễn Thị Chi

GĐ: Cô Nguyễn Thị Thanh Thủy

GĐ: Cô Đồng Thiên Hương

GĐ: Anh Nguyễn Văn Ánh

GĐ: Anh Hồ Triều Nam

GĐ: Cô Nguyễn Thị Bạch Tuyết

GĐ: Cô Nguyễn Thị Thúy Nhị

GĐ: Cô Hồng Thị Nhơn

GĐ: Cô Ma Thị Nhung

GĐ: Cô Miêng Lộc

GĐ: Anh Nguyễn Văn Mai

Cô Tu Nữ Diệu Bảo

GĐ: Cô Lâm Thị Bích Thủy

GĐ: Cô Trần Thị Hoàn

GĐ: Chú Năm Minh Từ

GĐ: Cô Phương Tâm

Cô Tu Nữ Diệu Bảo

GĐ: Chị Nguyễn Minh Nguyệt

GĐ: Cô Thanh

GĐ: Chị Nguyễn Thùy Trang

GĐ: Cô Huỳnh Thị Định

GĐ: Subhaddā

GĐ: Chị Nguyễn Tâm

GĐ: Nguyễn Thị Diệu Thủy

GĐ: Cô Trầm Ngọc Nhiều

GĐ: Ryan Huỳnh

GĐ: Tịnh Hạnh

IDAṂ ME PUÑÑAṂ
NIBBĀNASSA PACCAYO HOTU

Chúng con thành tâm hoan hỷ và tùy hỷ công đức của Cô, Chú, Anh, Chị đã nhiệt tâm đóng góp tịnh tài để tác phẩm này sớm được thành tựu tốt đẹp.

Với thiện nghiệp nhóm chúng con đã gieo vào Tam Bảo. Nguyện trong vòng sanh hữu cho chúng con duyên lành càng tăng trưởng sớm chứng ngộ Nip-Bàn như ý nghuyện.

SĀDHU! SĀDHU! SĀDHU!

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

GIẢI THÍCH BỘ VỊ TRÍ PHẦN 2
Ngài Saddhamma Jotika; Thượng tọa Khải Minh dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Thượng tọa Chánh Minh
Trình bày: Tịnh Hạnh

Đối tác liên kết:
Thượng Tọa Pháp Nhiên
CHÙA SIÊU LÝ
Địa chỉ: 681/6 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm tại Xí nghiệp In, VPP, bao bì Fahasa, lô B26/II-B27/II đường số 5, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng hòa B, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh. Số XNĐKXB: 3787-2024/CXBIPH/61-155/HĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024. Số QĐXB của NXB: 448/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 11 tháng 10 năm 2024. In xong và nộp lưu chiểu năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-321-106-1.